SỞ Y TẾ TP.HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN TRƯNG VƯƠNG
V/v chào giá các loại VTYTTH - YDC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 5 năm 2023

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gởi: Quý Công ty

Bệnh viện Trưng Vương đang có nhu cầu mua sắm phục vụ chuyên môn của các khoa, nay thông báo đến các công ty cung cấp có đủ năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu tham gia gởi báo giá cung cấp hàng hóa như sau:

1. Chi tiết hàng hóa: Phụ lục danh mục đính kèm
2. Thời gian nhận báo giá từ ngày 23/5/2023 đến ngày 02/6/2023 hoặc đến khi nhận đủ báo giá theo quy định.

Kính mời nhà thầu quan tâm và đáp ứng yêu cầu trên đề nghị liên hệ và gởi bảng chào giá đến Phòng Vật tư thiết bị y tế - Bệnh viện Trưng Vương; số 266 Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TPHCM. Mọi chi tiết xin vui lòng liên hệ ThS.Ks. Bùi Chí Hùng, sđt 0913963606 hoặc Cn. Phạm Thanh Vy, sđt 0772046046.

Trân trọng./.

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN TRƯNG VƯƠNG

BS.CKII. Huỳnh Ngọc Hớn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

BẢNG CHÀO GIÁ VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO – Y DỤNG CỤ NĂM 2023

STT	Mã dùng chung theo QĐ 5086/QĐ-BYT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Phân loại	Phân nhóm	Tính năng kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá	Mã kê khai giá trên cổng thông tin BYT (còn hiệu lực)	Ghi chú

– Hiệu lực của Bảng chào giá là 06 tháng.

Đại diện công ty

❖ ***Ghi chú***: hồ sơ kèm theo bao gồm:
– Cataloge thiết bị.
– Giấy phép bán hàng của Hãng sản xuất hoặc Nhà nhập khẩu hoặc Nhà phân phối chính thức (bản sao công ty).

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN TRUNG VƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO - Y DỤNG CỤ

(Đính kèm Thư mời chào giá số: /BVTV-TTB ngày 23/5/2023)

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
NHÓM 1: BÔNG - BĂNG - GÒN GẠC CÁC LOẠI						
1	Băng cuộn VN 0,09m x 3m	5 cuộn/ bịch	Cuộn	10.000	Băng cuộn y tế là dạng Gạc y tế, được dệt từ sợi cotton 100%, có chỉ số sợi dọc 32s/1 và chỉ số sợi ngang 32s/1.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
2	Băng dán Alginate Calci 10cm x 10cm	Hộp 10 miếng	Miếng	50	Gạc vô khuẩn , siêu thấm hút, cấu tạo từ sợi alginate de calcium, tạo gel trong môi trường ẩm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
3	Băng dán vết thương có gạc 250mm x 90mm	Hộp 20/ miếng	Miếng	500	Sợi polyester nền không đan dệt, co giãn, keo acrylic, lực dính 1.1-4.3 N/cm, có miếng gạc sợi viscose thấm hút , kích thước 45x194 mm phủ lớp chống dính HDPE, khả năng thấm hút ≥ 480 g/m2, mức thoát hơi nước ≥ 500 g/m2/24h, tiệt trùng bằng ethylene oxide.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
4	Băng dính cuộn Urgoderm 10cm x 10m	Hộp/1 cuộn	Cuộn	200	Sợi polyester nền không đan dệt, thông thoáng , co giãn, phủ keo acrylic, lực dính 1,1-4,3 N/cm, thấm hơi nước ≥ 500 g/m2/24h. Có kiểm tra vi sinh	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
5	Băng dính dạng vải không dệt, 10 cm x 10m	1 cuộn/hộp, 30 hộp/thùng	Cuộn	300	Kích thước: 10cm x 10m. Nền keo Acrylate có độ dính tốt, không chứa gốc cao su, ít gây dị ứng. Lớp giấy bảo vệ có đường phân chia.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
6	Băng dùng trong phẫu thuật, phủ iodophor, kháng khuẩn,34 x 35 cm	1 miếng/ gói, 10 miếng/ hộp	Miếng	350	Phân tử Iod phía mặt dưới băng dán có hiệu quả kháng khuẩn suốt 48 giờ. Kích thước sản phẩm: 60cm x 35cm , Kích thước sử dụng: 34cm x 35cm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
7	Băng gạc dạ dày 8 x 17cm	Miếng	Miếng	10.000	Nguyên liệu: Gạc 100% cotton. Bông giữa 2 lớp gạc. Quy cách: 8x17cm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
8	Băng gạc ruột thừa 8 x 12cm	10 miếng/ gói	Miếng	120.000	Gạc y tế, được dệt từ sợi cotton 100%, có chỉ số sợi dọc 32s/1 và chỉ số sợi ngang 32s/1, hoặc làm từ vải không dệt (vải ngấm) 100% polyester/ Rayon,không được ẩm ướt, sợi chắc, mịn, không được có mùi mốc hoặc mùi khác lạ, phải hoàn toàn trắng, không được dùng chất quang sắc, chỉ có sợi bông, không có loại sợi nào khác.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
9	Băng gạc vết thương 6 x 7cm	Miếng	Miếng	80.000	Nguyên liệu: Gạc 100% cotton. Bông giữa 2 lớp gạc. Quy cách: 6x7cm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
10	Băng gạc vô trùng 4,5 x 30 cm, màng film phủ ngoài 9 x 25cm	25 miếng/ hộp, 4 hộp/ thùng	Miếng	5.000	Đóng gói vô trùng riêng từng miếng, bao bì plastic chống thấm nước. Lớp film Polyurethane trong suốt chống thấm nước và vi khuẩn xâm nhập. Chất keo Acrylate ít gây dị ứng cho da và độ dính tốt, không sót keo khi tháo băng. Kích thước: 9cm x 25cm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
11	Băng gạc vô trùng không thấm nước 53x80 mm	Hộp 50 /miếng	Miếng	5.000	Lớp film mỏng bằng màng polyurethane bán thấm, mức thoát hơi nước ≥ 500 g/m2/24h, keo acrylic, trọng lượng kết dính 30 ± 3 g/m2, có miếng gạc thấm hút kích thước 35x29mm phủ lớp chống dính HDPE, tiệt trùng bằng EO.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
12	Băng keo cá nhân	Hộp 100 miếng	Miếng	200.000	Sợi vải đàn hồi: Viscose và polyamide phủ keo oxid kẽm, miếng gạc thấm hút bằng sợi viscose, phủ lớp chống dính polyethylene, thấm hút ≥ 500 % , lực dính 2,2-9,4 N/cm, có kiểm tra vi sinh.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
13	Băng keo cố định kim luồn 6cm x 7cm	Hộp/ 100 miếng	Miếng	300.000	Băng vải có đường xé rãnh chuyên dùng cố định kim luồn, cố định các thiết bị y tế trên da. Chất liệu vải với nền đan không dệt (Elastic Non-woven fabric) co giãn, mềm mại và thông thoáng. Trên lớp giấy bảo vệ có thêm 2 miếng băng dán giúp cố định chắc dây truyền, ống truyền,.. Gạc có tác dụng thấm hút dịch và cố định, che chắn chỗ kim luồn. Keo Acrylic độ dính cao và an toàn cho mọi loại da. Mỗi miếng được tiệt trùng bằng EO và đựng trong một gói riêng biệt.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
14	Băng keo lụa kích thước 2,5 x 5m - Urgosyval 2.5cm x 5m (không hộp)	Hộp 12 cuộn	Cuộn	35.000	Vải lụa Taffeta trắng, 100% sợi cellulose acetate, số sợi 44x19,5 sợi/cm, keo Zinc oxide không dùng dung môi, lực dính 1,8-5,5 N/cm, có kiểm tra vi sinh.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
15	Băng keo Optiskin 100x70	Hộp 50 /miếng	Miếng	3.500	Lớp film mỏng bằng màng polyurethane bán thấm, mức thoát hơi nước ≥ 500 g/m2/24h, keo acrylic, trọng lượng kết dính 30 ± 3 g/m2, có miếng gạc thấm hút kích thước 35x70mm phủ lớp chống dính HDPE, tiệt trùng bằng ethylene oxide,	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
16	Băng thun 2 móc 0,075m x 3m	100 cuộn/ thùng	Cuộn	4.000	Băng thun y tế là sản phẩm dệt từ sợi Polyester và sợi cao su.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
17	Băng thun 3 móc - 10cm x 4,5m	Hộp 30 cuộn	Cuộn	4.000	Băng thun màu trắng, sợi polyester, spendex và sợi cotton, trọng lượng 90 g/m2, co giãn 200%, có kiểm tra vi sinh	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
18	Băng thun 3 móc 0,1m x 3m (4 inch)	100 cuộn/ thùng	Cuộn	500	Băng thun y tế là sản phẩm dệt từ sợi Polyester và sợi cao su.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
19	Băng thun 3 móc 10cm x 5,5m	100 cuộn/ thùng	Cuộn	50	Băng thun y tế là sản phẩm dệt từ sợi Polyester và sợi cao su.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
20	Băng thun cotton có keo 10cm x 4,5m	Hộp 1 cuộn	Cuộn	550	Băng thun màu trắng, cotton 100%, keo Zinc oxide không dùng dung môi, lực dính 2-9 N/cm, co giãn ≥ 90%, có kiểm tra vi sinh.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
21	Băng thun cotton có keo 6cm x 4.5m	Hộp 1 cuộn	Cuộn	32	Băng thun màu trắng, cotton 100%, keo Zinc oxide không dùng dung môi, lực dính 2-9 N/cm, co giãn ≥ 90%, có kiểm tra vi sinh.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
22	Băng thun cotton có keo 8cm x 4.5m	Hộp 1 cuộn	Cuộn	700	Băng thun màu trắng, cotton 100%, keo Zinc oxide không dùng dung môi, lực dính 2-9 N/cm, co giãn ≥ 90%, có kiểm tra vi sinh.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
23	Băng vô trùng trong suốt, 10x12cm	50 miếng/ hộp, 4 hộp/ thùng	Miếng	500	Lớp film Polyurethane trong suốt chống thấm nước và vi khuẩn xâm nhập, rào cản chống virus có đường kính 27nm hoặc lớn hơn (HIV-1 và HBV). Kích thước: 10cm x 12cm. Nền keo Acrylate, độ dính tốt và hạn chế kích ứng da, không sót keo khi tháo băng ra. Khung viền giấy để dễ cầm khi dán băng giúp băng không bị dính vào nhau khi thao tác. Miếng băng dính giấy ghi chú ngày dán băng kèm theo và là miếng băng mồi giúp tháo băng ra dễ dàng.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
24	Băng vô trùng trong suốt, 10x12cm	50 miếng/ hộp, 4 hộp/ thùng	Miếng	200	Lớp film Polyurethane trong suốt chống thấm nước và vi khuẩn xâm nhập, rào cản chống virus có đường kính 27nm hoặc lớn hơn (HIV-1 và HBV). Kích thước: 10cm x 12cm. Nền keo Acrylate, độ dính tốt và hạn chế kích ứng da, không sót keo khi tháo băng ra. Miếng băng dính giấy ghi chú ngày dán băng kèm theo	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
25	Bông không thấm nước	Gói/ 1 kg	Kg	30	Sản xuất từ 100% bông sơ tự nhiên, màu trắng ngà, đã qua quá trình sơ chế, loại bỏ các tạp chất cơ học, làm duỗi và sắp xếp tạo thành tấm bông xốp, mềm , mịn, thuận tiện cho sử dụng.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
26	Gạc 10cm x 10cm (9 lớp)	Gói/ 30 miếng	Miếng	700.000	Dệt từ sợi cotton 100%, có chỉ số sợi dọc 32s/1 và chỉ số sợi ngang 32s/1, không được ẩm ướt, sợi chắc, mịn, không được có mùi mốc hoặc mùi khác lạ, phải hoàn toàn trắng .	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
27	Gạc 10cm x 10cm (9 lớp) cản quang, tiệt trùng	Gói/ 10 miếng	Miếng	150.000	Dệt từ sợi cotton 100%, có chỉ số sợi dọc 32s/1 và chỉ số sợi ngang 32s/1, không được ẩm ướt, sợi chắc, mịn, không được có mùi mốc hoặc mùi khác lạ, phải hoàn toàn trắng, có sợi cản quang đã tiệt trùng bằng khí EO .	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
28	Gạc 10cm x 10cm (9 lớp) tiệt trùng	Gói/ 10 miếng	Miếng	150.000	Dệt từ sợi cotton 100%, có chỉ số sợi dọc 32s/1 và chỉ số sợi ngang 32s/1, không được ẩm ướt, sợi chắc, mịn, không được có mùi mốc hoặc mùi khác lạ, phải hoàn toàn trắng, đã tiệt trùng bằng khí EO .	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
29	Gạc 7,5cm x 7,5cm (8 lớp)	100 miếng/gói	Miếng	300.000	Kích thước: 7,5cm x 7,5cm x 8 lớp. Trọng lượng 25-27 grams/m2. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột, không có Dextrin không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước =< 5 giây. Độ ngậm nước >=5gr nước/1gr gạc. Chất tan trong nước <0.5%. Độ acid, pH: trung tính. Độ trắng: >=80% +/- 10%. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
30	Gạc 7,5cm x 7,5cm (8 lớp) cản quang, tiệt trùng	10 miếng/gói	Miếng	100.000	Kích thước: 7,5cm x 7,5cm x 8 lớp. Trọng lượng 25-27 grams/m2. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột, không có Dextrin không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước =< 5 giây. Độ ngậm nước >=5gr nước/1gr gạc. Chất tan trong nước <0.5%. Độ acid, pH: trung tính. Độ trắng: >=80% +/- 10%. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. Được đóng gói bằng một lớp PE và một lớp bao bì giấy có màu chỉ thị tiệt trùng dùng trong y tế. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. Có sợi cản quang để kiểm tra sót gạc.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
31	Gạc cầu + bông có dây phi 40	2 viên/ bịch	Viên	8.000	Dệt từ sợi cotton 100%, có chỉ số sợi dọc 32s/1 và chỉ số sợi ngang 32s/1, không được ẩm ướt, sợi chắc, mịn, không được có mùi mốc hoặc mùi khác lạ, phải hoàn toàn trắng, không được dùng chất quang sắc, chỉ có sợi bông, không có loại sợi nào khác, đã tiệt trùng bằng khí EO.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
32	Gạc dẫn lưu 0,75cm x 200cm x 4 lớp (Meche tai)	1 miếng/ gói; 500 miếng/ thùng	Miếng	600	Dệt từ sợi cotton 100%, có chỉ số sợi dọc 32s/1 và chỉ số sợi ngang 32s/1,hoặc làm từ vải không dệt (vải ngấm) 100% polyester/ Rayon, không được ẩm ướt, sợi chắc, mịn, không được có mùi mốc hoặc mùi khác lạ, phải hoàn toàn trắng, đã tiệt trùng bằng khí EO .	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
33	Gạc dẫn lưu 2cm x 30cm (6 lớp) (Meche nội soi 2cm x 30cm x (6 lớp))	5 miếng/ gói	Miếng	8.000	Dệt từ sợi cotton 100%, có chỉ số sợi dọc 32s/1 và chỉ số sợi ngang 32s/1,hoặc làm từ vải không dệt (vải ngấm) 100% polyester/ Rayon, không được ẩm ướt, sợi chắc, mịn, không được có mùi mốc hoặc mùi khác lạ, phải hoàn toàn trắng, đã tiệt trùng bằng khí EO .	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
34	Gạc ép sọ não cản quang 1cm x 8cm 4 lớp, tiệt trùng	20 miếng/ gói	Gói	1.000	Sản phẩm làm từ vải không dệt (vải ngấm) 100% polyester/ Rayon, không có mùi, đã tiệt trùng bằng khí EO.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
35	Gạc ép sọ não cản quang 2cm x 8cm 4 lớp tiệt trùng	20 miếng/ gói	Gói	500	Sản phẩm làm từ vải không dệt (vải ngấm) 100% polyester/ Rayon, không có mùi, đã tiệt trùng bằng khí EO.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
36	Gạc lưới Lipido - colloid 15cm x 20cm	Hộp 10 miếng	Miếng	2.000	Gạc lưới Lipido-Colloid, Polyester + Vaseline mắt lưới nhỏ 0,5mm2 , thay băng không đau,có dấu CE trên mỗi sản phẩm, vô khuẩn	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
37	Gạc lưới Lipido - Colloid, lưới polyester, có ion bạc, kích cỡ 15cm x 20cm	Hộp/ 16 miếng	Miếng	400	Gạc lưới Lipido-Colloid, Polyester , TLC- Ag, bạc sulphat 0.5+/- 0.12mg/cm² , vô trùng, tạo gel khi tiếp xúc với vết thương, thay băng không đau.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
38	Gạc lưới Lipido - Colloid, lưới Polyester, có ion bạc, size 10cm x 12cm	Hộp 16 miếng	Miếng	500	Gạc lưới Lipido-Colloid, Polyester , TLC- Ag, bạc sulphat 0.5+/- 0.12mg/cm² , vô trùng, tạo gel khi tiếp xúc với vết thương, thay băng không đau.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
39	Gạc lưới Lipido - Colloid, lưới Polyester, size 10cm x 10cm	Hộp 10 miếng	Miếng	2.000	Gạc lưới Lipido-Colloid, Polyester + Vaseline mắt lưới nhỏ 0,5mm2 , thay băng không đau, vô khuẩn	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
40	Gạc mét khổ 0,8m	1000 mét/bao	Mét	15.000	Kích thước: 0,8m. Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao. Mật độ 20x22 sợi/inch. Trọng lượng 25-27 grams/m2. Tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước =< 5 giây. Độ ngậm nước: trung bình 1gr gạc giữ được từ 5gr nước trở lên. Chất tan trong nước <0.5%. Độ acid và độ kiềm: đạt trung tính. Độ trắng: >=80% +/- 10%. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Độ ẩm không vượt quá 8%. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. Được đóng gói bằng 2 lớp, một lớp bằng PE, một lớp bao gai bên ngoài.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
41	Gạc phẫu thuật 30cm x 30cm (6 lớp)	5 miếng/ gói	Miếng	30.000	Dệt từ sợi cotton 100%, có chỉ số sợi dọc 32s/1 và chỉ số sợi ngang 32s/1, không được ẩm ướt, sợi chắc, mịn, không được có mùi mốc hoặc mùi khác lạ, phải hoàn toàn trắng .	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
42	Gạc phẫu thuật 30cm x 30cm (6 lớp) cản quang, tiệt trùng	5 miếng/ gói	Miếng	20.000	Dệt từ sợi cotton 100%, có chỉ số sợi dọc 32s/1 và chỉ số sợi ngang 32s/1, không được ẩm ướt, sợi chắc, mịn, không được có mùi mốc hoặc mùi khác lạ, phải hoàn toàn trắng, đã tiệt trùng bằng khí EO .	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
43	Gạc phẫu thuật 30cm x 30cm (6 lớp) tiệt trùng	5 miếng/ gói	Miếng	10.000	Dệt từ sợi cotton 100%, có chỉ số sợi dọc 32s/1 và chỉ số sợi ngang 32s/1, không được ẩm ướt, sợi chắc, mịn, không được có mùi mốc hoặc mùi khác lạ, phải hoàn toàn trắng, có sợi cản quang đã tiệt trùng bằng khí EO .	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
44	Gạc tẩm cồn	Hộp 100 miếng	Miếng	300.000	Kích thước: 30mm x 65mm. Hàm lượng: 70% cồn Isopropyl. Mỗi miếng gạc được đóng gói riêng và dùng 1 lần để thuận tiện và có độ an toàn cao *	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
45	Gạc thấm hút và loại bỏ mảnh hoại tử có ion bạc, kích cỡ 10cm x 10cm	Hộp 10 miếng	Miếng	100	Gạc thấm hút và loại bỏ mảnh hoại tử, chất nền lành thương tẩm Bạc, được cấu tạo từ sợi Polyacrylate , thấm hút theo chiều thẳng đứng, ngăn ngừa sự hình thành màng biofilm của vi khuẩn.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
46	Gạc thấm hút và loại bỏ mảnh hoại tử có ion bạc, kích cỡ 15cm x 20cm	Hộp 5 miếng	Miếng	100	Cấu tạo từ sợi Polyacrylate , thấm hút theo chiều thẳng đứng, ngăn ngừa sự hình thành màng biofilm của vi khuẩn.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
47	Gạc xốp Lipido - Colloid + Polyurethan, siêu thấm hút có viền Silicon, kích cỡ 10cm x 25cm	Hộp 10 miếng	Miếng	200	Gạc xốp vi bám dính, siêu thấm hút, lớp TLC mềm kết dính kết hợp với lớp đệm xốp thấm hút Polyurethane và một lớp siêu thấm, co giãn linh hoạt cho mọi vết thương, thay băng không đau, lưu băng trong 07 ngày. Kích thước 10cm x 25cm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
48	Gạc xốp Lipido - Colloid + Polyurethan, siêu thấm hút có viền Silicon, kích cỡ 13cm x 13cm	Hộp 10 miếng	Miếng	100	Gạc xốp vi bám dính, siêu thấm hút, lớp TLC mềm kết dính kết hợp với lớp đệm xốp thấm hút Polyurethane và một lớp siêu thấm, co giãn linh hoạt cho mọi vết thương, thay băng không đau, lưu băng trong 07 ngày. Kích thước 13cm x 13cm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
49	Gạc xốp Lipido - Colloid + Polyurethan, siêu thấm hút có viền Silicon, kích cỡ 15cm x 20cm	Hộp 10 miếng	Miếng	200	Gạc xốp vi bám dính, siêu thấm hút, lớp TLC mềm kết dính kết hợp với lớp đệm xốp thấm hút Polyurethane và một lớp siêu thấm, co giãn linh hoạt cho mọi vết thương, thay băng không đau, lưu băng trong 07 ngày. Kích thước 15cm x 20cm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
50	Gạc xốp Lipido - Colloid + Polyurethan, siêu thấm hút có viền Silicon, kích cỡ 8cm x 15cm	Hộp 10 miếng	Miếng	100	Gạc xốp vi bám dính, siêu thấm hút, lớp TLC mềm kết dính kết hợp với lớp đệm xốp thấm hút Polyurethane và một lớp siêu thấm, co giãn linh hoạt cho mọi vết thương, thay băng không đau, lưu băng trong 07 ngày. Kích thước 8cm x 15cm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
51	Gạc xốp Lipido - Colloid + Polyurethan, siêu thấm hút có viền Silicon, kích cỡ 8cm x 8cm	Hộp 10 miếng	Miếng	100	Gạc xốp vi bám dính, siêu thấm hút, lớp TLC mềm kết dính kết hợp với lớp đệm xốp thấm hút Polyurethane và một lớp siêu thấm, co giãn linh hoạt cho mọi vết thương, thay băng không đau, lưu băng trong 07 ngày. Kích thước 8cm x 8cm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
52	Gạc y tế bằng vải không dệt 7,5cm x 7,5cm (6 lớp)	10 miếng/gói	Miếng	120.000	Kích thước: 7,5cm x 7,5cm x 6 lớp. Gạc được sản xuất từ vải không dệt thấm hút nhanh. Vải dạng lưới có lỗ, mềm, mịn, có màu trắng đồng nhất. Tốc độ hút nước < 5 giây. Độ ngậm nước ≥ 5gr nước/1gr gạc. Độ ẩm: 5-6.5%. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. Độ pH: trung tính. Độ trắng: >=80% +/- 10%. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Được đóng gói bằng một lớp PE và một lớp bao bì giấy có màu chỉ thị tiệt trùng dùng trong y tế. Tiệt trùng bằng khí EO	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
53	Gòn thuốc	100gr/ gói	Gói	600	Bông hút nước được chế từ lông của hạt cây Bông, đã loại mỡ, tẩy trắng và làm tơi. Sợi mảnh, mềm, không có lẫn các mảnh lá hoặc vỏ hạt, Không mùi, Bông có màu trắng.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
54	Gòn viên	100gr/ gói	Gói	14.000	Bông hút nước được chế từ lông của hạt cây Bông, đã loại mỡ, tẩy trắng và làm tơi. Sợi mảnh, mềm, không có lẫn các mảnh lá hoặc vỏ hạt, Không mùi, Bông có màu trắng.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
55	Miếng dán phẫu thuật kháng khuẩn 55cm x 45cm	1 miếng/ gói, 10 miếng/hộp	Cái	200	Phân tử Iod phía mặt dưới băng dán có hiệu quả kháng khuẩn suốt 48 giờ. Kích thước sản phẩm: 90cm x 35cm , Kích thước sử dụng: 56cm x 45cm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
56	Miếng dán phẫu thuật kháng khuẩn cỡ 60cm x 45cm	1 miếng/ gói, 10 miếng/ hộp	Miếng	250	Phân tử Iod phía mặt dưới băng dán có hiệu quả kháng khuẩn suốt 48 giờ. Kích thước sản phẩm: 90cm x 35cm , Kích thước sử dụng: 56cm x 45cm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
57	Que quấn gòn	5 cây/gói; 100que/ 20 gói	Gói	10.000	Tăm bông hút nước được chế từ lông của hạt cây Bông, đã loại mỡ, tẩy trắng và làm tơi, đã tiệt trùng bằng khí EO.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
NHÓM 2: VẬT TƯ TIÊU HAO DÙNG TRONG BỎNG - THẨM MỸ						
58	Băng dán vết thương hydrocolloid 5cm x 20cm	Hộp/10 miếng	Miếng	300	Là băng dán với công thức tạo gel có tính linh hoạt cao. Được thiết kế sử dụng cho vết thương khô hoặc tiết dịch ít. Phù hợp với vùng da dễ bong tróc hoặc các vùng gấp cần độ ôm bám tốt như khuỷu tay, gót chân… Tương tác với độ ẩm của vết thương và tạo một lớp gel mềm giúp tháo băng không gây đau và không gây tổn thương những mô mới hình thành. Giúp ngăn cách vết thương khỏi vi khuẩn và các yếu tố ngoại lai.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
59	Băng gạc hydrocolloid, dày 0,3mm, 10cm x 10cm	Hộp/10 miếng	Miếng	250	Bao gồm sodium carboxymethylcellulose, gelatin và pectin kết hợp film polyurethane trong.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
60	Băng gạc hydrocolloid, màng film phủ ngoài 10cm x 10cm	Hộp/5 miếng	Miếng	1.000	Phức hợp 3 loại hydrocolloid kết hợp với nhau. Lớp bám dính chứa polyme giúp tăng cường khả năng kiểm soát dịch tiết bằng cách tạo thành lớp gel mềm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
61	Băng gạc silicon mềm hỗ trợ lành vết thương nhanh 10cm x 7.5cm	Hộp/10 miếng	Miếng	500	Băng gạc không dệt, phủ silicon 2 mặt, chống dính 10 x 7.5cm, thường dùng cho ghép da.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
62	Băng gạc thấm hút dạng bọt cỡ 10cm x 10cm	Hộp/10 miếng	Miếng	500	Băng gạc thấm hút nhiều (199g/100cm^2) dạng bọt cân bằng ẩm, chống dính	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
63	Băng gạc thấm hút dạng bọt cỡ 20cm x 20cm	Hộp/5 miếng	Miếng	500	Băng gạc thấm hút nhiều (199g/100cm^2) dạng bọt cân bằng ẩm, chống dính	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
64	Bình chứa dịch hút áp lực âm	Cái/gói	Cái	200	Tương thích với máy hút InfoVac/ ActiVac/ Ulta. Bình có gel đông, loại 300ml/ 500ml. Có sẵn dây dẫn dịch.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
65	Bình chứa dịch hút áp lực âm sử dụng cho máy V.a.C		Bộ	250	Tương thích với máy hút dịch áp lực âm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
66	Bộ dây dẫn bơm tưới rửa hút áp lực âm sử dụng cho máy V.A.C		Bộ	50	Tương thích với máy hút dịch áp lực âm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
67	Bộ xốp hút áp lực âm cỡ lớn	Bộ/Gói	Bộ	30	Bộ gồm: Xốp kích thước 26 x 15 x 3.2cm, dây dẫn & đầu nối có cảm biến cân bằng áp lực, kẹp dây dẫn & đầu nối, 2 Băng dán cố định, thước đo, bình có gel đông, loại 300ml/ 500ml. Tiệt trùng. Nhà cung cấp hỗ trợ máy cho bệnh viện.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
68	Bộ xốp hút áp lực âm cỡ nhỏ kích thước 10 x 7,5 x 3,2 cm	Bộ/Gói	Bộ	30	Gồm: Xốp kích thước 10 x 7.5 x 3.2cm, dây dẫn & đầu nối có cảm biến cân bằng áp lực, kẹp dây dẫn & đầu nối, 1 Băng dán cố định, thước đo, bình có gel đông, loại 300ml/ 500ml. Tiệt trùng. Nhà cung cấp hỗ trợ máy cho bệnh viện.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
69	Bộ xốp hút áp lực âm cỡ trung	Bộ/Gói	Bộ	60	Gồm: Xốp kích thước 18 x 12.5 x 3.2cm, dây dẫn & đầu nối có cảm biến cân bằng áp lực, kẹp dây dẫn & đầu nối, 2 Băng dán cố định, thước đo, bình có gel đông, loại 300ml/ 500ml. Tiệt trùng. Nhà cung cấp hỗ trợ máy cho bệnh viện.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
70	Bộ xốp tưới rửa cỡ lớn	Bộ/Gói	Bộ	20	Gồm : Xốp kích thước 25 x 15 x 1.6cm, dây dẫn & đầu nối, băng dán cố định, 2 gói băng film bôi bảo vệ da, thước đo, bình có gel đông, bộ cassette có tubing và co nối 38mm. Tiệt trùng. Nhà cung cấp hỗ trợ máy cho bệnh viện.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
71	Bộ xốp tưới rửa cỡ nhỏ	Bộ/Gói	Bộ	20	Gồm: Xốp kích thước 11 x 8 x 1.8cmcm, dây dẫn & đầu nối, băng dán cố định, 2 gói băng film bôi bảo vệ da, thước đo, bình có gel đông, bộ cassette có tubing và co nối 38mm. Tiệt trùng. Nhà cung cấp hỗ trợ máy cho bệnh viện.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
72	Bộ xốp tưới rửa cỡ trung	Bộ/Gói	Bộ	20	Bộ gồm : Xốp kích thước 17 x 15 x 1.8cm, dây dẫn & đầu nối, băng dán cố định, 2 gói băng film bôi bảo vệ da, thước đo, bình có gel đông, bộ cassette có tubing và co nối 38mm. Tiệt trùng. Nhà cung cấp hỗ trợ máy cho bệnh viện.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
73	Các loại chỉ căng da thẩm mỹ		Hộp	20	Sử dụng phẫu thuật thẩm mỹ	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
74	Các loại chỉ nâng mũi		Hộp	20	Sử dụng phẫu thuật thẩm mỹ	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
75	Chất làm đầy má		Hộp	100	Sử dụng phẫu thuật thẩm mỹ	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
76	Chất làm đầy mũi		Hộp	100	Sử dụng phẫu thuật thẩm mỹ	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
77	Chất làm đầy rãnh mũi má		Hộp	100	Sử dụng phẫu thuật thẩm mỹ	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
78	Chất làm đầy tạo hình gò má, cằm (1ml)		Hộp	100	Sử dụng phẫu thuật thẩm mỹ	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
79	Chất làm đầy tạo hình gò má, cằm (3ml)		Hộp	100	Sử dụng phẫu thuật thẩm mỹ	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
80	Chất thẩm mỹ trẻ hóa da		Hộp	100	Sử dụng phẫu thuật thẩm mỹ	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
81	Chất xóa nếp nhăn		Hộp	20	Sử dụng phẫu thuật thẩm mỹ	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
82	Dung dịch làm sạch và làm mềm vết thương, loại bỏ ngăn ngừa màng Biofilm (I), dung tích 350ml	Chai/350ml	Chai	1.000	Dung dịch Betaine 0,1% và Polyhexanide (PHMB) 0,1% làm sạch, loại bỏ và ngăn ngừa màng Biofilm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
83	Dung dịch rửa vết thương chứa Betaine 0,1% và Polyhexanide 0,1%	Thùng/ 10 chai	Chai 350ml	50	Dung dịch rửa vết thương chứa Betaine 0,1% và Polyhexanide 0,1%	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
84	Gạc Kháng khuẩn dạng cuộn 11.4 cm x 3.7 m	Gói/ 1 bộ	Bộ	50	Bao gồm: 01 gạc kháng khuẩn dạng cuộn kích thước 11.4 cm x3.7 m; 02 màng bọc vết thương dạng film cỡ 15x20cm; 01 màng bọc vết thương dạng film cỡ 20x30cm; 01 miếng lót với ống hút dịch bằng polyvinyl có 4 lỗ trong đó 1 lỗ trung tâm hút dịch 3 lỗ làm nhiệm vụ thông khí để cảnh báo áp lực hút tại vết thương, kẹp đường ống, đầu nối có chốt khóa đóng mở. Cam kết hỗ trợ thiết bị cho bệnh viện.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
85	Gạc siêu thấm hút hydrocolloid có lớp xốp Polyurethane 10cm x 10 cm	Hộp/10 miếng	Miếng	100	Cấu tạo từ hydrocolloid có khả năng thấm hút cao, mặt sau là màng film polyurethane bán thấm, thoáng khí phủ ngoài ngăn chặn sự xâm nhập của vi khuẩn / virut, có khả năng thấm hút cao và duy trì độ ẩm tối ưu trên bề mặt vết thương. Gạc được bổ sung thêm lớp xốp Polyurethane dầy 2mm đóng vai trò như 1 lớp đệm giúp tăng khả năng thấm hút. Có thể lưu tới 7 ngày. Kích thước 10 x 10 cm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
86	Gạc thấm hút Alginate 10cm x 10 cm	Hộp/10 miếng	Miếng	100	Cấu tạo từ sợi alginate ưa nước có nguồn gốc từ rong biển. Hấp thu dịch (g/100cm2) là 69.76 trong 30 phút, và 75.87 trong 24 giờ. Miếng gạc không dính, có thể lưu tới 7 ngày. Kích thước 10 x 10 cm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
87	Gạc thấm hút, diệt khuẩn, dạng miếng 10cm x 10 cm	Hộp/10 miếng	Miếng	640	Gạc kháng khuẩn có chứa bạc. Tiệt trùng, gạc không dệt dạng miếng hoặc dạng sợi. Cấu tạo bởi sợi alginate chứa 1.2% bạc ion. Kích thước 10x10 cm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
88	Gel làm ẩm vết thương 15gr	Hộp/10 ống	Ống	300	Là gel trong suốt, không chứa chất bảo quản, thành phần hydrocolloid. Hydrocolloid trong DuoDERM Hydroactive Gel là: Carboxymethylcellulose (CMC) và pectin. Propylene glycol.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
89	Gel làm sạch và làm mềm vết thương, loại bỏ ngăn ngừa màng Biofilm, dung tích 30ml	Thùng/ 10 chai	Chai	200	Gel Betaine 0,1% và Polyhexanide (PHMB) 0,1%	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
90	Màng cảm ứng phát plasma	Hộp 10 cái	Cái	100	Kích thước 8.5x4.3 cm. Thời gian hoạt động 240 phút	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
91	Miếng dán phẫu thuật 15cm x 20 cm	Gói/1 miếng	Miếng	1.000	Miếng dán phẫu thuật làm từ polyurethane dạng film có phủ lớp kết dính polyacrylate, bao phủ bên ngoài là lớp giấy silicon không thấm nước. Kích thước 15x 20 cm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
92	Miếng dán phẫu thuật 30cm x 20 cm	Gói/1 miếng	Miếng	1.000	Miếng dán phẫu thuật làm từ polyurethane dạng film có phủ lớp kết dính polyacrylate, bao phủ bên ngoài là lớp giấy silicon không thấm nước. Kích thước 30x 20 cm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
93	Miếng Silicone đặt vùng mặt (cằm)		cái	10	Sử dụng phẫu thuật thẩm mỹ	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
94	Miếng Silicone đặt vùng mặt (mũi có chân)		cái	10	Sử dụng phẫu thuật thẩm mỹ	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
95	Miếng Silicone đặt vùng mặt (mũi không chân)		cái	10	Sử dụng phẫu thuật thẩm mỹ	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
96	Miếng xốp 3 lớp cỡ 10cm x 10cm	Hộp/10 miếng	Miếng	50	Cấu tạo gồm 3 lớp: 1 lớp film polyurethane thoáng khí, bán thấm phủ ngoài, chống nước giúp ngăn nước, bụi bẩn, vi khuẩn từ môi trường xâm nhập vào vết thương; 1 lớp xốp polyurethane dầy 5mm và lớp gel mềm silicon thoáng khí có khả năng tự dính. Tốc độ thoát hơi ẩm 13,704 g/m2/ngày, khả năng hấp thụ dịch 4,674 g/m2/ngày, Khả năng chứa dịch 18.378 g/m2/ngày.Kích thước lỗ < 100 µm Có thể lưu tới 7 ngày tùy thuộc vào lượng dịch tiết và tình trạng vết thương. Kích thước 10 x 10 cm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
97	Miếng xốp 3 lớp có viền bao cỡ 12cm x 12 cm	Hộp/10 miếng	Miếng	50	Cấu tạo gồm 3 lớp: 1 lớp film polyurethane thoáng khí, bán thấm phủ ngoài, chống nước giúp ngăn nước, bụi bẩn, vi khuẩn từ môi trường xâm nhập vào vết thương; 1 lớp xốp polyurethane dầy 2mm và lớp gel mềm silicon thoáng khí có đường viền xung quanh có khả năng tự dính. Tốc độ thoát hơi ẩm 5.116 g/m2/ngày, khả năng hấp thụ dịch 3.364 g/m2/ngày, Khả năng chứa dịch 8.480 g/m2/ngày.Kích thước lỗ < 100 µm Có thể lưu tới 7 ngày tùy thuộc vào lượng dịch tiết và tình trạng vết thương.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
98	Miếng xốp cỡ 20cm x 20cm	Hộp/10 miếng	Miếng	50	Tốc độ thoát hơi ẩm 7,810 g/m2/ngày, hấp thụ dịch 5,630 g/m2/ngày , Kích thước lỗ < 100 µm có thể lưu tới 7 ngày tùy thuộc vào lượng dịch tiết và tình trạng vết thương. Kích thước: 20x20 cm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
99	Miếng xốp cỡ 35cm x 50cm	Hộp/10 miếng	Miếng	50	Tốc độ thoát hơi ẩm 7,810 g/m2/ngày, hấp thụ dịch 5,630 g/m2/ngày , Kích thước lỗ < 100 µm có thể lưu tới 7 ngày tùy thuộc vào lượng dịch tiết và tình trạng vết thương. Kích thước: 35x50 cm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
100	Miếng xốp có màng tự dính Polyurethane bao phủ cỡ 10cm x 10cm	Hộp/10 miếng	Miếng	50	Tốc độ thoát hơi ẩm 12.174 g/m2/ngày, hấp thụ dịch 4.500 g/m2/ngày Ngậm dịch tới 16.674 g/m2/ngày. Kích thước lỗ < 100 µm có thể lưu tới 7 ngày tùy thuộc vào lượng dịch tiết và tình trạng vết thương. Kích thước: 10x10 cm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
101	Miếng xốp tự dính cỡ 10cm x 10cm	Hộp/10 miếng	Miếng	50	Gạc xốp không dính, cấu tạo gồm 1 miếng xốp polyurethane có độ thấm hút cao và lớp film polyurethane bán thấm phủ ngoài, lớp dính được bọc bởi 1 màng film. Kích thước: 10 x 10cm cm, dày 5mm. Tốc độ thoát hơi ẩm 7,8g/m2/ngày, hấp thụ dịch 5,6 g/m2/ngày. Thời gian lưu băng: có thể lưu tới 7 ngày tùy thuộc vào lượng dịch tiết và tình trạng vết thương. Kích thước: 10x10 cm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
102	Miếng xốp tự dính cỡ 15cm x 15cm	Hộp/10 miếng	Miếng	50	Chất liệu: miếng xốp polyurethane có độ thấm hút cao và lớp film polyurethane bán thấm phủ ngoài, lớp dính được bọc bởi 1 màng film. Kích thước: 15 x 15cm, dày 5mm. Tốc độ thoát hơi ẩm 7,810 g/m2/ngày, hấp thụ dịch 5,630 g/m2/ngày, Kích thước lỗ < 100 µm. Thời gian lưu: có thể lưu tới 7 ngày tùy thuộc vào lượng dịch tiết và tình trạng vết thương. Đóng gói tiệt khuẩn từng miếng. Kích thước: 15x15 cm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
103	Sống mũi (da nhân tạo dày) 1x5cm (độ dày 3-3,49mm)		cái	20	Sử dụng phẫu thuật thẩm mỹ	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
104	Sống mũi (da nhân tạo mỏng) 1x1cm		cái	20	Sử dụng phẫu thuật thẩm mỹ	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
105	Sống mũi (da nhân tạo mỏng) 1x5cm		cái	20	Sử dụng phẫu thuật thẩm mỹ	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
106	Trụ mũi nhân tạo		Hộp	20	Sử dụng phẫu thuật thẩm mỹ	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
107	Túi chứa dịch thải 1.000 ml	Gói/ 1 cái	Cái	300	Túi chứa dịch 1000ml tương thích cho máy hút âm lực SUPRASORB CNP P3: Bằng nhựa Vinyl với tấm đỡ bằng polyethylene, kèm giây nối hút dịch, kẹp đường ống; Có phin lọc kháng khuẩn, khử mùi, chất gel tạo đông; Cảm biến báo khi dịch đầy; Khử trùng bằng khí EO.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
108	Túi chứa dịch thải 250 ml	Gói/ 1 cái	Cái	100	Túi chứa dịch 250ml tương thích cho máy hút âm lực SUPRASORB CNP P3: Bằng nhựa Vinyl với tấm đỡ bằng polyethylene, kèm giây nối hút dịch, kẹp đường ống. Có phin lọc kháng khuẩn, khử mùi, chất gel tạo đông. Cảm biến báo khi dịch đầy. Khử trùng bằng khí EO.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
109	Túi đặt ngực, loại gel, hình giọt nước, bề mặt nhám, độ nhô cao		Chiếc	20	Sử dụng phẫu thuật thẩm mỹ	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
110	Túi đặt ngực, loại gel, hình giọt nước, bề mặt nhám, độ nhô trung bình - cao		Chiếc	20	Sử dụng phẫu thuật thẩm mỹ	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
111	Túi đặt ngực, loại gel, hình giọt nước, bề mặt nhám, độ nhô trung bình - cao, size 350cc		Chiếc	20	Sử dụng phẫu thuật thẩm mỹ	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
112	Túi đặt ngực, loại gel, hình tròn, bề mặt nhám, độ nhô cao		Chiếc	20	Sử dụng phẫu thuật thẩm mỹ	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
113	Túi đặt ngực, loại gel, hình tròn, bề mặt nhám, độ nhô trung bình - cao		Chiếc	20	Sử dụng phẫu thuật thẩm mỹ	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
114	Túi đặt ngực, loại gel, hình tròn, bề mặt trơn, độ nhô cao, size 150cc đến 375cc		Chiếc	20	Sử dụng phẫu thuật thẩm mỹ	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
115	Túi đặt ngực, loại gel, hình tròn, bề mặt trơn, độ nhô cao, size 400cc đến 550cc		Chiếc	20	Sử dụng phẫu thuật thẩm mỹ	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
116	Túi đặt ngực, loại gel, hình tròn, bề mặt trơn, độ nhô trung bình - cao, size 150cc đến 375cc		Chiếc	20	Sử dụng phẫu thuật thẩm mỹ	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
117	Túi đặt ngực, loại gel, hình tròn, bề mặt trơn, độ nhô trung bình - cao, size 400cc đến 550cc		Chiếc	20	Sử dụng phẫu thuật thẩm mỹ	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
118	Túi độn mông 300cc		Hộp	20	Sử dụng phẫu thuật thẩm mỹ	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
119	Túi độn ngực dùng Spnano 700cc		Hộp	20	Sử dụng phẫu thuật thẩm mỹ	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
120	Túi độn ngực dùng Spnano 700cc chip		Hộp	20	Sử dụng phẫu thuật thẩm mỹ	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
121	Túi giãn da hình elip		cái	10	Sử dụng phẫu thuật thẩm mỹ	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
122	Túi giãn da hình giọt nước		cái	10	Sử dụng phẫu thuật thẩm mỹ	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
123	Túi giãn da hình tròn		cái	10	Sử dụng phẫu thuật thẩm mỹ	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
124	Túi phủ vết thương cỡ L	Gói/ 1 cái	Cái	20	Túi phủ vết thương cỡ L có dạng hình ống hở một đầu, làm từ polyurethane dạng film cho phép thấm hơi nước, có phủ lớp kết dính polyacrylate dùng bọc vết thương ở vùng cuối cùng như chân tay. Được khử trùng khí EO, sử dụng một lần	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
125	Túi phủ vết thương cỡ M	Gói/ 1 cái	Cái	20	Túi phủ vết thương cỡ M có dạng hình ống hở một đầu, làm từ polyurethane dạng film cho phép thấm hơi nước, có phủ lớp kết dính polyacrylate dùng bọc vết thương ở vùng cuối cùng như chân tay. Được khử trùng khí EO, sử dụng một lần	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
126	Túi phủ vết thương cỡ S	Gói/ 1 cái	Cái	50	Túi phủ vết thương cỡ S có dạng hình ống hở một đầu, làm từ polyurethane dạng film cho phép thấm hơi nước, có phủ lớp kết dính polyacrylate dùng bọc vết thương ở vùng cuối cùng như chân tay. Được khử trùng khí EO, sử dụng một lần.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
127	Vật liệu cấy ghép mặt bằng ePCFE		Hộp	20	Sử dụng phẫu thuật thẩm mỹ	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
128	Vòng nối mạch máu vi phẫu các cỡ	Bộ	Bộ	40	Vật liệu vòng được làm bằng Polyethylene có độ co giãn cao; kích cỡ gồm: 1.0mm, 1.5mm, 2.0mm, 2.5mm, 3.0mm, 3.5mm và 4.0mm. Chân ghim làm bằng thép không gỉ chuyên dụng trong phẫu thuật.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
129	Xốp phủ vết thương cỡ L 25cm x 15 cm x 3cm	Gói/ 1 bộ	Bộ	120	Bao gồm: 01 xốp phủ vết thương bằng Polyurethane, chịu được áp lực âm 300mmHg cỡ L kích thước 25x15x3 cm; 02 màng bọc vết thương dạng film cỡ 15x20cm, 01 màng bọc vết thương dạng film cỡ 20x30cm; 01 miếng lót với ống hút dịch bằng polyvinyl có 4 lỗ trong đó 1 lỗ trung tâm hút dịch 3 lỗ làm nhiệm vụ thông khí để cảnh báo áp lực hút tại vết thương, kẹp đường ống, đầu nối có chốt khóa đóng mở. Cam kết hỗ trợ thiết bị cho bệnh viện.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
130	Xốp phủ vết thương cỡ M 10cm x 15 cm x 1cm	Gói/ 1 bộ	Bộ	50	Bao gồm: 01 xốp phủ vết thương bằng Polyurethane , chịu được áp lực âm 300mmHg, cỡ M mỏng kích thước 10x15x1 cm; 01 màng bọc vết thương dạng film cỡ 15x20cm; 01 màng bọc vết thương dạng film cỡ 20x30cm; 01 miếng lót với ống hút dịch bằng polyvinyl có 4 lỗ trong đó 1 lỗ trung tâm hút dịch 3 lỗ làm nhiệm vụ thông khí để cảnh báo áp lực hút tại vết thương, kẹp đường ống, đầu nối có chốt khóa đóng mở. Cam kết hỗ trợ thiết bị cho bệnh viện.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
131	Xốp phủ vết thương cỡ M 10cm x 15 cm x 3cm	Gói/ 1 bộ	Bộ	180	Bao gồm: 01 xốp phủ vết thương bằng Polyurethane , chịu được áp lực âm 300mmHg cỡ M kích thước 10x15x3 cm; 01 màng bọc vết thương dạng film cỡ 15x20cm; 01 màng bọc vết thương dạng film cỡ 20x30cm; 01 miếng lót với ống hút dịch bằng polyvinyl có 4 lỗ trong đó 1 lỗ trung tâm hút dịch 3 lỗ làm nhiệm vụ thông khí để cảnh báo áp lực hút tại vết thương, kẹp đường ống, đầu nối có chốt khóa đóng mở. Cam kết hỗ trợ thiết bị cho bệnh viện	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
NHÓM 3: CHỈ PHẪU THUẬT CÁC LOẠI						
132	Chỉ Collagen cỡ 0 dài 75 cm, kim tròn dài 26 mm	H/ 24 tép	Tép	340	Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic Catgut số 0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm, kim thép series 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde, đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai, chống thủng, xé không rách	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
133	Chỉ Collagen cỡ 2/0 dài 75 cm, kim tròn dài 26 mm	H/ 24 tép	Tép	5.520	Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic Catgut số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm, kim thép series 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde, đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai, chống thủng, xé không rách	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
134	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), 3/0, chỉ dài 75cm, kim tròn 1/2 vòng tròn HR 26mm, kim CV Pass, thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon	Hộp/ 36 tép	Tép	216	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), 3/0, chỉ dài 75cm, kim tròn 1/2 vòng tròn HR 26mm, công nghệ kim CV Pass, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon. Đóng gói RacePack (RCP): bao bên ngoài là màng film Polyester-Polyethyleneterephtalate, chỉ được quấn quanh khung nhựa HDPE. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
135	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), 4/0, chỉ dài 90cm, 2 kim tròn 1/2 vòng tròn HR 22mm, kim CV Pass, thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon	Hộp/ 36 tép	Tép	72	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), 4/0, chỉ dài 90cm, 2 kim tròn 1/2 vòng tròn HR 22mm, công nghệ kim CV Pass, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon. Đóng gói RacePack (RCP): bao bên ngoài là màng film Polyester-Polyethyleneterephtalate, chỉ được quấn quanh khung nhựa HDPE. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
136	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), 5/0, chỉ dài 75cm, 2 kim tròn 1/2 vòng tròn HR 13mm, kim CV Pass, thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon	Hộp/ 36 tép	Tép	72	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), 5/0, chỉ dài 75cm, 2 kim tròn 1/2 vòng tròn HR 13mm, công nghệ kim CV Pass, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon. Đóng gói RacePack (RCP): bao bên ngoài là màng film Polyester-Polyethyleneterephtalate, chỉ được quấn quanh khung nhựa HDPE. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
137	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), 6/0, chỉ dài 75cm, 2 kim tròn 3/8 vòng tròn DR 10mm, kim CV Pass, thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon	Hộp/ 36 tép	Tép	324	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), 7/0, chỉ dài 75cm, 2 kim tròn 3/8 vòng tròn DR 10mm, công nghệ kim CV Pass, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon. Đóng gói RacePack (RCP): bao bên ngoài là màng film Polyester-Polyethyleneterephtalate, chỉ được quấn quanh khung nhựa HDPE. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
138	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), 6/0, chỉ dài 75cm, 2 kim tròn 3/8 vòng tròn DR 10mm, kim CV Pass, thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon	Hộp/ 36 tép	Tép	72	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), 6/0, chỉ dài 75cm, 2 kim tròn 3/8 vòng tròn DR 10mm, công nghệ kim CV Pass, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon. Đóng gói RacePack (RCP): bao bên ngoài là màng film Polyester-Polyethyleneterephtalate, chỉ được quấn quanh khung nhựa HDPE. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
139	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), số 0, chỉ dài 75cm, kim tròn 1/2 vòng tròn HR 30mm, kim CV Pass, thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon	Hộp/ 36 tép	Tép	216	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), số 0, chỉ dài 75cm, kim tròn 1/2 vòng tròn HR 30mm, công nghệ kim CV Pass, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon. Đóng gói RacePack (RCP): bao bên ngoài là màng film Polyester-Polyethyleneterephtalate, chỉ được quấn quanh khung nhựa HDPE. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
140	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 2/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn DS 24mm, kim Easyslide, thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon	Hộp/ 36 tép	Tép	1.620	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 2/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn DS 24mm, công nghệ kim Easyslide, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon. Tiêu chuẩn FDA, CE, ISO.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
141	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 3/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn DS 24mm, kim Easyslide, thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon	Hộp/ 36 tép	Tép	5.796	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 3/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn DS 24mm, công nghệ kim Easyslide, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon. Tiêu chuẩn FDA, CE, ISO.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
142	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 4/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn DS 19mm, kim Easyslide, thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon	Hộp/ 36 tép	Tép	720	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 4/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn DS 19mm, công nghệ kim Easyslide, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon. Tiêu chuẩn FDA, CE, ISO.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
143	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 5/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn DS 16mm, kim Easyslide, thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon	Hộp/ 36 tép	Tép	576	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 5/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn DS 16mm, công nghệ kim Easyslide, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon. Tiêu chuẩn FDA, CE, ISO.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
144	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 6/0, dài 45cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn DS 12mm, kim Easyslide, thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon	Hộp/ 36 tép	Tép	1.260	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 6/0, dài 45cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn DS 12mm, công nghệ kim Easyslide, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon. Tiêu chuẩn FDA, CE, ISO.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
145	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 6, số 10/0, chỉ dài 30cm, 02 kim hình thang 3/8 vòng tròn dài 6mm đầu kim micro. Kim Easyslide, thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon	Hộp/ 12 tép	Tép	420	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 6, số 10/0, chỉ dài 30cm, 02 kim hình thang 3/8 vòng tròn dài 6mm đầu kim micro. công nghệ kim Easyslide, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon. Tiêu chuẩn FDA, CE, ISO.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
146	Chỉ phẫu thuật coated số 1/0 dài 100cm, kim đầu tù khâu gan 65mm, 3/8C	12 tép / hộp	Tép	480	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 1 dài 100cm, 1 đầu tù khâu gan BP-5 dài 65mm 3/8 vòng tròn. Thời gian giữ vết khâu: 28 - 35 ngày. Thời gian tiêu hoàn toàn: 56 - 70 ngày.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
147	Chỉ phẫu thuật coated số 3/0 dài 75cm, kim tròn đầu tròn plus 31mm, 1/2C	12 tép / hộp	Tép	564	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 3/0 dài 75cm, 1 kim tròn đầu tròn MH-1 plus dài 31 mm 1/2 vòng tròn. Thời gian giữ vết khâu: 28 - 35 ngày. Thời gian tiêu hoàn toàn: 56 - 70 ngày.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
148	Chỉ Poly 4 hydroxybutyrate đơn sợi số 1, dài 90cm, kim tròn thân dài phủ silocon 1/2C, dài 40mm	Hộp/ 24 tép	Tép	120	Chỉ tan cực chậm đơn sợi Poly 4 hydroxybutyrate số 1, chỉ dài 90cm, kim tròn 1/2 vòng tròn, kim thân dầy dài 40mm, phủ silicon	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
149	Chỉ polyester đa sợi cỡ số 1 không kim, màu xanh dài 180 cm	12 tép / hộp	Tép	552	Chỉ không tan tổng hợp đa sợi polyester bao phủ bằng polybutylate số 1 dài 180 cm, không kim	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
150	Chỉ Polyester- đa sợi, cỡ số 1 không kim, màu xanh dài 180cm	Hộp/ 36 tép	Tép	360	Chỉ không tan tổng hợp đa sợi Polyester số 0 GREEN, áo bao silicone, dài 45cm,10 sợi 01 tép phủ silicone	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
151	Chỉ Polyglactin đa sợi - cỡ 2/0 dài 75 cm, kim tròn dài 26 mm	12 tép / hộp	Tép	264	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 2/0 dài 75cm, kim tròn đầu tròn SH Plus dài 26 mm 1/2 vòng tròn. Thời gian giữ vết khâu: 28 - 35 ngày. Thời gian tiêu hoàn toàn: 56 - 70 ngày.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
152	Chỉ Polyglactin đa sợi - cỡ 2/0 dài 75 cm, kim tròn dài 31 mm	12 tép / hộp	Tép	264	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 2/0 dài 75cm, 1 kim tròn đầu tròn MH-1 Plus dài 31 mm 1/2 vòng tròn. Thời gian giữ vết khâu: 28 - 35 ngày. Thời gian tiêu hoàn toàn: 56 - 70 ngày.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
153	Chỉ Polyglactin đa sợi - cỡ 2/0 dài 75 cm, kim tròn dài 40 mm	12 tép / hộp	Tép	120	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 2/0 dài 75cm, 1 kim tròn đầu tròn LH plus dài 40 mm 1/2 vòng tròn. Thời gian giữ vết khâu: 28 - 35 ngày. Thời gian tiêu hoàn toàn: 56 - 70 ngày.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
154	Chỉ Polyglactin đa sợi - cỡ 3/0 dài 75 cm, kim hình thang dài 20 mm	12 tép / hộp	Tép	972	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 3/0 dài 75cm, 1 kim tròn đầu tròn SH-2 Plus dài 20 mm 1/2 vòng tròn. Thời gian giữ vết khâu: 28 - 35 ngày. Thời gian tiêu hoàn toàn: 56 - 70 ngày.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
155	Chỉ Polyglactin đa sợi - cỡ 4/0 dài 75 cm, kim đầu tam giác bén, dài 16 mm	12 tép / hộp	Tép	300	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 4/0 dài 75cm, 1 kim tam giác thuận FS-3 CONV dài 16 mm 3/8 vòng tròn. Thời gian giữ vết khâu: 28 - 35 ngày. Thời gian tiêu hoàn toàn: 56 - 70 ngày.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
156	Chỉ Polyglactin đa sợi - cỡ 5/0 dài 45 cm, kim đầu tam giác bén, dài 16 mm	24 tép / hộp	Tép	144	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 5/0 dài 45cm, 1 kim tam giác ngược PC-3 PRIME dài 16 mm 3/8 vòng tròn. Thời gian giữ vết khâu: 28 - 35 ngày. Thời gian tiêu hoàn toàn: 56 - 70 ngày.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
157	Chỉ Polyglactin đa sợi - cỡ 6/0 dài 45 cm, kim đầu tròn, dài 13 mm	12 tép / hộp	Tép	48	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 6/0 dài 45cm, kim tròn đầu tròn RB-2 dài 13 mm 1/2 vòng tròn. Thời gian giữ vết khâu: 28 - 35 ngày. Thời gian tiêu hoàn toàn: 56 - 70 ngày.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
158	Chỉ Polyglycolic acid cỡ 1 dài 90cm, kim đầu tròn dài 40mm	Hộp 36/ tép	Tép	5.000	Thành phần: Polyglycolic acid phủ ngoài bằng epsilon-caprolactone và calcium stearate. Cỡ chỉ số 1, dài 90cm, kim tròn 1/2C, kim 40mm. Thời gian chỉ giữ được vết mổ 28-35 ngày, Sức căng còn lại còn lại sau 2 tuần là 65%, sau 3 tuần còn 30%. Chỉ tan hoàn toàn trong 60 - 90 ngày. Tiêu chuẩn CE, FDA	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
159	Chỉ Polyglycolic acid quick cỡ 2/0 dài 90 cm, chỉ tan nhanh, kim đầu tròn, 1/2 vòng tròn, kim dài 37mm	H/ 36 tép	Tép	828	Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi Polyglycolic acid, số 2/0, dài 90cm, kim tròn 1/2c, dài 37 mm, có phủ Poly(epsilon-caprolactone) và Calcium Stearate, kim thép không gỉ series 302 phủ silicon XtraCoat	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
160	Chỉ Polyglycolic acid quick cỡ 4/0 dài 70 cm , kim đầu tam giác bén dài 19 mm	H/ 36 tép	Tép	900	Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi Polyglycolic acid, số 4/0, dài 75cm, kim tam giác 3/8c, dài 19 mm, có phủ Poly(epsilon-caprolactone) và Calcium Stearate, kim thép không gỉ series 302 phủ silicon XtraCoat	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
161	Chỉ tan đơn sợi có gai Vloc-90 3-0 15cm, 30cm 1/2C V-20 26mm	12 Tép/ Hộp	Tép	10	Chỉ tan trung bình đơn sợi có gai không cần nốt buộc Glycomer 631 thành phần glycolide, dioxanone và trimethylene carbonate, số 3/0 dài 15 cm, 30 cm, kim tròn V-20 1/2C 26mm, kim phủ silicone sắc bén bằng công nghệ NuCoat, đóng gói dạng vòng giúp tối thiểu nhớ hình, tiêu chuẩn FDA	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
162	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) + CaSt, phủ kháng khuẩn Chlorhexidine Diacetate (CHD) với nồng độ không quá 60µg/m, số 1, chỉ dài 90 cm, kim tròn thân dày, 1/2 vòng tròn HR 40mm, kim Easyslide, thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon	Hộp/ 36 tép	Tép	612	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) + CaSt, phủ kháng khuẩn Chlorhexidine Diacetate (CHD) với nồng độ không quá 60µg/m, số 1, chỉ dài 90 cm, kim tròn thân dày, 1/2 vòng tròn HR 40mm, công nghệ kim Easyslide, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon. Tiêu chuẩn FDA, CE, ISO.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
163	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 Áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) số 2/0, chỉ dài 70 cm, kim tròn, 1/2 vòng tròn HR 30mm, kim Easyslide, thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon	Hộp/ 36 tép	Tép	1.296	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 Áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) số 2/0, chỉ dài 70 cm, kim tròn, 1/2 vòng tròn HR 30mm, công nghệ kim Easyslide, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon. Tiêu chuẩn FDA, CE, ISO.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
164	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 Áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) số 2/0, chỉ dài 70 cm, kim tròn, thân dày 1/2 vòng tròn HR 37mm, kim Easyslide, thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon	Hộp/ 36 tép	Tép	500	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 Áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) số 2/0, chỉ dài 70 cm, kim tròn, thân dày 1/2 vòng tròn HR 37mm, công nghệ kim Easyslide, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon. Tiêu chuẩn FDA, CE, ISO.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
165	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 Áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) số 3/0, chỉ dài 70 cm, kim tròn, 1/2 vòng tròn HR 26mm, kim Easyslide, thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon	Hộp/ 36 tép	Tép	216	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 Áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) số 3/0, chỉ dài 70 cm, kim tròn, 1/2 vòng tròn HR 26mm, công nghệ kim Easyslide, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon. Tiêu chuẩn FDA, CE, ISO.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
166	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 Áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) số 4/0, chỉ dài 70 cm, kim tròn, 1/2 vòng tròn HR 22mm, kim Easyslide, thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon.	Hộp/ 36 tép	Tép	180	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 Áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) số 4/0, chỉ dài 70 cm, kim tròn, 1/2 vòng tròn HR 22mm, công nghệ kim Easyslide, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon. Tiêu chuẩn FDA, CE, ISO.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
167	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate (72% Glycolic + 14% Caprolacton + 14% trimethylene) số 1, chỉ dài 90cm, kim tròn thân dầy 1/2 vòng tròn dài 40mm phủ silicone	Hộp/ 36 tép	Tép	108	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate (72% Glycolic + 14% Caprolacton + 14% trimethylene) số 1, chỉ dài 90cm, kim tròn thân dầy 1/2 vòng tròn dài 40mm phủ silicone. Tiêu chuẩn FDA, CE, ISO.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
168	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate (72% Glycolic + 14% Caprolacton + 14% trimethylene) số 2/0, chỉ dài 70cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 26mm phủ silicone	Hộp/ 36 tép	Tép	108	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate (72% Glycolic + 14% Caprolacton + 14% trimethylene) số 2/0, chỉ dài 70cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 26mm phủ silicone. Tiêu chuẩn FDA, CE, ISO.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
169	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate (72% Glycolic + 14% Caprolacton + 14% trimethylene) số 3/0, chỉ dài 70cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 22mm phủ silicone	Hộp/ 36 tép	Tép	108	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate (72% Glycolic + 14% Caprolacton + 14% trimethylene) số 3/0, chỉ dài 70cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 22mm phủ silicone. Tiêu chuẩn FDA, CE, ISO.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
170	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate (72% Glycolic + 14% Caprolacton + 14% trimethylene) số 4/0, chỉ dài 70cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 22mm phủ silicone	Hộp/ 36 tép	Tép	216	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate (72% Glycolic + 14% Caprolacton + 14% trimethylene) số 4/0, chỉ dài 70cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 22mm phủ silicone. Tiêu chuẩn FDA, CE, ISO.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
171	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate (72% Glycolic + 14% Caprolacton + 14% trimethylene) số 5/0, chỉ dài 70cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 17mm phủ silicone	Hộp/ 36 tép	Tép	216	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate (72% Glycolic + 14% Caprolacton + 14% trimethylene) số 5/0, chỉ dài 70cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 17mm phủ silicone. Tiêu chuẩn FDA, CE, ISO.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
172	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate (72% Glycolic + 14% Caprolacton + 14% trimethylene) số 6/0, chỉ dài 70cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 13mm phủ silicone	Hộp/ 36 tép	Tép	216	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate (72% Glycolic + 14% Caprolacton + 14% trimethylene) số 6/0, chỉ dài 70cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 13mm phủ silicone. Tiêu chuẩn FDA, CE, ISO.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
173	Chỉ thép khâu xương bánh chè số 7	Hộp/ 12 tép	Miếng	100	Chỉ thép 316L khâu xương bánh chè số 7, dài 60cm, kim HS120	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
174	Chỉ thép số 5	H/ 12 tép	Tép	240	Chất liệu 316L chỉ dài 45cm, tép 04 sợi, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 48mm ,Kim Short Cutting phủ silicone.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
175	Chỉ tơ tằm thiên nhiên - cỡ 1/0 màu đen, không kim, 1 sợi dài 75cm	Hộp/ 12 tép	Tép	240	Chỉ không tan tự nhiên được làm từ 100% tơ tằm tự nhiên phủ ngoài bằng Nusil Med 2174 silicon. Kim được làm bằng thép không gỉ AISI 420, thép 302. Cỡ chỉ số 0, 75cm x 10 sợi, không kim.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
176	Chỉ tơ tằm thiên nhiên - cỡ 2/0 dài 75cm, kim tam giác dài 24mm	Hộp/ 12 tép	Tép	960	Chỉ không tan tự nhiên được làm từ 100% tơ tằm tự nhiên phủ ngoài bằng Nusil Med 2174 silicon. Kim được làm bằng thép không gỉ AISI 420, thép 302. Cỡ chỉ số 2/0 dài 75cm. Kim DS 3/8C 24mm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
177	Chỉ tơ tằm thiên nhiên - cỡ 2/0 dài 75cm, kim tròn dài 26mm	Hộp/ 12 tép	Tép	696	Chỉ không tan tự nhiên được làm từ 100% tơ tằm tự nhiên phủ ngoài bằng Nusil Med 2174 silicon. Kim được làm bằng thép không gỉ AISI 420, thép 302. Cỡ chỉ số 2/0 dài 75cm. Kim HR 1/2C 26mm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
178	Chỉ tơ tằm thiên nhiên - cỡ 2/0 không kim, 1 sợi dài 75cm	H/ 24 tép	Tép	600	Chỉ không tan tự nhiên Silk số 2/0, dài 75 cm, không kim, 12 sợi x 75 cm, đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai, chống thủng, xé không rách	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
179	Chỉ tơ tằm thiên nhiên - cỡ 3/0 dài 75cm, kim tam giác dài 18mm	Hộp/ 12 tép	Tép	2.000	Chỉ không tan tự nhiên được làm từ 100% tơ tằm tự nhiên phủ ngoài bằng Nusil Med 2174 silicon. Kim được làm bằng thép không gỉ AISI 420, thép 302. Cỡ chỉ số 3/0 dài 75cm. Kim DS 3/8C 18mm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
180	Chỉ tơ tằm thiên nhiên - cỡ 3/0 dài 75cm, kim tròn dài 26mm	Hộp/ 12 tép	Tép	1.500	Chỉ không tan tự nhiên được làm từ 100% tơ tằm tự nhiên phủ ngoài bằng Nusil Med 2174 silicon. Kim được làm bằng thép không gỉ AISI 420, thép 302. Cỡ chỉ số 3/0 dài 75cm. Kim HR 1/2C 26mm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
181	Chỉ tơ tằm thiên nhiên - cỡ 3/0 không kim, 1 sợi dài 75cm	H/ 24 tép	Tép	120	Chỉ không tan tự nhiên Silk số 3/0, dài 75 cm, không kim, 12 sợi x 75 cm, đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai, chống thủng, xé không rách	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
182	Chỉ tơ tằm thiên nhiên - cỡ 5/0 dài 75cm, kim tam giác dài 18mm	H/ 24 tép	Tép	620	Chỉ không tan tự nhiên Silk số 5/0, dài 75 cmkim tam giác 3/8c, dài 16 mm, kim thép series 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde, đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai, chống thủng, xé không rách	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
183	Chỉ Trustigut (C) (Chromic Catgut) 4/0, kim tròn 26mm	H/ 24 tép	Tép	240	Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic Catgut số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm, kim thép series 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde, đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai, chống thủng, xé không rách	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
184	Chỉ Trustigut (Chromic Catgut) cỡ 1, kim tròn dài 40 mm	H/ 24 tép	Tép	240	Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic Catgut số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm, kim thép series 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde, đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai, chống thủng, xé không rách	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
185	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi số 6/0, có kim	Hộp/ 36 tép	Tép	150	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene 6/0, chỉ dài 75cm, 2 kim tròn 3/8 vòng tròn DR 10mm, làm bằng thép không gỉ phủ silicon. Đóng gói và tiệt trùng từng tép.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
186	Chỉ tan cực chậm đơn sợi Poly 4 hydroxybutyrate số 1, dài 90cm, 1 kim x HR40S phủ silicon 1/2C, Đóng gói 02 lớp DDP		Tép	1.000	Chỉ tan cực chậm đơn sợi Poly 4 hydroxybutyrate số 1, chỉ dài 90cm, kim tròn 1/2 vòng tròn, kim thân dẩy dài 40mm, phủ silicon. Đóng gói và tiệt trùng từng tép.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
187	Chỉ không tiêu, đơn sợi Polyamide 2/0 75cm 24mm	Hộp 36 sợi	Sợi	1.620	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid số 2/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn DS 24mm, làm bằng thép không giphủ silicon.Đóng gói và tiệt trùng từng tép.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
188	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate (72% Glycolic + 14% Caprolacton + 14% Trimethylene) ma2u trắng số 5/0, chỉ dài 70cm	Hộp 36 tép	Tép	288	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate số 4/0, chỉ dài 70cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 22mm phủ silicone. .Đóng gói và tiệt trùng từng tép.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
189	Chỉ Monosyn 1, kim tròn 40mm (2022468) hoặc tương đương		Tép	72	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate số 1, chỉ dài 90cm, kim tròn thân dẩy 1/2 vòng tròn dài 40mm phủ silicone. Đóng gói và tiệt trùng từng tép.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
190	Chỉ khâu liền kim các loại, các cỡ - Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi Polyglactin 370 và Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn, số 1 dài 90cm, kim tròn đầu tròn taper CT dài 40mm 1/2 vòng tròn <> hoặc tương đương		Tép	500	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin số 1, chỉ dài 90 cm, kim tròn thân dày, 1/2 vòng tròn 40mm, công nghệ kim Easyslide, làm bằng thép không gỉ phủ silicon. Đóng gói và tiệt trùng từng tép.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
191	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 6/0, dài 45cm - 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn DS 10mm - 12mm	Hộp 36 tép	Tép	360	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid số 6/0, dài 45cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn 12mm, công nghệ kim Easyslide, làm bằng thép không gỉ phủ silicon. Đóng gói và tiệt trùng từng tép.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
192	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylen số 0, dài 75cm, kim phủ silicone tròn 1/2C dài 30mm	Hộp 36 tép	Tép	180	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene số 0, chỉ dài 75cm, kim tròn 1/2 vòng tròn 30mm, công nghệ kim CV Pass, làm bằng thép không gỉ phủ silicon. Đóng gói và tiệt trùng từng tép.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
193	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide 6.6, số 10/0, chỉ dài 30cm, 02 kim hình thang 3/8 vòng tròn dài 6mm đầu kim micro	Hộp 12 tép	Tép	24	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 6, số 10/0, chỉ dài 30cm, 02 kim hình thang 3/8 vòng tròn dài 6mm đầu kim micro. công nghệ kim Easyslide, làm bằng thép không gỉ phủ silicon. Đóng gói và tiệt trùng từng tép.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
NHÓM 4: VẬT TƯ TIÊU HAO DÙNG TRONG PHẪU THUẬT CỘT SỐNG						
194	Bộ kim và mũi khoan đốt sống số 3	1 cái / hộp	Bộ	100	Hợp kim y tế cao cấp gồm: 02 Ống rỗng nòng đk 4.2mm, mũi khoan thân đốt sống cỡ 3, kim mũi nhọn và kim đầu tù./	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
195	Bộ trộn xi măng kín PICOMIX-V	1 bộ/ hộp	Bộ	20	Bao gồm 01 bộ trộn, 01 phễu rót, 04 xi lanh (với tay cầm cứng) để bơm xi măng. Bộ trộn này cho phép chuẩn bị tới 40g xi măng gốc Acrylic, được chế tạo bằng vật liệu không có cao su .	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
196	Bơm áp lực đẩy xi măng vào kim chọc dưa xi măng và bộ trộn	1 cái / hộp	Bộ	100	Vật liệu: Thép không gỉ, nhựa y tế, tiệt trùng sẵn. Bao gồm: 01 tay trộn, 01 thân bộ trộn dung tích 70cc trong đó có cơ chế khóa Luer, 01 pittong áp lực để đẩy xi măng vào kim chọc, 01 phễu đổ xi măng vào bộ trộn, 01 dây hút chân không, 01 bộ kết nối với khóa Luer trên thân bộ trộn, 01 xy lanh để hút dung dịch pha vào xi măng thể tích 10ml, 01 kim tiêm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
197	Bơm xi măng áp lực cao V-HP	1 bộ/ hộp	Cái	20	Súng bơm áp lực cao dùng để bơm xi măng vào thân đốt sống. Tay vặn chữ T có ren rộng cho phép kiểm soát tốt quá trình bơm trong điều kiện áp suất cao. Bơm có cửa sổ quan sát rộng trong quá trình thao tác. Thân bơm có vạch chia dung tích chứa xi măng. Xi-lanh bơm được thiết kế tách rời với tay cầm giúp cho việc hút xi măng được dễ dàng. Trên bơm có thiết kế công tắc để có thể dừng quá trình bơm bất cứ lúc nào cũng như giảm áp lực bơm khi cần thiết.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
198	Bóng nong thân đốt sống các cỡ	1 cái / hộp	Cái	100	Vật liệu bằng thép 304, hợp kim y tế và nhựa. Nhiều size và kích cỡ. Có 2 điểm cản quang kiểm soát độ sâu làm bằng vật liệu Platium (90%), Iridium (10%). Size 10/3 sau khi bơm bóng tối đa 4cc thì có đk bóng nong tối đa là 15.6mm, chiều dài tối đa là 17.3mm. Size 15/3 sau khi bơm bóng tối đa 4cc thì có dk bóng nong tối đa là 14.3mm, chiều dài tối đa là 19.7mm. Size 20/3 sau khi bơm bóng tối đa 6cc thì có dk bóng nong tối đa là 15.8mm, chiều dài tối đa là 28.2mm. Khi kết hợp với xilanh bơm phồng bóng có hiển thị áp lực qua màn hình LCD thì áp lực tối đa là 400 psi trong xương xốp.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
199	CastleLoc C - Miếng ghép đĩa đệm cột sống cổ có mặt cong các cỡ	Hộp/ cái	Cái	20	Đĩa đệm cột sống cổ góc ưỡn 7° dùng trong phẫu thuật cột sống cổ lối trước - Chất liệu: polymer polyether ether ketone (PEEK) - Kích thước: ngang x dài 12 x 14mm/ 14 x 17mm, cao 5mm - 10mm - Thiết kế: đĩa đệm cong lồi, góc ưỡn 7°, có khoang ghép xương tương ứng với chiều cao đĩa lần lượt 5mm/2.19cc, 6mm/2.63cc, 7mm/3.07cc, 8mm/3.52cc, 9mm/3.96cc, 10mm/ 4.41mm. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA Hoặc tương đương loại CastleLoc-C	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
200	Đầu dò đã tiệt trùng tương thích với hệ thống theo dõi thần kinh cột sống	Gói/1 Cái	Cái	6	Đầu dò đã tiệt trùng tương thích với hệ thống theo dõi thần kinh cột sống NVM5. Đầu tròn, có nút kích thích điện trên tay cầm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
201	Đĩa đệm cổ nhân tạo Move-C	Hộp/ cái	Cái	10	"Đĩa đệm cổ nhân tạo chuyển động sinh lý 6 mặt phẳng, có giảm xốc trục dọc End plates bằng titanium tăng độ bám xương. Độ hao mòn thấp và không sử dụng UHWMPE. Kích thước : 16x15mm, cao 5/6/7/8mm 18x15mm, cao 5/6/7/8mm Tương thích trợ cụ Đạt tiêu chuẩn : ISO, CE	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
202	Đĩa đệm cột sống cổ, bằng Peek, cong lồi, các cỡ	cái/ gói	Cái	10	Kích thước 12x14mm/ 14x17mm, cong lồi upper convex, cao 5-10mm, khoang ghép xương tương ứng các size 12x14mm 5mm/2.19cc, 6mm/2.63cc, 7mm/3.07cc, 8mm/3.52cc, 9mm/3.96cc, 10mm/ 4.41mm. Có 3 điểm đánh dấu : 2 điểm cách mép trước 1.3mm, 1 điểm cách mép sau 2.2mm. Chất liệu PEEK Optima. Tương thích trợ cụ L&K Biomed	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
203	Đĩa đệm cột sống cổ, góc nghiêng 0 độ và 5 độ	Gói/1 Cái	Cái	20	Vật liệu: PEEK. Chiều cao: 5mm - 12mm, bước tăng 1mm. Chiều rộng: 14mm, 15mm. Chiều sâu: 11mm, 13mm. Có điểm cản quang. Khung đĩa đệm lớn chống lún.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
204	Đĩa đệm cột sống cổ, vật liệu PEEK các cỡ	1 cái / hộp	Cái	10	Vật liệu: PEEK OPTIMA. Hai bề mặt có răng. Số điểm đánh dấu cản quang: 3 điểm bằng vật liệu Titanium. Chiều rộng: 11mm, 14mm, 16mm và 18mm. Chiều cao: 4, 5, 6, 7, 8 và 9mm. Chiều sâu: 11, 14mm và 16mm. Độ ưỡn: 4 độ. Dung tích khoang ghép xương: 0.12-0.26cc. Đóng gói trong hộp đã được tiệt trùng.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
205	Đĩa đệm cột sống lưng dạng cong, vật liệu PEEK, các cỡ	1 cái / hộp	Cái	100	Vật liệu: PEEK. Đầu hình viên đạn, có răng. Số điểm đánh dấu cản quang: 4 điểm. Chiều dài: 25, 30 và 36mm. Chiều cao: 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 và 15mm. Chiều rộng trước /sau : 10mm. Độ ưỡn: 6 độ. Diện tích bề mặt 133mm2 với chiều dài 25mm, 156mm2 với chiều dài 30mm, 180mm2 với chiều dài 36mm. Khoang ghép xương từ: 0.3 - 1.62 cc tùy kích thước. Đóng gói trong hộp đã được tiệt trùng. Có 2 đầu gắn dụng cụ để đặt gắn thẳng 0 độ hoặc gắn nghiêng 15 độ.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
206	Đĩa đệm cột sống lưng loại cong có 2 khoang nhồi xương	Gói/1 cái	Cái	300	Đầu miếng ghép được thiết kế hình viên đạn giúp dễ dàng khi đặt. Vật liệu : PEEK. Chiều rộng: 9mm, 11mm. Chiều dài: 25mm. Chiều cao: 8mm,9mm, 10mm,11mm, 12mm,13mm, 14mm. Độ ưỡn: 8 độ. Có 3 điểm cản quang (1 điểm lớn, 2 điểm nhỏ).	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
207	Đĩa đệm cột sống lưng, loại thẳng dùng trong phẫu thuật cột sống lối bên	Gói/1 Cái	Cái	4	Độ ưỡn : 10 độ hoặc 0 Độ. Chiều cao: 8, 10, 12, 14 mm. Chiều rộng: 18mm. Chiều dài: 40, 45 mm. Có 2 khoang nhồi xương.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
208	Đĩa đệm cột sống lưngloại cong, dùng trong phẫu thuật TLIF	Cái	Cái	15	Vật liệu : PEEK. Chiều cao : 8 → 14mm, bước tăng 1mm. Chiều rộng 11mm, chiều dài 34mm. Thiết kế cong hình trái chuối, có các điểm đánh dấu để chụp X-quang và có 2 khoang lớn để nhét xương.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
209	Đĩa đệm lưng điều chỉnh độ cao AccelFix	Hộp/ cái	Cái	50	Đĩa đệm cột sống lưng điều chỉnh độ cao dùng trong phẫu thuật cột sống - Chất liệu Titanium - Kích thước : - Loại cao 8-12mm : đĩa rộng 11mm, dài 27mm (closed), dài 22mm (expanded) - Loại cao 10-14mm : đĩa rộng 11mm, dài 28mm (closed), dài 22mm (expanded) - Thiết kế: đĩa có đầu bullet nhỏ, độ ưỡn 0°, 8°, 15°, đĩa có thể chỉnh được độ cao - Hỗ trợ lắp đặt máy - Tiêu chuẩn ISO/ CE/ FDA Hoặc tương đương loại đĩa đệm lưng điều chỉnh độ cao AccelFix	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
210	Đĩa đệm lưng, dạng cong, bằng PEEK	cái/ gói	Cái	10	Chất liệu PEEK-OPTIMA® LTl đạt chuẩn ASTM F2026. Độ nghiêng 0°, 4°, 8°, cao 7-16mm. Tương thích trợ cụ L&K Biomed.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
211	Đĩa đệm TLIF-Kidney	Cái/gói	Cái	25	Vật liệu: PEEK (ASTM F2026) và Titanium Alloy Ti-6A1-4V ELI (ASTM F136); Hình cong (hình trái chuối, hạt đậu); Hai mặt lồi;, có thiết kế răng cưa, độ dày răng cưa 0,7mm; Khoang nhồi xương lớn từ 0,4cc đến 1,5cc tùy size; Có 3 điểm đánh dấu bằng Titanium; Chiều rộng: 11mm đến 13mm; Chiều dài 25mm đến 30mm; Đường kính: 7,8,9,10,11,12,13 mm; Bán kính cong từ 28 đến 34mm; Góc nghiêng: 0 độ đến 10 độ; Đĩa đệm có thể xoay một góc từ 10 độ đến 90 độ khi đặt.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
212	Kẹp clip kích thích và kích hoạt nội dòng tương thích với hệ thống theo dõi thần kinh cột sống NVM5	Cái	Cái	10	Kẹp clip kích thích và kích hoạt nội dòng tương thích với hệ thống theo dõi thần kinh cột sống NVM5	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
213	Kim chọc dò cuống sống qua da, hợp 2 kim, mổ can thiệp tối thiểu	Hộp/2 Cái	Cái	10	Tương thích hệ thống vít công nghệ ngàm xoắn (Helical Flanges) can thiệp tối thiểu. Đầu có ren khóa Luer Lock, có vạch chia độ sâu. Tương thích với hệ thống theo dõi thần kinh trong phẫu thuật cột sống (NVM5). Hộp tiệt trùng sẵn, gồm 2 kim, mũi vát và mũi nhọn hình kim cương.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
214	Kim chọc dò cuống sống SEXTANT	2 kim / hộp	Cái	40	Vật liệu: Thép không gỉ và polymer (nhựa y tế). Kim được thiết kế với 2 đường kính: phía mũi đường kính nhỏ và phía sau đường kính lớn hơn, giúp dễ dàng đưa kim vào thân đốt sống qua cuống sống. Tay cầm có khóa có thể tháo rời. Chiều dài 150mm/232.89mm. Gồm hai phần: phần kim bên ngoài với đường kính 4.191mm và nòng bên trong với đường kính 3.175mm. Có các loại mũi vát, trocar và mũi vát dạng trocar.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
215	Kim chọc dò cuống sống, 11 Gauge - Kyph	1 cái / hộp	Cái	150	Vật liệu : Thép 304 và nhựa y tế. Bao gồm: Kim mũi kim cương và trocar. Kích cỡ 11 Gauge.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
216	Kim chọc dò thân đốt sống V-ACCESS	1 cái/ hộp	Cái	40	Kim được chế tạo hoàn toàn bằng vật liệu thép không rỉ AISI 304. Các vạch đo độ sâu trên thân kim cho phép quan sát và định vị chính xác vị trí của kim trong quá trình phẫu thuật. Đầu kim được chế tạo với dạng vát. Thân kim có cỡ 11G, chiều dài từ 120 - 150mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
217	Kim nhồi xi măng vào đốt sống, size 3	1 cái / hộp	Cái	150	Vật liệu: Thép 304 và nhựa. Bao gồm: 01 ống rỗng nòng có đường kính 8 gauge (4.2mm); 01 kim chọc đẩy xi măng có vạch chia dung tích ; Dung tích 1.5cc, cỡ 3	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
218	L&K- Miếng ghép đĩa đệm lưng TLIF loại cong các cỡ	cái/ gói	Cái	100	Đĩa đệm cột sống lưng dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu: polymer polyether ether ketone (PEEK), đánh dấu chất liệu Tantalum - Kích thước: độ nghiêng 0°, 4°, 8°, cao 7 - 16mm, 28mm/30mm/32mm, rộng 11mm - Thiết kế: đầu cong, thân đĩa thon gọn - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA Hoặc tương đương loại LnK TLIF	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
219	Lồng Titan tạo hình đốt sống lưng 13 mm x 70 mm	1 cái / gói	Cái	10	Vật liệu: Titanium. Đường kính: 13mm. Dài 70mm. Dạng hình trụ tròn có mắt lưới hình tam giác.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
220	Lồng Titan tạo hình đốt sống lưng 16 mm x 60 mm	1 cái / gói	Cái	10	Vật liệu: Titanium. Đường kính: 16mm. Dài 60mm. Dạng hình trụ tròn có mắt lưới hình tam giác.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
221	Lồng Titan tạo hình đốt sống lưng 19 mm x 90 mm	1 cái / gói	Cái	10	Vật liệu: Titanium. Đường kính: 19mm. Dài 90mm. Dạng hình trụ tròn có mắt lưới hình tam giác.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
222	Miếng ghép đĩa đệm cột sống cổ, tự khóa kèm 3 vít tự taro	Gói/1 Cái	Cái	12	Cơ chế tự khóa bằng vòng đệm đã được đặt sẵn trong miếng ghép đĩa đệm. Có tam giác chỉ dẫn để xác nhận việc khóa vít. Vật liệu : PEEK và hợp kim Titan. Chiều rộng: 17mm. Độ sâu: 14mm. Chiều cao: 5mm - 12mm, bước tăng 1mm. Độ ưỡn 7 độ. Có 1 điểm cản quang cách bờ sau 1mm. Vít đặt vít cố định hướng 40 độ. Vít tự taro. Đường kính: 4.0mm và 4.5mm. Chiều dài: 12mm đến 16mm, bước tăng 1mm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
223	Module điện cực dán tương thích với hệ thống theo dõi thần kinh cột sống NVM5 cho điện thế gợi vận động, điện cơ MEP/EMG	Gói/1 Cái	Cái	2	Module kim điện cực tương thích với hệ thống theo dõi thần kinh cột sống NVM5 cho điện thế gợi vận động, điện cơ MEP/EMG	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
224	Module kim điện cực tương thích với hệ thống theo dõi thần kinh cột sống NVM5 cho điện thế gợi vận động, điện cơ MEP/EMG	Gói/1 Cái	Cái	6	Module điện cực dán tương thích với hệ thống theo dõi thần kinh cột sống NVM5 cho điện thế gợi vận động, điện cơ MEP/EMG	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
225	Mũi khoan ngược sử dụng cho kỹ thuật all inside	1 cái/ hộp	Cái	50	Kích thước: Chiều dài thân trục: 23.5cm (Không bao gồm chiều dài đầu); Đường kính thân mũi khoan: 3.5mm; Đường kính khoan đường hầm: Kích thước 6-13mm với kích thước có sẵn 6.5-9.5mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
226	Nắp khóa trong vít cổ sau LnK CastleLoc-S	Hộp/ cái	Cái	30	Chất liệu Ti-6Al-4V ELI, đạt chuẩn ASTM F136 Kích thước : M7 * 1.0P Đạt tiêu chuẩn : CE, FDA	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
227	Nẹp chẩm cổ Titanium các cỡ VERTEX	1 cái / gói	Cái	30	Nẹp để bắt chẩm cổ lối sau. Uốn sẵn, đường kính 3.2mm, dài 200mm. Tương thích với vít xốp/cứng đa trục cột sống cổ lối sau.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
228	Nẹp cổ LnK CastleLoc-P	bộ/gói	Bộ	20	Chất liệu Titanium Ti-6Al-4V ELI đạt chuẩn ASTM F136. Cơ chế khóa riêng lẻ, lực khóa vít 126N, độ cong nẹp R120/ R200. Kích thước : 1 tầng : dài 19-35mm (tăng 2mm)/ 2 tầng : dài 35-51mm (tăng 2mm)/ 3 tầng : dài 48-72mm (tăng 3mm)/ 4 tầng : dài 65-79mm (tăng 4). Vít khóa/ đa hướng tự taro/ tự khoan, đường kính 3.5/ 4.0mm, dài 12-18mm. Tương thích trợ cụ LnK Đạt tiêu chuẩn : ISO, CE, FDA	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
229	Nẹp cổ mỏng, khóa riêng lẻ, chất liệu Titanium Ti-6A1-4V	Cái/ gói	Bộ	20	Cơ chế khóa riêng lẻ, lực khóa vít 126N, độ cong nẹp R120/ R200. Kích thước : ngang 17mm, dài 19-35mm (1 tầng)/ 35-51mm (2 tầng), 48-72mm (3 tầng), 65-79mm (4 tầng). Vít khóa/ đa hướng tự taro/ tự khoan, đường kính 3.5/ 4.0mm, dài 10-22mm. Chất liệu Titanium Ti-6Al-4V ELI	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
230	Nẹp cổ trước kèm khóa mũ vít 19 - 30 mm	1 cái / gói	Cái	30	Vật liệu: Hợp kim Titanium. Dài từ 19mm đến khoảng 30mm (khoảng cách chênh nhau giữa các nẹp là 2mm hoặc 2,5mm). Trên nẹp có khóa vít. Xoay 90 độ để khóa vít. Có điểm khuyết để xác định điểm giữa của nẹp. Có lỗ rộng để quan sát miếng ghép/ xương ghép. Chiều dày nẹp (A-P): 2.5mm. Chiều rộng: chỗ rộng nhất 17.8mm. Bán kính cong dọc 184mm, bán kính cong ngang 25mm. Cho phép bắt với vít đơn hướng có góc nghiêng 12 độ và vít đa hướng có góc nghiêng 22 độ. Đồng bộ với vít đơn hướng/ đa hướng tự taro đường kính 4.0mm và 4.5mm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
231	Nẹp cổ trước kèm khóa mũ vít 32.5mm đến 60mm	1 cái / gói	Cái	30	Vật liệu: Hợp kim Titanium. Dài từ 32.5 đến 47.5mm (khoảng cách chênh nhau giữa các nẹp là 2mm và 2,5mm). Trên nẹp có khóa vít. Xoay 90 độ để khóa vít. Có điểm khuyết để xác định điểm giữa của nẹp. Đồng thời có lỗ rộng để quan sát miếng ghép/ xương ghép. Chiều dày nẹp (A-P): 2.5mm. Chiều rộng: chỗ rộng nhất 17.8mm. Bán kính cong dọc 184mm, bán kính cong ngang 25mm. Góc nghiêng của vít đơn hướng: 12 độ. Góc nghiêng của vít đa hướng tối đa: 22 độ. Đồng bộ với vít đơn hướng/ đa hướng tự taro đường kính 4.0mm và 4.5mm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
232	Nẹp cổ trước kèm khóa mũ vít 62.5mm đến 80mm	1 cái / gói	Cái	30	Vật liệu: Hợp kim Titanium. Dài từ 50 đến 67.5mm (khoảng cách chênh nhau giữa các nẹp là 2mm và 2,5mm). Chiều dày nẹp (A-P): 2.5mm. Chiều rộng: chỗ rộng nhất 17.8mm.- Bán kính cong dọc 184mm, bán kính cong ngang 25mm. Góc nghiêng của vít đơn hướng: 12 độ. Góc nghiêng của vít đa hướng tối đa: 22 độ. Đồng bộ với vít đơn hướng/ đa hướng tự taro đường kính 4.0mm và 4.5mm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
233	Nẹp cột sống cổ trước kèm vòng xoắn tự khóa đầu mũ vít, các cỡ	Gói/1 Cái	Cái	30	Cơ chế tự khóa đầu mũ vít bằng vòng xoắn. Góc xoay của vít đa hướng so với nẹp là nhỏ hơn hoặc bằng 20 độ. Độ dày nẹp: 2.4mm. Chiều rộng lớn nhất là : 16mm. Chiều dài : Từ 20mm đến 70mm, bước tăng 2mm. Chiều dài: Từ 70mm đến 90mm, bước tăng 4mm. Vật liệu: Hợp kim Titan.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
234	Nẹp dọc các cỡ SEXTANT	1 cái / gói	Cái	80	Vật liệu: Titanium. Uốn cong sẵn, đường kính 5.5mm. Dài từ 30mm đến 130mm, bước tăng 5mm. Đồng bộ với vít cột sống qua da và vít khóa trong cột sống thắt lưng qua da có chiều dài ban đầu là 10.38mm, chiều dài sau khi vặn đủ lực là 4.65mm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
235	Nẹp dọc CastleLoc-S, dài 100mm	Cái/ gói	Cái	12	Đường kính 3.5mm, dài 100mm. Chất liệu Ti-6Al-4V ELI. Tương thích vít trược cổ sau CastleLoc-S.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
236	Nẹp dọc cổ sau LnK CastleLoc-S	Cái/ gói	Cái	20	Chất liệu Ti-6Al-4V ELI, đạt chuẩn ASTM F136 Đường kính 3.5mm, dài 100mm. Tương thích vít cổ sau CastleLoc-S. Tương thích vít cổ sau và trợ cụ Đạt tiêu chuẩn : ISO, CE, FDA (Hoặc tương đương)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
237	Nẹp dọc cột sống lưng dài 120 -> 200m, đường kính 5,5/6,0mm	Gói/ 1 cái	Cái	20	Dùng trong phẫu thuật cột sống	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
238	Nẹp dọc cứng Legacy	1 cái / gói	Cái	100	Nẹp dọc cứng đường kính 5,5mm: Chất liệu: Hợp kim Titanium. Dài 500mm, trong đó 494mm hình trụ tròn và đầu 6mm hình lục lăng dùng để xoay nẹp. Nẹp dọc đồng bộ với vít đa trục/ đơn trục và vít khóa trong tự gãy có chiều dài ban đầu là 13.13 mm, chiều dài sau khi vặn đủ lực là 4.65mm (chưa tính điểm khuyết của vít khóa trong).	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
239	Nẹp dọc LnK OpenLoc-L, dài 40-200mm	Gói/ 1 cái	Cái	20	Chất liệu Titanium 6Al-4V ELI Alloy, đạt chuẩn ASTM F136 Kích thước : - Thanh dọc tròn thẳng : dài 40 - 200mm (tăng 10mm), đường kính 5.5mm/ 6.0mm - Thanh dọc uốn sẵn: dài 40-120mm (tăng 10mm), bán kính cong R155, đường kính 5.5mm/6.0mm Tương thích vít lnk và trợ cụ Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA (hoặc tương đương)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
240	Nẹp dọc lưng LnK, dài 50-200mm	Cái/ gói	Cái	40	Dài 50-200mm, đường kính 5.5mm/ 6.0mm. Tương thích vít cột sống lưng đầu nhỏ 15.2mm/ 16.2mm, góc xoay 45 độ, đường kính 4mm-8.5mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
241	Nẹp dọc Nova MISS	cái/ gói	Cái	20	Nẹp dọc cột sống lưng dùng trong phẫu thuật ít xâm lấn cột sống lưng, ngực lối sau - Chất liệu: Titanium - Đường kính 5.5mm, dài 40 - 150mm - Thiết kế: uốn cong sẵn. 1 đầu thuôn nhọn, 1 đầu gắn - Tương thích với vít đa trục 1/4 ống cùng hãng - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA Hoặc tương đương với nẹp dọc Nova MISS	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
242	Nẹp dọc tương thích vít cột sống mổ xâm lấn tối thiểu LnK	Cái/ gói	Cái	30	Chất liệu Titanium 6Al-4V ELI Alloy, đạt chuẩn ASTM F136 Đầu rod có ngàm gắn vào trợ cụ luồn rod pathloc-l mis, mũi vít thuôn nhọn, đường kính rod 6.0mm Kích thước : - Thanh dọc cong uốn sẵn: dài 35-80mm (tăng 5mm), 80-120mm (tăng 10mm) bán kính cong R155, - Thanh dọc tròn thẳng : dài 100 - 200mm (tăng 10mm) Tương thích vít lnk và trợ cụ Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA (hoặc tương đương)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
243	Nẹp dọc vít bơm xi măng ReBorn Essence	cái/ gói	Cái	30	Nẹp dọc cột sống lưng dùng trong phẫu thuật cột sống ngực, lưng, thắt lưng ở người bệnh loãng xương - Chất liệu: Titanium - Đường kính 5.5mm, dài 40 - 200mm - Thiết kế: bề mặt trơn láng, - Tương thích vít đa trục cùng hãng - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA Hoặc tương dương nẹp dọc ReBorn Essence Lumbar	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
244	Nẹp dọc xâm lấn tối thiểu, bằng titanium, dài 50-200mm	Cái/ gói	Cái	20	Chất liệu Ti-6Al-4V ELI đạt chuẩn ASTM F136. Đường kính : 6.0mm, dài 50-200mm. Tương thích với Vít cột sống mổ xâm lấn tối thiểu. Tương thích trợ cụ LnK	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
245	Nẹp nối dọc cột sống lưng dùng cho vít công nghệ khóa ngàm xoắn	Gói/1 cái	Cái	200	Tương thích với vít công nghệ khóa ngàm xoắn. Chất liệu: Hợp kim Titan. Đường kính: 5.5mm. Chiều dài: 500mm. Có vạch chỉ dẫn chạy dọc trên nẹp.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
246	Nẹp nối dọc mổ can thiệp tối thiểu qua da, uốn sẵn.	Gói/1 Cái	Cái	30	Tương thích với vít công nghệ khóa ngàm xoắn (Helical Flanges). Uốn sẵn, một đầu tù hình viên đạn. Chiều dài: 20mm - 160mm. Đường kính: 5.5mm. Vật liệu: Titanium	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
247	Nẹp nối ngang các cỡ CDM8	1 cái / gói	Cái	20	Vật liệu: hợp kim Titanium. Nẹp nối ngang tương thích với đường kính nẹp dọc 5.5mm. Chiều dài từ : 10mm - 75mm (0.375 inch - 2.95 inch). Kèm theo 02 ốc khóa trong để siết chặt vào thanh dọc đường kính 5.5mm. Màu sắc: màu xanh da trời, ốc khóa trong màu vàng.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
248	Nẹp nối ngang cột sống lưng LnK crosslink	Cái/ gói	Cái	30	Nẹp ngang lưng dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực - Chất liệu: Titanium 6Al-4V ELI Alloy - Dài: loại nhỏ (30mm-34mm), nhỡ (34mm-42mm/40-48mm/40-54mm), lớn (42-64mm) và cỡ đại (50-74mm) - Thiết kế: Có móc 2 đầu có thể điều chỉnh độ dài (dùng cho cột sống lưng). - Tương thích vít cột sống lưng đầu nhỏ ren đôi cùng hãng. - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA Hoặc tương đương nẹp nối ngang lưng Crosslink	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
249	Nẹp nối ngang Crosslink bằng Ti6A14V, các cỡ	Cái/ gói	Cái	10	Dài 29-34mm/ 34-42mm/ 42-58mm. Chất liệu Ti-6Al-4V ELI, đạt chuẩn ASTM F136. Tương thích vít trược cổ sau CastleLoc-S.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
250	Nẹp nối ngang Crosslink CastleLoc-S	Cái/ gói	Cái	20	Chất liệu Ti-6Al-4V ELI, đạt chuẩn ASTM F136 - Loại plate: 3 cỡ S/M/L, tương ứng chiều dài điều chỉnh 29-34mm/34-42mm/42-58mm - Loại bar : 3 cỡ S/M/L, tương ứng chiều dài điều chỉnh 29-34mm/34-42mm/42-58mm - Loại hybrid : 3 cỡ S/M/L, tương ứng chiều dài điều chỉnh 29-34mm/34-42mm/42-58mm Độ cao từ tâm rod đến nẹp ngang : 4.4mm Tương thích vít cổ sau và trợ cụ Đạt tiêu chuẩn : ISO, CE, FDA	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
251	Nẹp nối ngang Crosslink CastleLoc-S	Hộp/ cái	Cái	20	Chất liệu Ti-6Al-4V ELI, đạt chuẩn ASTM F136 - Loại plate: 3 cỡ S/M/L, tương ứng chiều dài điều chỉnh 29-34mm/34-42mm/42-58mm - Loại bar : 3 cỡ S/M/L, tương ứng chiều dài điều chỉnh 29-34mm/34-42mm/42-58mm - Loại hybrid : 3 cỡ S/M/L, tương ứng chiều dài điều chỉnh 29-34mm/34-42mm/42-58mm Độ cao từ tâm rod đến nẹp ngang : 4.4mm Tương thích vít cổ sau và trợ cụ Đạt tiêu chuẩn : ISO, CE, FDA	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
252	Nẹp nối ngang dùng cho vít khóa ngàm xoắn	Gói/1 Cái	Cái	100	Tương thích hệ thống vít khóa ngàm xoắn. Vật liệu: Hợp kim Titan Chiều dài: 20mm - 40mm, bước tăng 2.5mm. Chiều dài: 40mm - 60mm, bước tăng 5mm. Có thể uốn nẹp.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
253	Nẹp nối ngang lưng Crosslink LnK	Cái/ gói	Cái	10	Thanh ngang (nẹp nối ngang) có móc 2 đầu có thể điều chỉnh độ dài (dùng cho cột sống lưng). Chất liệu: Titanium Alloy Ti6Al4V (tiêu chuẩn ASTM F136). Chiều dài: loại nhỏ (30mm-34mm), nhỡ (34mm-42mm/40-48mm/40-54mm), lớn (42-64mm) và cỡ đại (50-74mm). Tương thích trợ cụ L&K Biomed.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
254	Nẹp nối rod/ vít cột sống lưng LnK	Hộp/ cái	Cái	30	Nẹp nối rod dùng trong phẫu thuật cột sống - Chất liệu Ti-6Al-4V ELI - Thiết kế: + Loại đồng trục nối rod-rod : các cỡ 20/22/24/26mm, tương thích vít đường kính 5.5mm - 6.35mm, 2 đầu mở + Loại bên side click nối rod-rod : các cỡ 20/22/24/26mm, tương thích vít đường kính 5.5mm - 6.35mm, 2 đầu mở + Loại bên lateral connector nối vít cánh chậu: các cỡ 15/20/25/30/35/40mm, 2 loại mở/ đóng - Hỗ trợ lắp đặt máy - Tương thích vít cổ sau cùng loại và trợ cụ - Tiêu chuẩn ISO/ CE/ FDA	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
255	Ống bơm phồng bóng có đồng hồ đo áp lực bóng - Kyphon	1 cái / hộp	Cái	70	Vật liệu: nhựa y tế. Dạng xilanh bơm phồng bóng có đồng hồ đo áp lực bóng, dạng xilanh có đồng hồ thể hiện áp lực qua màn hình LCD, áp lực bơm tối đa 400psi. Có 02 chế độ hiển thị là psi và atm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
256	Thanh dọc cột sống lưng dài 132-600mm	Cái	Cái	80	Tương đương mặt hàng SOCORE rod. Vật liệu hợp kim titan Ti6Al4V. Đường kính 5.5mm, chiều dài từ 132-600 mm, tương thích với hệ thống vít SOCORE	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
257	Thanh dọc cột sống lưng dài 40-120mm	Cái	Cái	80	Vật liệu hợp kim titan Ti6Al4V. Đường kính 5.5mm, chiều dài từ 40-120 mm, tương thích với hệ thống vít SOCORE	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
258	Thanh nối ngang đa hướng kèm ốc khóa	Cái	Cái	20	Vật liệu : hợp kim titan Ti6Al4V. Đường kính 5.5mm : chiều dài 45 →75mm, bước tăng 10mm. Thanh ngang có một đầu cố định và một đầu xoay đa hướng, linh hoạt về kích thước và góc xoay, dễ dàng kết nối với thanh dọc Ø 5.5mm. Tương thích với hệ thống vít và trợ cụ SOCORE.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
259	Thanh nối ngang kèm ốc khóa	Cái	Cái	12	Vật liệu : hợp kim titan Ti6Al4V. Đường kính 5.5mm : chiều dài 45 → 85mm, bước tăng 10mm. Thanh ngang có một đầu cố định và một đầu rời điều chỉnh được chiều dài, dễ dàng kết nối với thanh dọc Ø 5.5mm. Tương thích với hệ thống vít và trợ cụ SOCORE.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
260	Thanh nối ROD	Cái/gói	Cái	20	Vật liệu: Titanium Alloy Ti-6A1-4V ELI theo tiêu chuẩn ASTM F136; Thanh nối dọc tương thích và liên kết với các vít đơn trục, đa trục các loại; Kiểu dáng: dạng thanh tròn, một dấu phẳng hoặc hình lục giác; Đường kính 3,5mm và 5,5mm; Chiều dài từ 500mm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
261	Thanh nối ROD, chiều dài từ 100mm đến 160mm	Cái/ gói	Cái	10	Dùng trong phẫu thuật cột sống	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
262	Vít chân cung nén ép đa trục	Cái/ gói	Cái	40	Dùng trong phẫu thuật cột sống	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
263	Vít chân cung nén ép đơn trục	Cái/ gói	Cái	20	Dùng trong phẫu thuật cột sống	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
264	Vít chân cung phủ H.A đa trục	Cái/ gói	Cái	30	Dùng trong phẫu thuật cột sống	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
265	Vít chân cung phủ H.A đơn trục	Cái/ gói	Cái	10	Dùng trong phẫu thuật cột sống	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
266	Vít chân cung tiêu chuẩn đa trục	Cái/gói	Cái	100	Vật liệu: Titanium Alloy Ti-6A1-4V ELI theo tiêu chuẩn ASTM F136; Đầu vít tự taro, mũ vít hình hoa tulip, góc dao động 0-60 độ, mũ vít xoay tròn 360 độ; Đường kính thân vít từ 4,0mm đến 7,5mm, bước tăng 0,5mm; Chiều dài thân vít từ 20 đến 60mm mỗi bước tăng 5mm; Thân vít ren côn với góc côn chân ren 2 độ, kiểu ren hình xoắn giúp chống tháo vít, 2/3 ren trước bắt vào thân đốt sống, 1/3 ren sau bắt vào chân cung; Ốc khóa trong: lõi hình sao tương thích với tất cả vít đơn trục, đa trục.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
267	Vít cổ sau LnK CastleLoc-S	Cái/ gói	Cái	100	Chất liệu Ti-6Al-4V ELI, đạt chuẩn ASTM F136 Vít tự taro, đầy ren/ 1 phần ren. Đầu ngắn/ dài chỉnh trượt. Đường kính : 3.5mm/4.0mm Góc xoay : vít L10-20mm, góc xoay 92°, vít L22-40mm, góc xoay 77°, vít đầu dài góc xoay 88°. Đầu vít : dài 10.5mm, đường kính 9.4mm, đoạn tab vít đầu dài 5.5mm Thân vít : vít đầy ren (L10-20mm) lõi 2.4mm, (L22-40mm) lõi 3.0mm, vít 1 phần ren lõi 2.6mm. Tương thích trợ cụ Đạt tiêu chuẩn : ISO, CE, FDA	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
268	Vít cột sống đa trục LnK Screw	Cái/ gói	Cái	300	Chất liệu Titanium. Đầu vít nhỏ đơn trục 15.2mm, đa trục 16.2mm, góc xoay 45 độ, đường kính 4.5mm-8.5mm, dài 25-130mm. Đầu vít hình pot shape, sử dụng được loại rod 5.5 và 6.0mm. Mũi vít tự taro double seft taping. Trục vít & lõi vít dày (thicker hub & thicker core), cứng cáp, chống gãy anti-breakage. Vít có thiết kế ren đôi double thread, lõi hình nón conical core, 2 phần ren cortical & cancellous giúp bám xương chắc chắn. Tương thích bộ trợ cụ LnK.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
269	Vít cột sống đơn trục LnK Screw	Cái/ gói	Cái	100	Chất liệu Titanium. Đầu vít nhỏ đơn trục 15.2mm, đa trục 16.2mm, góc xoay 45 độ, đường kính 4.5mm-8.5mm, dài 25-130mm. Đầu vít hình pot shape, sử dụng được loại rod 5.5 và 6.0mm. Mũi vít tự taro double seft taping. Trục vít & lõi vít dày (thicker hub & thicker core), cứng cáp, chống gãy anti-breakage. Vít có thiết kế ren đôi double thread, lõi hình nón conical core, 2 phần ren cortical & cancellous giúp bám xương chắc chắn. Tương thích bộ trợ cụ LnK.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
270	Vít cột sống lưng đầu dài LnK OpenLoc-L	Hộp/ cái	Cái	100	Chất liệu Titanium 6Al-4V ELI Alloy, đạt chuẩn ASTM F136 Kích thước : - Đầu vít : đơn trục 27.2mm/ đa trục 28.2mm, đoạn tab bẻ dài 12mm, vít đa trục góc xoay 45 độ - Thân vít : đường kính 4.5/ 5.5/ 6.5/ 7.5/ 8.5mm, chiều dài 20mm-150mm Đầu vít hình pot shape, sử dụng được loại rod 5.5 và 6.0mm. Mũi vít tự taro double seft taping. Trục vít & lõi vít dày (thicker hub & thicker core), cứng cáp, chống gãy anti-breakage. Vít có thiết kế ren đôi double thread, lõi hình nón conical core, 2 phần ren cortical & cancellous giúp bám xương chắc chắn. Vít được mã hóa màu để nhận diện kích cỡ Tương thích trợ cụ Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
271	Vít cột sống lưng đầu nhỏ ren đôi lõi hình nón, 15,2mm/16,2mm, đường kính 4,5 -> 8,5mm, dài 25 -> 130mm	Gói/ 1 cái	Cái	80	Dùng trong phẫu thuật cột sống	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
272	Vít cột sống lưng LnK OpenLoc-L	Gói/ 1 cái	Cái	100	Vít cột sống lưng đầu nhỏ dùng cố định, chỉnh trượt, chỉnh hình cột sống ngực, lưng - Chất liệu: Titanium 6Al-4V ELI Alloy - Kích thước: Đường kính 4.5- 8.5mm, dài 25- 130mm - Thiết kế: Đầu vít và lõi hình nón, kích thước nhỏ 15.2mm/16.2mm, vít đa trục góc xoay 45 độ. Mũi vít tự tạo ren. Trục vít và lõi vít dày, cơ chế chống gãy vit. Vít có thiết kế ren đôi - Tương thích vít khoá trong đầu nhỏ cùng hãng - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA Hoặc tương đương vít cột sống lưng OpenLoc-L	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
273	Vít cột sống lưng mổ ít xâm lấn LnK PathLoc-L MISS	Hộp/ cái	Cái	100	Chất liệu Ti-6Al-4V ELI đạt chuẩn ASTM F136. Lòng vít rỗng, mũi vít tự taro, đầu vít dài dạng ống đóng, đoạn ren trong ống dài 30mm, vít được mã hoá màu để nhận biết kích cỡ Kích thước : - Đầu vít : dài 77mm (half sleeve) hoặc 127mm (long sleeve), đường kính 13.9mm - Thân vít : đường kính 5.5mm (vàng) /6.5mm (xanh) /7.5mm (tím), dài 30-60mm (bước tăng 5mm) Vít có thiết kế ren đôi double thread, 2 phần ren cortical & cancellous giúp bám xương chắc chắn. Mũi vít tự taro double self-taping tương thích vít khóa trong đường kính 9.7mm, cao 5.6mm - Lòng vít : rỗng, đường kính lòng 1.8mm, dùng k-wire dẫn đường 1.6mm Tương thích vít lưng mổ ít xâm lấn và trợ cụ Đạt tiêu chuẩn : ISO, CE, FDA	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
274	Vít cột sống lưng, đầu nhỏ	Cái/ gói	Cái	100	Chất liệu Titanium. Đầu vít nhỏ đơn trục 15.2mm, đa trục 16.2mm, góc xoay 45 độ, đường kính 4.5mm-8.5mm, dài 25-130mm. Đầu vít hình pot shape, sử dụng được loại rod 5.5 và 6.0mm. Mũi vít tự taro double seft taping. Trục vít & lõi vít dày (thicker hub & thicker core), cứng cáp, chống gãy anti-breakage. Vít có thiết kế ren đôi double thread, lõi hình nón conical core, 2 phần ren cortical & cancellous giúp bám xương chắc chắn. Tương thích bộ trợ cụ LnK.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
275	Vít cột sống, bằng titanium, tự taro	Cái/ gói	Bộ	30	Chất liệu Ti-6Al-4V ELI đạt chuẩn ASTM F136. Lòng vít rỗng, vít tự taro, đường kính 5.5-7.5mm, dài 30-60mm, đầu vít dài 77/127mm. Tương thích trợ cụ LnK	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
276	Vít đa trục các cỡ SEXTANT II	1 cái / gói	Cái	200	Vật liệu: hợp kim Titanium. Góc nghiêng tối đa giữa mũ vít và thân vít là 28 độ. Vít thiết kế rỗng nòng. Đường kính: 5.5, 6.5 và 7.5mm. Dài từ 30mm đến 50mm. Khoảng cách giữa 2 bước ren 2.75mm. Chiều cao mũ vít 16.1mm. Chiều rộng phần mũ vít phần song song với thanh dọc 10.65mm. Chiều rộng phần mũ vít phần vuông góc với thanh dọc 11.4mm. Góc nghiêng tối đa giữa mũ vít và thân vít là 28 độ. Đồng bộ với nẹp dọc qua da đường kính 5.5mm và ốc khóa trong tự gãy có chiều dài ban đầu là 10.38mm, chiều dài sau khi vặn đủ lực là 4.65mm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
277	Vít đa trục cột sống can thiệp tối thiểu qua da, công nghệ khóa ngàm xoắn, ren dẫn kép trên thân vít	Gói/1 Cái	Cái	44	Công nghệ khóa ngàm xoắn (Helical Flanges), giảm lực ngang đầu vít, giảm lực đan chéo vít . Thân vít thiết kế rỗng nòng toàn bộ. Thiết kế đầu vít: cao 15mm, góc quay 60 độ, có 8 điểm tương tác tiếp xúc. Vật liệu: Hợp kim Titan. Đường kính: 4.5mm, 5.5mm, 6.5mm, 7.5mm, 8.5mm. Chiều dài: 25mm đến 100mm, bước tăng 5mm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
278	Vít đa trục cột sống, công nghệ khóa ngàm xoắn, ren dẫn kép trên thân vít	Gói/1 cái	Cái	1.500	Công nghệ khóa ngàm xoắn (Helical Flanges) giúp giảm phát tán lực ngang lên đầu vít. Thiết kế đầu vít với Chiều cao đầu vít là 16mm, chiều cao chạy trên nẹp dọc là 9.7mm, chiều rộng đầu vít là 11.3mm. Thân vít đường ren dẫn kép, tự taro, khoảng cách ren đôi là 6mm, góc nghiêng giữa 2 ren là 60 độ. Cung xoay 60 độ, xoay đa chiều. Vật liệu: Hợp kim Titan. Đường kính: 4.0mm, 4.5mm, 5.0mm, 5.5mm, 6.5mm, 7.5mm, 8.5mm. Chiều dài: 25mm, 30mm, 35mm, 40mm, 45mm, 50mm, 55mm, 60mm. Tương thích với hệ thống theo dõi thần kinh trong phẫu thuật cột sống(NVM5).	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
279	Vít đa trục kèm ốc khóa trong	Cái	Cái	150	Vật liệu : hợp kim titan Ti6Al4V. Vít đa trục tự taro, góc xoay đa hướng 30°. Đường kính 4.0mm : chiều dài 25 → 45mm, bước tăng 5mm. Đường kính 5.0mm/ 5.5mm : chiều dài 30 → 55mm, bước tăng 5mm. Đường kính 6.0mm/ 6.5mm : chiều dài 30 → 60mm, bước tăng 5mm. Đường kính 7.0mm : chiều dài 35 → 60mm, bước tăng 5mm. Đường kính 8.0mm : chiều dài 35 → 50mm, bước tăng 5mm. Đầu vít : chiều cao 13.9mm x chiều rộng 9.8mm x chiều dài 13mm, trơn láng không làm tổn thương mô mềm, tương thích với thanh dọc Ø 5.5mm. Cổ vít : đường kính 5.2 mm, được gia cố giảm nguy cơ gãy. Thân vít : ren kép, gồm ren tứ ở vùng chân cung có bước ren 1.4mm tăng độ chắc chống nhổ vít và ren xương xốp có bước ren 2.8mm không làm yếu xương khi thực hiện phẫu thuật cột sống. Đi kèm với ốc khóa trong với vật liệu hợp kim titan Ti6A14V.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
280	Vít đa trục Legacy	1 cái / gói	Cái	550	Vật liệu: Hợp kim Titanium. Công nghệ cánh ren ngược. Vít có đường kính: 4.0 đến 8.5mm, chiều dài từ 20 - 70mm. Khoảng cách giữa 2 bước ren 2.82mm. Chiều cao mũ vít 16.1mm. Chiều rộng phần mũ vít trượt trên thanh dọc 9.2mm. Chiều rộng phần mũ vít phần song song với thanh dọc 10.65mm. Chiều rộng phần mũ vít phần vuông góc với thánh dọc 11.4mm. Góc nghiêng tối đa giữa mũ vít và thân vít là 28 độ. Có thể phân biệt kích thước vít bằng màu sắc (mỗi đường kính 1 màu khác nhau). Đồng bộ với nẹp dọc đường kính 5.5mm và vít khóa trong tự gãy có chiều dài ban đầu là 13.13mm, chiều dài sau khi vặn đủ lực là 4.65mm (chưa tính phần khuyết của vít khóa trong).	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
281	Vít đa trục lòng rỗng bơm xi măng ReBorn Essence, kèm xi măng	cái/ gói	Cái	100	Vít cột sống lưng, ngực đa trục lòng rỗng có kèm xi măng sinh học dùng trong phẫu thuật cột sống ngực, lưng, thắt lưng trên người bệnh loãng xương - Chất liệu: Titanium - Đường kính vít: 5.5/ 6.0/ 6.25/ 6.5mm, chiều dài 35 - 60mm - Thiết kế: Vít đa trục, ren đôi, góc xoay 30 độ, lòng vít rỗng, có các lỗ dọc đầu thân vít để bơm xi măng giữ vít cố định. Trên vít có khắc laser mã nhận diện loại vít, có phần đệm vít - Tương thích với vít khoá trong cùng hãng - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA Hoặc tương đương vít đa trục lòng rỗng ReBorn Essence Lumbar	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
282	Vít đa trục mổ ít xâm lấn nova MISS kiểu 1/4 ống có lỗ bơm xi măng	cái/ gói	Cái	100	Vít cột sống lưng đa trục kiểu 1/4 ống dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực ít xâm lấn - Chất liệu: Titanium - Kích thước: 4.5/5.0/5.5/6.0/6.5/6.25/6.5/7.0/7.5/8.0mm, dài 30 - 60mm - Thiết kế: Đầu vít dài có thiết kế dạng 1/4 ống, có lỗ pilot và cửa sổ rộng, - Tương thích với vít khoá trong cùng hãng - Tiêu chuẩn: ISO/CE/FDA Hoặc tương đương loại Nova MISS	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
283	Vít đa trục trượt đốt sống kèm ốc khóa trong	Cái	Cái	80	Vật liệu : hợp kim titan Ti6Al4V. Vít đa trục trượt đốt sống tự taro, góc xoay đa hướng 30°. Đường kính 4.0mm : chiều dài 25 → 45mm, bước tăng 5mm. Đường kính 5.0mm/ 5.5mm/ 6.0mm/ 6.5mm/ 7.0mm : chiều dài 30 → 55mm, bước tăng 5mm. Đầu vít : chiều cao 28.9mm x chiều rộng 9.8mm x chiều dài 13mm, trơn láng không làm tổn thương mô mềm, tương thích với thanh dọc Ø 5.5mm. Cổ vít : đường kính 5.2mm, được gia cố giảm nguy cơ gãy. Thân vít : ren kép, gồm ren tứ ở vùng chân cung có bước ren 1.4mm tăng độ chắc chống nhổ vít và ren xương xốp có bước ren 2.8mm không làm yếu xương khi thực hiện phẫu thuật cột sống. Đi kèm với ốc khóa trong với vật liệu hợp kim titan Ti6A14V.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
284	Vít đơn trục kèm ốc khóa trong	Cái	Cái	50	Vật liệu : hợp kim titan Ti6Al4V. Vít đơn trục tự taro. Đường kính 4.0mm : chiều dài 20 → 45mm, bước tăng 5mm. Đường kính 5.0mm/ 5.5mm : chiều dài 30 → 50mm, bước tăng 5mm. Đường kính 6.0mm/ 6.5mm : chiều dài 30 → 55mm, bước tăng 5mm. Đường kính 7.0mm/ 8.0mm/ 9.0mm : chiều dài 35 → 55mm, bước tăng 5mm. Đầu vít : chiều cao 9.25mm x chiều rộng 9.8mm x chiều dài 13mm, trơn láng không làm tổn thương mô mềm, tương thích với thanh dọc Ø 5.5mm. Cổ vít : đường kính 5.2 mm, được gia cố giảm nguy cơ gãy. Thân vít : ren kép, gồm ren tứ ở vùng chân cung có bước ren 1.4mm tăng độ chắc chống nhổ vít và ren xương xốp có bước ren 2.8mm không làm yếu xương khi thực hiện phẫu thuật cột sống. Đi kèm với ốc khóa trong với vật liệu hợp kim titan Ti6A14V. Tương thích bộ trợ cụ SOCORE.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
285	Vít đơn trục Legacy	1 cái / gói	Cái	50	Vật liệu: Hợp kim Titanium. Công nghệ cánh ren ngược. Khoảng cách giữa 2 bước ren 2.82mm. Chiều cao mũ vít 12.2mm. Chiều rộng phần mũ vít phần song song và vuông góc với thanh dọc lần lượt là 9.2mm và 11mm. Vít có đường kính: 4.5 mm đến 7.5mm, chiều dài từ 20 - 65mm. Có thể phân biệt kích thước vít bằng màu sắc (mỗi đường kính 1 màu khác nhau). Đồng bộ với nẹp dọc đường kính 5.5mm và vít khóa trong tự gãy có chiều dài ban đầu là 13.13mm, chiều dài sau khi vặn đủ lực là 4.65mm (chưa tính phần khuyết của vít khóa trong).	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
286	Vít đơn trục trượt đốt sống kèm ốc khóa trong	Cái	Cái	30	Vật liệu : hợp kim titan Ti6Al4V. Vít đơn trục trượt đốt sống tự taro. Đường kính 4.0mm : chiều dài 25 → 45mm, bước tăng 5mm. Đường kính 5.0mm/ 5.5 mm : chiều dài 30 → 50mm, bước tăng 5mm. Đường kính 6.0mm/ 6.5mm/ 7.0mm : chiều dài 35→ 50mm, bước tăng 5mm. Đầu vít : chiều cao 27.2mm x chiều rộng 9.8mm x chiều dài 13mm, trơn láng không làm tổn thương mô mềm, tương thích với thanh dọc Ø 5.5mm. Cổ vít : đường kính 5.2mm, được gia cố giảm nguy cơ gãy. Thân vít : ren kép, gồm ren tứ ở vùng chân cung có bước ren 1.4mm và ren xương xốp có bước ren 2.8mm . Đi kèm với ốc khóa trong với vật liệu hợp kim titan Ti6A14V.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
287	Vít khóa trong cột sống can thiệp tối thiểu qua da, công nghệ khóa ngàm xoắn	Gói/1 Cái	Cái	44	Tương thích với vít công nghệ khóa ngàm xoắn (Helical Flanges). Dùng trong mổ can thiệp, qua da, vít rỗng nòng. Vật liệu: Hợp kim Titan .	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
288	Vít khóa trong cột sống, công nghệ khóa ngàm xoắn	Gói/1 cái	Cái	1.500	Công nghệ khóa ngàm xoắn, ren hình vuông. Thiết kế chống xoay ra ngoài, giảm lực bẻ chéo ren vít. Vật liệu: Hợp kim Titan. Tương thích với hệ thống vít công nghệ khóa ngàm xoắn (Helical Flanges).	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
289	Vít khóa trong LnK Lumbar Screw	Cái/ gói	Cái	300	Chất liệu Titanium. Tương thích vít OpenLoc-L, cánh ren ngược. Đường kính : 9.7mm, cao 5.6mm, đầu ngôi sao.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
290	Vít khóa trong LnK OpenLoc-L	Cái/ gói	Cái	100	Chất liệu Titanium 6Al-4V ELI Alloy, đạt chuẩn ASTM F136 Tương thích vít cột sống lưng openloc-l, cánh ren ngược Đường kính : 9.7mm, cao 5.6mm, đầu ngôi sao Tương thích trợ cụ Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA (hoặc tương đương)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
291	Vít khoá trong LnK PathLoc-L MIS	Hộp/ cái	Cái	100	Chất liệu Titanium 6Al-4V ELI Alloy, đạt chuẩn ASTM F136 Tương thích vít cột sống lưng mổ ít xâm lấn pathloc-l MIS, cánh ren ngược Đường kính : 9.7mm, cao 5.6mm, đầu ngôi sao penta-star Tương thích trợ cụ lnk Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA (hoặc tương đương)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
292	Vít khóa trong Nova Miss	cái/ gói	Cái	100	Vít khóa trong vít đa trục 1/4 ống dùng trong phẫu thuật cột sống lưng, ngực ít xâm lấn - Chất liệu Titanium - Đầu vít hình ngôi sao - Tương thích với vít đa trục cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
293	Vít khóa trong SEXTANT II	1 cái / gói	Cái	200	Vật liệu: hợp kim Titanium. Tự gãy khi vặn đủ lực. Tổng chiều dài của vít khóa trong bao gồm phần bẻ vít: 10.38mm. Đường kính: 8.883mm. Khoảng cách giữa 2 bước ren 1.0mm. Chiều dài của phần vít khóa trong không bao gồm phần bẻ vít: 4.65mm. Tương thích với vít cột sống thắt lưng đa trục rỗng nòng công nghệ MAST và nẹp dọc qua da đường kính 5.5mm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
294	Vít khóa trong tự ngắt Legacy	1 cái / gói	Cái	550	Vật liệu: hợp kim Titanium. Tự gãy khi vặn đủ lực. Được thiết kế cánh ren ngược, tránh nhổ vít và tròn ren. Tổng chiều dài của vít khóa trong trước khi bẻ: 13.13mm. Đường kính: 8.883mm. Khoảng cách giữa 2 bước ren 1.0 mm. Chiều dài của phần vít khóa trong sau khi bẻ: 4.65mm. Đồng bộ với vít đa trục/đơn trục và nẹp dọc đường kính 5.5mm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
295	Vít trượt cột sống cổ sau tự taro có góc xoay 45 độ, đường kính 3,5-4mm, kèm vít khóa trong	Cái/ gói	Cái	50	Vít tự taro, đầy ren/ 1 phần ren. Đầu ngắn/ dài chính trượt. Góc xoay 45 độ mỗi bên. Chất liệu Ti-6Al-4V ELI, đạt chuẩn ASTM F136. Đường kính : 3.5mm/4.0mm (lõi 2.4mm)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
296	Vít trượt đa trục đuôi dài LnK Lumbar Screw	Cái/ gói	Cái	100	Chất liệu Titanium.Đầu vít nhỏ đơn trục 15.2mm, đa trục 16.2mm, góc xoay 45 độ, đường kính 4.5mm-8.5mm, dài 25-130mm. Đầu vít hình pot shape, sử dụng được loại rod 5.5 và 6.0mm. Mũi vít tự taro double seft taping. Trục vít & lõi vít dày (thicker hub & thicker core), cứng cáp, chống gãy anti-breakage. Vít có thiết kế ren đôi double thread, lõi hình nón conical core, 2 phần ren cortical & cancellous giúp bám xương chắc chắn. Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA. Tương thích bộ trợ cụ LnK.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
297	Vít xốp đa trục các cỡ VERTEX	1 cái / gói	Cái	100	Vít xốp đa trục góc xoay ±30 độ tuỳ hướng, cánh ren ốp hình chữ V. Đường kính 3.5mm và 4.0mm, chiều dài từ 10-52mm, bước ren 2mm. Vật liệu Titan	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
298	Vít xốp tự taro, tương thích với nẹp cổ trước kèm vòng xoắn	Gói/1 Cái	Cái	50	Vít xốp tự khoan và tự taro. Gồm đơn hướng và đa hướng. Đường kính: 4.0mm và 4.5mm. Chiều dài: Từ 11mm đến 19mm, bước tăng 1mm. Vật liệu: Hợp kim Titan.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
299	Vỏ bọc kích thích đã tiệt trùng tương thích với hệ thống theo dõi thần kinh cột sống	Gói/1 Cái	Cái	4	Vỏ bọc kích thích đã tiệt trùng tương thích với hệ thống theo dõi thần kinh cột sống NVM5	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
300	Xi măng sinh học HV-R kèm dung dịch pha - Kyph	1 cái / hộp	Cái	140	Là loại xi măng có độ nhớt cao. Bao gồm xi măng dạng bột và dung dịch pha. Xi măng tiệt trùng dạng bột có trọng lượng 20g gồm: Methyl methacrylate-Styrence-copolymer 68%; Barium sulphate 30%; Benzonyl peroxide 2%. Lọ dung dịch pha có trọng lượng 9g gồm: Methyl methacrylate (mono-mer): 99.1%; N, N-dimethyl-p-toluidine: 0.9%; Hydroquinone 75ppm. Thời gian làm việc trung bình khoảng 8 phút ở nhiệt độ 22 độ C. Có cản quang.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
301	Xi măng sinh học V-FAST	1 gói/ hộp	Gói	140	Là xi măng cản quang gốc Acrylic (poly-methyl-methacrylate, PMMA) bao gồm 2 thành phần: thành phần bột và thành phần dung dịch. Tổng thời gian làm việc của xi măng khoảng 08 phút từ khi tiến hành trộn. Thời gian trộn khoảng 45 giây đến 1 phút. Nồng độ chất cản quang Zirconium dioxide (ZrO2) là 45%. Được đóng gói tiệt trùng.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
302	Xương ghép nhân tạo tổng hợp, có thể thay đổi kích thước và hình dạng	Gói/1 Cái	Cái	10	Xương tổng hợp, dung tích 1cc, 2cc. Đóng gói tiệt trùng sẵn. Thành phần : 90% beta-tricalcium phosphate and <10% hydroxyapatite (HA).	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
303	Xi măng sinh học V-FAST	1 gói/ hộp	Gói	140	Là xi măng cản quang gốc Acrylic (poly-methyl-methacrylate, PMMA) bao gồm 2 thành phần: thành phần bột và thành phần dung dịch. Tổng thời gian làm việc của xi măng khoảng 08 phút từ khi tiến hành trộn. Thời gian trộn khoảng 45 giây đến 1 phút. Nồng độ chất cản quang Zirconium dioxide (ZrO2) là 45%. Được đóng gói tiệt trùng.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
NHÓM 5: VẬT TƯ TIÊU HAO DÙNG TRONG CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH						

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
304	Cáp neo xương (các cỡ)	Bịch/Cái	Cái	4	Chất liệu titanium, nhiều sợi nhỏ cấu thành, các đường kính 1.0, 1.2, 1.5 dài từ 400mm-520mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
305	Đinh nội tủy cổ xương đùi các cỡ, chất liệu titanium	Bịch/Cái	Cái	5	Chất liệu titanium, loại thân đinh rỗng, thân đinh 9.4mm, 10mm, 11mm và 12mm, dài từ 180mm đến 200mm, dài từ 300mm đến 420mm (phân biệt trái/phải), đầu đinh có 1 lỗ để bắt vít nén ép 10mm x 70mm đến 120mm, mũi đinh có 2 lỗ để bắt vít chốt 5.0mm x 30mm đến 105mm, có nắp che đầu đinh cao từ 5mm-20mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
306	Đinh nội tủy xương chày các cỡ, chất liệu titanium	Bịch/Cái	Cái	10	Chất liệu titanium, loại thân đinh rỗng, thân đinh 8.4mm, 9.2mm và 10mm, dài từ 255mm đến 390mm, đầu đinh có 5 lỗ đa hướng, mũi đinh có 4 lỗ đa hướng để bắt vít chốt 4.3mm x 30mm đến 90mm hoặc vít chốt 5.0mm x 30mm đến 105mm, có nắp che đầu đinh cao từ 0mm-15mm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
307	Đinh nội tủy xương đùi các cỡ, chất liệu titanium	Bịch/Cái	Cái	10	Chất liệu titanium, phân biệt trái/phải, loại thân đinh rỗng, thân đinh 9.4mm, 10mm và 11mm, dài từ 300mm đến 440mm, đầu đinh có 3 lỗ, mũi đinh có 2 lỗ để bắt vít chốt 5.0mm x 30mm đến 105mm hoặc vít chốt 6.5mm x 66mm đến 115mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
308	Khung cố định ngoài 3 thanh	Bịch/Bộ	Bộ	10	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
309	Khung cố định ngoài cẳng chân	Bịch/Bộ	Bộ	10	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
310	Khung cố định ngoài chữ T	Bịch/Bộ	Bộ	10	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
311	Khung cố định ngoài gắn khớp	Bịch/Bộ	Bộ	10	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
312	Khung cố định ngoài Ilizarov không cản quang	Bịch/Bộ	Bộ	10	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
313	Khung cố định ngoài khung chậu	Bịch/Bộ	Bộ	10	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
314	Khung cố định ngoài liên mấu chuyển	Bịch/Bộ	Bộ	10	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
315	Khung cố định ngoài qua gối	Bịch/Bộ	Bộ	10	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
316	Khung cố định ngoài tay	Bịch/Bộ	Bộ	10	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
317	Nẹp khóa mắt xích các cỡ, chất liệu titanium	Bịch/Bộ	Cái	10	Chất liệu titanium, cỡ từ 4 lổ đến 14 lổ, lổ vít tròn, dài từ 48mm đến 168mm, dùng vít khóa titanium 3.5mm và vít vỏ titanium 3.5mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
318	Nẹp khoá bàn ngón titan (các cỡ)	Bịch/Cái	Cái	5	Chất liệu titanium, cỡ từ 4 lổ đến 8 lổ, dài từ 20mm đến 40mm, lổ vít khoá hình tròn, dùng vít khóa titanium 2.0mm hoặc 2.5mm, và vít vỏ titanium 2.0mm hoặc 2.5mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
319	Nẹp khóa bản nhỏ nén ép, các cỡ, titan	Gói/Cái	Cái	20	- Độ dày nẹp: 3.2 mm, bề rộng nẹp: 11 mm, số lỗ của nẹp: 5 -14 lỗ, tương ứng 59- 163mm, khoảng cách giữa các lỗ : 9.4mm. Nẹp chất liệu Titan thuần Ti6A14V, dẻo- dễ uốn theo giải phẫu bệnh nhân, thiết kế tương thích với cấu trúc của xương.Tiêu chuẩn CE, ISO 13485:2016, ASTM F136-UNS R56401, sức kéo vật liệu 870-940MPa/min-đàn hồi 114GPa-chịu nhiệt tới 850-960°c. - Sử dụng loại vít khóa, vít vỏ/cứng ,tự taro, đường kính vít 3.5 mm, chất liệu Ti6A14V. Có dụng cụ chuyên dụng đi kèm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
320	Nẹp khóa bản rộng, các cỡ, titan	Gói/Cái	Cái	20	- Độ dày nẹp: 4.7 mm, rộng nẹp: 17.5 mm. số lỗ của nẹp: 4, 5, ..., 16 lỗ, tương ứng 82-298mm. Khoảng cách giữa các lỗ :18mm. Nẹp chất liệu Titan thuần Ti6A14V, dẻo- dễ uốn theo giải phẫu bệnh nhân, thiết kế tương thích với cấu trúc của xương.Tiêu chuẩn CE, ISO 13485:2016, ASTM F136-UNS R56401, sức kéo vật liệu 870-940MPa/min-đàn hồi 114GPa-chịu nhiệt tới 850-960°c. - Sử dụng loại vít khóa, vít vỏ/cứng ,tự taro, đường kính vít 4.5/5.0 mm, chất liệu Ti6A14V. Có dụng cụ chuyên dụng đi kèm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
321	Nẹp khóa cẳng chân titan (các cỡ)	Bịch/Cái	Cái	5	Chất liệu titanium, cỡ từ 6 lổ đến 13 lổ, dài từ 125mm đến 251mm, lổ vít hình số tám, tích hợp chung lổ vít khóa có ren và lổ vít thường, dùng vít khóa titanium 5.0mm và vít vỏ titanium 4.5mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
322	Nẹp khóa cẳng tay titan (các cỡ)	Bịch/Bộ	Cái	20	Chất liệu titanium, cỡ từ 6 lổ đến 12 lổ, dài từ 79mm đến 157mm, lổ vít hình số tám, tích hợp chung lổ vít khóa có ren và lổ vít thường, dùng vít khóa titanium 3.5mm và vít vỏ titanium 3.5mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
323	Nẹp khóa chỉ trên titan (các cỡ)	Bịch/Cái	Cái	10	Chất liệu titanium, cỡ từ 6 lổ đến 12 lổ, dài từ 81mm đến 159mm, lổ vít hình số tám, tích hợp chung lổ vít khóa có ren và lổ vít thường, dùng vít khóa titanium 3.5mm hoặc 4.0mm và vít vỏ titanium 3.5mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
324	Nẹp khoá chữ L 45 độ bàn ngón titan (trái/phải, các cỡ)	Bịch/Cái	Cái	0	Chất liệu titanium, phân biệt trái/phải, cỡ từ 5 lổ đến 8 lổ, dài từ 31mm đến 46mm, đầu nẹp có 2 lổ, lổ vít khoá hình tròn, dùng vít khóa titanium 2.0mm hoặc 2.5mm, và vít vỏ titanium 2..0mm hoặc 2.5mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
325	Nẹp khoá chữ L bàn ngón titan (trái/phải, các cỡ)	Bịch/Cái	Cái	0	Chất liệu titanium, phân biệt trái/phải, cỡ từ 5 lổ đến 8 lổ, dài từ 30mm đến 45mm, đầu nẹp có 2 lổ, lổ vít khoá hình tròn, dùng vít khóa titanium 2.0mm hoặc 2.5mm, và vít vỏ titanium 2..0mm hoặc 2.5mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
326	Nẹp khoá chữ T bàn ngón titan (các cỡ)	Bịch/Cái	Cái	5	Chất liệu titanium, cỡ từ 5 lổ đến 8 lổ, dài từ 30mm đến 45mm, đầu nẹp có 2 lổ, lổ vít khoá hình tròn, dùng vít khóa titanium 2.0mm hoặc 2.5mm, và vít vỏ titanium 2..0mm hoặc 2.5mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
327	Nẹp khoá chữ T bàn ngón titan (các cỡ)	Bịch/Cái	Cái	5	Chất liệu titanium, cỡ từ 2 lổ đến 8 lổ, dài từ 16mm đến 46mm, đầu nẹp có 2 lổ, lổ vít khoá hình tròn, dùng vít khóa titanium 2.0mm hoặc 2.5mm, và vít vỏ titanium 2..0mm hoặc 2.5mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
328	Nẹp khóa chữ Y cánh tay titan (trái/phải, các cỡ)	Bịch/Cái	Cái	2	Chất liệu titanium, có phân biệt trái/phải, cỡ từ 4 lổ đến 6 lổ, dài từ 104mm đến 134mm, đầu nẹp hai nhánh chữ Y có 6 lổ vít khóa tròn, thân nẹp lổ hình tròn và lổ vít nén ép, có lổ xuyên kim kirschner, dùng vít khóa titanium 3.5mm hoặc 4.0mm, vít vỏ titanium 3.5mm và vít xốp titanium 4.0mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
329	Nẹp khóa cổ xương đùi titan (các cỡ)	Bịch/Bộ	Cái	10	Chất liệu titanium, cỡ từ 4 lổ đến 13 lổ, dài từ 111mm đến 273mm, đầu nẹp có 4 lổ vít khóa tròn, thân nẹp lổ hình số tám, tích hợp chung lổ vít khóa có ren và lổ vít thường, có lổ xuyên kim kirschner, dùng vít khóa titanium 5.0mm, vít vỏ titanium 4.5mm và vít xốp titanium 6.5mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
330	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay,trái phải các cỡ, titan	Gói/Cái	Cái	20	- Độ dày nẹp: 2.5mm, bề rộng nẹp: 11,0mm, rộng đầu 15.6mm và 14.1 mm. Số lỗ của nẹp: 3, 5,...10 lỗ, tương ứng dài 64-155mm. Nẹp chất liệu Titan thuần Ti6A14V, dẻo- dễ uốn theo giải phẫu bệnh nhân, thiết kế tương thích với cấu trúc của xương.Tiêu chuẩn CE, ISO 13485:2016, ASTM F136-UNS R56401, sức kéo vật liệu 870-940MPa/min-dàn hồi 114GPa-chịu nhiệt tới 850-960°c. - Sử dụng loại vít khóa, vít vỏ/cứng ,tự taro, đường kính vít 2.7/3.5/4.0 mm, chất liệu Ti6A14V. Có dụng cụ chuyên dụng đi kèm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
331	Nẹp khóa đầu dưới xương chày ngoài, các cỡ	Gói/Cái	Cái	2	- Nẹp chất liệu Titan . Độ dày nẹp: 3.7mm, bề rộng thân nẹp: 11.5 mm. số lỗ nẹp: 4-20 lỗ, tương ứng từ 61-253mm, khoảng cách các lỗ: 12mm. Sử dụng loại vít khóa, vít vỏ/cứng ,tự taro, đường kính vít 3.5/4.0 mm. Có dụng cụ chuyên dụng đi kèm. Tiệt trùng	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
332	Nẹp khóa đầu dưới xương chày trái phải, các cỡ, titan	Gói/Cái	Cái	20	- Nẹp chất liệu Titan thuần Ti6A14V, dẻo- dễ uốn theo giải phẫu bệnh nhân, thiết kế tương thích với cấu trúc của xương.Tiêu chuẩn CE, ISO 13485:2016, ASTM F136-UNS R56401, sức kéo vật liệu 870-940MPa/min-đàn hồi 114GPa-chịu nhiệt tới 850-960°c. + Đầu dưới xương chày ngoài: Độ dày nẹp: 4.6 mm, bề rộng nẹp: 16.5 mm, rộng đầu nẹp 26.5 mm. số lỗ của nẹp: 4-13 lỗ, tương ứng 130-300mm. Khoảng cách giữa các lỗ 20.0mm. Sử dụng loại vít khóa ,vít vỏ/cứng, vít xốp, tự taro, đường kính vít 4.5/5.0/5.5 mm, chất liệu Ti6A14V. Có dụng cụ chuyên dụng đi kèm. + Đầu dưới xương chày trong: Độ dày nẹp: 3.7mm, bề rộng thân nẹp: 11.5 mm. rộng đầu nẹp: 22.2mm, số lỗ nẹp: 4-20 lỗ, tương ứng từ 61-253mm, khoảng cách các lỗ: 12mm.. Sử dụng loại vít khóa, vít vỏ/cứng, vít xốp ,tự taro, đường kính vít 3.5/4.0 mm, chất liệu Ti6A14V. Có dụng cụ chuyên dụng đi kèm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
333	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi trái phải, các cỡ, titan	Gói/Cái	Cái	20	- Độ dày nẹp: 5.8mm. bề rộng nẹp: 16.0mm, rộng đầu 32.8mm. số lỗ của nẹp: 5,..., 13 lỗ, tương ứng 156-316mm. Khoảng cách giữa các lỗ : 20.0 mm. Nẹp chất liệu Titan thuần Ti6A14V, dẻo-dễ uốn theo giải phẫu bệnh nhân, thiết kế tương thích với cấu trúc của xương.Tiêu chuẩn CE, ISO 13485:2016, ASTM F136-UNS R56401, sức kéo vật liệu 870-940MPa/min-đàn hồi 114GPa-chịu nhiệt tới 850-960°c. - Sử dụng loại vít khóa, vít vỏ/cứng ,tự taro, đường kính vít 4.5/5.0/5.5 mm, chất liệu Ti6A14V. Có dụng cụ chuyên dụng đi kèm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
334	Nẹp khóa đầu dưới xương mác, các cỡ, titan	Gói/Cái	Cái	20	- Độ dày nẹp: 2.0 mm, bề rộng nẹp: 10.5mm, rộng đầu 13.3mm. Số lỗ của nẹp: 3-8 lỗ. Nẹp chất liệu Titan thuần Ti6A14V, dẻo-dễ uốn theo giải phẫu bệnh nhân, thiết kế tương thích với cấu trúc của xương.Tiêu chuẩn CE, ISO 13485:2016, ASTM F136-UNS R56401, sức kéo vật liệu 870-940MPa/min-đàn hồi 114GPa-chịu nhiệt tới 850-960°c. - Sử dụng loại vít khóa, vít vỏ/cứng ,tự taro, đường kính vít 2.7/3.5/4.0 mm, chất liệu Ti6A14V. Có dụng cụ chuyên dụng đi kèm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
335	Nẹp khóa đầu dưới xương quay 45 độ titan (trái/phải, các cỡ)	Bịch/Bộ	Cái	10	Chất liệu titanium, có phân biệt trái/phải, cỡ từ 3 lổ đến 8 lổ, dài từ 52mm đến 107mm, đầu nẹp luôn 3 lổ vít khóa tròn, dùng vít khóa titanium 3.5mm, vít vỏ titanium 3.5mm và vít xốp titanium 4.0mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
336	Nẹp khoá đầu dưới xương quay chữ T titan (vít 2.7) (trái/phải, các cỡ)	Bịch/Cái	Cái	5	Chất liệu titanium, phân biệt trái/phải, cỡ từ 3 lổ đến 5 lổ, dài từ 49mm đến 67mm, đầu nẹp có 4 lổ vít khoá đa hướng, thân nẹp lổ hình số tám, tích hợp chung lỗ vít khóa có ren và lổ vít thường, đầu nẹp dùng vít khóa titanium 2.5mm, thân nẹp dùng vít khoá titanium 2.7mm hoặc vít vỏ titanium 2.7mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
337	Nẹp khóa đầu dưới xương quay MẶT LÒNG Volar đa hướng, trái phải các cỡ, titan	Gói/Cái	Cái	20	-Nẹp 6 lỗ đầu ,có lỗ xuyên đinh Kirschner. Nẹp dày: 2.0mm, rộng nẹp:7.5mm, đầu nẹp rộng 22.6mm. Số lỗ thân nẹp: 2, 3,4,5 lỗ, tương ứng với 50-58.5-70.5-79-87.5mm. Nẹp chất liệu Titan thuần Ti6A14V, dẻo- dễ uốn theo giải phẫu bệnh nhân, thiết kế tương thích với cấu trúc của xương.Tiêu chuẩn CE, ISO 13485:2016, ASTM F136-UNS R56401, sức kéo vật liệu 870-940MPa/min-đàn hồi 114GPa-chịu nhiệt tới 850-960°c. - Sử dụng loại vít khóa, vít vỏ/cứng ,tự taro, đường kính vít 2.4/ 2.7 mm - đầu vít hình sao, chất liệu Ti6A14V. Có dụng cụ chuyên dụng đi kèm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
338	Nẹp khóa đầu dưới xương quay titan (các cỡ)	Bịch/Bộ	Cái	10	Chất liệu titanium, cỡ từ 3 lổ đến 8 lổ, dài từ 45mm đến 100mm, đầu nẹp có 3 lổ vít khóa tròn, dùng vít khóa titanium 3.5mm, vít vỏ titanium 3.5mm và vít xốp titanium 4.0mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
339	Nẹp khoá đầu dưới xương quay titan (vít 2.7) (trái/phải, các cỡ)	Bịch/Cái	Cái	5	Chất liệu titanium, phân biệt trái/phải, cỡ từ 3 lổ đến 6 lổ, dài từ 43mm đến 70mm, đầu nẹp có 5 lổ vít khoá đa hướng, thân nẹp lổ hình số tám, tích hợp chung lổ vít khóa có ren và lổ vít thường, đầu nẹp dùng vít khóa titanium 2.5mm hoặc 2.7mm, thân nẹp dùng vít khoá titanium 2.7mm hoặc vít vỏ titanium 2.7mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
340	Nẹp khoá đầu dưới xương trụ titan (vít 2.7) (trái/phải, các cỡ)	Bịch/Cái	Cái	5	Chất liệu titanium, cỡ từ 5 lổ đến 8 lổ, dài từ 48mm đến 75mm, đầu và cuối nẹp có 1 lổ vít khoá tròn, thân nẹp lổ hình số tám, tích hợp chung lổ vít khóa có ren và lổ vít thường, đầu nẹp dùng vít khóa titanium 2.5mm, thân nẹp dùng vít khoá titanium 2.7mm hoặc vít vỏ titanium 2.5mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
341	Nẹp khóa đầu trên cẳng chân titan (trái/phải, các cỡ)	Bịch/Bộ	Cái	10	Chất liệu titanium, có phân biệt trái/phải, cỡ từ 4 lổ đến 14 lổ, dài từ 130mm đến 310mm, đầu nẹp có 3 lổ vít khóa tròn, thân nẹp lổ hình số tám, tích hợp chung lổ vít khóa có ren và lổ vít thường, có lổ xuyên kim kirschner, dùng vít khóa titanium5.0mm, vít vỏ titanium 4.5mm và vít xốp titanium 6.5mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
342	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay, các cỡ, titan	Gói/Cái	Cái	20	- Nẹp chất liệu Titan thuần Ti6A14V, dẻo- dễ uốn theo giải phẫu bệnh nhân, thiết kế tương thích với cấu trúc của xương.Tiêu chuẩn CE, ISO 13485:2016, ASTM F136-UNS R56401, sức kéo vật liệu 870-940MPa/min-đàn hồi 114GPa-chịu nhiệt tới 850-960°c. + Đầu nẹp ngắn: Độ dày nẹp: 2.5 mm, rộng: 12.2mm, rộng đầu 21,2mm. số lỗ của nẹp: 3, 5,..., 8 lỗ, dài 61 -121mm lỗ bắt vít kết hợp. + Đầu nẹp dài: Độ dày nẹp 3.0mm, rộng nẹp 12.0mm, rộng đầu 20.0mm. số lỗ của nẹp từ 3-10 lỗ, tương ứng 90-174mm lỗ bắt vít kết hợp - Sử dụng loại vít khóa, vít vỏ/cứng, vít xốp, tự taro, đường kính vít 3.5/4.0 mm, chất liệu Ti6A14V. Có dụng cụ chuyên dụng đi kèm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
343	Nẹp khóa đầu trên xương chày ép trái/ phải, 3-11 lỗ, titan, các cỡ	Gói/Cái	Cái	1	- Nẹp chất liệu Titan số lỗ của nẹp: 3-12 lỗ, tương ứng 88-268mm. Sử dụng loại vít khóa, vít vỏ/cứng ,tự taro, đường kính vít 4.5/5.0 mm, chất liệu Ti6A14V. Có dụng cụ chuyên dụng đi kèm. Tiệt trùng.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
344	Nẹp khóa đầu trên xương chày ngoài, các cỡ	Gói/Cái	Cái	14	- Nẹp chất liệu Titan. Nẹp dày: 4.0 mm, bề rộng nẹp: 15 mm, đầu nẹp rộng 31.3mm, số lỗ nẹp: 4-13 lỗ, tương ứng từ 87-265mm, khoảng cách các lỗ 16mm. Sử dụng loại vít khóa, vít vỏ/cứng ,tự taro, đường kính vít 4.5/5.0 mm, chất liệu Ti6A14V. Có dụng cụ chuyên dụng đi kèm. Tiệt trùng.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
345	Nẹp khóa đầu trên xương chày trái phải, các cỡ, titan	Gói/Cái	Cái	20	- Nẹp chất liệu Titan thuần Ti6A14V, dẻo- dễ uốn theo giải phẫu bệnh nhân, thiết kế tương thích với cấu trúc của xương.Tiêu chuẩn CE, ISO 13485:2016, ASTM F136-UNS R56401, sức kéo vật liệu 870-940MPa/min-đàn hồi 114GPa-chịu nhiệt tới 850-960°c. + Đầu trên xương chày ngoài: Nẹp dày: 4.0 mm, bề rộng nẹp: 15 mm, đầu nẹp rộng 31.3mm, số lỗ nẹp: 4-13 lỗ, tương ứng từ 87-265mm, khoảng cách các lỗ 16mm. Sử dụng loại vít khóa, vít vỏ/cứng ,tự taro, đường kính vít 4.5/5.0 mm, chất liệu Ti6A14V. Có dụng cụ chuyên dụng đi kèm. + Đầu trên xương chày giữa: Độ dày nẹp: 2.0mm, rộng thân nẹp: 17mm,.rộng đầu nẹp 33mm số lỗ của nẹp: 3-12 lỗ, tương ứng 88-268mm. Khoảng cách giữa các lỗ : 16mm. Sử dụng loại vít khóa, vít vỏ/cứng ,tự taro, đường kính vít 4.5/5.0/5.5 mm, chất liệu Ti6A14V. Có dụng cụ chuyên dụng đi kèm. + Đầu trên xương chày trong: Độ dày nẹp: 3.7mm, bề rộng nẹp: 13.5mm, đầu nẹp 34.5mm. số lỗ của nẹp: 4-14 lỗ,,tương ứng 84-264mm khoảng cách giữa các lỗ 18.0mm. Sử dụng loại vít khóa, vít vỏ/cứng, vít xốp ,tự taro, đường kính vít 4.5/5.0/5.5/6.5 mm, chất liệu Ti6A14V. Có dụng cụ chuyên dụng đi kèm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
346	Nẹp khoá đầu trên xương đùi titan (có móc) (trái/phải, các cỡ)	Bịch/Cái	Cái	2	Chất liệu titanium, phân biệt trái/phải, cỡ từ 4 lổ đến 16 lổ, dài từ 142mm đến 358mm, đầu nẹp cong có 2 móc nhọn, đầu và thân nẹp có nhiều lổ ngang để xỏ chỉ cáp nén ép, lổ vít khoá tròn, dùng vít khóa titanium 5.0mm hoặc vít vỏ titanium 5.0mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
347	Nẹp khóa đầu trên xương đùi trái phải, các cỡ, titan	Gói/Cái	Cái	20	- Nẹp chất liệu Titan thuần Ti6A14V, dẻo- dễ uốn theo giải phẫu bệnh nhân, thiết kế tương thích với cấu trúc của xương.Tiêu chuẩn CE, ISO 13485:2016, ASTM F136-UNS R56401, sức kéo vật liệu 870-940MPa/min-dàn hồi 114GPa-chịu nhiệt tới 850-960°c. + Nẹp đầu rắn: Độ dày nẹp: 5.8 mm, bề rộng nẹp: 17.5 mm. số lỗ của nẹp: 3-14 lỗ, tương ứng 82-280mm. Khoảng cách giữa các lỗ : 18mm. Sử dụng loại vít khóa, vít vỏ/cứng, vít xốp, tự taro, đường kính vít 4.5/5.0/6.5 mm, chất liệu Ti6A14V. Có dụng cụ chuyên dụng đi kèm. + Nẹp 4 lỗ đầu: Độ dày nẹp 5.6mm, rộng thân 17.9mm, rộng đầu nẹp 27.3mm, khoảng cách giữ các lỗ 18mm. Sử dụng vít khoá, vít vỏ, vít xốp, tự taro 4.5/5.0/5.5mm. Dụng cụ chuyên dụng đi kèm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
348	Nẹp khoá đầu trên xương quay titan (vít 2.7) (trái/phải, các cỡ)	Bịch/Cái	Cái	5	Chất liệu titanium, cỡ từ 2 lổ đến 6 lổ, dài từ 32mm đến 68mm, đầu nẹp có 5 lổ vít khoá đa hướng, thân nẹp lổ hình số tám, tích hợp chung lổ vít khóa có ren và lổ vít thường, đầu nẹp dùng vít khóa titanium 2.5mm, thân nẹp dùng vít khoá titanium 2.5mm hoặc vít vỏ titanium 2.5mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
349	Nẹp khóa đùi titan (các cỡ)	Bịch/Bộ	Cái	5	Chất liệu titanium, cỡ từ 7 lổ đến 13 lổ, dài từ 144mm đến 252mm, lổ vít hình số tám, tích hợp chung lổ vít khóa có ren và lổ vít thường, dùng vít khóa titanium 5.0mm và vít vỏ titanium 4.5mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
350	Nẹp khóa gót titan (trái/phải, các cỡ)	Bịch/Cái	Cái	2	Chất liệu titanium, có phân biệt trái/phải, cỡ 8 lổ dài 52mm, cỡ 8 lổ dài 63mm, cỡ 13 lổ dài 71mm, cỡ 13 lổ dài 81mm, cỡ 15 lổ dài 91mm, lổ vít khóa tròn, đầu nẹp có 3 que nhánh cùng với vít khóa titanium 3.5mm hoặc 4.0mm, vít vỏ titanium 3.5mm và vít xốp titanium 4.0mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
351	Nẹp khóa khớp cùng đòn II titan (trái/phải, các cỡ)	Bịch/Cái	Cái	10	Chất liệu titanium, có phân biệt trái/phải, cỡ từ 2 lổ đến 6 lổ, dài từ 76mm đến 120mm, đầu nẹp có 3 lổ vít khóa tròn, thân nẹp lổ hình tròn, dùng vít khóa titanium 3.5mm, vít vỏ titanium 3.5mm và vít xốp titanium 4.0mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
352	Nẹp khóa lồi cầu đùi titan (trái/phải, các cỡ)	Bịch/Bộ	Cái	10	Chất liệu titanium, có phân biệt trái/phải, cỡ từ 5 lổ đến 15 lổ, dài từ 156mm đến 332mm, đầu nẹp có 7 lổ vít khóa tròn, thân nẹp lổ hình số tám, tích hợp chung lổ vít khóa có ren và lổ vít thường, có lổ xuyên kim kirschner, dùng vít khóa titanium 5.0mm, vít vỏ titanium 4.5mm và vít xốp titanium 6.5mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
353	Nẹp khóa lồi cầu ngoài cánh tay titan (trái/phải, các cỡ)	Bịch/Cái	Cái	2	Chất liệu titanium, có phân biệt trái/phải, cỡ từ 5 lổ đến 13 lổ, dài từ 93mm đến 197mm, đầu nẹp có 2 lổ vít khóa tròn, thân nẹp lổ hình số tám, tích hợp chung lổ vít khóa có ren và lổ vít thường, có lổ xuyên kim kirschner, dùng vít khóa titanium 3.5mm hoặc 4.0mm, vít vỏ titanium 3.5mm và vít xốp titanium 4.0mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
354	Nẹp khóa lồi cầu ngoài cánh tay titan (vít 2.7) (trái/phải, các cỡ)	Bịch/Cái	Cái	2	Chất liệu titanium, có phân biệt trái/phải, cỡ từ 5 lổ đến 9 lổ, dài từ 93mm đến 145mm, đầu nẹp có 5 lổ vít khoá đa hướng, thân nẹp lổ hình số tám, tích hợp chung lổ vít khóa có ren và lổ vít thường, có lổ xuyên kim kirschner, đầu nẹp dùng vít khóa titanium 2.5mm, thân nẹp dùng vít khoá titanium 3.5mm hoặc vít vỏ titanium 3.5mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
355	Nẹp khóa lồi cầu trên cánh tay titan (các cỡ)	Bịch/Cái	Cái	10	Chất liệu titanium, cỡ từ 3 lổ đến 12 lổ, dài từ 94mm đến 211mm, đầu nẹp luôn có 8 lổ vít khóa tròn, thân nẹp lổ hình số tám, tích hợp chung lổ vít khóa có ren và lổ vít thường, có lổ xuyên kim kirschner, dùng vít khóa titanium 3.5mm hoặc 4.0mm, vít vỏ titanium 3.5mm và vít xốp titanium 4.0mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
356	Nẹp khóa lồi cầu trong cánh tay titan (trái/phải, các cỡ)	Bịch/Cái	Cái	2	Chất liệu titanium, có phân biệt trái/phải, cỡ từ 5 lổ đến 13 lổ, dài từ 86mm đến 190mm, đầu nẹp có 3 lổ vít khóa tròn, thân nẹp lổ hình số tám, tích hợp chung lổ vít khóa có ren và lổ vít thường, có lổ xuyên kim kirschner, dùng vít khóa titanium 3.5mm hoặc 4.0mm, vít vỏ titanium 3.5mm và vít xốp titanium 4.0mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
357	Nẹp khóa lồi cầu trong cánh tay titan (vít 2.7) (trái/phải, các cỡ)	Bịch/Cái	Cái	2	Chất liệu titanium, có phân biệt trái/phải, cỡ từ 5 lổ đến 12 lổ, dài từ 86mm đến 177mm, đầu nẹp có 3 lổ vít khoá đa hướng, thân nẹp lổ hình số tám, tích hợp chung lổ vít khóa có ren và lổ vít thường, có lổ xuyên kim kirschner, đầu nẹp dùng vít khóa titanium 2.7mm, thân nẹp dùng vít khoá titanium 3.5mm hoặc vít vỏ titanium 3.5mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
358	Nẹp khóa lòng máng titan (các cỡ)	Bịch/Cái	Cái	10	Chất liệu titanium, cỡ gồm 5 lổ đến 10 lổ, lổ vít tròn, dài từ 66mm đến 126mm, dùng vít khóa titanium 3.5mm và vít vỏ titanium 3.5mm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
359	Nẹp khóa mâm chày chữ L titan (mặt sau) (trái/phải, các cỡ)	Bịch/Bộ	Cái	5	Chất liệu titanium, có phân biệt trái/phải, cỡ từ 5 lổ đến 11 lổ, dài từ 117mm đến 189mm, đầu nẹp có 7 lổ vít khóa tròn, thân nẹp lổ vít tròn và có lổ vít nén ép, có lổ xuyên kim kirschner, dùng vít khóa titanium 4.0mm, vít vỏ titanium 3.5mm và vít xốp titanium 4.0mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
360	Nẹp khóa mâm chày chữ L titan (trái/phải, các cỡ)	Bịch/Cái	Cái	5	Chất liệu titanium, có phân biệt trái/phải, cỡ từ 4 lổ đến 8 lổ, dài từ 83mm đến 147mm, đầu nẹp có 3 lổ vít khóa tròn, dùng vít khóa titanium 5.0mm, vít vỏ titanium 4.5mm và vít xốp titan 6.5mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
361	Nẹp khóa mâm chày chữ T titan (mặt trong) (trái/phải, các cỡ)	Bịch/Cái	Cái	5	Chất liệu titanium, có phân biệt trái/phải, cỡ từ 6 lổ đến 12 lổ, dài từ 82mm đến 154mm, đầu nẹp có 4 lổ vít khóa tròn, thân nẹp lổ vít tròn và có lổ vít nén ép, có lổ xuyên kim kirschner, dùng vít khóa titanium 4.0mm, vít vỏ titanium 3.5mm và vít xốp titanium 4.0mm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
362	Nẹp khóa mâm chày chữ T titan (trái/phải, các cỡ)	Bịch/Cái	Cái	5	Chất liệu titanium, cỡ từ 3 lổ đến 10 lổ, dài từ 67mm đến 179mm, đầu nẹp có 3 lổ vít khóa tròn cùng với vít khóa titanium 5.0mm, vít vỏ titanium 4.5mm và vít xốp titanium 6.5mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
363	Nẹp khóa móc xương đòn 12-15-18mm,trái phải các cỡ, titan	Gói/Cái	Cái	20	- Độ dày nẹp: 4.0mm, rộng: 11mm, đầu nẹp rộng 22.0mm, móc sâu 12-15-18mm. số lỗ của nẹp: 4, 5,6, 7 lỗ, tương ứng 70-112mm. Nẹp chất liệu Titan thuần Ti6A14V, dẻo- dễ uốn theo giải phẫu bệnh nhân, thiết kế tương thích với cấu trúc của xương.Tiêu chuẩn CE, ISO 13485:2016, ASTM F136-UNS R56401, sức kéo vật liệu 870-940MPa/min-đàn hồi 114GPa-chịu nhiệt tới 850-960°c. - Sử dụng loại vít khóa, vít vỏ/cứng, vít xốp ,tự taro, đường kính vít 3.5/4.0 mm, chất liệu Ti6A14V. Có dụng cụ chuyên dụng đi kèm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
364	Nẹp khóa mỏm khuỷu titan (trái/phải, các cỡ)	Bịch/Cái	Cái	4	Chất liệu titanium, có phân biệt trái/phải, cỡ từ 4 lổ đến 10 lổ, đầu nẹp luôn có 8 lổ vít khóa tròn, thân nẹp lổ hình số tám, tích hợp chung lổ vít khóa có ren và lổ vít thường, có lổ xuyên kim kirschner, dùng vít khóa titanium 3.5mm hoặc 4.0mm, vít vỏ titanium 3.5mm và vít xốp titanium 4.0mm, đầu vít ngôi sao.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
365	Nẹp khóa mõm khuỷu, trái phải các cỡ, titan	Gói/Cái	Cái	15	- Nẹp chất liệu Titan thuần Ti6A14V, dẻo- dễ uốn theo giải phẫu bệnh nhân, thiết kế tương thích với cấu trúc của xương. Tiêu chuẩn CE, ISO 13485:2016, ASTM F136-UNS R56401, sức kéo vật liệu 870-940MPa/min-đàn hồi 114GPa-chịu nhiệt tới 850-960°c. - Nẹp chất liệu Titan. Độ dày nẹp: 3.0mm, bề rộng nẹp: 11mm, số lỗ của nẹp: 4-14 lỗ, tương ứng chiều dài 86 - 229 mm, khoảng cách giữa các lỗ 13mm. - Sử dụng loại vít khóa, vít vỏ/cứng ,tự taro, đường kính vít 3.5mm, chất liệu Ti6A14V. Có dụng cụ chuyên dụng đi kèm. Có dụng cụ chuyên dụng đi kèm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
366	Nẹp khóa ngoài đầu xa cẳng chân II titan (trái/phải, các cỡ)	Bịch/Cái	Cái	5	Chất liệu titanium, có phân biệt trái/phải, cỡ từ 7 lổ đến 15 lổ, dài từ 106mm đến 210mm, đầu nẹp có 6 lổ vít khóa tròn, thân nẹp lổ hình số tám, tích hợp chung lổ vít khóa có ren và lổ vít thường, có lổ xuyên kim kirschner, dùng vít khóa titanium 3.5mm hoặc 4.0mm, vít vỏ titanium 3.5mm và vít xốp titanium 4.0mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
367	Nẹp khóa trong đầu xa cẳng chân II titan (trái/phải, các cỡ)	Bịch/Cái	Cái	10	Chất liệu titanium, có phân biệt trái/phải, cỡ từ 4 lổ đến 14 lổ, dài từ 122mm đến 252mm, đầu nẹp có móc nhọn có 9 lổ vít khóa tròn, thân nẹp lổ hình số tám, tích hợp chung lổ vít khóa có ren và lổ vít thường, có lổ xuyên kim kirschner, dùng vít khóa titanium 3.5mm hoặc 4.0mm, vít vỏ titanium 3.5mm và vít xốp titanium 4.0mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
368	Nẹp khóa trong đầu xa cẳng chân titan (trái/phải, các cỡ)	Bịch/Cái	Cái	5	Chất liệu titanium, có phân biệt trái/phải, cỡ từ 5 lổ đến 13 lổ, dài từ 140mm đến 244mm, đầu nẹp có 4 lổ vít khóa tròn, thân nẹp lổ hình số tám, tích hợp chung lổ vít khóa có ren và lổ vít thường, có lổ xuyên kim kirschner, dùng vít khóa titanium 5.0mm và vít vỏ titanium 4.5mm và vít xốp titanium 6.5mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
369	Nẹp khóa xương đòn titan (trái/phải, các cỡ)	Bịch/Cái	Cái	30	Chất liệu titanium, có phân biệt trái/phải, kiểu mắc xích, cỡ từ 6 lổ đến 10 lổ, dài từ 70mm đến 119mm, lổ vít khoá tròn, dùng vít khóa titanium 3.5mm và vít vỏ titanium 3.5mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
370	Nẹp khóa xương đòn, trái phải các cỡ, titan	Gói/Cái	Cái	20	- Độ dày nẹp: 3.5mm, bề rộng nẹp: l0.0mm. Số lỗ của nẹp: 6,7,8 lỗ, tương ứng 92-105.3-117.7mm. Nẹp chất liệu Titan thuần Ti6A14V, dẻo- dễ uốn theo giải phẫu bệnh nhân, thiết kế tương thích với cấu trúc của xương.Tiêu chuẩn CE, ISO 13485:2016, ASTM F136-UNS R56401, sức kéo vật liệu 870-940MPa/min-đàn hồi 114GPa-chịu nhiệt tới 850-960°c. - Sử dụng loại vít khóa, vít vỏ/cứng, tự taro, đường kính vít 3.5/4.0 mm, chất liệu Ti6A14V. Có dụng cụ chuyên dụng đi kèm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
371	Nẹp khóa xương gót chân, trái phải các cỡ, titan	Gói/Cái	Cái	15	-Có các cỡ S-M-L-XL Nẹp chất liệu Titan thuần Ti6A14V, dẻo-dễ uốn theo giải phẫu bệnh nhân, thiết kế tương thích với cấu trúc của xương.Tiêu chuẩn CE, ISO 13485:2016, ASTM F136-UNS R56401, sức kéo vật liệu 870-940MPa/min-đàn hồi 114GPa-chịu nhiệt tới 850-960°c. - Sử dụng loại vít khóa, vít vỏ/cứng ,tự taro, đường kính vít 3.5 mm, lỗ bắt vít kết hợp, chất liệu Ti6A14V. Có dụng cụ chuyên dụng đi kèm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
372	Nẹp khóa xương mác titan (các cỡ)	Bịch/Cái	Cái	10	Chất liệu titanium, cỡ từ 4 lổ đến 8 lổ, dài từ 76mm đến 124mm, đầu nẹp có 4 lổ vít khóa tròn, có lổ xuyên kim kirschner, dùng vít khóa titanium 3.5mm hoặc 4.0mm, vít vỏ titanium 3.5mm và vít xốp titanium 4.0mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
373	Vít chốt titan 10 các cỡ	Bịch/Cái	Cái	5	Chất liệu titanium, đường kính 10mm, mũi vít chốt có lưỡi xoắn, đầu vít chốt có nắp đậy, vít chốt dài từ 70mm đến 120mm với bước tăng là 5mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
374	Vít chốt titan 4,3 các cỡ	Bịch/Cái	Cái	70	Chất liệu titanium, đường kính 4.3mm, thân vít chốt toàn ren, vít chốt dài từ 30mm đến 90mm với bước tăng là 5mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
375	Vít chốt titan 5,0 các cỡ	Bịch/Cái	Cái	100	Chất liệu titanium, đường kính 5.0mm, thân vít chốt toàn ren, vít chốt dài từ 30mm đến 105mm với bước tăng là 5mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
376	Vít chốt titan 6,5 các cỡ	Bịch/Cái	Cái	30	Chất liệu titanium, đường kính 6.5mm, mũi vít chốt có ren một phần, vít chốt dài từ 65mm đến 115mm với bước tăng là 5mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
377	Vít khoá 2.4 các cỡ titan	Gói/Cái	Cái	150	Chất liệu Titan TiA16V4, vít khóa, tự taro, độ dài 10-40 mm, đường kính ren 2.4mm, đường kính lõi 1.8mm, đầu vít 3.5mm. Có dụng cụ chuyên dụng đi kèm. Fix với nẹp.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
378	Vít khoá 2.7 các cỡ titan	Gói/Cái	Cái	150	Chất liệu Titan TiA16V4, vít khóa, tự taro, độ dài 10-65mm, đường kính ren 2.7mm, đường kính lõi 2.1 mm, đâu vít 3.5mm, đầu vít hình sao. Có dụng cụ chuyên dụng đi kèm. Tiệt trùng. Fix với nẹp.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
379	Vít khoá 3.5 các cỡ titan	Gói/Cái	Cái	1000	Chất liệu Titan TiA16V4, vít khóa, tự taro, độ dài 10-70mm, đường kính ren 3.5mm, đường kính lõi 2.8mm, đầu vít 5.0mm. Có dụng cụ chuyên dụng đi kèm. Tiệt trùng. Fix với nẹp.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
380	Vít khoá 5.0 các cỡ titan	Gói/Cái	Cái	500	Chất liệu Titan TiA16V4, vít khóa, tự taro, độ dài 14-110 mm, đường kính ren 5.0mm, đầu vít 6.6mm. Đường kính lõi 4.4mm. Có dụng cụ chuyên dụng đi kèm. Tiệt trùng. Fix với nẹp.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
381	Vít khóa titan 2.0 (các cỡ)	Bịch/Cái	Cái	100	Chất liệu titanium, đường kính 2.0mm, thân vít toàn ren, tương thích với các lổ bắt vít khóa của các nẹp khóa dùng cho bàn ngón tay, vít dài từ 8mm đến 18mm với bước tăng là 2mm, mũi vít có xẻ rãnh để tự khoan, đầu vít hình ngôi sao có ren khóa.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
382	Vít khóa titan 2.5 (các cỡ)	Bịch/Cái	Cái	100	Chất liệu titanium, đường kính 2.5mm, thân vít toàn ren, tương thích với các lổ bắt vít khóa của các nẹp khóa dùng cho bàn ngón tay và chi trên, vít dài từ 8mm đến 30mm với bước tăng là 2mm, mũi vít có xẻ rãnh để tự khoan, đầu vít hình ngôi sao có ren khóa.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
383	Vít khóa titan 2.7 (các cỡ)	Bịch/Cái	Cái	300	Chất liệu titanium, đường kính 2.7mm, thân vít toàn ren, tương thích với các lổ bắt vít khóa của các nẹp khóa dùng cho chi trên, vít dài từ 8mm đến 30mm với bước tăng là 2mm, mũi vít có xẻ rãnh để tự khoan, đầu vít hình ngôi sao có ren khóa.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
384	Vít khoá titan 3.5 (các cỡ)	Bịch/Cái	Cái	850	Chất liệu titanium, đường kính 3.5mm, thân vít toàn ren, tương thích với các lổ bắt vít khóa của các nẹp khóa titanium dùng cho chi trên và chi dưới, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm, dài từ 50mm đến 65mm với bước tăng là 5mm, mũi vít có xẻ rãnh để tự tarô, đầu vít hình ngôi sao có ren khóa.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
385	Vít khoá titan 4.0 (các cỡ)	Bịch/Cái	Cái	400	Chất liệu titanium, đường kính 4.0mm thân toàn ren, tương thích với các lổ bắt vít khóa của các nẹp khóa dùng cho chi trên và chi dưới, dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm, dài từ 50mm đến 65mm với bước tăng là 5mm, đầu vít có ren khóa, dùng tua vít lục giác, mũi vít có xẻ rãnh để tự tarô.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
386	Vít khoá titan 5.0 (các cỡ)	Bịch/Cái	Cái	400	Chất liệu titanium, đường kính 5.0mm, thân vít toàn ren, tương thích với các lổ bắt vít khóa của các nẹp khóa titanium dùng cho chi trên và chi dưới, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm, dài từ 50mm đến 90mm với bước tăng là 5mm, mũi vít có xẻ rãnh để tự tarô, đầu vít hình ngôi sao có ren khóa.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
387	Vít khóa titan tương thích với nẹp khóa nén ép, đường kính 2.7 mm	Gói/Cái	Cái	13	Chất liệu Titan TiA16V4, vít khóa, tự taro, độ dài 10-48, bước tăng 2mm, dài 50-65 bước tăng 5mm, đường kính ren 2.7mm, đường kính lõi 2.1 mm, đâu vít 3.5mm, đầu vít hình sao. Có dụng cụ chuyên dụng đi kèm. Tiệt trùng. Fix với nẹp.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
388	Vít khóa titan tương thích với nẹp khóa nén ép, đường kính 3.5 mm	Gói/Cái	Cái	300	- Chất liệu Titan TiA16V4, vít khóa, tự taro, độ dài 10-70mm, đường kính ren 3.5mm, đường kính lõi 2.8mm, đầu vít 5.0mm, đầu vặn vít hình ngôi sao. Có dụng cụ chuyên dụng đi kèm. - Chất liệu Titan TiA16V4, vít khóa, tự taro, độ dài 14-110 mm, đường kính ren 5.0mm, đầu vít 6.6mm, đầu vặn vít hình ngôi sao Đường kính lõi 4.4mm. Có dụng cụ chuyên dụng đi kèm.Tiệt trùng. Fix với nẹp.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
389	Vít vỏ 3.5 các cỡ titan	Gói/Cái	Cái	500	Chất liệu Titan TiA16V4, vít xương cứng, tự taro, độ dài 10-70mm, đường kinh ren 3.5mm, đk lõi 2.4mm, đầu vít 6.0mm.Có dụng cụ chuyên dụng đi kèm. Fix với nẹp.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
390	Vít vỏ 4.5 các cỡ titan	Gói/Cái	Cái	300	Chất liệu Titan TiA16V4, vít xương cứng, tự taro, độ dài 14-80mm, đường kính ren 4.5mm, đường kính lõi 3.0mm, đầu vít 8.0mm. Có dụng cụ chuyên dụng đi kèm. Fix với nẹp.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
391	Vít vỏ titan 2.0 (các cỡ)	Bịch/Cái	Cái	100	Chất liệu titanium, đường kính 2.0mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 5mm đến 24mm với bước tăng là 2mm, đầu vít hình ngôi sao.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
392	Vít vỏ titan 2.5 (các cỡ)	Bịch/Cái	Cái	100	Chất liệu titanium, đường kính 2.5mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 8mm đến 30mm với bước tăng là 2mm, đầu vít hình ngôi sao.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
393	Vít vỏ titan 2.7 (các cỡ)	Bịch/Cái	Cái	100	Chất liệu titanium, đường kính 2.7mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 8mm đến 30mm với bước tăng là 2mm, đầu vít hình ngôi sao.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
394	Vít vỏ titan 3.5 (các cỡ)	Bịch/Cái	Cái	200	Chất liệu titanium, đường kính 3.5mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm, đầu vít hình ngôi sao.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
395	Vít vỏ titan 4.5 (các cỡ)	Bịch/Cái	Cái	200	Chất liệu titanium, đường kính 4.0mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 20mm đến 60mm với bước tăng là 2mm, đầu vít hình lục giác chìm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
396	Vít xốp titan 4.0 (các cỡ)	Bịch/Cái	Cái	150	Chất liệu titanium, đường kính 4.0mm, thân vít ren bán phần, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm, đầu vít hình ngôi sao.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
397	Vít xốp titan 6.5 (các cỡ)	Bịch/Cái	Cái	150	Chất liệu titanium, đường kính 6.5mm, thân vít ren bán phần, vít dài từ 40mm đến 100mm với bước tăng là 5mm, đầu vít hình ngôi sao.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
NHÓM 6: VẬT TƯ TIÊU HAO DÙNG TRONG VẬT LÝ CHỈNH HÌNH						
398	Băng cố định chóp xoay khớp vai sau phẫu thuật có gối đi kèm	Băng cố định khớp vai tư thế dạng H1	Cái	70	Chức năng: Cố định, ổn định khớp vai. Vật liệu: Vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. Khóa Velcro.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
399	Đai áo cột sống các cỡ	Túi 1 cái	Cái	10	Băng nẹp sử dụng loại vải đặc biệt, chịu lực tốt, thoáng khí, thanh nẹp làm từ hợp kim nhôm nhẹ, chắc chắn, đảm bảo hạn chế tối đa sự di lệch của xương và khớp tổn thương, dây đai bằng băng nhám dính. Sơ cứu chấn thương cột sống, hỗ trợ sau phẫu thuật cột sống.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
400	Đai cố định khớp vai (Desault) các cỡ	Hộp 1 cái	Cái	200	Đai sử dụng loại vải đặc biệt, chịu lực tốt, thoáng khí, thanh nẹp làm từ hợp kim nhôm nhẹ, chắc chắn, đảm bảo hạn chế tối đa sự di lệch của xương và khớp tổn thương, dây đai bằng băng nhám dính. Sơ cứu chấn thương khớp vai, hỗ trợ sau phẫu thuật khớp.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
401	Đai số 8 các cỡ (đai xương đòn)	Hộp 1 cái	Cái	200	Đai sử dụng loại vải đặc biệt, chịu lực tốt, thoáng khí, thanh nẹp làm từ hợp kim nhôm nhẹ, chắc chắn, đảm bảo hạn chế tối đa sự di lệch của xương và khớp tổn thương, dây đai bằng băng nhám dính. Sơ cứu chấn thương, hỗ trợ sau phẫu thuật về xương đòn, cổ	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
402	Đai thắt lưng các cỡ	Túi 1 cái	Cái	300	Đai sử dụng loại vải đặc biệt, chịu lực tốt, thoáng khí, thanh nẹp làm từ hợp kim nhôm nhẹ, chắc chắn, đảm bảo hạn chế tối đa sự di lệch của xương và khớp tổn thương, dây đai bằng băng nhám dính. Sơ cứu chấn thương, hỗ trợ sau phẫu thuật về xương đòn, cổ	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
403	Nẹp cẳng tay các cỡ (trái, phải)	Túi 1 cái	Cái	200	Băng nẹp sử dụng loại vải đặc biệt, chịu lực tốt, thoáng khí, thanh nẹp làm từ hợp kim nhôm nhẹ, chắc chắn, đảm bảo hạn chế tối đa sự di lệch của xương và khớp tổn thương, dây đai bằng băng nhám dính. Sơ cứu chấn thương, hỗ trợ sau phẫu thuật cẳng tay.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
404	Nẹp chống xoay dài các cỡ	Túi 1 cái	Cái	70	Băng nẹp sử dụng loại vải đặc biệt, chịu lực tốt, thoáng khí, thanh nẹp làm từ hợp kim nhôm nhẹ, chắc chắn, đảm bảo hạn chế tối đa sự di lệch của xương và khớp tổn thương, dây đai bằng băng nhám dính. Sơ cứu chấn thương, hỗ trợ sau phẫu thuật chống xoay chân.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
405	Nẹp chống xoay ngắn các cỡ	Túi 1 cái	Cái	150	Băng nẹp sử dụng loại vải đặc biệt, chịu lực tốt, thoáng khí, thanh nẹp làm từ hợp kim nhôm nhẹ, chắc chắn, đảm bảo hạn chế tối đa sự di lệch của xương và khớp tổn thương, dây đai bằng băng nhám dính. Sơ cứu chấn thương, hỗ trợ sau phẫu thuật chống xoay chân.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
406	Nẹp cổ bàn tay các cỡ	Túi 1 cái	Cái	30	Băng nẹp sử dụng loại vải đặc biệt, chịu lực tốt, thoáng khí, thanh nẹp làm từ hợp kim nhôm nhẹ, chắc chắn, đảm bảo hạn chế tối đa sự di lệch của xương và khớp tổn thương, dây đai bằng băng nhám dính. Sơ cứu chấn thương, hỗ trợ sau phẫu thuật cổ bàn tay.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
407	Nẹp cổ cứng các cỡ	Túi 1 cái	Cái	100	Chất liệu : Nhựa EVA thoáng, cứng, cố định tốt. Thiết kế cố định chấn thương cổ khi sơ cứu – cố định điều trị đốt sống cổ, bảo tồn sau khi thóat vị đĩa đệm. Đai cố định tốt, thông thoáng, đảm bảo cố định cổ trong thời gian điều trị. Sơ cứu chấn thương, hỗ trợ sau phẫu thuật cổ.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
408	Nẹp cố định khớp gối	Nẹp gối H3 - Olego 40cm, 50cm, 60cm, 70cm	Cái	160	Chức năng: Hỗ trợ cố định vùng quanh khớp gối, đùi, cẳng chân. Vật liệu: Vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. Khóa Velcro, nẹp hợp kim nhôm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
409	Nẹp cổ mềm các cỡ	Túi 1 cái	Cái	50	Băng nẹp sử dụng loại vải đặc biệt, chịu lực tốt, thoáng khí, chắc chắn, đảm bảo hạn chế tối đa sự di lệch của xương và khớp tổn thương, dây đai bằng băng nhám dính. Sơ cứu chấn thương, hỗ trợ sau phẫu thuật cổ.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
410	Nẹp cổ tay các cỡ	Túi 1 cái	Cái	30	Băng nẹp sử dụng loại vải đặc biệt, chịu lực tốt, thoáng khí, chắc chắn, đảm bảo hạn chế tối đa sự di lệch của xương và khớp tổn thương, dây đai bằng băng nhám dính. Sơ cứu chấn thương, hỗ trợ sau phẫu thuật cổ tay.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
411	Nẹp ngón tay cái các cỡ	Túi 1 cái	Cái	50	Băng nẹp sử dụng loại vải đặc biệt, chịu lực tốt, thoáng khí, chắc chắn, đảm bảo hạn chế tối đa sự di lệch của xương và khớp tổn thương, dây đai bằng băng nhám dính. Sơ cứu chấn thương, hỗ trợ sau phẫu thuật ngón tay cái.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
412	Nẹp nhôm Iselin	Túi 10 cái	Cái	100	Nẹp sử dụng loại thanh nẹp làm từ hợp kim nhôm nhẹ, chắc chắn, đảm bảo hạn chế tối đa sự di lệch của xương và khớp tổn thương, chịu lực tốt, chắc chắn, Sơ cứu chấn thương, hỗ trợ sau phẫu thuật ngón tay.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
NHÓM 7: VẬT TƯ TIÊU HAO DÙNG TRONG ĐIỆN CƠ ĐIỆN NÃO						
413	Dây cáp cho điện cực kim dùng nhiều lần	Bịch/ 01 dây	Dây	3	Cáp điện cho cực kim dài 1,2 m, với đầu nối nhựa chuẩn DIN và một kết nối điện cực mạ vàng. Làm việc với điện cơ kim sợi đơn độc, dài 1.2m dùng cho kim Technomed	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
414	Dây cáp điện cực gắn	Bịch/ 01 dây	Dây	2	Dây cáp điện cực gắn với 2 Snap, dây cáp dài 152cm, 2 snap gồm 2 màu đỏ và đen. Chuôi kết nối chuẩn 5-pin DIN.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
415	Dây điện cực bạc đo điện não	Bịch/ 12 dây	Bịch	3	Điện cực điện não dạng Cup với đường kính Cup 10mm. Điện cực Cup bằng bạc trong ba điện cực dài với 12 mã màu (2 x màu xanh lá cây, xanh dương, vàng, xám, màu hồng và màu tím) điện cực cho mỗi gói., dài 1.5m	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
416	Điện cực đất loại dán	Hộp/24 cái	Hộp/24 cái	8	Điện cực đất dùng một lần tiền-gel hóa, bạc / bạc clorua khu vực tiếp xúc 40mm x 50mm với chì đính kèm và bao gồm một điện cực mỗi túi, có sẵn trong hai dây dẫn sử dụng chỉ trên 1 bệnh nhân, dài 1.0m	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
417	Điện cực thanh	Bịch/ 01 cái	Cái	2	Gồm hai điện cực làm từ thép không gỉ mạ vàng bền bỉ với đường kính 9mm, cách nhau 30mm. Điện cực được mã hóa để phân cực. Dây dài 1.0m	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
418	Gel dẫn truyền 250ml	Hộp/ 03 tube	Tube	4	Gel dẫn truyền Electrolyte 8.4oz, ống nhựa có thể ép được. Dung dịch muối Natri không màu, không mùi, tan trong nước. An toàn khi dùng cho trẻ em.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
419	Gel tẩy da dùng cho điện cơ, điện não	Hộp/ 03 tube	Tube	4	Gel tẩy da dùng cho điện cơ, điện não Nuprep 4oz. Kem vệ sinh da NuPrep là hữu ích cho việc làm giảm điện trở da và tăng cường kết quả kiểm tra	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
420	Gói điện cực bề mặt kèm dây cáp	Bịch/ 12 cái	Gói	10	Dùng một lần bạc / bạc clorua điện cực trong suốt với chì đính kèm. Ba điện cực mỗi túi với dẫn mã màu (đỏ, xanh lá cây và màu đen), có sẵn trong hai chiều dài chì, dài 0.8m	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
421	Kim điện cực điện cơ dùng 1 lần	Hộp/ 25 cây	Hộp/ 25 cây	4	Lõi điện cực bằng Thép không gỉ hoặc Platinum-iridium. Mũi kim bén nhậy. Cáp đồng trục kết nối được mạ vàng. Mã màu sắc chuôi kim theo tiêu chuẩn thị trường. Chuẩn 26G (đường kinh 0.45mm), dài 37mm, diện tích ghi 0.068mm2, chuôi kim màu xanh lá.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
422	Kim điện cực dùng nhiều lần, 25 mm - 40 mm - 50 mm	Bịch/ 01 cây	Cây	40	Kim điện cực đồng tâm sử nhiều lần trang bị một dây điện cực lõi Platinum-iridium nằm trong một ống thép không gỉ. Các điện cực có một đồng trục cắm sub-thu nhỏ. Chuẩn 30G (đường kính 0.30mm), dài 25mm, diện tích ghi 0.021 mm2, chuôi kim màu vàng. Chuẩn 25G (đường kính 0.50mm), dài 40mm, diện tích ghi 0.068 mm2, chuôi kim màu xanh lá.Chuẩn 26G (đường kính 0.45mm), dài 50mm, diện tích ghi 0.068 mm2, chuôi kim màu nâu.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
423	Past điện não	Hộp/03 lọ	Lọ	3	Paste điện não Ten20 8oz - 228g là một loại gel không mùi, màu trắng, mờ đục tan trong nước được thiết kế để sử dụng với điện cực EEG Cup.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
NHÓM 8: VẬT TƯ TIÊU HAO DÙNG TRONG ĐƠN VỊ CAN THIỆP MẠCH MÁU						
424	Áo chắn tia X dạng 1 mảnh dùng cho khoa DSA và phòng mổ	Hộp/1 cái	Cái	10	Aó chắn tia X dạng 1 mảnh, trọng lượng siêu nhẹ từ 4.5kg - 5.6kg, không chứa chì. Độ dày bảo vệ 0.5mm. Thiết kế đai lưng 6". Kích cỡ: S, M, L. Chất liệu: Hợp chất Antimony.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
425	Bộ bơm bóng áp lực cao 20ml	1 cái/ hộp	Cái	50	Thể tích 20ml, áp lực 30atm, vật liệu Polycarbonate, có kết nối luer xoay kèm van chữ Y dạng bật, tay cầm Ergonomic grip, xoay kiểu chữ T chống trượt, đồng hồ bơm áp lực có phát quang	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
426	Bộ bơm bóng kèm dụng cụ nối, có khóa chữ Y dạng bấm	Bộ/Hộp	Bộ	500	Bộ bơm áp lực cao kèm dụng cụ nối. Có khoá cầm máu chữ Y dạng bấm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
427	Bộ bơm bóng mạch vành áp lực cao 30 atm	Hộp/ 1 cái	Cái	60	Bộ bơm áp lực cao kèm dụng cụ nối. Có khoá cầm máu chữ Y dạng bấm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
428	Bộ điều khiển cắt coil điện tử EDG v4	1Cái/ Gói	Cái	25	Bộ điều khiển cắt coil tương thích với ED Coil, nhận biết và chỉ ra điểm tách coil bằng tín hiệu âm báo, đèn ngay cả khi vị trí của marker thứ 2 của vi ống thông không hiển thị rõ dưới X-ray. Bộ điều khiển kết nối có ED clip (nối với pusher) và Patient-side clip (sử dụng kèm với kim từ 20G - 22G để tiêm dưới da bệnh nhân). Đèn đỏ của bộ điều khiển được bật khi ED clip được kết nối với pusher. Đèn xanh được bật khi đoạn tách coil ra khỏi vi ống thông. Tiếp đó, nhấn 2 nút Detach đồng thời trên bảng điều khiển để tách coil.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
429	Bộ dụng cụ dẫn đường vào lòng mạch máu các cỡ StarFlex	Bộ/Gói	Bộ	100	Gồm: Ống nong lòng mạch máu (Dilator); Ống thông mở đường vào lòng mạch máu (Sheath introducer), Dây dẫn nhỏ (Mini guidewire), Kim chọc dò mạch máu. Các kích thước: 5 F; 6 F; 7 F; 8 F; 9 F. Chiều dài: 11 cm; 23 cm; 45 cm và 70 cm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
430	Bộ dụng cụ đóng mạch máu có khả năng tự tieu và cơ chế cầm máu kép	Bộ	Bộ	15	Gồm 3 thành phần: Neo tự tiêu sinh học: được thiết kế vừa khít với thành động mạch tại vị trí đóng mạch, khiến cho dòng chảy của máu không bị xáo trộn mà không có hiện tượng hẹp động mạch. Collagen tự tiêu sinh học: thích hợp với khả năng đóng mạch một cách tối ưu. Chỉ tự tiêu sinh học: buộc chặt móc neo và collagen, cố định chúng khiến cho việc cầm máu hiệu quả. Kích cỡ: 6F - đường kính dây dẫn 0.035", 8F - đường kính dây dẫn 0.038".	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
431	Bộ dụng cụ đóng mạch máu có khả năng tự tiêu và cơ chế cầm máu kép	Hộp/ 5 bộ	Bộ	15	Gồm 3 thành phần: Neo tự tiêu sinh học: được thiết kế vừa khít với thành động mạch tại vị trí đóng mạch, khiến cho dòng chảy của máu không bị xáo trộn mà không có hiện tượng hẹp động mạch. Collagen tự tiêu sinh học: thích hợp với khả năng đóng mạch một cách tối ưu. Chỉ tự tiêu sinh học: buộc chặt móc neo và collagen, cố định chúng khiến cho việc cầm máu hiệu quả. Kích cỡ: 6F - đường kính dây dẫn 0.035", 8F - đường kính dây dẫn 0.038".	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
432	Bộ dụng cụ hút huyết khối có cấu trúc sợi bện đan xen và thuyết kế stylet, đường kính 0.070",0.080", chiều dài 140cm.	Hộp/1 cái	Cái	20	Đường kính 6F, 7F, chiều dài catheter 140cm. Lòng hút rộng và cấu trúc sợi bện làm tăng khả năng hút huyết khối. Thiết kế stylet tăng khả năng đẩy. Có marker chắn bức xạ ở đầu xa.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
433	Bộ dụng cụ mở đường mạch máu gồm sheath phủ lớp M coat có van chống tràu máu kiểu Cross-cut, mini plastic guide wire. Chiều dài 10cm - 16cm	Hộp/5 cái	Cái	100	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch có lớp ái nước bao gồm sheath có van chống trào máu dài 45 - 80cm. Đường kính 5Fr-6Fr, dài 10cm - 16cm. Sheath di chuyển mượt mà, giảm thiểu các vấn đề về co thắt. Chống xoắn.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
434	Bộ dụng cụ mở đường mạch máu bao gồm sheath có van chống trào máu kiểu Cross-cut, mini plastic guide wire. Chiều dài 7cm-10cm	Hộp/5 cái	Cái	1.000	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch bao gồm sheath có van chống trào máu kiểu Cross-cut, mini plastic guide wire dài 45cm. Đường kính 4Fr đến 10Fr, dài 7cm - 10cm. Lớp vỏ bằng ETFE có tác dụng chống xoắn. Thành sheath mỏng, giúp giảm kháng lực khi đưa sheath ra vào.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
435	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch đùi, polypropylene và polythylene	Hộp/5 bộ	Bộ	20	Dụng cụ mở đường đùi (Sheath) 4F, 5F, 6F, 7F, 8F. Chất liệu polythylene và Polypropylene. Hemostasis valve ngăn chặn máu rò rỉ. Holster giúp cố định và giữ các dụng cụ trong bộ đúng chỗ. Đủ các cỡ 4F, 5F, 6F, 7F, 8F dài 11cm, mỗi size được thiết kế màu sắc khác nhau. Có kèm theo kim chọc mạch 18Gx7cm (tùy mã sản phẩm). - Có khóa 3 ngã - Có Guirewire kèm (làm bằng thép không rỉ) có đầu cong hình J, đường kính 0.035" hoặc 0.038", dài 50cm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
436	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch quay, bằng polypropylene và polythylene	Hộp/5 bộ	Bộ	30	Chất liệu polythylene và Polypropylene. Hemostasis valve ngăn chặn máu rò rỉ. Holster giúp cố định và giữ các dụng cụ trong bộ đúng chỗ. Có Guirewire kèm (làm bằng thép không rỉ) có đầu cong hình J, đường kính 0.018", dài 40cm. Có kèm theo kim chọc mạch 21Gx4cm , có khóa 3 ngã. Đủ các cỡ 4F, 5F, 6F dài 7 cm, 11 cm, 23 cm mỗi size được thiết kế màu sắc khác nhau.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
437	Bộ hút huyết khối mạch vành 6F, 7F	Hộp 1 cái	Cái	5	Đầu hút với thiết kế độc quyền có hình dạng mỏ vịt, là diện tích hút lớn nhất hiện nay 7.0 mm2. Lõi thép không gỉ, chống xoắn tốt. Chiều dài hút huyết khối dài 25 cm, làm tăng khả năng đẩy tốt qua tổn thương. Điểm định vị nằm bên trong, tăng sự mượt mà khi đi qua thành mạch. Đầu tip mềm, tăng tính linh hoạt. Kích cỡ: 6F, 7F. Chiều dài 135cm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
438	Bộ khăn chụp mạch vành C	1 bộ/túi	Bộ	600	Bộ khăn chụp mạch vành 3 lỗ gồm: 01 khăn chụp mạch vành kích thước 220cm x 370cm; 01 tấm phủ da năng kích thước 140cm x150cm; 01 khăn trải bàn dụng cụ kích thước 140cm x 200cm, 01 bao chụp đầu đèn kích thước 60cm; 01 bao kính chắn chì kích thước 120cm x 120cm; bao đựng Remote kích thước 10cmx26cm. Tiệt trùng EO.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
439	Bộ Micro catheter + 1 mini guidewire can thiệp TOCE gồm 1 micro catherter 3 lớp bọc tungsten, lớp ái nước M Coat, platinum marker	Hộp/1 cái	Cái	50	Bộ Micro catheter + 1 mini guidewire can thiệp TOCE gồm 1 micro catherter 3 lớp bọc tungsten, lớp ái nước M Coat, platinum marker. Đường kính trong 2.7Fr, chiều dài 110cm- 130cm. Chất liệu: micro catherter 3 lớp bọc tungsten. Tiêu chuẩn kỹ thuật: thâm nhập dễ dàng vào các mạch máu ngoại vi xa và phức tạp.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
440	Bộ phận kết nối Manifold 3 port	1 cái/ túi	Cái	400	Thiết kế 2,3 ngã, thân polycarbonate. Chịu được áp lực cao 500psi, 600 psi . Đường dẫn trong suốt dễ dàng quan sát dòng chảy và phát hiện bọt khí. Đầu nối luer tương thích cổng đực/ cái, cổng xoay ON/ OFF. Tiệt trùng bằng khí ethylene Oxide.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
441	Bộ stentgraft cho động mạch chủ bụng Endurant và phụ kiện	Cái/ hộp	Bộ	4	Kích thước hệ thống dẫn nhỏ nhất 18F (phần thân chính) 14F (phần nối dài). Đầu gần có stent chữ M. Chỉ định trên bệnh nhân có cổ túi phình đoạn gần ≥ 10 mm, và độ gập góc đến 75°. Có marker hình chữ e và ring marker. Hệ thống bung stent điều khiển bằng cách xoay tròn. Đường kính: 23 mm - 36 mm đối với thân chính và từ 10 mm- 28 mm đối với thân nối dài. Chất liệu stent Nitinol, graft là polyester đa sợi mật độ cao.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
442	Bộ stentgraft cho động mạch chủ ngực Valiant Captivia và phụ kiện	Cái/ hộp	Bộ	4	Có 8 mắt stent ở đầu gần không có lớp phủ, dài 12 mm. Không có thanh kim loại chạy dọc trên lưng stent. Có marker hình số 8 ở đoạn đầu và giữa, một marker hình O ở đoạn cuối. Hệ thống bung stent điều khiển bằng cách xoay tròn. Kích thước đường kính: 22 mm - 46 mm. Chất liệu stent Nitinol, graft là Polyester đa sợi mật độ cao. Tiệt trùng.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
443	Bộ vi ống thông can thiệp toce 2.6F	1 Bộ/ Gói	Bộ	65	Lòng ống rộng 0.69 mm. Ống thông được viền bằng sợi bện Tungsten tăng khả năng hiển thị và duy trì hình dạng lòng trong ống. Áp lực bơm lên tới 1000 psi. Lớp phủ Hydrophilic: 65, 100 cm. Dây dẫn đi kèm 0.021 inch với hình dạng đầu tip: angle hoặc multi curve. Chiều dài khả dụng 105, 125 cm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
444	Bơm tiêm 10ml	1 cái/ túi	Cái	200	vật liệu Polycarbonate, thể tích 1ml, 3ml, 10ml, 20ml, đầu có khóa cố định luer lock	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
445	Bơm tiêm 20cc (luer lock)	Hộp/ 50 cái	Cái	300	Chất liệu Polyethylene. Ống tiêm có đầu nối Luerlock gắn bơm tiêm điện. Ống tiêm khớp với dây nối ba chia, không chứa độc tố DEHP.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
446	Bơm tiêm insulin 100UI/0,5ml kim 30G x5/16" (8mm)	100 cái/hộp	Cái	5.000	Dạng syringe Ultra-Fine với kim vát 3 mặt. Đường kính nhỏ 30G, đầu kim phủ silicone. Chiều dài kim ngắn 5/16" (8mm). Đóng gói 0.3ml (10 cái/gói), 0.5ml và 1ml riêng lẻ từng cái.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
447	Bơm tiêm insulin 6mm 100UI kim 31Gx0.25mm các thể tích 0,5ml	100 cái/ hộp	Cây	5.000	Dạng syringe Ultra-Fine với kim vát 3 mặt, Đường kính nhỏ 31G, đầu kim phủ silicone, Chiều dài kim ngắn: 6mm với đường kính lòng kim lớn 0.25mm, 0.5ml đóng gói riêng lẻ từng cái.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
448	Bơm tiêm khí máu động mạch 1ml tráng sẵn Lithium heparin, có nắp đậy đuổi khí, loại tự động hút máu, có kim 25G/23G	200 chiếc/ thùng	Chiếc	1.000	hàm lượng 23,5IU/ml. Đầu Filter Pro loại bỏ bọt khí an toàn, tránh phơi nhiễm máu và mầm bệnh. Syringe loại luer slip, hút máu tự động, có kim 25G x 5/8" (0.5mm x 16mm) và 23G x 1" (0.5mm x 25mm).	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
449	Bóng đối xung động mạch chủ các cỡ	Cái	Cái	20	Bao gồm: kim chọc, bộ dẫn đường, bộ nong các kích cỡ, catheter, ống chích, bộ ba ngã; đường kính catheter 7.5Fr. Chất liệu màng bóng Durathane. Cam kết hỗ trợ thiết bị để sử dụng bóng.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
450	Bóng nong (balloon) can thiệp mạch ngoại biên (mạch chi và mạch kheo), semi crytalline polymer	1 Cái/hộp	Cái	20	Chất liệu bằng SCP (Semi Crystalline Polymer), phủ đan xen kị nước tránh làm trượt bóng và giúp bung bóng chính xác. Ống thông loại OTW, dài 80cm, 90cm, 130cm và 150 cm. Tương thích dây dẫn 0.018"/0.035" và ống dẫn 4F, 5F, 6F. Loại bóng 5 nếp gấp. Áp lực bình thường 6 atm. Áp lực vỡ bóng 12atm - 15atm đối với loại tương thích với dây dẫn 0.018"; 11 - 20 atm) đối với loại tương thích dây dẫn 0.035". Đường kính 2.0-7.0 mm đối với loại tương thích dây dẫn 0.018" và 3.0 - 10.0 mm đối với loại tương thích dây dẫn 0.035"; chiều dài: 20- 200 mm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
451	Bóng nong (balloon) mạch ngoại biên có phủ thuốc paclitaxel, tương thích dây dẫn 0,018", đường kính 3-7mm	1 Cái/hộp	Cái	10	Bóng phủ thuốc Paclitaxel (3.0µg/mm2). Vùng phủ thuốc là khoảng giữa 2 marker. Thuốc Paclitaxel được hấp thu trên Butyryl-tri-hexyl citrate (BTHC). Tương thích dây dẫn 0.018". Loại hệ thống ống thông: OTW. Đủ kích thuốc khác nhau: đường kính 3.0, 4.0, 5.0, 6.0, 7.0 mm; chiều dài: 40 đến 120 mm. Áp suất bình thường 6 atm. Áp lực vỡ bóng 15atm (riêng 6.0, 7.0 là 12 atm).	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
452	Bóng nong (balloon) mạch vành phủ thuốc Paclitaxel, đường kính 2-4mm	1 cái/ Hộp	Cái	10	Bóng phủ thuốc Paclitaxel (3.0µg/mm2). Vùng phủ thuốc là khoảng giữa 2 marker. Thuốc Paclitaxel được hấp thu trên Butyryl-tri-hexyl citrate (BTHC). Profile: 0.017", tri-fold (3 nếp gấp). Guiding tương thích nhỏ nhất 5F. Dây dẫn tương thích 0.014". Chiều dài catheter bóng 140 cm. Catheter bóng loại Fast-Exchange. Đủ kích thuốc khác nhau: đường kính 2.0 - 4.0 mm; chiều dài: 10-30 mm. Áp suất bình thường 7atm. Áp lực vỡ bóng 13atm (riêng 4.0 là 12 atm).	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
453	Bóng nong động mạch ngoại biên Advocate phủ lớp ái nước Serene các cỡ	1 Cái/ Hộp	Cái	30	Đường kính bóng cỡ 3,4,5,6,7mm dài 20,40,60,80,100,150,200mm tương thích sheath 5F; cỡ 8,9,10mm dài 20,40,60,80,100mm tương thích sheath 6F; đặc biệt có cỡ 12mm dài 20,40,60mm tương thích sheath 7F. Tương thích dây dẫn 0.035". Chiều dài hệ thống catheter 75cm và 130cm. Áp lực NP 8atm, RBP 10-16atm. Độ giãn nở trung bình thấp hơn 11%. Dải đánh dấu dài 1.025mm bằng chất liệu platinum/iridium	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
454	Bóng nong động mạch ngoại biên áp lực cao 0,014", tất cả các cỡ	Cái/ Hộp	Cái	50	chiều dài đầu tip từ 3 - 5 mm. Lớp phủ: Hydrophilic (đoạn xa); Silicone (lòng trong ống). Áp lực thường 12 atm. Áp lực vỡ bóng lên tới 22 atm. Dây dẫn tương thích: 0.014 inch. Đường kính bóng từ 1.5 – 6 mm. Chiều dài bóng từ 15 – 240 mm. Chiều dài ống: 150 cm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
455	Bóng nong động mạch ngoại biên áp lực cao Jade dây dẫn 0.014" các cỡ	1 Cái/ Hộp	Cái	20	chiều dài đầu tip từ 3 - 5 mm. Lớp phủ: Hydrophilic (đoạn xa); Silicone (lòng trong ống). Áp lực thường 12 atm. Áp lực vỡ bóng lên tới 22 atm. Dây dẫn tương thích: 0.014 inch. Đường kính bóng từ 1.5 – 6 mm. Chiều dài bóng từ 15 – 240 mm. Chiều dài ống: 150 cm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
456	Bóng nong động mạch vành Cathy No4	1 cái/hộp	Cái	20	Chất liệu bóng Modified Polyamide. Chất liệu phần thân gần PTFE phủ Hypo-Tube, đường kính 1.9F. Chất liệu phần thân xa Polyamide, đường kính 2.7F. 2 marker Platinum/ Iridium. NP 9 bar. RBP 16 bar. Guiding 5F. Khẩu kính đầu vào tổn thương 0.41mm. Khẩu kính băng qua tổn thương 0,64mm. Guide wire 0.014". Chiều dài khả dụng 143cm. Chiều dài GW-Lumen 27cm. Đường kính bóng 1.50mm (chiều dài bóng 15, 20mm). Đường kính bóng 2.00, 2.25, 2.50, 2.75, 3.00, 3.50, 4.00mm (chiều dài bóng 12, 15, 20, 30mm).	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
457	Bóng nong động mạch vành CONIC ONE	Hộp 1 cái	Cái	12	Vách bóng mỏng 0.008mm các kích cỡ	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
458	Bóng nong động mạch vành loại công nghệ mới nano	Hộp/ cái	Cái	50	Phủ Hydrophyllic. Bóng Semi- compliant polyamide, 3 nếp gấp, loại RX. Đầu tip 3 mm kháng xoắn, thuôn nhọn theo từng cấp độ. Bơm xả được nhiều lần. Khẩu kính qua tổn thương nhỏ 0.016"(0.40 mm). Đầu gần bóng 0.025" (0.63 mm). Đầu xa bóng 0.023" (0.58 mm). NP 6 bar. RBP 16 bar. Thân gần 1.9F (0.64 mm), thân xa 2.6F (0.86 mm).	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
459	Bóng nong mạch máu ngoại biên áp lực cao Cronus HP	Cái/ hộp	Cái	20	Chất liệu modified polyamide. Tương thích guidewire 0.035". Bóng gấp 3 hoặc 6 cánh (3/6 folds), vẫn linh hoạt dù ở áp suất cao. Kích thước: đường kính 4-10mm, dài 20-60mm. Chiều dài hệ thống mang bóng có 2 loại là 45 và 80cm. Tiệt trùng	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
460	Bóng nong mạch máu ngoại biên Cronus Advanced	Cái/ hộp	Cái	15	Chất liệu modified polyamide. Tương thích guidewire 0.035". Bóng gấp 3 hoặc 6 cánh. Phủ lớp ái nước HiFlow. Chiều dài hệ thống mang bóng có hai loại 80 và 120cm. Kích thước: đường kính 4 - 10mm, dài 20 - 120mm. Tiệt trùng	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
461	Bóng nong mạch máu ngoại biên Triton Plus	Cái/ hộp	Cái	10	Chất liệu modified polyamide. Tương thích guide wire 0.014" và 0.018". Bóng được phủ lớp ái nước HiFlow. Kích thước: đường kính 2.0-8.0mm, dài 10-210mm. Tiệt trùng.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
462	Bóng nong mạch vành 3 lớp áp lực cao non-compliance ái nước kissing balloon. Làm bằng vật liệu Elastomer và Polyamide. Profile 0.43mm, đường kính thân hệ thống dẫn đoạn gần 1.9Fr.	Hộp/1 cái	Cái	20	Cấu trúc 3 lớp, có 2 marker đánh dấu. Đường kính 2.00 - 5.00mm, dài 06 - 30mm. Đường kính thân hệ thống dẫn đoạn gần 1.9Fr. Tiêu chuẩn kỹ thuật: Áp lực cao đến 22 atm, profile 0.43 mm. Làm bằng vật liệu Elastomer và Polyamide. Vai bóng ngắn. Marker chắn bức xạ ngắn và mỏng.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
463	Bóng nong mạch vành áp lực cao Sapphire (hoặc tương đương)	1 Cái/ Hộp	Cái	80	Tiết diện thâm nhập: 0.0336 inch. Đường kính bóng từ 1.75 – 5 mm, chiều dài từ 8 – 18 mm. NP: 12 atm. RBP: lên đến 20 atm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
464	Bóng nong mạch vành áp lực cao Vecchio các cỡ	Hộp/Cái	Cái	20	Bóng 3 nếp gấp. Tip profile 0.016" chiều dài đầu tip 2.0/2.5mm. Chất liệu Nylon. Marker: 2 marker bằng vật liệu Pt/Ir. Đường kính: 2.0mm - 5.0 mm. Chiều dài: 6mm - 30 mm. NP: 12atm; RBP: 22atm (2.0-4.0mm), 20atm (4.5-5.0mm).	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
465	Bóng nong mạch vành áp lực cao, chất liệu polymer	Hộp/1 cái	Cái	50	Bóng áp lực cao: NP 12 atm, RBP (áp lực vỡ bóng) 20 atm. Đường kính từ 2.0mm đến 5.0mm, chiều dài từ 6.0mm đến 30mm. Vật liệu làm bóng Nylon Blend. Thời gian xả bóng trung bình 3s. Đầu Ultra-low tip profile 0.016". Định vị bằng hai marker metalic Platinum Iridium. Chất liệu đàn hồi (compliance) : 7%.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
466	Bóng nong mạch vành áp lực cao, không đàn hồi		Cái	20	Chất liệu Pebax, non – compliance. Đầu tip được thiết kế bo tròn. Tip entry profile nhỏ giúp bóng di chuyển dễ dàng qua các mắc stent. Áp suất định danh: 12 atm, áp suất tối đa: 18 atm. Kích thước: đường kính 2.0 - 4.5 mm, chiều dài 8 - 25 mm. Chiều dài chóp bóng: 3 mm. Chiều dài trục bóng 143 cm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
467	Bóng nong mạch vành áp lực cao, không đàn hồi : đầu tip bo tròn, bóng thiết kế đa lớp với tiết diện phẳng chịu được áp lực nong cao.	Cái	Cái	20	Chất liệu Pebax, non – compliance. Đầu tip được thiết kế bo tròn. Tip entry profile nhỏ giúp bóng di chuyển dễ dàng qua các mắc stent. Áp suất định danh: 12 atm, áp suất tối đa: 18 atm. Kích thước: đường kính 2.0 - 4.5 mm, chiều dài 8 - 25 mm. Chiều dài chóp bóng: 3 mm. Chiều dài trục bóng 143 cm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
468	Bóng nong mạch vành áp lực siêu cao các cỡ	Hộp/ cái	Cái	50	Chất liệu bóng Non-compliant polyamide. Phủ Hydrophilic. Bóng Force NC 3 nếp gấp. Kỹ thuật Re-wrap và Re-cross. Đầu Tip thuôn gọn 3 mm. Tỉ lệ nở bóng ít hơn 1% giữa NP và RBP. Khẩu kính vào tổn thương nhỏ 0.016"(0.40 mm). Đầu xa bóng 0.023"(0.58mm), đầu gần bóng 0.025" (0.63mm). Trục gần 1.9F, Trục xa 2.7F. Chiều dài catheter 154cm. Loại RX. Thời gian xẹp bóng: 4 giây (Ø 3.0, L: 20).	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
469	Bóng nong mạch vành áp lực thường các cỡ	Hộp/ Cái	Cái	10	Độ dày xuyên qua tổn thương với bóng nhỏ nhất: ≤ 0.90mm. Đường kính: 1.25, 1.50, 2.00, 2.25, 2.50, 2.75, 3.00, 3.50, 4.00, 4.50mm. Chiều dài: 6, 9, 12, 14, 15, 17 ,20, 25, 30, 33, 38, 41, 45, 49mm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
470	Bóng nong mạch vành áp lực thường chất liệu Nylon/ Pebax	Hộp/1 cái	Cái	50	Đầy đủ kích thước đường kính từ 1.25 mm tới 5.0mm, chiều dài từ 10mm đến 40mm. Vật liệu làm bóng Nylon/Pebax giúp bóng chịu áp lực tốt. Thời gian xả bóng trung bình 3s. Thiết kế hai marker Tungsten. Shaft lenght (Chiều dài hữu dụng) dài 142cm, đường kính nhỏ nhất 2.0F. Chất liệu bán đàn hồi (semi-compliance): 10-15%.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
471	Bóng nong mạch vành áp lực thường, áp lực vỡ bóng 14atm, chuyên dùng cho CTO, cỡ bóng 1mm, loại Ikazuchi hoặc tương đương	Hộp/ 1 cái	Cái	20	Chất liệu: Polyamide resin. Khẩu kính đầu xa (entry profile): 0.42mm. Khẩu kính bóng (crossing profile): 0.63mm. Đường kính: 1.2 - 3.5mm (có loại .25 và .75). Áp lực tối đa: 14 bar; Áp lực bơm bóng: 6 bar. Thời gian xẹp bóng: 9.6 giây. 2 markers cản quang. Chiều dài khả dụng Catheter: 146cm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
472	Bóng nong mạch vành áp lực thường, Bóng nong mạch vành không phủ thuốc loại bán đáp ứng (áp lực thường) vật liệu quadflex. Khẩu kính nhỏ dễ đi vào tổn thương khó, biên dạng bóng thấp (0.63mm)	1 cái/ hộp	Cái	20	Bóng nong mạch vành bán đáp ứng (Semi-Compliant), vật liệu Quadflex, đường kính 1.25, 1.50, 2.00, 2.25, 2.50, 2.75, 3.00, 3.50, 4.00, 4.50 mm, dài 09, 12, 15, 20, 30, 40 mm, 2 dấu cản quang bằng Platinum, số nếp gấp: 1.25-1.50 mm 2 nếp gấp; 2.00-4.50 mm 3 nếp gấp.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
473	Bóng nong mạch vành bán đàn hồi : đầu tip với công nghệ Laser, bóng đa lớp, 3 nếp gấp thuận lợi cho việc thu bóng , trục bóng kiên cố, trục xa có phủ lớp ái nước hydrophilic.	Cái/Hộp	Cái	50	Bóng đa lớp, chất liệu Pebax, semi- compliance. Đầu tip thuôn gọn, được thiết kế bo tròn. Cặp điểm đánh dấu tungsten. Trục bóng được phủ lớp ái nước kép. Áp suất định danh: 8 atm, áp suất tối đa: 14 atm. Kích thước: đường kính 1.2 - 4.0 mm, chiều dài 6 - 30 mm. Chiều dài chóp bóng: 3 mm. Chiều dài trục bóng 145 cm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
474	Bóng nong mạch vành có tẩm thuốc Palitaxel liều 3.0µg/mm2, các cỡ, có 3 nếp gấp, thuốch ấpt hụ trên hợpc hất hữu cơ Butyryl-tri-hexyl citrate	Hộp/ cái	Cái	15	Chất liệu : bán đàn hồi polyamide. Khẩu kính qua tổn thương 0.016" (0.40 mm). Thuốc Paclitaxel: 3.0 µg/mm², phủ trên bề mặt bóng. Áp lực vỡ bóng: 16 bar (ngoại trừ Ø 4.00=13 bar) . Đường kính bóng (mm) : 2.00, 2.50, 3.00, 3.50, 4.00. Độ dài bóng (mm): 10 , 15 ,20, 30	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
475	Bóng nong mạch vành dây dẫn kép Scoreflex NC (Tất cả các cỡ)	1 Cái/ Hộp	Cái	20	Vật liệu: nylon blend. Lớp phủ: Hydro-X (distal/ tip), Invio lòng trong ống. Tiết diện thâm nhập: 0.0313 inch. Đường kính bóng từ 1.75 - 4 mm, chiều dài: 10, 15, 20 mm. NP: 12 atm. RBP: 20 atm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
476	Bóng nong mạch vành helix các cỡ	Hộp/Cái	Cái	20	Chất liệu: Property pebax. Marker: 2 marker bằng vật liệu Pt/Ir (1 marker cho bóng có đường kính từ 1.0-1.75mm). Đường kính: 1.0 mm - 4.0 mm. Chiều dài: 5mm - 30 mm. _NP: 6 atm; RBP: 14atm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
477	Bóng nong mạch vành Sapphire II (hoặc tương đương)	1 Cái/ Hộp	Cái	170	Tiết diện thâm nhập: 0.0216 inch. Tiết diện đầu tip: 0.016 inch. Đường kính bóng từ 1 – 4 mm, chiều dài từ 5 – 30 mm. Vật liệu làm bóng: Nylon. NP: 6 atm. RBP: 14 atm (1.75 - 4mm), 16 atm (1 - 1.5 mm).	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
478	Bóng nong mạch vành semi - compliance ái nước kissing balloon. Profile 0.41mm, đường kính thân hệ thống dẫn đoạn gần 1.9Fr. Thân bóng đoạn sát tay cầm có cấu tạo kiểu PTFE coated Hypo Tube	Hộp/1 cái	Cái	30	Đường kính 1.25 mm - 3.0mm. Chiều dài 10 mm - 20 mm. Đường kính thân hệ thống dẫn đoạn gần 1.9Fr. Tiêu chuẩn kỹ thuật: Profile 0.41 mm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
479	Bóng nong ngoại biên phủ thuốc dùng cho AV Shunt APERTO	Cái/ hộp	Cái	20	Bóng nong dùng cho cầu nối AV Shunt phủ thuốc Paclitaxel 3.0µg/mm2, chất liệu bóng Polyamide. Bóng phủ thuốc với các tinh thể thuốc 0.1µm. Chiều dài đầu bóng là 5mm. Tương thích guidewire 0.035", sheath 6-7F. Hệ thống mang bóng loại OTW, dài 40cm. Áp suất vỡ bóng từ 18-20atm. Đường kính bóng từ 5-8mm, dài từ 20, 40, 60mm. Tiệt trùng.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
480	Bóng nong ngoại biên phủ thuốc LEGFLOW	Cái/ hộp	Cái	20	Bóng nong mạch máu ngoại biên phủ thuốc Paclitaxel 3.0µg/mm2, chất liệu bóng Polyamide. Bóng phủ thuốc theo công nghệ SAFEPAX với các tinh thể thuốc chỉ 0.1µm. Có đủ 3 loại bóng tương thích với các guidewire 0.014", 0.018" và 0.035". Hệ thống bóng có 2 loại OTW và RX. Áp suất vỡ bóng từ 12-16 atm. Đường kính bóng từ 2-10mm, dài từ 20-150mm. Tiệt trùng.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
481	Bóng nong sử dụng trong nong động mạch vành tắc hoàn toàn mạn tính. Profile nhỏ nhất 0.015", phủ hydrophilic, các cỡ	Hộp/ cái	Cái	25	Ống thông dài 154 cm. Chất liệu bóng Silky-semi- compliant polyamide. Phủ Hydrophyllic. Bóng Summit 2 nếp gấp, loại RX. NP 4bar, RBP 15 bar. Khẩu kính nhỏ 0.016" (0.40mm), đầu xa 0.024" (0.62 mm). Thân gần 1.9F (0.64 mm), thân xa 2.6F (0.86 mm).	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
482	Bóng tắc mạch không dây Goldbal	Cái	Hộp/5 cái	16	Bóng tắc mạch có thể tách rời (tắc động - tĩnh mạch), kích thước bóng từ 1-5.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
483	Catheter tiêu huyết khối, tiêu sợi huyết trong lòng mạch 4F, 5F	Hộp 1 cái	Cái	20	Kích thước catheter 4F,5F với chiều dài 45,90, 135cm. Chiều dài của phần mang lỗ thoát dịch, xoắn nghiêng: 5, 10, 20, 30, 40, 50 cm, kèm dụng cụ bơm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
484	Đầu nối chữ Y loại Y - Star	1 cái/ túi	Cái	50	Gồm: Van chữ Y cầm máu, kim luồn, dây dẫn và dụng cụ lái đường (dụng cụ xoay dây dẫn - Torque), Van cầm máu 3 nấc dạng bấm, có thể thao tác đóng mở một tay, Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
485	Dây bơm thuốc áp lực cao	1 bộ/ túi	Bộ	400	Vật liệu PU/PVC, chống gập xoắn, độ dài 30cm, 50cm, 100cm, 120cm, 150cm. adaptor xoay được, dây trong suốt.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
486	Dây dẫn (vi dây dẫn) can thiệp mạch máu ngoại biên Asahi Meister 16, Chikai V	1 Cái/ Gói	Cái	20	Lớp phủ hydrophilic hoặc hydrophilic trên nền polymer. Đường kính: 0.014 inch (Chikai V), 0.016 inch (Meister 16). Chiều dài: 165 cm (Chikai V); 135, 165, 180 cm (Meister 16).	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
487	Dây dẫn can thiệp không mối nối, các cỡ	Hộp/ 5 cái	Cái	200	Dùng trong phẫu thuật can thiệp mạch máu	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
488	Dây dẫn can thiệp mạch máu não CHIKAI 008 các cỡ	1 Cái/ Gói	Cái	50	Lớp phủ SLIP-COAT dài 180 cm. Đầu tip thuôn lại 0.008 inch. Chiều dài 200cm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
489	Dây dẫn can thiệp mạch máu não CHIKAI, CHIKAI black, CHIKAI 10 các cỡ	1 Cái/ Gói	Cái	80	Lớp phủ SLIP-COAT (Chikai, Chikai 10) hoặc SLIP-COAT trên nền polymer (Chikai black, Chikai black 18), dài 170cm. Đường kính: 0.010inch (Chikai 10), 0.014inch (Chikai, Chikai black), 0.018inch (Chikai 18). Chiều dài lần lượt 200,300 cm (Chikai, Chikai 10); 300cm (Chikai black, Chikai black 18).	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
490	Dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên Asahi (Treasure 12, Treasure Floppy, Astato 30, Astato XS 20, Astato XS 40, Regalia XS 1.0, Gladius, Halberd, Gaia PV) các cỡ	1 Cái/ Gói	Cái	30	Dây dẫn có tip load từ 1.0 g đến 40 g, đầu tip nhọn hoặc tù. Đường kính dây 0.014inch (Gladius, Halberd, Regalia XS 1.0, Astato XS20, Astato XS 40). Đường kính dây 0.018inch (Gladius, Halberd, Gaia PV, Astato 30, Treasure Floppy, Treasure 12). Dây dẫn đơn lõi one-piece core. Chiều dài 180, 300cm (Regalia XS 1.0, Astato XS 20, Astato 30, Treasure 12); chiều dài 200, 300cm (Astato XS 40); chiều dài 190, 300cm (Treasure Floppy). Lớp phủ: hydrophilic/hydrophilic trên nền polymer.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
491	Dây dẫn can thiệp PTCA (Extension wire, SION, SION blue, SION blue ES)	1 Cái/ Gói	Cái	150	Độ nặng đầu tip: 0.5 gf, 0.7gf, 0.8gf. Vật liệu stainless steel, lớp phủ hydrophilic hoặc silicon. Đường kính: 0.014 inch. Chiều dài: 180 cm/ 150, 165 cm (extension wire)/ 190 cm (Sion blue ES).	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
492	Dây dẫn chụp mạch vành AngioFlex đầu J các loại, dài 150cm	Gói/ 1 cái	Cái	300	Chất liệu: thép không rỉ, phủ silicon, teflon. Độ cản quang cao, không xoắn vặn khi thao tác. Đường kính 0.025" - 0.035", dài 150cm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
493	Dây dẫn dùng trong can thiệp Runthrough NS các cỡ	Hộp/ 5 cái	Cái	200	Đường kính 0.014" dài 180 cm. Phần lõi đầu xa làm bằng hợp kim Nickel-Titanium, lớp cuộn bên ngoài là Platinum ở đoạn xa, Stainless Steel ở đoạn gần.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
494	Dây dẫn đường Radifocus có lớp ái nước phủ M Coat, lõi Nitinol mặt ngoài phủ hoạt chất tungsten, 150cm.	Hộp/5 cái	Cái	200	Đường kính 0.025", 0.035", 0.038" cong 3cm, đầu chữ J, đầu thẳng. Dài 150cm. Cấu tạo bởi hợp kim Nitinol, lớp áo ngoài polyurethane phủ hoạt chất tungsten.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
495	Dây dẫn đường Radifocus có lớp ái nước phủ M Coat, lõi Nitinol, lớp áo ngoài polyurethane phủ hoạt chất tungsten, chiều dài 260cm.	Hộp/5 cái	Cái	30	Dây dẫn chụp mạch vành phủ lớp ái nước M Coat. Đường kính 0.025", 0.035", 0.038" cong 3cm, đầu chữ J, đầu thẳng. Dài 260cm. Cấu tạo bởi hợp kim siêu đàn hồi (Nitinol), lớp áo ngoài polyurethane phủ hoạt chất tungsten.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
496	Dây dẫn thân siêu cứng loại InQwire Amplatz trợ giúp can thiệp mạch ngoại biên các cỡ	1 Cái/ Hộp	Cái	30	Đường kính: 0.035", 0.038" chiều dài 75cm,145cm 180cm, 260cm. Chiều dài tip đa dạng 1.0cm, 3.5cm, 4.0cm, 6.0cm, 7.0cm và J3.0 mm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
497	Dây đo áp lực cao 30cm	Gói/ 1 cái	Cái	100	Chất liệu polyurethane. Chịu được áp lực đến 1200 psi (84 BAR). Dài 30cm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
498	Dụng cụ bắt dị vật 1 nòng	Hộp 1 bộ	Bộ	10	Dụng cụ bắt dị vật 1 vòng chất liệu nhớ hình Nitinol kích thước nhỏ kích thước từ 2 đến 8mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
499	Dụng cụ bắt dị vật 3 vòng chất liệu nhớ hình Nitinol	Hộp 1 cái	Cái	3	Dụng cụ bắt dị vật 3 vòng chất liệu nhớ hình Nitinol kích thước nhỏ kích thước từ 2 đến 8mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
500	Dụng cụ cắt coil XCEL	Cái	Hộp/1 cái	6	Cắt coil siêu nhanh dưới < 01giây.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
501	Dụng cụ chọc xơ vữa ngoại biên Indigo Separator 6/ Separator 8 (SEP 6/ SEP 8)	1 Cái/ Hộp	Cái	30	Chiều dài khả dụng: 150cm (SEP8), 175cm (SEP5,SEP6), 190cm (SEP3). Đường kính ngoài 0.028inch (SEP3), 0.045inch (SEP5), 0.055inch (SEP6), 0.072inch (SEP8). Sử dụng kết hợp SEP 3,5,6,8 tương ứng với ống thông hút huyết khối Indigo CAT3, 5, 6, 8.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
502	Dụng cụ đóng thông Động Tĩnh Mạch 1	Hộp/1 cái	Cái	10	Dụng cụ đóng thông Động Tĩnh Mạch dạng lưới Nitinol ,đủ các kích cỡ: 4,6,8,10,12,14,16mm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
503	Dụng cụ đóng thông Động Tĩnh Mạch 2	Hộp/1 cái	Cái	10	Dụng cụ đóng thông Động Tĩnh Mạch dạng lưới Nitinol thế hệ 2, đủ các kích cỡ: 3, 4,6,8,10,12,14,16, 18,20,22mm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
504	Dụng cụ lấy dị vật (multi-snare) 3 vòng xoắn, chất liệu Nitinol (II)	1 Cái/hộp	Cái	5	Ba dây cáp bằng Nitinol của En Snare xoắn lại với nhau. Có một dải Platinum liên kết chặt với các loop để tăng tính nhận biết. Có dải band marker cản quang giúp xác định thiết bị một cách chính xác. Kích thước làm việc: 6-10mm, 9-15mm, 12-20mm, 18-30mm, 27-45mm. Chiều dài catheter: 100cm. Chiều dài của snare: 120 cm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
505	Dụng cụ lấy huyết khối Catch+	Cái	Hộp/1 cái	3	Chất liệu Nitinol. Có 3 marker ở đầu và 1 marker ở cuối stent giúp cản quang tốt.Kích thước 4mm x 20mm, và 6mm x 30mm. Phù hợp với mạch máu có đường kính 3mm đến 6mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
506	Dụng cụ mở đường vào động mạch loại dài thân cứng (Long sheath)	Hộp/ 5 cái	Cái	10	Kích thước dài 80cm. Đường kính 5F đến 7F, dài 25cm. Lớp vỏ bằng ETFE có tác dụng chống xoắn.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
507	Bộ dụng cụ hút huyết khối, đường kính 0.070",0.080", chiều dài 140cm.	Hộp/ 1 cái	Cái	5	Đường kính 6F, 7F, chiều dài catheter 140cm. Lòng hút rộng và cấu trúc sợi bện làm tăng khả năng hút huyết khối. Thiết kế stylet tăng khả năng đẩy. Có marker chắn bức xạ ở đầu xa.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
508	Giá đỡ (stent) dùng để lấy huyết khối và hỗ trợ đặt coil	Hộp/ 1 cái	Cái	30	Kích thước 4x15mm, 4x20mm, 4x40mm, 6x20mm, 6x30mm dùng cho mạch đường kính 2-4mm, 3-5,5mm. Đường kính trong nhỏ nhất của vi ống thông 0,021", 0,027", số marker đầu xa 3,4 số marker đầu gần 1.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
509	Giá đỡ (stent) mạch vành phủ thuốc Sirolimus Xplosion plus	1 cái/ hộp	Cái	20	Nguyên vật liệu khung: CoCr (Cobalt Chromium L605). Thiết kế 9 đỉnh - 3 kết nối giữa các vòng, Độ dày thanh chống: 65µm. Đường kính 2.0, 2.25, 2.50, 2.75, 3.00, 3.25, 3.50, 4.00 mm, chiều dài từ 08, 10, 13, 16, 18, 23, 28, 33, 38, 43, 48 mm, có 2 dấu cản quang platinum-iridium, số nếp gấp bóng 2.00mm-2.50mm: 2 cánh; 2.75mm-4.00mm: 4 cánh.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
510	Giá đỡ mạch máu V12 các cỡ	Hộp/ cái	Cái	20	Vật liệu làm bằng thép không gỉ, có độ rỗ từ 100-120 µm. Giá đỡ mạch máu V12 được gắn trên bóng, được mở bằng bóng.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
511	Giá đỡ mạch vành phủ thuốc khung được làm từ hợp kim Cobalt–Chromium được thiết kế so le mỗi vòng 3-3-3, chiều dài từ 8mm đến 38mm, tiết diện xuyên qua 0.039". Đường kính khung có thể nong tối đa đến 5.5 mm.	Cái/Hộp	Cái	65	Phủ thuốc Everolimus với độ giả phóng thuốc 100 µg/cm2. Khung giá đỡ Multi-link, thiết kế so le mỗi vòng 3-3-3. Khung được làm từ hợp kim Cobalt–Chromium, phủ lớp tương thích sinh học flouropolymer. Bóng trong Stent với thiết kế đa lớp được làm từ chất liệu Pebax. Áp suất nong bóng: 10 -18 atm. Kích thước: đường kính 2.25 mm , chiều dài 8 - 28 mm; đường kính 2.5 - 4.0 mm, chiều dài từ 8 - 48 mm. Độ mở rộng tối đa của khung stent: Đường kính 2.25 - 2.5 mm mở rộng tối đa đến 3.25 mm; Đường kính 2.75 - 3.25 mm mở rộng tối đa đến 3.75 mm; Đường kính 3.5 - 4.0 mm mở rộng tối đa đến 4.5 mm. Chiều dài hệ thống 145 cm. Tương thích với ống thông 6F.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
512	Giá đỡ mạch vành phủ thuốc Ridaforolimus Elunir các cỡ	Hộp 1 cái	Cái	30	Phủ thuốc Ridaforolimus. Được phủ 4 lớp, trong đó lớp polymer đàn hồi CarboSil 20 55D tương thích sinh học, được cắt từ tấm CoCr dẹt theo công nghệ QualitySurface, thiết kế theo kiểu WiZeCell: thanh chống hẹp chữ Z 40µm, thanh chống rộng chữ W 72µm. Kích cỡ: Đường kính từ 2.5 - 4.0 mm, dài 8 - 44 mm. Chất liệu: Cobalt Chromium L605.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
513	Giáp cổ chắn tia X	Hộp/1 cái	Cái	20	Độ dày 0.5mm. Thiết kế yếm rộng tăng diện bảo vệ tuyến giáp và cả vùng cổ. Khóa cài tiện lợi, bền. Trọng lượng < 0.5kg. Màu sắc: > 40 màu theo catalog. Chất liệu: Hợp chất Antimony.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
514	Hạt nhựa điều trị ung thư gan kích thước từ 40 - 100µm, 2ml	01 ống/hộp	Cái	15	Vật liệu: hạt vi cầu hydrogel, phủ polymer Polyzene® - F, tương thích sinh học, không tan trong dung môi. Khả năng mang thuốc doxorubicin-HCl và irinotecan-HCl lên đến 50mg/1 ml hạt Tandem (hấp thụ đến 100mg thuốc với 2ml hạt, hấp thụ đến 150mg thuốc với 3ml hạt). Thời gian hấp thụ nhanh: thuốc doxorubicin - 60 phút; thuốc irinotecan - 30 phút. Kích thước hạt: 40 ± 10 µm; 75 ± 15 µm; 100 ± 25 µm. Đóng gói: dạng lỏng, chứa trong syringe 2ml hoặc 3ml.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
515	Hạt nhựa nút mạch kích thước từ 40 - 1.300 µm, 2ml	01 ống/hộp	Ống	50	Vật liệu: hạt vi cầu hydrogel, phủ polymer Polyzene® - F, tương thích sinh học, không tan trong dung môi. Kích thước hạt: 40 µm – 1.300 µm. Đóng gói: dạng lỏng chứa trong syringe 1ml hoặc 2ml. Loại không màu hoặc có màu (để dễ dàng phân biệt các kích cỡ hạt)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
516	Hạt nút mạch hình cầu kích cỡ hạt từ 40-1200 µm (2ml)	Hộp 5 Lọ/ Hộp 1 lọ	Lọ	100	Hạt nút mạch hình cầu chất liệu trisacryl gelatin pha sẵn có nhiều kích cỡ trong cùng 1 syringe, có tính đàn hồi cho phép nén tạm thời lên đến 33%, kích cỡ hạt từ 40 - 1200 µm (2ml)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
517	Hạt tải thuốc dùng điều trị ung thư tế bào gan bằng phương pháp thuyên tắc mạch, chất liệu Polyethylene Glycol, ái nước, chịu nén và đàn hồi	Hộp/1 cái	Ống	20	Hạt tải thuốc Lifepearl làm bằng Polyethylene Glycol. Tương thích ống thông đường kính 0.019". Thể tích hạt nút mạch 2ml, đóng gói trong 4ml dung dịch đệm muối sinh lý vô trùng (PBS), 2ml hạt có thể ngậm 75mg Doxorubixin cho 1 lần điều trị. Kích cỡ đa dạng 100 ± 25µm, 200 ± 50µm và 400 ± 50µm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
518	Hạt tải thuốc dùng điều trị ung thư tế bào gan bằng phương pháp thuyên tắc mạch, chất liệu Polyethylene Glycol, ái nước, chịu nén và đàn hồi	Hộp/1 ống	Ống	20	Hạt tải thuốc Lifepearl làm bằng Polyethylene Glycol. Tương thích ống thông đường kính 0.019". Thể tích hạt nút mạch 2ml, đóng gói trong 4ml dung dịch đệm muối sinh lý vô trùng (PBS), 2ml hạt có thể ngậm 75mg Doxorubixin cho 1 lần điều trị. Kích cỡ đa dạng 100 ± 25µm, 200 ± 50µm và 400 ± 50µm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
519	Hạt vi cầu nút mạch tải thuốc điều trị ung thư loại Hepashere	Hộp 1 lọ	Lọ	50	Kích thước hạt khô 20µm -200µm. Hấp thụ và giữ thuốc Doxorubicin hoặc Irinotecan. Kích thước hạt sau khi ngậm thuốc 80µm -800µm (gia tăng kích thước gấp 4 lần sau khi ngậm thuốc)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
520	Khí Helium cho chạy bóng đối xung động mạch chủ		Bình	50	Sử dụng với máy bơm bóng đối xung	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
521	Kim luồn tĩnh mạch không cánh, không cửa các cỡ (SURFLO I.V. Catheter)	Hộp/50 cái	Cái	2000	Kim chất liệu thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn được vát 3 cạnh nghiên 30 độ giảm đau	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
522	Lưới lọc tĩnh mạch chủ loại tạm thời dùng lọc huyết khối tĩnh mạch chủ dưới	Hộp/ 1 cái	Cái	5	Lưới lọc huyết khối tĩnh mạch chủ dưới bằng hợp kim Phynox không có tính sắt từ, tương thích MRI và dễ dàng quan sát dưới tia X. Chiều dài hình nón ngắn 42 mm, độ mở rộng 40 mm thích hợp với tĩnh mạch có đường kính đến 35 mm. Bộ dụng cụ bộc lộ tĩnh mạch gồm: kim chọc mạch, nối chữ Y, bơm tiêm 5 ml, dao mổ, dây dẫn đường ngắn đường kính 0,035" (0,089 mm) dài 70 cm. Dây dẫn đường chính đầu chữ "J" đường kính 0,035" dài 150 cm và 180 cm, bề mặt phủ lớp PTFE. Dụng cụ mở đường 7F có van cầm máu, nối chữ Y và stopcock	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
523	Mạch máu nhân tạo loại chữ Y bằng polyester, dài 40cm	Hộp/ 1 cái	Cái	50	Mạch máu nhân tạo chia đôi loại dệt kim, cấu trúc nhung đôi, được tẩm gelatin. Độ xốp thật sự bằng không, công nghệ tẩm không aldehyde, tương thích sinh học, cấu trúc nhung đôi đảm bảo độ làm lành của ống ghép tốt, lực lưu giữ vết khâu cao, hiệu quả đã được kiểm chứng. Kích cỡ: đường kính 12 x 6, 12 x 7, 14 x 7, 14 x 8, 16 x 8, 16 x 9, 18 x 9, 18 x 10, 20 x 10, 20 x 11, 22 x 11, 24 x 12 mm; chiều dài 40 CM	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
524	Microcatheter Corsair	1 Cái/ Gói	Cái	20	Thiết kế ống Shinka (Corsair & Corsair Pro) với lớp ngoài được bện từ 10 dây dẫn & lớp trong bện từ tungsten tối ưu hóa lực đẩy & giúp thao tác xoay. Thiết kế ống bằng stainless steel coil (Tornus) cho phép xoay ống thông & hỗ trợ tốt lực đẩy, phản hồi momen xoắn. Đầu tip thuôn nhọn cản quang. OD Tip/ Đoạn xa/ Đoạn gần: 1.3/ 2.6/ 2.8 F (Corsair, Corsair Pro). 1.8/ 2.1 F (Tornus). 2.1/ 2.6/ 3.0 F (Tornus 88Flex). Chiều dài khả dụng: 135; 150 cm (150 chỉ dành cho Corsair & Corsair Pro).	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
525	Miếng Stent graft động mạch chủ bụng bổ sung loại Endurant hoặc tương đương	Cái/ hộp	Cái	4	Đầu gần có stent chữ M. Hệ thống bung stent điều khiển bằng cách xoay tròn. Kích thước đường kính: 10 mm - 28 mm. Chất liệu stent Nitinol, graft là polyester đa sợi mật độ cao.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
526	Miếng Stent graft động mạch chủ ngực bổ sung các cỡ (từ miếng thứ 3 trở đi) loại valian captiva hoặc tương đương	Cái/ hộp	Cái	4	Khung giá đỡ bằng hợp kim Nitinol, lớp phủ bằng polyester. Cấu tạo: Không có thanh kim loại chạy dọc trên lưng stent, không cần xoay chỉnh hệ thống khi đặt, được nén trong dụng cụ bằng nhựa tổng hợp, giúp đưa vào cơ thể qua động mạch đùi. Có Marker hình số "8" ở đầu và giữa, một marker hình "O" ở đoạn cuối. Đường kính khung giá đỡ: 22-46mm, chiều dài 100 - 205 mm, Đường kính dụng cụ: 20->25F.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
527	Nút tắt mạch kim loại platinum tách điện ED COIL 10 ExtraSoft, 14 Standard Spiral (tất cả các cỡ)	1 cái/ gói	Cái	20	Extrasoft: 0.010inch, đường kính vòng từ 1.5 - 4 mm, dài 1 - 8 cm; Standard Spiral: 0.014inch, đường kính vòng từ 2 - 12 mm, dài 9 - 30 cm; cấu trúc αSpiral cuộn ngẫu nhiên quanh thành túi phình. Đoạn 30 mm từ đầu tip linh hoạt giúp vi ống thống tránh bị giật lại trong quá trình đặt coil, marker đánh dấu vị trí dài 5cm. Coil platinum nối với pusher qua 1 đoạn PVA. Đoạn PVA sẽ tan chảy dưới dòng điện với tần số cao được tạo ra bởi Generator v4 (dụng cụ hỗ trợ cắt coil) và tách coil ra.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
528	Nút tắt mạch kim loại platinum tách điện ED COIL Infini 10 Soft, Infini 10 ExtraSoft các cỡ	1 Cái/Gói	Cái	35	Đường kính coil 0.010inch, đường kính vòng: 16 mm, chiều dài coil từ 10 - 30 cm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
529	Ống thông (bộ ống thông) can thiệp mạch máu thần kinh Asahi FUBUKI, FUBUKI Dilator Kit các cỡ	1 Cái/ Gói	Cái	30	Đoạn phủ hydrophilic dài 5cm/15cm. Kích thước ống thông: 6F, 7F, 8F (Bộ ống thông là 4F, 5F, 6F tương ứng). Đường kính trong/ ngoài của bộ ống thông: 1.8/ 2.09mm (4F), 2.05/ 2.4mm (5F), 2.28/ 2.7mm (6F). Chiều dài khả dụng: 80, 90, 100, 110 cm. Hình dạng đầu tip: angled, straight.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
530	Ống thông (catheter) chẩn đoán mạch máu não và ngoại biên	5 Cái/hộp	Cái	30	Chất liệu Nylon Pebax. Có đường viền bện giúp thân ống thông giữ được hình dáng tốt, dễ lái, khả năng nhớ hình đầu típ tốt. Đường kính trong 0.040"(1.02mm) loại 4F, 0.046" (1.17mm) loại 5F. Loại Multipurpose A1, Cobra 1, Cobra 2, Simmon 1, Simmon 1, Vertebral,... Đủ kích thước: dài 65cm, 100cm, 125cm. Tương thích guide wire 0.035"; 0.038". Có lỗ hoặc không có lỗ bên tùy mã sản phẩm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
531	Ống thông can thiệp chẩn đoán mạch máu não và ngoại biên các cỡ Rainbow Catheter, 70 - 100 cm	Cái/Gói	Cái	50	Phần thân ống thông được đan bằng các sợi thép. Kích thước: 4; 5; 6 F. Chiều dài: 70 cm; 80 cm; 100 cm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
532	Ống thông can thiệp đầu mềm Fargo, Fargomax	Cái	Hộp/5 cái	16	Đường kính 6F. Chiều dài đa dạng 105 cm, 115 cm, 135 cm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
533	Ống thông can thiệp đầu mềm Fargomini	Cái	Hộp/1 cái	3	Đường kính 4.2F	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
534	Ống thông can thiệp động mạch vành 2 nòng (microcatheter)	Hộp/Cái	Cái	10	Đầu tip và cổng OTW phát xạ. Tương thích Guidewire 0.014"" Đường kính trong đầu tip 0.4mm. Chiều dài 135cm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
535	Ống thông can thiệp Launcher	Cái/ hộp	Cái	150	Thành ống thông với lõi là các sợi kim loại dẹt được kết lại với nhau bằng cách kết nang polymer. Kích thước lòng ống thông 0.071" - 6F, 0.081" - 7F. Có các loại độ cong, đặc biệt là độ cong EBU hỗ trợ can thiệp tốt nhất. Kích cỡ 6, 7, 8 F.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
536	Ống thông can thiệp mạch máu siêu nhỏ kích cỡ 2.4F-2.8F kèm dây dẫn đường	Hộp 1 cái	Cái	50	Vi ống thông can thiệp mạch máu kích cỡ 2.1F-2.4F-2.8F-2.9F (Có 3 loại đầu típ: thẳng, cong 45o, cong cổ thiên nga) Kèm vi dây dẫn	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
537	Ống thông can thiệp mạch máu thần kinh Asahi FUBUKI 043 các cỡ	1 Cái/ Gói	Cái	30	Thân ống với lớp phủ hydrophilic dài 105-115cm. Lòng trong ống rộng 1.1 mm (0.043inch), lớp phủ PTFE. Chiều dài khả dụng: 120, 125, 130cm. Hình dạng đầu tip: straight.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
538	Ống thông can thiệp mạch vành các cỡ, đường kính trong lớn nhất 5F - 6F - 7F - 8F	Hộp/ 1 cái	Cái	20	Trục ống thông bằng chất liệu PTFE (polyetrafluoroethylene), lớp thép không gỉ bện xung quanh trục. Bề mặt ngoài của ống thông làm bằng nylon Pebax giúp cản quang tốt. Kích thước 5F; 6F; 7F; 8F. Đường kính trong 0.057" (1.4mm) loại 5F; 0.070" (1.8mm) loại 6F; 0.078" (2.0mm) loại 7F; 0.088" (2.2mm) loại 8F. Đủ chủng loại: JR, JL, SBS, MP, IM, AL, AR, LCB, RCB, EG, HS, UTL1, UTL2.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
539	Ống thông can thiệp mạch vành với thân ống thông bao gồm từ 5 đến 6 đoạn với độ cứng khác nhau trên mỗi đoạn. Đường kính 5Fr-7Fr, có cấu trúc lớp trong bằng PTFE các loại, các cỡ.	Hộp/1 cái	Cái	150	Ống thông can thiệp mạch vành với thân ống thông bao gồm từ 5 đến 6 đoạn với độ cứng khác nhau trên mỗi đoạn. Lòng rộng 0.071" (6Fr). Kích thước: 5Fr - 7Fr. Hình dạng kiểu BL, AL, JL, JR… Chiều dài 100cm. Lớp trong được phủ PTFE. Sợi bện chịu lực mạnh chống gập gãy xoắn vặn, hiển thị tốt dưới tia X.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
540	Ống thông can thiệp với đường viền Heka; 6,7 & 8 F; shape JL, JR, AL, SAL, AR, HS, IM, PB, SC, SPB, MP	1 Cái/ Gói	Cái	10	Lòng ống rộng 0.071 inch (6F), 0.081 inch (7F), 0.09 inch (8F) được phủ lớp PTFE. Các loại shape: JL, JR, AL, SAL, AR, HS, IM, PB, SC, SPB, MP. Chiều dài khả dụng: 90, 100 cm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
541	Ống thông chẩn đoán buồng tim Radifocus độ đường kính 4Fr (lòng rộng 1.03mm) -5Fr (lòng rộng 1.20mm), chiều dài 110cm.	Hộp/5 cái	Cái	50	Ống thông chuẩn đoán tim có cấu trúc lưới kép bằng thép không gỉ. Đường kính 4Fr (lòng rộng 1.03mm) - 5Fr (lòng rộng 1.20mm). Vật liệu: nylon 2 lớp phủ polyurethane. Thành cực mỏng, tạo chu vi lòng rộng. Tương thích guidewire 0.038". Giới hạn áp lực 4Fr: 750psi, 5Fr-6Fr: 1000psi.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
542	Ống thông chẩn đoán chất liệu nylon bện sợi kim loại các loại thẳng, loại cong 145 độ / 155 độ, đường kính trong lớn nhất 4F - 5F - 6F	Hộp/ 5 cái hoặc Hộp/ 10 cái	Cái	20	Chất liệu nylon. Làm bằng chất liệu có cản quang. Đủ các kích cỡ 4F, 5F, 6F dài 80cm, 90cm, 110cm, 125cm. Đủ các loại thẳng, cong 145o, cong 155o. Dùng được với guide wire 0.035"/0.038". Chịu áp lực 1200 PSI (81.6 Bar).	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
543	Ống thông chẩn đoán mạch máu đa chức năng chất liệu nylon bện sợi thép không gỉ, đường kính trong lớn 4F - 5F- 6F	Hộp/ 5 cái	Cái	20	Chất liệu Nylon Pebax. Làm bằng chất liệu có cản quang. Loại có lỗ bên hoặc không có lỗ bên. Đủ các kích cỡ 4F, 5F, 6F dài 80cm, 100cm, 125cm. Đường kính trong 0.042"/1.07mm loại 4F, 0.046"/1.17mm loại 5F, 0.054/1.37mm loại 6F. Dùng được với guide wire 0.035"/0.038". Chịu áp lực 1200 PSI.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
544	Ống thông chẩn đoán mạch quay	Hộp/ 5 sợi	Sợi	100	Đường kính 5Fr (lòng rộng 1.20mm), chiều dài 100cm - 120cm. Cấu trúc bởi nhiều sợi Polyamide. Tương thích guide wire 0.038. Giới hạn áp lực: 1,200 psi (8,274kPa). Lưu lượng dòng chảy tối đa 5Fr: 23ml/ giây.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
545	Ống thông chẩn đoán mạch vành	Hộp/ 5 sợi	Sợi	300	Ống thông chụp mạch vành có cấu trúc lưới kép bằng thép không gỉ. Đường kính 4Fr (lòng rộng 1.03mm) - 5Fr (lòng rộng 1.20mm), dạng JR, JL… Vật liệu: nylon 2 lớp phủ polyurethane. Thành cực mỏng, tạo chu vi lòng rộng. Tương thích guidewire 0.038". Giới hạn áp lực 4Fr: 750psi, 5Fr-6Fr: 1000psi.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
546	Ống thông chẩn đoán mạch vành các loại chất liệu Nylon Pebax có bệnh sợi thép không gỉ đường kính trong lớn nhất 4F - 5F - 6F	Hộp/ 5 cái hoặc Hộp/ 10 cái	Cái	20	Chất liệu Nylon Pebax. Loại wire -braided có thân bằng chất liệu thép không gỉ bện. Có các loại JL, JR, AL, AR. Loại có lỗ bên hoặc không có lỗ bên. Đủ các kích cỡ 4F, 5F dài 100cm/125cm. Đường kính trong 0.042"/1.07mm loại 4F, 0.046"/1.17mm loại 5F, 0.054"/1.37mm loại 6F. Dùng được với guide wire 0.035"/0.038". Chịu áp lực dòng chảy cao 1,200 psi/ 81.6 bar.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
547	Ống thông chẩn đoán mạch vành dạng đuôi heo 4F, 5F	Hộp/ 1 cái	Cái	20	Chất liệu Nylon pebax. Làm bằng chất liệu có cản quang. Có 2 marker để xác định khoảng cách chính xác (2 cm), marker bằng chất liệu Platinum. Có các lỗ trên thân ống thông giúp phát tán thuốc cản quang nhanh vào mạch máu. Đủ các kích cỡ 4F, 5F dài 65cm, 100cm. Tương thích với guide wire 0.035". Chịu áp lực dòng chảy 1190-1192 PSI/kgf/cm2 (loại 4F), 1142/80,1190/84,1196/84 PSI/kgf/cm2 (loại 5F), loại softtouch 1138/80,1167/82 psi/kgf/cm2.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
548	Ống thông chẩn đoán nội tạng có lớp ái nước Cobra, cấu trúc lưới đan kép bằng thép không gỉ.	Hộp/5 cái	Cái	25	Kích cỡ: 5Fr (lòng rộng 0.043"). Chiều dài 80cm. Chất liệu: phủ Hydrophilic ái nước, bề mặt chắn bức xạ, có lớp polyamide phủ mặt ngoài, cấu trúc lưới đan kép bằng thép không gỉ. Tiêu chuẩn kỹ thuật: áp lực lên đến 1000 psi/ 6,895 kPa.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
549	Ống thông chẩn đoán tim đa năng Radifocus (catheter), đường kính 4Fr (lòng rộng 1.03mm) -5Fr (lòng rộng 1.20mm), chiều dài 80cm, 100cm.	Hộp/5 cái	Cái	20	Ống thông chẩn đoán tim có cấu trúc lưới kép bằng thép không gỉ. Đường kính 4Fr (lòng rộng 1.03mm) - 5Fr (lòng rộng 1.20mm). Vật liệu: nylon 2 lớp phủ polyurethane. Thành cực mỏng, tạo chu vi lòng rộng. Tương thích guidewire 0.038". Giới hạn áp lực 4Fr: 750psi, 5Fr - 6Fr: 1000psi.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
550	Ống thông chẩn đoán Yashiro trị gan, tạng có phủ lớp ái nước, đường kính 5fr , chiều dài 70cm -100cm.	Hộp/5 cái	Cái	80	Đường kính 5Fr, chiều dài 70cm- 100cm. Chất liệu: cấu tạo bằng vật liệu mềm dẻo.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
551	Ống thông chẩn đoán, can thiệp động mạch phế quản và mạch máu tạng loại Mikaelsson - Rainbow	Cái/Gói	Cái	50	Kích thước: 5; 6 F. Chiều dài: 100 cm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
552	Ống thông chụp mạch não có lớp ái nước Simmons II (hoặc tương đương)	Hộp/5 cái	Cái	100	Kích cỡ: đường kính ngoài 5Fr, đường kính trong 0.043", chiều dài 100cm. Chất liệu: phủ Hydrophilic ái nước, bề mặt chắn bức xạ, có lớp polyamide phủ mặt ngoài. Áp lực lên đến 1000 psi/ 6,895 kPa.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
553	Ống thông chụp mạch não có lớp ái nước Vertebral (hoặc tương đương)	Hộp/5 cái	Cái	50	Kích cỡ: đường kính ngoài 5Fr, đường kính trong 0.043", chiều dài 100cm. Chất liệu: phủ Hydrophilic ái nước, bề mặt chắn bức xạ, có lớp polyamide phủ mặt ngoài. Áp lực lên đến 1000 psi/ 6,895 kPa.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
554	Ống thông dẫn can thiệp chẩn đoán mạch máu gan, mạch máu tạng các cỡ Rainbow Angiography, 70 cm	Cái/Gói	Cái	50	Phần thân ống thông được đan bằng các sợi thép. Độ cản quang dưới màn hình soi huỳnh quang cao. Kích thước: 4; 5; 6 F. Chiều dài: 70 cm; 80 cm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
555	Ống thông dẫn đường (guiding catheter) can thiệp mạch máu ngoại biên, đầu thẳng,các cỡ	5 Cái/hộp	Cái	20	Kích thước 4F, 5F, 6F dài 45, 65 và 90 cm. Tương thích wire 0.035". Có loại thẳng và đối bên crossover. Đầu típ có marker cản quang. Có valve cầm máu và stopcock 3 cửa.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
556	Ống thông hai lòng có bóng Eclipse 2L	Cái	Hộp/1 cái	2	Ống thông 2 nòng đường kính tương đương 6F (0.70")cho phép sử dụng song song hai đường : 1 đường dùng bơm bóng và một đường cho ống thông siêu nhỏ đi qua.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
557	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch vành	Hộp/ 1 bộ	Bộ	50	Dùng trong phẫu thuật can thiệp mạch máu	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
558	Ống thông hỗ trợ can thiệp tổn thương mạch vành phức tạp		Cái	20	Dùng trong phẫu thuật can thiệp mạch máu	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
559	Ống thông hỗ trợ dây dẫn đi qua tổn thương mạch ngoại biên tắc mãn tính loại Surecross các cỡ	1 Cái/ Hộp	Cái	30	Tương thích với dây dẫn 0.014", 0.018", 0.035". Có 3 marker đánh dấu bằng platinum. Đoạn xa phủ lớp ái nước dài 40 cm. Áp lực truyền tối đa 300psi. Chiều dài khả dụng 65,90,135,150cm. Đặc biệt loại tương thích với dây dẫn 0.014" và 0.018" có kèm theo dụng cụ BowTie ™ hỗ trợ kết nối dây dẫn với vi ống thông.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
560	Ống thông làm tiêu huyết khối trong mạch máu ngoại biên, các cỡ	Hộp/ 1 bộ	Bộ	20	Dùng trong phẫu thuật can thiệp mạch máu	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
561	Bóng nong mạch vành có tẩm thuốc Palitaxel liều 3.0µg/mm2, các cỡ,		Cái	10	Chất liệu : bán đàn hồi polyamide. Khẩu kính qua tổn thương 0.016" (0.40 mm). Thuốc Paclitaxel: 3.0 µg/mm², phủ trên bề mặt bóng. Áp lực vỡ bóng: 16 bar (ngoại trừ Ø 4.00=13 bar) . Đường kính bóng (mm) : 2.00, 2.50, 3.00, 3.50, 4.00. Độ dài bóng (mm): 10 , 15 ,20, 30	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
562	Ống thông chụp mạch não có lớp ái nước Simmons II (hoặc tương đương)	Hộp/5 cái	Cái	50	Kích cỡ: đường kính ngoài 5Fr, đường kính trong 0.043", chiều dài 100cm. Chất liệu: phủ Hydrophilic ái nước, bề mặt chắn bức xạ, có lớp polyamide phủ mặt ngoài. Áp lực lên đến 1000 psi/ 6,895 kPa.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
563	Bộ dụng cụ mở đường mạch máu chiều dài 10cm - 16cm	Hộp/ 5 cái	Cái	1000	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch có lớp ái nước bao gồm sheath có van chống trào máu dài 45 - 80cm. Đường kính 5Fr-6Fr, dài 10cm - 16cm. Sheath di chuyển mượt mà, giảm thiểu các vấn đề về co thắt. Chống xoắn.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
564	Stent can thiệp động mạch chậu bung bằng bóng, đường kính 5-10mm	1 Cái/hộp	Cái	6	Vật liệu làm bằng thép không gỉ. Catheter OTW, chiều dài catheter 80cm và 130cm. Tương thích wire 0.035" và ống dẫn 5F, 6F, 7F. Thanh stent dày: 160µm (ø 5.0 - 8.0 mm); 180µm (ø 9.0 - 10.0 mm). Đủ kích thước khác nhau: đường kính: 5.0, 6.0, 7.0, 8.0, 9.0, 10 mm và chiều dài: 15, 25, 38, 56 mm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
565	Stent can thiệp động mạch chậu tự bung bằng Nitinol có phủ, đường kính 7-10mm	1 Cái/hộp	Cái	10	Catheter OTW, chiều dài catheter 70cm và 120cm. Có 4 marker bằng vàng hai đầu stent. Tương thích wire 0.035", sheath nhỏ nhất tương thích 6F. Vật liệu làm bằng Nitinol nhớ hình. Đủ kích thước khác nhau: đường kính: 7.0, 8.0, 9.0, 10.0 mm và chiều dài: 30, 40, 60, 80 mm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
566	Stent chặn cổ túi phình mạch não giúp giữ coil mà vẫn cho phép máu lưu thông, chiều dài stent 18mm	01 cái/ Hộp	Cái	20	Đầu típ không chấn thương, dài 10mm; Lưới bện dày 42 dây; Chiều dài stent: 18mm; Chiều dài thân: 191cm; Đường kính stent: điều chỉnh 0,4 - 3mm cho mạch máu 1,5 - 3mm; Dùng với vi ống thông có ID 0,017"	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
567	Stent chặn cổ túi phình mạch não giúp giữ coil mà vẫn cho phép máu lưu thông, chiều dài stent 21mm và 37mm	01 cái/ Hộp	Cái	20	Đầu típ không chấn thương, dài 10mm; Lưới bện dày 42 dây; Chiều dài stent: 21 mm và 37 mm. Chiều dài thân: 191cm, 193cm; Đường kính stent: điều chỉnh 0,5 - 4mm cho mạch máu 2 – 4 mm; điều chỉnh 0,5 - 6 mm cho mạch máu 4 - 6 mm; Dùng với vi ống thông có ID 0,021"	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
568	Stent chữa túi phình mạch vành, lớp phủ chất liệu electropun polyurethane phù hợp chất silicon Carbide (PROBIO), đường kính 2.5-5.0mm, chiều dài 15-26	Hộp/cái	Cái	5	Chất liệu electrospun polyurethane phủ hợp chất Silicon Carbide (PROBIO), đường kính: 2.5-5.0 mm, chiều dài : 15-26	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
569	Stent động mạch chi, tự bung bằng nitinol, đường kính 4-7mm	1 Cái/hộp	Cái	5	Vật liệu làm bằng Nitinol nhớ hình. Độ co gập lên đến 10 triệu lần. Độ dày thanh stent 140µm. Mỗi đầu stent có 6 marker bằng vàng. Catheter OTW, chiều dài catheter 90cm và 135cm. Tương thích wire 0.018"/ 0.035", hệ thống can thiệp 4F/6F. Thân Stent phủ Silicon Carbide PROBIO (a-SiC:H). Đủ kích thước khác nhau: đường kính: 4.0, 5.0, 6.0, 7.0 mm và chiều dài: 20, 30, 40, 60, 80, 100, 120, 150, 170, 200 mm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
570	Stent động mạch thận, Coblat-chromium, đường kính 4,5-7mm	1 Cái/hộp	Cái	6	Vật liệu làm bằng Cobalt Chromium (L605), phủ Silicon Carbide (PROBIO). Vật liệu hợp kim. Thanh stent dày: 120µm (ø 4.5 - 5.0 mm); 140µm (ø 6.0 - 7.0 mm). Catheter dài 80 và 140cm. Tương thích wire 0.014", sheath 4F, 5F. Có 1 vòng marker trên một đầu stent giúp định vị stent dễ dàng hơn. Đủ kích thước khác nhau: đường kính: 4.5, 5.0, 6.0, 7.0 mm và chiều dài: 12, 15, 19 mm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
571	Stent động mạch vành có phủ thuốc Yukon Choice PC	1 Cái/hộp	Cái	10	Khung giá đỡ mạch vành bằng thép không gỉ 316LVM phủ thuốc Sirolimus và Polymer phân hủy sinh học Polyactide (PLA), được phủ ở mặt ngoài thành stent. Công nghệ PEARL Surface - bề mặt nhám với vô số lỗ nhỏ li ti. Luer trong suốt, thân kháng xoắn. 2 marker bằng Platinum / Iridium. Khẩu kính băng qua tổn thương 0.035"/ 0.89 mm (Ø 2.5 mm). Khẩu kính lối vào tổn thương 0.016" / 0.41mm. Độ dày thanh chống 0.0034" / 87 µm (Ø 2.5 mm). Đường kính phần thân gần 1.9F. Đường kính phần thân xa 2.7F, dùng kèm dây dẫn 0.014" và ống thông can thiệp tối thiểu 5F. NP 9 bar. RBP 16 bar. Đường kính stent 2.00, 2.50 mm (chiều dài 8, 12, 16, 18, 21, 24, 28, 32mm). Đường kính 2.75, 3.00, 3.50, 4.00 mm (chiều dài 8, 12, 16, 18, 21, 24, 28, 32, 40 mm). Đường kính (mm) tối đa của mỗi loại stent khi đạt RBP 16 bar: Ø2.0 - Ø2.23, Ø2.5-Ø2.74, Ø2.75 - Ø2.98, Ø3.0 - Ø3.26, Ø3.5-Ø3.79, Ø4.0 - Ø4.36.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
572	Stent động mạch vành loại thường, Cobalt Chromium, đường kính 2-5mm	1 cái/ Hộp	Cái	25	Làm bằng Cobalt Chromium, phủ hợp chất Silicon Carbide siêu mỏng (PROBIO) có tính tương thích sinh học cao, có tác dụng như một lớp phủ ngăn chặn không cho ion kim loại khuếch tán ra lòng mạch theo thời gian, giảm các triệu chứng như huyết khối trong stent, tái hẹp trong stent. Stent bung bằng bóng, làm trên nền bóng chất liệu semi-crystalline co-polymer (nền bóng Pantera), áp lực bình thường 9atm, áp lực vỡ bóng từ 14 – 16atm. Profile 0.017", thanh stent mỏng: đường kính 2.0, 3.0mm (60µm); đường kính 3.5, 4.0 mm (80µm); đường kính 4.5, 5.0mm (120µm) cho phép stent di chuyển linh hoạt và đi vào được các mạch máu khó. Đường kính thân ống thông đầu gần 2.0F, đầu xa 2.5F đối với cỡ ø 2.0- 3.5 mm, đầu xa 2.8F đối với cỡ ø 4.0- 5.0 mm. Tương thích guiding nhỏ nhất 5F. Chiều dài Catheter stent 140 cm, loại Rapid exchange. Dây dẫn tương thích 0.014". Đủ kích thước: đường kính: 2.0, 2,25, 2.5, 2.75, 3.0, 3.5, 4.0, 4.5, 5.0 mm, chiều dài : 9, 13, 15, 18, 20, 22, 26, 30, 35, 40mm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
573	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimu, cobalt - chromium, phủ polymer, đường kính 2,25-4mm, dài 9-40mm	1 cái/ Hộp	Cái	10	Vật liệu Cobalt chromium. Có lớp phủ chủ động (BIOLUTE) là bao gồm thuốc Sirolimus, liều lượng 1.4µg/mm2, tẩm trên trên lớp polymer tự tiêu chất liệu Poly-L-Lactic Acid (PLLA), phân hủy trong thời gian < 2 năm. Chiều dài Catheter stent 140 cm, loại Rapid exchange. Stent bung bằng bóng, làm trên nền bóng chất liệu semi-crystalline co-polymer (nền bóng Pantera). Profile: 0.017", thanh stent mỏng (60µm ~ 0.0024") đường kính từ 2.25 - 3.0mm ngoại trừ đường kính 3.5, 4.0 mm (80µm ~ 0.0031"). Guiding tương thích nhỏ nhất 5F (I.D. ≥ 0.056"). Dây dẫn tương thích 0.014". Đường kính ống thông đầu gần 2.0F, đầu xa 2.6F đối với cỡ ø 2.25- 3.5 mm, đầu xa 2.8F đối với cỡ ø 4.0. Đủ kích thước: ø 2.25, 2.5, 2.75, 3.0, 3.5, 4.0mm; chiều dài: 9, 13, 15, 18, 22, 26, 30, 35, 40 mm. Áp lực bơm bóng bình thường 8 atm, áp lực vỡ bóng 16 atm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
574	Stent động mạch vành, thép không gỉ, phủ thuốc Biolimus, đường kính 2,25-4mm	Hộp/1 cái	Cái	38	Hàm lượng thuốc: 15.6µg/mm chiều dài. Kích cỡ: đường kính từ 2.25mm đến 4.0mm, chiều dài từ 11mm đến 36mm. Chất liệu: thép không gỉ 316 L. Tiêu chuẩn kỹ thuật: Độ dày thanh giá đỡ 0.0047". Độ co rút: ≤0.39%. Độ đàn hồi: ≤ 2.46%. Đoạn nối cong dạng cải tiến giúp stent linh hoạt hơn. Đường kính mắt cáo: ≥1.68mm. Tương thích dây dẫn 0.014" và ống thông 5F. Tính chịu lực xuyên tâm > 0.67 bar hay 500 mmHg.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
575	Stent dùng cho can thiệp động mạch chậu Begraft Aortic	Cái/ hộp	Cái	5	Thiết kế khung stent CoCr (L605) được bọc bởi 1 lớp graft Micro-porous ePTFE. Tương thích với sheath nhỏ nhất là 9F. Đường kính 12-24 mm, dài 19 đến 59mm. Stent có thể nong tối đa lên tới 30mm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
576	Stent dùng cho can thiệp tim mạch (bụng) Begraft	Cái/ hộp	Cái	5	Khung stent CoCr được bọc bởi 1 lớp graft . Tương thích với sheath 6F (nhỏ nhất). Kích thước: đường kính 5-10 mm, dài 18-58 mm. Chất liệu graft: Micro-porous ePTFE, stent: CoCr.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
577	Stent dùng cho can thiệp tim mạch (dùi) Begraft	Cái/ hộp	Cái	5	Khung stent CoCr được bọc bởi 1 lớp graft . Tương thích với sheath 6F (nhỏ nhất). Kích thước: đường kính 5-10 mm, dài 18-58 mm. Chất liệu graft: Micro-porous ePTFE, stent: CoCr.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
578	Stent dùng cho can thiệp tim mạch (dưới đòn) Begraft	Cái/ hộp	Cái	5	Khung stent CoCr được bọc bởi 1 lớp graft . Tương thích với sheath 6F (nhỏ nhất). Kích thước: đường kính 5-10 mm, dài 18-58 mm. Chất liệu graft: Micro-porous ePTFE, stent: CoCr.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
579	Stent dùng cho can thiệp tim mạch (ngực) Begraft	Cái/ hộp	Cái	5	Khung stent CoCr được bọc bởi 1 lớp graft . Tương thích với sheath 6F (nhỏ nhất). Kích thước: đường kính 5-10 mm, dài 18-58 mm. Chất liệu graft: Micro-porous ePTFE, stent: CoCr.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
580	Stent dùng cho can thiệp tim mạch (thận) Begraft	Cái/ hộp	Cái	5	Khung stent CoCr được bọc bởi 1 lớp graft . Tương thích với sheath 6F (nhỏ nhất). Kích thước: đường kính 5-10 mm, dài 18-58 mm. Chất liệu graft: Micro-porous ePTFE, stent: CoCr.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
581	Stent đường mật bằng Platinol phủ permalume	01 cái/ Hộp	Hộp	2	Thiết kế bện dây platinol chống xẹp và tăng độ ổn định. Có thể thu gọn đến 80% so với khi bung để tái định vị khi đặt. Cơ chế đưa stent đồng trục giúp đặt stent dễ dàng, dễ điều khiển. Chiều dài hữu dụng của catheter 75cm và tương thích introducer 9F. Catheter có 4 điểm cản quang giúp dễ nhìn khi đặt stent. Stent có đường kính 8-10mm loại không phủ, bán phủ, phủ toàn phần, có catheter 8-8,5F	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
582	Stent giá đỡ mạch máu Leo+ (Stent che phình mạch cổ rộng)	Cái	Hộp/1 cái	2	Stent tự bung, dùng tạo hình phình mạch cổ rộng trong sọ, kháng lực lên thành mạch cao giúp stent áp sát vào thành mạch và định hình theo mạch máu tốt. Cản quang với 2 sợi Platinum dọc thân. Có thể thu hồi stent khi đã bung 90%. Bao gồm ống thông Vasco+21MP, Y connector.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
583	Stent giá đỡ mạch máu Silk+	Cái	Hộp/1 cái	4	Stent chuyển dòng được bện với 48 sợi nitinol. Cản quang tốt với 4 markers và 8 sợi Platinum dọc thân stent giúp dễ định hình stent trong lòng mạch. Đóng gói bao gồm Vi ống thông Vasco+21MP.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
584	Stent lấy huyết khối mạch não có thể điều chỉnh đường kính, độ dài và lực hướng tâm của lưới stent theo thời gian thực chiều dài stent: 25mm	01 cái/ Hộp	Cái	20	Tay cầm có chế độ tự do và chế độ tự khóa, đầu tip không chấn thương (dài 10mm), dây 8 cặp tạo thành mắt cáo lớn. Chiều dài stent: 25mm; Chiều dài thân: 193cm; Đường kính stent: điều chỉnh 0,4 - 3,5 mm cho mạch máu 1,5 - 3,5 mm; Dùng với vi ống thông có ID 0,017"	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
585	Stent lấy huyết khối mạch não có thể điều chỉnh đường kính, độ dài và lực hướng tâm của lưới stent theo thời gian thực chiều dài stent: 31mm và 36mm	01 cái/ Hộp	Cái	20	Tay cầm có chế độ tự do và chế độ tự khóa, đầu tip không chấn thương (dài 10mm), dây 8 cặp tạo thành mắt cáo lớn. Chiều dài stent: 31mm và 36 mm; Chiều dài thân: 193cm; Đường kính stent: điều chỉnh 0,5 - 4,5 mm cho mạch máu 1,5 - 4,5 mm; điều chỉnh 0,5 - 4,5 mm cho mạch máu 1,5 - 4,5 mm; Dùng với vi ống thông có ID 0,021"	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
586	Stent mạch máu ngoại biên Zeus SX	Cái/ hộp	Cái	8	Hệ thống bung stent bằng một tay. Kích thước: đường kính 6 mm - 11 mm, dài 20 mm - 150 mm. Chất liệu: hợp kim Niken - Titanium (Nitinol).	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
587	Stent mạch vành có phủ thuốc sirolimus mật độ 1.25 µg/mm2	Hộp/ Cái	Cái	10	Stent phủ thuốc Sirolimus mật độ 1.25 µg/mm2. Khung Cobalt Chromium mắt đóng mắt mở, cơ chế bung từ giữa thân Stent. Dây dẫn cấu tạo liền khối theo công nghệ FeatherGlide hiệu chỉnh lực đẩy đến 0.35N. Có các chiều dài 8, 13, 16, 19, 24, 29, 32, 37, 40, 44, 48mm. Strut thickness 65µm, 3% Recoil, Forshortening 0.29%.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
588	Stent mạch vành CoCr phủ thuốc Sirolimus - Yukon Chrome PC	1 Cái/hộp	Cái	60	Stent mạch vành chất liệu Cobalt Chromium phủ thuốc Sirolimus và Polymer phân hủy sinh học Polyactide (PLA), được phủ ở mặt ngoài thành stent. Thiết kế 2 thanh nối trên mỗi phân đoạn, chu vi mắt cáo mở rộng tối đa 18.5mm giúp duy trì lối vào mạch nhánh, hỗ trợ tốt cho việc đặt stent chỗ chia nhánh ĐMV. 2 marker Platinum / Iridium. Khẩu kính băng qua tổn thương 0.035"/ 0.89 mm (Ø 2.5 mm). Khẩu kính lối vào tổn thương 0.016" / 0.41mm. Đường kính phần thân gần 1.9F. Đường kính phần thân xa 2.7F, dùng kèm dây dẫn 0.014" và ống thông can thiệp tối thiểu 5F. NP 11 bar. RBP 16 bar. Độ dày thanh chống 0.0027" / 68 µm (Ø2.0-2.5mm); 0.0031" / 79 µm (Ø2.75-4.0mm). Đường kính stent 2.00, 2.50 mm (chiều dài 8, 12, 16, 18, 21, 24, 28, 32mm). Đường kính stent 2.75, 3.00, 3.50, 4.00 mm (chiều dài 8, 12, 16, 18, 21, 24, 28, 32, 40 mm). Đường kính (mm) tối đa của mỗi loại stent khi đạt RBP 16 bar: Ø2.0 - Ø2.16, Ø2.5-Ø2.67, Ø2.75 - Ø2.91, Ø3.0 - Ø3.18, Ø3.5-Ø3.71, Ø4.0 - Ø4.26.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
589	Stent mạch vành phủ thuốc sirolimus Abrax	01 cái/hộp	Cái	10	Phủ thuốc sirolimus, 2.0µg/mm2. Vật liệu thép không rỉ phủ ion carbon. Độ dày: 110µm. Tỷ lệ kim loại/bề mặt mạch máu: trung bình 13-15%, tối ưu khả năng áp vào thành mạch. Polimer PLGA 5µm, tự tiêu trong 6 tuần. Khẩu kính đầu vào cực nhỏ 0.016". Áp lực chuẩn: 9 bar. Áp lực tối đa: 16 - 18 bar. Đường kính 2-4mm, dài 10-38mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
590	Stent mạch vành phủ thuốc Sirolimus khung Cobalt Chromium	Hộp/ Cái	Cái	10	Stent mạch vành phủ thuốc Sirolimus khung Cobalt Chromium đầu lớn đầu nhỏ, mắt đóng mắt mở, cơ chế bung từ giữa thân stent các cỡ. Có các chiều dài 30, 40, 50, 60mm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
591	Stent mạch vành phủ thuốc Sirolimus với 3 lớp phủ Biostable fluorinated acrylate	Hộp/1 cái	Cái	80	Stent phủ thuốc Sirolimus, chất liệu Cocr L605. Đường kính từ 2.0mm đến 4.5mm, chiều dài từ 9mm đến 39mm. Stent Strut nhỏ 75µm. Chất liệu bóng của stent bằng Nylon và Pebax không chứa latex, gấp ba lớp (Trilayer), thời gian xả bóng nhanh trung bình 3s. Định vị bằng 2 marker Platinium Iridium (Pt-Ir).	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
592	Stent mạch vành phủ thuốc Zotarolimus Resolute Onyx	Cái/ hộp	Cái	20	Phủ thuốc Zotarolimus. Lớp phủ Biolink. Đường kính 2.0 mm - 5.0 mm, dài 8 mm - 38 mm. Tiệt trùng.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
593	Stent ngoại biên bung bằng bóng, các cỡ		Cái	5	Dùng trong phẫu thuật can thiệp mạch máu	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
594	Stent nong mạch vành CoCr phủ thuốc Sirolimus, Polymer PLA tự tiêu, chi vi mắt cáo 18.5mm khi bung, công nghệ Pearl Surface	Hộp/ 1 cái	Cái	10	Chất liệu: Hợp kim thép carbon hóa bề mặt 0,5µm bên ngoài phủ thuốc Rapamycin (Sirolimus). Nồng độ thuốc: 2.0µg/mm2. Độ dày thanh mắt cáo: 110 - 115 µm. Khẩu kính đầu xa (entry profile): < 0.45mm (0.018"). Khẩu kính bóng (crossing profile): 0.97mm. Đường kính: 2.0 - 4.0mm (có loại .25 và .75). Chiều dài stent: 10 - 38mm. Áp lực tối đa: 16 - 18 bar; Áp lực bơm bóng: 9 bar. 2 markers cản quang định vị trên bóng.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
595	Stent ống động mạch phủ thuốc đầu xa 1.9F	Hộp/ Cái	Cái	30	Chất liệu Cocr L605, phủ thuốc Sirolimus, nồng độ thuốc 1.38µg/mm2. Giải phóng thuốc trong 90 ngày. Độ dày thanh chống 0.00253" (64µm), chiều rộng thanh chống (đoạn chính) 0.00276" (70µm), chiều dài thanh chống 1.00 mm. Lớp phủ polymer đôi, tự tiêu gắn liền với lớp thuốc sirolimus, Abluminal Side 4.8µm, Luminal Side: 2.5µm. Hệ thống bóng PTCA bán giãn nở. Bóng polyamide 2 nếp gấp đường kính 2.25 - 2.50; 4 nếp gấp đường kính 2.75 - 4.00, bóng nhô ra nhỏ hơn 5mm. Marker Platinum/ Iridium. Bề mặt kim loại 11% (Ø 3.0 mm). Khẩu kính đầu tip: 0.017" (0.43mm). Khẩu kính băng qua tổn thương nhỏ nhất 0.035" (0.90mm). Đầu xa 2.5 Fr./0.82 mm, đầu gần 2.9 Fr./ 0.64 mm. Chiều dài Catheter 138 cm, Chiều dài GW lumen 27cm. Guiding Catheter tương thích 5 Fr./ 0.066" I.D	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
596	Stent phủ thuốc sirolimus Mistent các cỡ	Hộp/Cái	Cái	20	Stent lõi Co-Cr(L605). Phủ thuốc Sirolimus liều lượng 1.4µg/mm2. Polymer sinh học ái nước (PLLA, PLCL, PVP) tự phân hủy trước 90 ngày. Tỷ lệ co lại < 4% và rút ngắn < 3%. Hai marker trên bóng bằng Pt/Ir tăng độ hiển thị. Có sóng stent 4 crown (2.0-2.25mm), 6 crown (2.5-3.5mm), 8 crown (4.0-4.5mm) đảm bảo sự toàn vẹn cấu trúc stent. Đường kính: 2.0-4.5 mm, dài: 8-48mm. NP: 10 atm, BP: 16 atm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
597	Stent sinh học phủ thuốc điều trị kép COMBO Plus	1 Cái/ Hộp	Cái	80	Stent sinh học phủ thuốc điều trị kép (lớp phủ Sirolimus trên nền polymer tự tiêu ngoài stent và lớp phủ kháng thể Anti CD34 trong stent). Mở mắc cáo tối đa: 4.5 mm. Tiết diện thâm nhập: 0.0361 inch. Chất liệu: thép không gỉ 316L. Độ rộng stent: 0.09 mm. Độ dày: 0.10 mm. Lớp phủ Hydro-X (đoạn xa/ tip). Đường kính stent từ 2.5 - 4.0 mm, dài từ 9 – 38 mm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
598	Stent thường dùng cho can thiệp mạch máu (ngực, bụng, thận, đùi), nong bằng bóng	Cái/ hộp	Cái	4	Khung stent CoCr. Tương thích với sheath 6F (nhỏ nhất). Kích thước: đk 5-10 mm, dài 18-58 mm. Chất liệu CoCr (L605).	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
599	Vật liệu gây nút mạch Squid	Cái	Hộp/1 cái	10	Nồng độ 12, 18. Được đóng gói gồm có 1.5ml Squid, 1.5ml DMSO, 3 Syrigne 1cc và 2 đầu nối syrigne.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
600	Vật liệu nút mạch điều trị ung thư gan loại tải thuốc, có gia tăng kích thước gấp 4 lần sau khi ngậm thuốc	Hộp/ 1 lọ	Lọ	50	Dùng trong phẫu thuật can thiệp mạch máu	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
601	Vật liệu nút mạch hình cầu	Hộp/ 1 lọ Hộp/ 5 lọ	Lọ	35	Dùng trong phẫu thuật can thiệp mạch máu	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
602	Vi dây dẫn can thiệp với cấu trúc vòng xoắn kép ACT ONE và cấu trúc đơn lõi với tip load 0.3 - 20 gf	1 Cái/ Gói	Cái	30	Vật liệu stainless steel. Lớp phủ Silicon, Hydrophilic hoặc Hydrophilic trên nền polymer. Chiều dài: 180, 190 cm / 330 cm (RG3).	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
603	Vi dây dẫn can thiệp mạch vành CTO với cấu trúc vòng xoắn kép và cấu trúc đơn lõi, tất cả các cỡ	Cái/ gói	Cái	50	Dùng trong phẫu thuật can thiệp mạch máu	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
604	Vi dây dẫn can thiệp siêu nhỏ Hybrid	Cái	Hộp/1 cái	50	Vi dây dẫn can thiệp siêu ái nước có đường kính 007", 008" và loại có đoạn xa .014", đoạn gần .012". Kết hợp vi ống thông Magic trong thủ thuật bơm keo dị dạng mạch máu và đặt coil túi phình	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
605	Vi dây dẫn can thiệp TOCE phủ lớp ái nước đường kính 0,016"		Cái	20	Dùng trong phẫu thuật can thiệp mạch máu	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
606	Vi dây dẫn chụp mạch máu guide wire 0.035", dài 150cm - 260cm, đầu thẳng hoặc đầu J	Gói/ 1 cái	Sợi	150	Chất liệu thép không rỉ, phủ silicon, teflon, độ cản quang cao, đường kính 0.035", dài 150cm - 260cm đầu thẳng hoặc đầu J loại Kimal hoặc tương đương	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
607	Vi dây dẫn đường (micro guide wire) can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính 0,018"	5 Cái/hộp	Cái	10	Làm bằng thép không gỉ, trơn nhẵn, đủ độ cứng (có phủ PTFE). Có cản quang ở đầu xa, đầu tip linh hoạt cản quang 2cm, Platinum/Tungsten. Kích thước: 195 và 300 cm. Có 2 loại đầu tip: vừa và cứng, thích hợp can thiệp mạch máu ngoại biên. Đường kính 0.018".	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
608	Vi ống thông (micro-catheter) can thiệp mạch vành, có 2 lòng	Hộp/1 cái	Cái	40	Chất liệu: Polyamide resin và Polyimide. Vi ống thông với cấu trúc 2 lớp nòng. Khẩu kính đầu xa: 0.43mm (0.42mm loại type R). Đường kính thân catheter: 0.97mm (2.9Fr). Guidewire tương thích: 0.36mm (0.014"). Chiều dài khả dụng catheter: 140cm. Loại type R đầu ra nòng OTW tạo góc 5 độ với nòng RX. Hai dấu cản quang 1mm hai bên cổng ra nòng OTW.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
609	Vi ống thông can thiệp công nghệ Polyfusion phủ ái nước hydro pass	01 cái/hộp	Cái	30	Đường kính gần cán 3F, xa cán 2.4F; đường kính trong 0.021" PTFE, áp lực đỉnh 1000 psi, độ dài 105, 130, 150cm. Chất liệu: bện kim loại và xơ tương thích hạt hình cầu 700 micron hoặc hạt không hình cầu 500 micron. Dây dẫn ái nước Transend, ICE, lõi Scitanium, đầu tunsteng	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
610	Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và ngoại biên, đầu tip cong cổ thiên nga, các cỡ	Hộp/ 1 cái	Cái	50	Dùng trong phẫu thuật can thiệp mạch máu	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
611	Vi ống thông can thiệp mạch vành	Hộp/1 cái	Cái	5	Dùng trong phẫu thuật can thiệp mạch máu	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
612	Vi ống thông can thiệp TOCE dùng cho các mạch máu siêu chọn lọc cỡ 1,9F		Cái	20	Dùng trong phẫu thuật can thiệp mạch máu	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
613	Vi ống thông can thiệp toce đường kính 2.6F Asahi Masters PARKWAY HF các cỡ	1 Cái/ Gói	Cái	50	Đầu tip siêu nhỏ 1.9F hoặc 2.6F. Được bện bằng sợi bện Tungsten. Áp lực bơm lên tới 1000psi. Lớp phủ Hydrophilic: 65, 100cm. Đường kính ngoài xa/gần: 1.98/2.8 F (Soft), 2.6/ 2.8F (HF). Đường kính trong: 0.022inch (Soft), 0.027inch (HF). Dây dẫn tối đa: 0.018inch (Soft), 0.021inch (HF). Chiều dài khả dụng 105, 125, 150cm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
614	Vi ống thông can thiệp toce siêu nhỏ Asahi Masters PARKWAY SOFT các cỡ	1 Cái/ Gói	Cái	30	Đầu tip siêu nhỏ 1.9F hoặc 2.6F. Được bện bằng sợi bện Tungsten. Áp lực bơm lên tới 1000psi. Lớp phủ Hydrophilic: 65, 100cm. Đường kính ngoài xa/gần: 1.98/2.8 F (Soft), 2.6/ 2.8F (HF). Đường kính trong: 0.022inch (Soft), 0.027inch (HF). Dây dẫn tối đa: 0.018inch (Soft), 0.021inch (HF). Chiều dài khả dụng 105, 125, 150cm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
615	Vi ống thông dẫn đường dùng can thiệp CTO FC (hoặc tương đương), đường kính ngoài 1.8 Fr, đường kính trong 0.021", chiều dài 130cm, 150cm. Có marker vàng đánh dấu ở đầu tip.	Hộp/1 cái	Cái	20	Đường kính ngoài 1.8 Fr, đường kính trong 0.021", chiều dài 130 - 150cm. Cấu trúc sợi bện SUS, lớp trong bằng PTFE.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
616	Vi ống thông dùng để thả stent lấy huyết khối	Hộp/ 1 cái	Cái	80	Ống thông can thiệp, đường kính trong là 0,015", 0,017", 0,021" và 0,027", đường kính ngoài gần-xa 2,3Fr-1,7Fr, 1,4Fr-1,9Fr, 2,4Fr-2,7Fr và 2,8Fr-2,8Fr, chiều dài làm việc là 130 và 153cm, tương thích với dây dẫn lớn nhất 0,012", 0,014", 0,018", 0,021".	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
617	Vi ống thông hút huyết khối ngoại biên Indigo CAT 3,5,6	1 Cái/ Hộp	Cái	15	Chiều dài khả dụng: 132cm (CAT5), 135cm (CAT6), 150cm (CAT3). Tương thích shealth: 4.1F (CAT3), 6F (CAT5, CAT6) và dây dẫn 0.014-0.038 inch. Có thể kết hợp CAT 3,5,6 tương ứng với SEP 3,5,6.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
618	Vi ống thông hút huyết khối ngoại biên Indigo CAT 8	1 Cái/ Hộp	Cái	15	Đường kính ngoài/ trong: 2.67mm/2.24mm. Hình dạng đầu tip/chiều dài khả dụng: straight (85cm), torq (85cm), xtorq (115cm). Tương thích shealth 8F và dây dẫn 0.014 - 0.038 inch. Có thể kết hợp với Separator SEP8.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
619	Vi ống thông Nhancer Pro X các cỡ	Hộp/Cái	Cái	5	Đầu tip Mosquito dài cùng khả năng hiển thị lên đến 7mm, thiết kế đầu tip A-traumatic 0.45mm & 0.48mm. Tương thích Guidewire 0.014"". Thiết kế Trục Khóa Torquer. Chiều dài 135cm & 155cm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
620	Vi ống thông nối dài, thân ống xoắn 1 sợi các cỡ	1 cái/Hộp	Cái	10	Thân ống thép không rỉ lớp bện dạng xoắn. Đầu tip A-traumatic bằng Tungsten phát xạ đến 2.5 mm. Lớp phủ Hydrophilic dài 10 cm. Chiều dài: 150cm. Đường kính: 5F, 6F, 7F, 8F.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
621	Vi ống thông siêu nhỏ mềm Magic Mabdte	Cái	Hộp/1 cái	10	Dài 165cm, có đầu mềm dài 10cm, đường kính: đầu gần 1.8F, đầu xa 2.7F	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
622	Vi ống thông siêu nhỏ mềm Baltacci	Cái	Hộp/1 cái	5	Đường kính từ 1.2F - 1.8F,đầu mềm dài 15cm, tương thích với dây dẫn Hybrid007, 008D.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
623	Vi ống thông siêu nhỏ mềm có đầu đứt rời Sonic (các size)	Cái	Hộp/1 cái	5	Vi ống thông đầu có thể tách rời, đoạn tách rời 2.5 cm. Đóng gói cùng vi dây dẫn Hybrid007	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
624	Vi ống thông siêu nhỏ mềm Magic	Cái	Hộp/1 cái	10	Đường kính từ 1.2F - 1.8F,đầu mềm dài 30cm, tương thích với dây dẫn Hybrid007, 008D.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
625	Vi ống thông siêu nhỏ mềm mang bóng Baltaccibdpe	Cái	Hộp/1 cái	10	Vi ống thông dùng gắn bóng Goldbal dài 165cm, đường kính: đầu gần 2.4F, đầu xa 2.7F	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
626	Vi ống thông siêu nhỏ mềm Vasco+	Cái	Hộp/1 cái	80	Vi ống thông hỗ trợ thả coil 10, 18, đường kính từ 1.9F-3.0F, có 2 markers tăng tính cản quang.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
627	Vít sọ não đường kính lỗ 1.6mm	Gói/Cái	Cái	20	Chất liệu: Lõi Titan. Thiết kế: Màu xanh, tự khoan, tự ren tự taro. Bắt cố định tại điểm khoan. Đường kính: 1.6mm có thể bắt vít 2.0mm; dài: 4mm – 5mm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
628	Vòng xoắn kim loại (coil) gây bít phình mạch máu Optima (Các loại, các cỡ)	cái	Hộp/1 cái	40	Chất liệu Platinum - tungsten. Hệ thống coil 10 và 18 , đường kính coil từ 1 - 24mm, đường kính đặc biệt 1.5mm , 2.5mm , 3.5mm Chiều dài đa dạng từ 1-65cm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
629	Vòng xoắn kimloại (Coil) gây tắc mạch Interlock Fibered IDC Occlusion System	01 cái/hộp	Cái	200	Đường kính 2/6–22 mm và chiều dài đến 60 cm. Hình dạng coil: 2D, Diamond, Cube, Standard.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
NHÓM 9: VẬT TƯ TIÊU HAO DÙNG TRONG PHẪU THUẬT KHỚP CÁC LOẠI						
630	Bộ khớp háng bán phần, không xi măng, chuôi trung bình loại Actinia hoặc tương đương		Bộ	14	Dùng trong phẫu thuật khớp háng	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
631	Bộ khớp háng toàn phần, không xi măng, chuôi trung bình ceramic on ceramic loại PAVI hoặc tương đương		Bộ	12	Dùng trong phẫu thuật khớp háng	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
632	Chỉ bện dùng trong mổ nội soi	Cái/ 2 tép	Cái	200	Có 2 Chỉ siêu bền liền kim số 2, 1 sợi màu trắng, 1 sợi màu trắng xanh Co-Braid. Kích thước kim: C-2.5", đầu kim dạng Tapered. Độ dài chỉ: 40"	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
633	Chỉ khâu sụn chêm Sequent	1 cái / gói	Cái	10	Chất liệu: Polyethylen và Polyester. Độ dài 38 inch và kim cắt ngược 1/2 vòng tròn	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
634	Chốt cố định Retrobutton	1 cái / gói	Cái	15	Vít treo gân bằng titanium dùng tái tạo dây chằng chéo trước. Đường kính vít chốt neo: 3.0mm. Chiều dài vít chốt neo: 12mm, hình trụ. Chiều dài vòng treo cố định mảnh ghép dây chằng chéo nội soi khớp gối cỡ 15 -> 60mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
635	Đầu đốt Opes các cỡ	1 cái / gói	Cái	25	Đi kèm với máy cắt đốt tần số sóng vô tuyến OPES. Lưỡi cắt đốt nằng sóng Radio frequency, đường kính 3.75mm , góc cong 90 độ, chiều dài 160mm. Đầu đốt cao tần dùng cho phẫu thuật nội soi khớp. Cam kết hỗ trợ thiết bị cho bệnh viện.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
636	Dây dẫn nước trong nội soi chạy bằng máy	1 cái / gói	Cái	70	Tương thích với máy FloControl Arthroscopy Pump. Đi kèm mặt hàng Integrated Tubing Set. Cam kết hỗ trợ thiết bị cho bệnh viện.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
637	Dây dẫn nước trong nội soi loại thường	Túi/ 1 cái	Cái	300	Dây dẫn nước trong nội soi loại hai đường nước vào. Lưu lượng nước với kết hợp linh hoạt 11 '(3,4 mét). Dây chuyền Spike với hai túi gai cung cấp nước, Kẹp Lưu lượng nước trong lĩnh vực vô trùng để kiểm soát tốc độ dòng chảy.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
638	Dây nước nội soi khớp gối	Hộp/1 dây	Dây	5	Có 2 đầu dẫn, chiều dài 255cm, có 3 khóa điều chỉnh dòng chảy	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
639	Khớp gối loại một ngăn bảo tồn xương, thiết kế giống nhau cho ngăn trong và ngăn ngoài	Cái/ Bộ	Bộ	5	Phần xương đùi: bằng hợp kim Cobalt Chromium Alloy, kích thước small (16x40mm), medium-small (17x46mm), medium (18x52mm), large (20x60mm). Có 2 chốt cố định. Phần xương chày: đối xứng dùng được cho cả ngăn trong và ngăn ngoài, có 2 loại: kim loại mặt dưới dày (8,9,11,13mm và đường kính 45,50,55mm. Có các lồi cầu phủ đều bề mặt tăng tối đa độ bám giữa implant và xi măng. All polyethylene (toàn phần PE): dày (7,9,11,13mm) và đường kính (45,50,55,58mm)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
640	Khớp gối toàn phần có xi măng, mobile bearing		Bộ	15	Dùng trong phẫu thuật khớp gối	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
641	Khớp gối toàn phần di động có xi măng	Hộp/1 cái	Bộ	5	Lồi cầu đùi bằng hợp kim chromium cobalt molybdenum, có 5 kích cỡ bên trái, 5 kích cỡ bên phải. Mâm chày bằng hợp kim chromium cobalt molybdenum, có 6 kích cỡ. Lớp đệm bằng vật liệu polyethylene, chiều cao 9-11-13-15mm, mỗi chiều cao có 5 kích cỡ. Xương bánh chè: vật liệu polyethylene cao phân tử, đường kính 31-34-37mm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
642	Khớp gối toàn phần Evolution	4 cái / bộ	Bộ	5	Lồi cầu chất liệu Cobalt Chrome, thiết kế kiểu chữ J, bề mặt trong nhám, phủ dạng sợi, Bán kính góc ổn định 0 - 90 độ, có 8 size từ 1 đến 8. Lớp lót: Chất liệu Polyethylene cao phân tử. Mâm chày chất liệu Cobalt Chrome/ Titanium Alloy, bề mặt nhám tạo độ kết dính với xi măng và xương, có 6 size chuẩn và 5 size cộng, có khóa trong khớp cố định. Bánh chè chất liệu Polyethylene cao phân tử, thiết kế kiểu mái vòm, dày 8-11mm, trượt trên lồi cầu theo đường có góc nghiêng 3,6°. Xi măng: Đóng gói tiệt trùng, kèm dung dịch pha.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
643	Khớp háng bán phần HAC (không xi măng)	Hộp/Cái	Bộ	10	Cuốn xương đùi không cổ góc 135 độ, kiểu dẹp chống xoay, mặt trong và hai mặt bên có nhiều rãnh chống lún, phủ hợp chất kích thích xương (HA) toàn thân cuốn, cỡ cuốn từ 7 đến 16 (dài 110 đến 170mm). Đầu xương đùi bằng chất liệu Stainless steel, cỡ: đường kính 22.2mm (lõi 0mm, ±2mm), đường kính 28mm (lõi 0mm, ±3.5mm, ±7mm). Đầu lưỡng cực có vòng nhẫn khóa bên trong, đường kính cỡ từ 39mm đến 55mm. Phần cuối của chuôi có xẻ 4 rảnh dọc.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
644	Khớp háng bán phần không xi măng	Hộp/1 cái	Bộ	5	Chuôi xương đùi (cuống xương đùi): Góc cổ chuôi 135 độ. Vật liệu: hợp kim Titanium 6 - Aluminium 4 - Vanadium (TA6V Alloy), được phủ 2 lớp gồm 1 lớp bột titanium (T40) và 1 lớp hydroxyapatite. Cổ chuôi 12/14, 5 độ 40 phút, hình ê-líp và được đánh bóng gương. Kích thước: size x chiều dài: 9 x 130mm; 10 x 140mm; 11 x 145mm; 12 x 150mm; 13 x 155mm; 14 x 160mm; 15 x 165mm; 16 x 170mm. Rãnh ngang chống lún, rãnh dọc chống xoay. Tiệt trùng sẵn bằng tia gamma. Ổ cối bán phần: Bề mặt ngoài bằng thép ko gỉ, đánh bóng gương. Bề mặt bên trong bằng polyethylene. ĐK 42-58 bước tăng 2 tương ứng chỏm dk 22.2mm; Đk 42-60 bước tăng 2 tương ứng chỏm dk 28mm. Ổ cối có cơ chế khóa ràng chống trật khớp. Đầu xương đùi (chỏm): Chất liệu: Thép không rỉ. Kích cỡ: 12/14 dk 22.2mm: có các size: 0; +3, 12/14 dk 28mm: có các size: -3.5; 0; +3.5; +7	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
645	Khớp háng bán phần không xi măng cổ rời Modular Neck, chuôi dài	4 cái / bộ	Bộ	5	Đầu khớp háng lưỡng cực gồm vỏ kim loại bên ngoài làm bằng CoCr và lớp đệm bên trong bằng Polyethylene cao phân tử, có vòng khóa đàn hồi; kích cỡ từ 36mm-59mm. Chỏm xương đùi: Vật liệu bằng Cobalt Chrome (CoCr), có đường kính 22mm, 28mm;32mm gồm các cỡ S(-3.5), M(+0), XL(+3.5), XL(+7), XXL(+10.5). Cổ rời Có 10 cỡ cổ modular điều chỉnh 8 hoặc 15 độ góc vẹo trong/vẹo ngoài; 8 hoặc 14 độ nghiêng trước/sau, cổ chuôi đầu gắn chỏm đường kính Taper 12/14 Eurocone (góc 5°42'30"). Chuôi khớp háng (Stem): làm bằng Titanium (Ti6Al4v), bề mặt nhám tăng độ kết dính với xương, kích cỡ: 3-11, chiều dài: 176 - 216mm. Độ di lệch cổ chuôi (Offset): 31 đến 47mm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
646	Khớp háng bán phần không xi măng Gladiator	3 cái / bộ	Bộ	5	Đầu khớp háng lưỡng cực: Chất liệu: Cobalt - Chrome, Polyetylene cao phân tử. Đường kính trong : 22, 28 mm. Đường kính ngoài từ 36-41 sử dụng chỏm 22mm, từ 42-45 sử dụng chỏm 28mm. Kích cỡ : Đường kính 36 – 59 mm với mỗi bước tăng 1 mm. Chỏm xương đùi: Vật liệu Cobalt Chrome (CoCr) Alloy. Đường kính đầu: 22(-3.5, 0, +3)mm; 28 (0, ±3.5, +7, +10.5)mm. Chuôi khớp háng : Vật liệu Titanium Ti-6Al-4V Alloy-Plasma Spray. Hai bên thân chuôi có 2 rãnh giúp cung cấp máu nuôi xương. Phần trên phun phủ plasma tạo bề mặt tốt bám xương, phủ bên ngoài lớp Plasma Spray. Cổ côn 12/14, Góc cổ chuôi 127, 135, 143 độ. Kích cỡ/chiều dài chuôi: 109 - 146mm. Độ di lệch cổ chuôi với chỏm +0 (Offset (+0)) : 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 57mm. Chiều dài cổ chuôi với chỏm +0 (Neck Length (+0)) : 29, 30, 34, 35,36, 40, 41, 45, 46, 47 mm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
647	Khớp háng bán phần không xi măng, góc cổ thân chuôi 130 độ, chuôi phủ calcium phosphate	Cái/ Bộ	Bộ	20	Cuống xương đùi bên ngoài phủ toàn thân chuôi lớp HX ® (điện hóa calcium phosphate phủ ngoài dày 15µm), bên trong là hợp kim titanium, đầu chuôi dạng Taper: 12/14 mm, được đánh bóng đầu chuôi, góc cổ thân chuôi:130 độ, có các cỡ/chiều dài 8/115mm, 9/130mm, 10/140mm, 11/145mm, 12/150mm, 13/155mm, 14/160mm, 15/165mm, 16/170mm, 18/180mm, 20/190mm. Đầu xương đùi bằng cobalt chromium molybdenum kích cỡ: 24(-3.5,0)mm,28(-3.5,0,+3.5)mm,32(-4,0,+4)mm. Đầu lưỡng cực bên ngoài là hợp kim cobalt chromium molybdenum, bên trong là lớp Polyethylene cao phân tử, có vòng khóa an toàn chống trật bằng Polyethylene cao phân tử, đường kính ngoài từ 40mm đến 58mm mỗi bước tăng 2mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
648	Khớp háng lưỡng cực STEMSYS (không xi măng)	Hộp/Cái	Bộ	5	Cuốn xương đùi không cổ góc 135 độ, kiểu dẹp chống xoay, mặt trong và hai mặt bên có nhiều rãnh chống lún, phủ hợp chất kích thích xương (HA) toàn thân cuốn, cỡ cuốn từ 7 đến 16 (dài 110 đến 170mm). Đầu xương đùi bằng chất liệu Cr-Co, cỡ: đường kính 22.2mm (lõi 0mm, ±2mm), đường kính 28mm (lõi 0mm, ±3.5mm, ±7mm). Đầu lưỡng cực có vòng nhẫn khóa bên trong, đường kính cỡ từ 39mm đến 55mm. Phần cuối của chuôi có xẻ 4 rảnh dọc.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
649	Khớp háng lưỡng cực STEMSYS cuốn dài (không xi măng)	Hộp/Cái	Bộ	10	Cuống xương đùi dài có cổ góc 135 độ, kiểu dẹp chống xoay, có xẻ rãnh/bắt vít để nén ép, phủ hợp chất kích thích xương (HA) toàn thân cuốn, cỡ cuốn từ 10 đến 20 (dài 200 đến 240mm). Đầu xương đùi bằng chất liệu Cr-Co, cỡ: đường kính 22.2mm (lõi 0mm, ±2mm), đường kính 28mm (lõi 0mm, ±3.5mm, ±7mm). Đầu lưỡng cực có vòng nhẫn khóa bên trong, đường kính cỡ từ 39mm đến 55mm. Phần cuối của chuôi có xẻ 4 rảnh dọc.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
650	Khớp háng toàn phần chuyển động đôi không xi măng	Hộp/1 cái	Bộ	5	Đầu xương đùi (chỏm): Chỏm và lớp đệm được đóng thành 1 khối; chỏm chuyển động bên trong lớp đệm, lớp đệm chuyển động bên trong ổ cối, tạo thành chuyển động kép. Chất liệu: Thép không gỉ theo tiêu chuẩn ISO 5832-9. Kích cỡ: 12/14 đk 22.2mm: có các size: 0; +3, 12/14 đk 28mm: có các size: -3.5; 0; +3.5; +7. Lớp đệm (liner): Vật liệu: Polyethylene cao phân tử (UHMWPE) theo tiêu chuẩn ISO 5834-2. Size 44-60 bước tăng 2 tương ứng chỏm đk 22.2mm; size 48-60 bước tăng 2 tương ứng chỏm đk 28mm. Ổ cối (cup): bề mặt ngoài có 2 lớp: lớp bên dưới phủ bột titanium, lớp bên trên phủ lớp hydroxyapatite toàn phần, vành ngoài có 6 đinh cố định chống xoay; đinh ổ cối có 4 đinh chống lật và xoay. Bề mặt bên trong được đánh bóng cao. Vật liệu: Hợp kim Cobalt - Chrome - molybdenum. Kích cỡ: 44-60 mm với bước tăng 2 mm. Chén đóng ổ cối được thiết kế gắn sẵn với cup, đóng gói tiệt trùng sẵn bằng tia gamma. Chuôi xương đùi (cuống xương đùi): Góc cổ chuôi 135 độ. Vật liệu: hợp kim Titanium 6 - Aluminium 4 - Vanadium (TA6V Alloy) theo tiêu chuẩn ISO 5832-3, được phủ 2 lớp gồm 1 lớp bột titanium (T40) và 1 lớp hydroxyapatite. Cổ chuôi 12/14 5 độ 40 phút, hình ê-líp và được đánh bóng gương. Kích thước: size x chiều dài: 9 x 130mm; 10 x 140mm; 11 x 145mm; 12 x 150mm; 13 x 155mm; 14 x 160mm; 15 x 165mm; 16 x 170mm. Rãnh ngang chống lún, rãnh dọc chống xoay. Tiệt trùng sẵn bằng tia gamma.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
651	Khớp háng toàn phần không xi măng chuyển động đôi BiMobile, góc cổ thân chuôi 130 độ, chuôi phủ calcium phosphate	Cái/ Bộ	Bộ	5	Cuống xương đùi bên ngoài phủ toàn thân chuôi lớp HX ® (điện hóa calcium phosphate phủ ngoài dày 15µm), bên trong là hợp kim titanium, chuôi dạng thẳng, có các rãnh dọc, rãnh ngang chống lún, chống xoay; tiết diện hình thang giúp cố định, bảo tồn xương vùng mấu chuyển, đầu chuôi dạng Taper: 12/14 mm, được đánh bóng đầu chuôi, góc cổ thân chuôi:130 độ, có các cỡ/chiều dài 8/115mm, 9/130mm, 10/140mm, 11/145mm, 12/150mm, 13/155mm, 14/160mm, 15/165mm, 16/170mm, 18/180mm, 20/190mm. Đầu xương đùi bằng ceramic kích cỡ:28 (3.5,0,+3.5)mm. Ổ cối chuyển động đôi làm từ hợp kim cobalt chromium molybdenum, lớp trong bằng titanium tạo nên bề mặt tổ ong dày 450 micron, lớp ngoài là Calcium Phosphate dày 15 micron kích thích mọc xương, kích thước 42-70 mm (mỗi bước tăng 2mm), cơ chế chuyển động đôi tăng biên độ vận động tối đa và giảm tối thiểu nguy cơ trật khớp. Lớp đệm nhựa UHMWPE siêu bền có kích cỡ trong/ngoài tương ứng với 22mm /42-46mm, 28mm /48-70mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
652	Khớp háng toàn phần không xi măng chuyển động đôi, góc cổ thân chuôi 130 độ, chuôi phủ calcium phosphate	Cái/ Bộ	Bộ	5	Cuống xương đùi bên ngoài phủ toàn thân chuôi lớp HX ® (điện hóa calcium phosphate phủ ngoài dày 15µm), bên trong là hợp kim titanium, chuôi dạng thẳng, có các rãnh dọc, rãnh ngang chống lún, chống xoay; tiết diện hình thang giúp cố định, bảo tồn xương vùng mấu chuyển, đầu chuôi dạng Taper: 12/14 mm, được đánh bóng đầu chuôi, góc cổ thân chuôi:130 độ, có các cỡ/chiều dài 8/115mm, 9/130mm, 10/140mm, 11/145mm, 12/150mm, 13/155mm, 14/160mm, 15/165mm, 16/170mm, 18/180mm, 20/190mm. Đầu xương đùi bằng ceramic kích cỡ:28 (3.5,0,+3.5)mm. Ổ cối chuyển động đôi làm từ hợp kim cobalt chromium molybdenum, lớp trong bằng titanium tạo nên bề mặt tổ ong dày 450 micron, lớp ngoài là Calcium Phosphate dày 15 micron kích thích mọc xương, kích thước 42-70 mm (mỗi bước tăng 2mm), cơ chế chuyển động đôi tăng biên độ vận động tối đa và giảm tối thiểu nguy cơ trật khớp. Lớp đệm nhựa UHMWPE siêu bền có kích cỡ trong/ngoài tương ứng với 22mm /42-46mm, 28mm /48-70mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
653	Khớp háng toàn phần không xi măng cổ rời Modular Neck	6 cái / bộ	Bộ	5	Ổ cối nhân tạo: Có kích thước từ 44mm-70mm, hình dạng Ellip có đáy bằng ngang, cấu trúc rãnh tròn tăng diện tích tiếp xúc với xương 30-40%, phù hợp cho lớp đệm hệ thống khớp đôi; 2 lỗ vít ở vị trí 11h,12h và 13h. Bờ sau ổ cối được thiết kế cao lên 14°, bờ chống trật trên ổ cối. Head 32 bắt đầu từ ổ cối 46mm; Head 36 bắt đầu từ ổ cối 52mm; Head 40 bắt đầu từ ổ cối 56mm. Vật liệu hợp kim Titanium-Vanadium (Ti6Al4V), bao phủ bên ngoài bằng 2 lớp: Titan và lớp Hydroxyapatite (HA) có độ dày 114µm, khóa kẹp vòng đa răng. Vít cố định ổ cối khớp háng: Làm bằng Titanium, đường kính 6.5mm và chiều dài 15-50mm. Lớp đệm ổ cối: Vật liệu bằng Polyethylene Cross-linked, có 2 dạng chính: trung tính và có bờ chống trật 15 độ trên lớp đệm, đường kính trong 32mm. Chỏm xương đùi: Vật liệu Cobalt Chrome, đường kính 32mm; gồm các cỡ S(-3.5), M(+0), XL(+3.5), XL(+7), XXL(+10.5). Cổ rời: Có 10 cỡ cổ modular điều chỉnh 8 hoặc 15 độ góc vẹo trong/vẹo ngoài; 8 hoặc 14 độ nghiêng trước/sau, cổ chuôi đầu gắn chỏm đường kính Taper 12/14 Eurocone (góc 5°42'30"). Chuôi khớp háng: Hợp kim Titanium alloy (Ti6Al4V), toàn bộ bề mặt được phun nhám và phủ 1 lớp Hydroxyapatite (HA) có độ dày 180µm; dạng thẳng, có cấu trúc thân rãnh dọc, rãnh ngang; bờ cạnh vuông, tiết diện hình chữ nhật/hình thang, cổ chuôi đầu gắn chỏm đường kính Taper 12/14 Eurocone (góc 5°42'30") ; có các răng nhỏ, góc cổ thân 127°, 135°, 143 độ; dài 125-175mm, cổ ngắn, offset 35mm-53mm; kích cỡ: 10 cỡ standard , 10 cỡ cổ ngắn và 10 cỡ lateralised.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
654	Khớp háng toàn phần không xi măng công nghệ Plasmapore	Hộp/1 cái	Bộ	5	Trợ cụ Tương thích với hệ thống định vị OrthoPilot® THA navigation. Stem: có taper 8/10 & 12/14, biên độ xoay 135°, đường cắt xương 55°, có cánh & rãnh chống xoay chuyên biệt, giúp chống xoay ở đầu gần. Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gần được phủ lớp với Công nghệ Plasmamore µ-CaP (calcium phosphate CaP) làm tăng tốc sự hình thành bề mặt xương tiếp xúc với chuôi khớp, Chuôi làm bằng hợp kim ISOTAN F-Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3). Có 11 size chuẩn với kích cỡ và chiều dài như sau : 8:112mm, 9:116mm, 10:120mm, 11:124mm, 12:127mm, 13:131mm, 14:135mm, 16:138mm, 17:146mm, 18:150mm. Liner: Có bờ chống trật phía sau. Chất liệu bằng Ultra high molecular weight polyethylene - XE Vitamin E - Vitelene (ISO 5834-2), LINER gắn vào Ổ cối bằng cơ chế nén ép cho cả hai do bên trong Ổ cối có thiết kế dạng Cone và nhám. Head: Có đường kính 22.2mm, 28mm, 32mm, 36mm, 40mm. Chất liệu ISODUR® F Cobalt-chromium forged alloy (CoCrMo / ISO 5832-12) Ổ cối:Loại Plasmafit đóng ép phủ công nghệ độc quyền Plasmapore® Pure titanium (Ti / ISO 5832-2), Plasmapore CaP giúp mau liền xương từ 8-12 tuần, có các size từ 40mm - 70mm thích hợp cho những bệnh nhân có Ổ cối quá nhỏ hoặc quá lớn, có 3 lỗ bắt vít hướng 11h, 12h, 13h. Chất liệu Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3). Vít: có các size 16mm, 20mm, 24mm, 28mm, 32mm, 36mm, 40mm, 44mm chất liệu ISOTAN® F Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3), góc xoay đa hướng +/- 9°.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
655	Khớp háng toàn phần không xi măng J, loại Corail - COC	Hộp/1 cái	Bộ	5	Trợ cụ Tương thích với hệ thống định vị OrthoPilot® THA navigation. Stem: có taper 8/10 & 12/14, đường cắt xương 55°, Chuôi làm bằng hợp kim ISOTAN F-Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3). Có 11 size chuẩn với kích cỡ và chiều dài như sau : 8:112mm, 9:116mm, 10:120mm, 11:124mm, 12:127mm, 13:131mm, 14:135mm, 16:138mm, 17:146mm, 18:150mm. Ổ cối: Plasmacup Phủ CaP giúp mau liền xương từ 8-12 tuần, có các size từ 40mm - 70mm thích hợp cho những bện nhân có Ổ cối quá nhỏ hoặc quá lớn, có 3 lỗ bắt vít hướng 11h, 12h, 13h. Chất liệu Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3). LINER gắng vào Ổ cối bằng cơ chế nén ép cho cả hai do bên trong Ổ cối có thiết kế dạng Cone và nhám. Liner: Chất liệu bằng Biolox® delta Aluminium Oxide matrix ceramic. Chịu lực lên đến 140 kN. Liner 40mm-46mm sử dụng head có đường kính 28mm, Liner 48mm-50mm sử dụng head có đường kính 32mm, Liner 52mm-54mm sử dụng head có đường kính 36mm, Liner 56mm -70mm sử dụng cho head 40mm Head: Chất liệu bằng Biolox® delta Aluminium Oxide matrix ceramic thế hệ mới nhất. Chịu lực lên đến 140 kN. Có các size 28mm, 32mm, 36mm, 40mm. Vít: có các size 16mm, 20mm, 24mm, 28mm, 32mm, 36mm, 40mm, 44mm chất liệu ISOTAN® F Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3), góc xoay đa hướng +/- 9	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
656	Khớp háng toàn phần không xi măng, Ceramic on Ceramic, chỏm lớn	Hộp/1 cái	Bộ	5	Đầu xương đùi (chỏm): thuần ceramic BIOLOX. Kích cỡ: dk: 36mm tương ứng với ổ cối size 50-62mm; dk 32mm tương ứng với ổ cối size 46-48mm, có các độ: -4; 0; +4. Lớp đệm: thuần ceramic BIOLOX. Size 46 -48mm tương ứng chỏm dk 32mm, size 50-62mm tương ứng chỏm đk 36mm. Ổ cối: được phủ 2 lớp gồm 1 lớp bột titanium tinh khiết cao và 1 lớp hydroxyapatite, bề mặt vành ngoài có đinh nhọn cố định chống xoay, trên đỉnh ổ cối có đinh nhọn hoặc lỗ bắt vít chống lật. Vật liệu : Hợp kim titanium aluminum vanadium. Kích cỡ : 46-62mm bước tăng 2. Chuôi xương đùi (cuống xương đùi): Góc cổ chuôi 135 độ. Vật liệu: hợp kim Titanium 6 - Aluminium 4 - Vanadium (TA6V Alloy) theo tiêu chuẩn ISO 5832-3, được phủ 2 lớp gồm 1 lớp bột titanium (T40) và 1 lớp hydroxyapatite. Cổ chuôi 12/14, 5 ộ 40 phút, hình ê-líp và được đánh bóng gương. Kích thước: size x chiều dài: 9 x 130mm; 10 x 140mm; 11 x 145mm; 12 x 150mm; 13 x 155mm; 14 x 160mm; 15 x 165mm; 16 x 170mm. Rãnh ngang chống lún, rãnh dọc chống xoay. Tiệt trùng sẵn bằng tia gamma. Vít ổ cối: bằng hợp kim titanium aluminu vanadium, dài 20-45mm, bước tăng 5mm, tiệt trùng sẵn bằng tia Gamma.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
657	Khớp háng toàn phần không xi măng, góc cổ thân chuôi 130 độ, chuôi phủ calcium phosphate	Cái/ Bộ	Bộ	20	Cuống xương đùi bên ngoài phủ toàn thân chuôi lớp HX ® (điện hóa calcium phosphate phủ ngoài dày 15µm), bên trong là hợp kim titanium, chuôi dạng thẳng, có các rãnh dọc, rãnh ngang chống lún, chống xoay; tiết diện hình thang giúp cố định, bảo tồn xương vùng mấu chuyển, đầu chuôi dạng Taper: 12/14 mm, được đánh bóng đầu chuôi, góc cổ thân chuôi:130 độ, có các cỡ/chiều dài 8/115mm, 9/130mm, 10/140mm, 11/145mm, 12/150mm, 13/155mm, 14/160mm, 15/165mm, 16/170mm, 18/180mm, 20/190mm. Đầu xương đùi bằng cobalt chromium molybdenum kích cỡ:28(-3.5,0,+3.5)mm,32(-4,0,+4)mm, 36 (-4,0,+4)mm. Lớp đệm X-LINKed siêu bền (crosslink UHMWPE) có bờ chống trật cao 7mm, ở giữa có chốt định tâm, phủ ngoài hợp kim titanium, có vòng khóa bằng hợp kim titanium. Các kích cỡ small /28mm, medium /28,32mm, large/28,32,36mm. Ổ cối loại press fit làm bằng hợp kim titanium kết hợp lớp cấu trúc tổ ong dày 170µm và được phủ ngoài cùng với lớp HA dày 60µm, kích cỡ từ 46 đến 58 mm, mỗi bước tăng 2mm, hỗ trợ 3 lỗ bắt vít, ở giữa có lỗ tương ứng với lớp đệm. Kích cỡ insert tương ứng: 46,48mm/ small, 50,52mm/ medium, 54,56,58mm/ large	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
658	Khớp háng toàn phần không xi măng, góc cổ thân chuôi 130 độ, chuôi phủ calcium phosphate	Cái/ Bộ	Bộ	5	Cuống xương đùi bên ngoài phủ toàn thân chuôi lớp HX ® (điện hóa calcium phosphate phủ ngoài dày 15µm), bên trong là hợp kim titanium, chuôi dạng thẳng, có các rãnh dọc, rãnh ngang chống lún, chống xoay; tiết diện hình thang giúp cố định, bảo tồn xương vùng mấu chuyển, đầu chuôi dạng Taper: 12/14 mm, được đánh bóng đầu chuôi, góc cổ thân chuôi:130 độ, có các cỡ/chiều dài 8/115mm, 9/130mm, 10/140mm, 11/145mm, 12/150mm, 13/155mm, 14/160mm, 15/165mm, 16/170mm, 18/180mm, 20/190mm. Đầu xương đùi bằng ceramic kích cỡ 28(-3.5,0,+3.5), 32(-4,0,+4),36(-4,0,+4)mm. Lớp đệm BIOLOX delta ceramic, có chốt định tâm, kích cỡ small/ 32mm, medium/ 36mm, large/ 36mm. Ổ cối loại press fit làm bằng hợp kim titanium kết hợp lớp cấu trúc tổ ong dày 170µm và phủ ngoài cùng với lớp HA dày 60µm, kích cỡ từ 46 đến 58 mm, mỗi bước tăng 2mm, hỗ trợ 3 lỗ bắt vít, ở giữa có lỗ tương ứng với lớp đệm. Kích cỡ insert tương ứng: 46,48mm/ small, 50,52mm/ medium, 54,56,58mm/ large	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
659	Khớp háng toàn phần không xi măng, góc cổ thân chuôi 130 độ, chuôi phủ calcium phosphate	Cái/ Bộ	Bộ	5	Cuống xương đùi bên ngoài phủ toàn thân chuôi lớp HX ® (điện hóa calcium phosphate phủ ngoài dày 15µm), bên trong là hợp kim titanium, chuôi dạng thẳng, có các rãnh dọc, rãnh ngang chống lún, chống xoay; tiết diện hình thang giúp cố định, bảo tồn xương vùng mấu chuyển, đầu chuôi dạng Taper: 12/14 mm, được đánh bóng đầu chuôi, góc cổ thân chuôi:130 độ, có các cỡ/chiều dài 8/115mm, 9/130mm, 10/140mm, 11/145mm, 12/150mm, 13/155mm, 14/160mm, 15/165mm, 16/170mm, 18/180mm, 20/190mm. Đầu xương đùi bằng bằng ceramic kích cỡ 28(-3.5,0,+3.5), 32(-4,0,+4),36(-4,0,+4)mm. Lớp đệm X-LINKed siêu bền (crosslink UHMWPE) có bờ chống trật cao 7mm, ở giữa có chốt định tâm, phủ ngoài hợp kim titanium . Có vòng khóa bằng hợp kim titanium tăng khả năng cố định giữa lớp đệm và ổ cối Có các kích cỡ small /28mm, medium /28,32mm, large/28,32,36mm. Ổ cối loại press fit làm bằng hợp kim titanium kết hợp lớp cấu trúc tổ ong dày 170µm và phủ ngoài cùng với lớp HA dày 60µm, kích cỡ từ 46 đến 58 mm, mỗi bước tăng 2mm, hỗ trợ 3 lỗ bắt vít, ở giữa có lỗ tương ứng với lớp đệm. Kích cỡ insert tương ứng: 46,48mm/ small, 50,52mm/ medium, 54,56,58mm/ large	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
660	Khớp vai nhân tạo	1 cái/ hộp	Bộ	15	Cuống khớp vai (Humeral Stem): Vật liệu : hợp kim Zimaloy Co-Cr-Mo (Zimaloy Co-Cr-Mo Alloy); Đủ các các loại với đường kính x chiều dài: 7 x 60, 7 x 130, 8 x 130, 8 x 170, 9 x 130, 10 x 130, 10 x 170, 11 x 130, 12 x 130, 12 x 170, 13 x 130, 14 x 130, 14 x 170, 15 x 130, 17 x 130, 16 x 130,18 x 130. Đầu chỏm khớp vai (Humeral Head); Đường kính : 40, 46, 52, mm. Ổ chảo khớp vai (Glenoid): Vật liệu: Polyethylene UHMWPE và thép không gỉ; 2 loại : Peg hoặc Keel; Đường kính ngoài : 40, 46, 52 mm. Xi măng ngoại khoa: Nguyên liệu Radiopaque Polymer Powder và Monomer Liquid, tỉ lệ 40g/20ml	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
661	Lưỡi bào khớp bằng sóng Radio các loại	1 cái/ hộp	Cái	50	Kích thước: Chiều dài làm việc 13 cm. Có các đường kính lưỡi 2.5, 3.5, 3.75, 4.5 mm với đầu có góc cong 90 độ.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
662	Lưỡi bào khớp các số	1 cái / gói	Cái	50	Thiết kế: Lưỡi bào cho phép bào được phía trước và bên hông. Thiết kế có răng hoặc không răng. Đường kính: 2.0; 3.0; 3.5; 3.8; 4.0; 4.2; 5.0; 5.5mm. Dùng 1 lần, bào cắt lọc mô xơ	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
663	Lưỡi bào mài xương các loại, các cỡ	1 cái/ hộp	Cái	50	Chiều dài làm việc 13cm, có các loại răng cắt khác nhau, đk (2.5mm, 4.0mm, 4.5mm, 5.0mm, 5.5mm, 6.0mm). Sử dụng cùng với các tay bào D4240, D4200	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
664	Lưỡi bào nội soi khớp gối tương thích với tay bào Barracuda.	Hộp/1 cái	Cái	5	Đường kính 3.5; 4.5; 5.5mm, chiều dài 130mm, số vòng quay trong 1 phút là 500-2500, tương thích với tay bào Barracuda	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
665	Lưỡi cắt đốt (đầu đốt) nội soi góc 50°,tương thích với máy đốt RF Plasma EBLATOR ARS600	Hộp/1 cái	Cái	5	Đầu đốt có thiết kế góc 50 độ, có 2 nút điều khiển trên tay đốt, tương thích với máy đốt RF Plasma EBLATOR ARS600.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
666	Lưỡi cắt đốt bằng sóng Radio, kiểu Edge loại đầu cong 90 độ	1 cái/ hộp	Cái	50	Dùng chung với máy Edge. Kích thước: Đường kính đầu 0.148 in (3.76mm) , đường kính thân 0.148 in (3.76mm), chiều dài làm việc 13 cm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
667	Lưỡi cắt đốt bằng sóng Radio, kiểu Edge loại đầu cong 90 độ	1 cái/ hộp	Cái	60	Dùng chung với máy Edge. Kích thước: Đường kính đầu 0.148 in (3.76mm) , đường kính thân 0.148 in (3.76mm), chiều dài làm việc 13 cm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
668	Lưỡi Shaver đk 4.2mm (Các loại)	1 Cái/ Hộp	Cái	100	Chiều dài làm việc 8cm-13cm, có các loại răng cắt khác nhau, đk (2.0mm, 2.9mm, 3.5mm, 4.2mm, 4.8mm, 5.5mm). Sử dụng cùng với các tay bào D4240, D4200	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
669	Trocal nhựa sử dụng trong nội soi khớp, đk 5.5-6.5mm	1 Cái/gói	Cái	25	Các loại đường kính 5.5mm, 6.0mm, 8.0mm, 8.4mm. Trocal bằng nhựa, nút chặn bằng silicon mềm để giữ không cho nước chảy ra ngoài. Có van điều chỉnh nước ra và nước vào.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
670	Trocal nhựa sử dụng trong nội soi khớp, đk 8.4mm	1 Cái/gói	Cái	25	Các loại đường kính 5.5mm, 6.0mm, 8.0mm, 8.4mm. Trocal bằng nhựa, nút chặn bằng silicon mềm để giữ không cho nước chảy ra ngoài. Có van điều chỉnh nước ra và nước vào.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
671	Trocar nội soi nhựa, không dao, 5-12mm VersaOne	6 cái/ Hộp	Cái	5	Trocar nội soi nhựa, không dao, 5mm, 11mm, 12mm. Có đầu "Mũi cá heo". Sườn cố định và ống thông tạo hình gân, rõ ràng, bao quát cho phép hiển thị tất cả các lớp mô -VersaOne.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
672	Vít chỉ cố định sụn viền loại Y-Knot	1 Cái/ Hộp	Cái	25	Vật liệu: Hoàn toàn bằng chỉ siêu bền. Cố định xoay được 360 độ trong xương. Kích thước: Đầu neo có đường kính 1.3mm. 1 chỉ siêu bền số 2. Chịu được lực căng 250N	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
673	Vít chỉ neo Paladin 5,0mm	Hộp/1 cái	Cái	40	Vít chỉ neo kiểu ren vặn. Vật liệu: tự tiêu PLLA (Poly (L-Lactic Acid). Kích thước: Đường kính 5mm. 2 chỉ siêu bền số 2. Sức kéo cao, chịu được lực căng 440N	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
674	Vít chỉ neo Paladin 5,0mm	Hộp/ 1 cái	Cái	40	Vít chỉ neo kiểu ren vặn. Vật liệu: tự tiêu PLLA (Poly (L-Lactic Acid). Kích thước: Đường kính 5mm. 2 chỉ siêu bền số 2. Sức kéo cao, chịu được lực căng 440N	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
675	Vít chỉ tự tiêu Bio Mini Revo	Hộp/1 cái	Cái	50	Vật liệu: tự tiêu PLLA (Poly (L-Lactic Acid)). Kích thước: Đường kính 3.1mm. Phương pháp cố định: Neo bằng ren/ bắt vít. 1 sợi chỉ siêu bền số 2. Lực căng : 201N	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
676	Vít chỉ tự tiêu loại PressFT hoặc tương đương các loại	1 Cái/ Hộp	Cái	20	Vít chỉ cố định khâu sụn viền khớp vai, dạng vít ren đóng, tròn. Vật liệu PEEK hoặc tự tiêu GENESYS. Kích thước: - Đường kính 2.1mm dùng với 1 sợi chỉ siêu bền số 2, hoặc 2 sợi chỉ siêu bền số 0. Đường kính 2.6mm dùng với 1 sợi chỉ siêu bền số 2, hoặc 2 sợi chỉ siêu bền số 1. Phương pháp cố định: Neo bằng đóng ép xương. Lực căng : 207N.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
677	Vít chỉ tự tiêu loại PressFT hoặc tương đương các loại	1 Cái/ Hộp	Cái	20	Vít chỉ cố định khâu sụn viền khớp vai, dạng vít ren đóng, tròn. Vật liệu PEEK hoặc tự tiêu GENESYS. Kích thước: - Đường kính 2.1mm dùng với 1 sợi chỉ siêu bền số 2, hoặc 2 sợi chỉ siêu bền số 0. Đường kính 2.6mm dùng với 1 sợi chỉ siêu bền số 2, hoặc 2 sợi chỉ siêu bền số 1. Phương pháp cố định: Neo bằng đóng ép xương. Lực căng : 207N.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
678	Vít chốt neo cố định dây chằng chéo một kích cỡ duy nhất	Hộp/1 cái	Cái	5	Vít chốt neo cố định dây chằng gồm: 1 chốt nẹp bằng vật liệu Titanium Alloy (TA6V ELI); 1 vòng treo gân bằng vật liệu polyethylene terephthalate (PET) có chiều dài cực đại là 40mm, có thể tự điều chỉnh và tự khóa; 2 sợi chỉ kéo bằng vật liệu polyester.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
679	Vít chốt neo cố định dây chằng chéo size: 15-35mm	Hộp/1 cái	Cái	5	Vít chốt neo cố định dây chằng gồm: 1 chốt nẹp bằng vật liệy Titanium Alloy (TA6V ELI); 1 vòng treo gân bằng vật liệu polyethylene terephthalate (PET) dài 15; 20; 25; 30; 35mm; 2 sợi chỉ kéo bằng vật liệu polyester.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
680	Vít chốt vòng treo gân cố định dây chằng chéo, loại Aim-fix hoặc tương đương		Cái	20	Dùng trong phẫu thuật nội soi khớp	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
681	Vít cố định dây chằng chéo cho xương chày loại extralok hoặc tương đương		Cái	50	Dùng trong phẫu thuật nội soi khớp	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
682	Vít cố định dây chằng chéo tự tiêu các cỡ	1 cái/ gói	Cái	150	Chất liệu: 30% biphasic calcium phosphate và 70% PLDLA.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
683	Vít có định mâm chày tự tiêu Xtralok các cỡ	Cái	Cái	20	Vật liệu: Poly (L-Lactic Acid). Sử dụng với dụng cụ bắt vít C8716. Kích thước: 8x35, 9x35, 10 x35, 11x35, 8x40, 9x40, 10 x40, 11x40 (mm). Đường kính đầu vít: 10mm. Chiều dài mỗi bước ren: 5mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
684	Vít dây chằng chéo tự tiêu đk 7,8,9mm	1 Cái/ Hộp	Cái	300	Vật liệu: Poly (L-Lactic Acid). Sử dụng với dụng cụ bắt vít C8716. Kích thước: 7x20, 8x20, 9x20, 7x25, 8x25, 9x25, 7x30, 8x30, 9x30, 7x35, 8x35, 9x35 (mm)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
685	Vít dây chằng chéo tự tiêu Genesys Matryx, các cỡ	1 Cái/ Hộp	Cái	20	Vật liệu: Micro TCP kết hợp 96L/4D PLA. Kích thước: 5.5x20, 5.5x 25, 5.5x30, 6x25, 6x30, 7x25; 8x25; 9x25; 7x30; 8x30; 9x30 (mm).	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
686	Vít neo Poplok bằng vật liệu PEEK cố định chóp xoay	1 cái/ hộp	Cái	50	Vật liệu: PEEK. Kích thước: Đường kính 4.5mm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
687	Vít neo Y - Knot cố định chóp xoay đk 2.8mm	1 cái/ hộp	Cái	50	Vật liệu: Hoàn toàn bằng chỉ siêu bền. Cố định xoay 360 độ trong xương. Kích thước: Đầu neo có đường kính 2.8mm. 2 chỉ siêu bền số 2. Chịu được lực căng 575N.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
688	Vít neo Y - Knot cố định chóp xoay đk 2.8mm	1 cái/ hộp	Cái	50	Vật liệu: Hoàn toàn bằng chỉ siêu bền. Cố định xoay 360 độ trong xương. Kích thước: Đầu neo có đường kính 2.8mm. 2 chỉ siêu bền số 2. Chịu được lực căng 575N.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
689	Vít neo Y - Knot Flex khâu sụn viền	1 cái/ hộp	Cái	50	Vật liệu: Hoàn toàn bằng chỉ siêu bền. Kích thước: Đầu neo 1.3mm và 1.8mm. Cố định xoay được 360 độ trong xương. 1 chỉ siêu bền số 2. Chịu được lực căng 250N đối với đường kính 1.3mm và 424N đối với đường kính 1.8mm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
690	Vít tái tạo dây chằng chéo tự tiêu	Hộp/1 cái	Cái	5	Vật liệu poly (L/ DL-lactide) 70-30: polymer từ nhóm poly (α-hydroxyacid): khối lượng phân tử cao, độ tinh khiết cao; Copolymer: ít gãy, ít phản ứng viêm và hấp thụ nhiều hơn so với polymer. Kích thước: đường kính x chiều dài: 7; 8; 9; 10 x 23mm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
691	Vít treo dây chằng điều chỉnh độ dài	1 cái/ hộp	Cái	50	Vật liệu vít neo bằng Titanium; Đường kính thanh treo 4.5mm, chiều dài thanh treo 14 mm; Treo gân bằng chỉ siêu bền HIFI số 5.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
692	Vít treo dây chằng điều chỉnh độ dài	1 Cái/ Hộp	Cái	50	Vật liệu vít neo bằng Titanium; Đường kính thanh treo 4.5mm, chiều dài thanh treo 14 mm; Treo gân bằng chỉ siêu bền HIFI số 5.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
693	Vít treo giữ mãnh ghép gân XO	1 Cái/ Hộp	Cái	50	Vật liệu: Vít neo bằng titanium. Kích thước neo: đường kính 4,5mm, dài 13.5mm. Kích thước vòng lặp dài: 15, 20, 25, 30, 35, 40, 45, 50, 55, 60 (mm). Sử dụng với mũi khoan chuyên dụng C8590 và C8677.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
694	Vít treo giữ mãnh ghép gân XO	1 Cái/ Hộp	Cái	50	Vật liệu: Vít neo bằng titanium. Kích thước neo: đường kính 4,5mm, dài 13.5mm. Kích thước vòng lặp dài: 15, 20, 25, 30, 35, 40, 45, 50, 55, 60 (mm). Sử dụng với mũi khoan chuyên dụng C8590 và C8677.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
695	Vít treo mảnh ghép dây chằng điều chỉnh độ dài Infinity sử dụng trên xương chày dùng cho kỹ thuật all inside	1 cái/ hộp	Cái	50	Vít treo gồm 2 thành phần: Thanh treo: Vật liệu Titanium, có 2 kích cỡ 14mm và 17mm. Thiết kế rãnh chèn mở, dễ dàng lắp vòng treo mảnh ghép. Vòng treo mảnh ghép: Vật liệu bằng chỉ siêu bền Hi-Fi số 5 mầu trắng/xanh, chịu được lực căng 958N, độ dãn 1.8mm. Khóa ma sát kép đảm bảo cố định mạnh mẽ. Chỉ khóa an toàn khâu xuyên qua vòng treo ngăn ngừa khóa vòng treo khi bị kéo căng.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
696	Vít treo mảnh ghép dây chằng Infinity điều chỉnh độ dài sử dụng trên xương đùi dùng cho kỹ thuật all inside	1 cái/ hộp	Cái	50	Thanh treo: Vật liệu bằng Titanium. Kích thước: Chiều rộng 3mm, chiều cao 1.5mm, chiều dài 11mm. Vòng treo mảnh ghép: Vật liệu bằng chỉ siêu bền Hi-Fi số 5 mầu trắng, chịu được lực căng 1021N, độ dãn 1.02mm. Chỉ kéo thanh treo: Vật liệu bằng chỉ siêu bền Hi-Fi số 2 sọc vằn. Chỉ của dụng cụ mở đảo ngược: Vật liệu chỉ siêu bền Hi-Fi số 2 mầu xanh nhạt.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
NHÓM 10: VẬT TƯ TIÊU HAO DÙNG TRONG KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN						
697	Băng đựng hóa chất Sterrad 100S Cassettes	Hộp/5 băng	Băng	100	Băng đựng hóa chất H2O2 dùng cho máy tiệt trùng nhiệt độ thấp STERRAD 100S, băng gồm 10 cell mỗi cell chứa 1,8ml H2O2 58%	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
698	Băng keo chỉ thị hóa học màu đỏ	Hộp/ 6 cuộn	Cuộn	20	Băng keo chuyển từ đỏ sang vàng, tương thích máy STERRAD	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
699	Băng keo chỉ thị nhiệt cho hấp ướt		Cuộn	200	Dùng trong kiểm soát nhiễm khuẩn	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
700	Băng keo chỉ thị nhiệt cho lò hấp tiệt khuẩn hơi nước 18mm	cuộn/gói	cuộn	100	Băng keo chỉ thị nhiệt độ Comply Steam Indicator Tape (Beige) 18 mm x55 m. Thành phần : * Cellulose 30 - 40% * Acrylate Copolymer 20 - 30% * polyisoprene 18 - 28%. Sử dụng với nhiệt độ hấp 121oC hoặc 134oC. Tuân thủ ISO 11140/nhóm 2	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
701	Băng keo chỉ thị nhiệt độ, tiệt trùng hơi nước Comply Steam Indicator Tape (Beige), kích thước 18mm x 55m	1 cuộn/ 1 gói	Cuộn	200	Dùng trong kiểm soát nhiễm khuẩn	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
702	Chất thử độ tiệt trùng có chứa VSV (test sinh học)	Hộp/ 1 ống	Hộp	500	Dùng trong kiểm soát nhiễm khuẩn	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
703	Chỉ thị hóa học cho máy EO	240 que/hộp, 04 hộp/thùng	Que	5.000	Thiết kế dạng que giấy dài có vạch mực chỉ thị hóa học. Kích thước: Rộng x Dài: 1,5 cm x 20 cm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
704	Chỉ thị hoá học kiểm tra tiệt khuẩn hơi nước	500 miếng/ túi	miếng	15.000	Đo lường ba thông số của quá trình tiệt khuẩn (thời gian – nhiệt độ - áp suất hơi nước). Kích thước: 5,1 cm x 1,9cm. Dùng cho các chu trình tiệt khuẩn hơi nước 121°C và 132-134°C. Đáp ứng tiêu chuẩn FDA; ISO – ANSI / AAMI / ISO 11140-1:2005, phần 1. Chỉ thị hóa học ISO 11140-1, nhóm 5.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
705	Chỉ thị sinh học cho chu trình tiệt khuẩn	50 ống/ hộp	Hộp	7	Dùng trong kiểm soát nhiễm khuẩn	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
706	Chỉ thị sinh học cho máy EO	50 ống/hộp, 04 hộp/thùng	Ống	500	Ống kín chứa Bào tử đề kháng cao Bacillus Atrophaeus x 107 theo tiêu chuẩn.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
707	Chỉ thị sinh học PCD cho hấp EO dùng kiểm tra cho lòng ống nhỏ	(25 gói+25 ống đơn)/hộp, 02 hộp/thùng	Gói	500	Dùng kiểm tra chất lượng tiệt khuẩn cho cả mẻ hấp – kiểm tra khối.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
708	Chổi vệ sinh dụng cụ nội soi cỡ 11mm, chiều dài 35 cm	Cái	Cái	12	Sử dụng vệ sinh dụng cụ nội soi	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
709	Chổi vệ sinh dụng cụ nội soi cỡ 7mm, chiều dài 35 cm	Cái	Cái	12	Sử dụng vệ sinh dụng cụ nội soi	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
710	Chổi vệ sinh hàm dụng cụ nội soi	Cái	Cái	6	Sử dụng vệ sinh dụng cụ nội soi	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
711	Cổng dụng cụ nối 02 kênh	01 Cái/Bao	Cái	5	Cổng dụng cụ 2 kênh (dùng trong phẫu thuật nội soi)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
712	Dầu bôi trơn đặc biệt cho khóa nước	Cái	Cái	2	Sử dụng vệ sinh dụng cụ nội soi	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
713	Dầu bôi trơn dụng cụ 50ml	Cái	Cái	3	Sử dụng vệ sinh dụng cụ nội soi	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
714	Dung dịch tẩy rửa sinh học đa enzyme dùng cho máy rửa	4 can 5 lít/ thùng	Can 5 lít	20	Hóa chất tẩy rửa đa enzym loại bỏ được biofilm. Thành phần: có 04 enzyme Protease (protease enzyme tinh khiết), lipase 0.1%, amylase 0.15% , và Cellulase 0.1%, các chất hoạt động bề mặt, hoạt chất cô lập và chống ăn mòn. Liều lượng: 0.5 - 8 mL/Lít nước. Sử dụng được cho máy rửa khử khuẩn, máy rửa siêu âm và rửa bằng tay. Nhiệt độ làm sạch (máy): 50 - 65°C, nhiệt độ làm sạch (bằng tay): > 35°C. Độ nhớt < 10 cSt. Vật liệu tương thích: Thép không gỉ, Titan, gốm sứ, thủy tinh,nhựa, cao su và kim loại mềm (Nhôm, hợp kim nhôm....). Độ PH khi pha 5mL/Lít: 8 - 9.5.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
715	Giấy in 2 lớp dùng cho máy in Sterrad 100S	Hộp/1 cuộn	Cuộn	10	Giấy in 2 lớp dùng in kết quả tiệt trùng máy Sterrrad 100S	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
716	Giấy in nhiệt dùng cho máy EO (79mmx30mm)	02 cuộn/thùng	Cuộn	16	Kích thước Rộng x Dài (79mm x 30m). Dùng cho máy hấp tiệt trùng EO	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
717	Gói thử lò hấp 1233LF	30 gói/ hộp	Gói	500	Dùng trong kiểm soát nhiễm khuẩn	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
718	Hộp nhựa bảo quản dụng cụ nội soi 446x90x45 mm	Cái	Cái	7	Dùng cho ống soi ngoại sản khoa đường kính 10mm và ống soi niệu khoa dk 4mm, có nắp đậy đục lỗ.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
719	Hộp nhựa bảo quản dụng cụ nội soi 530x250x145 mm	Cái	Cái	5	Dùng cho bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi ổ bụng, có nắp đậy đục lỗ, 2 tầng	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
720	Hộp nhựa bảo quản dụng cụ nội soi 532x252x141 mm	Cái	Cái	1	Dùng cho bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi ổ bụng, có nắp đậy đục lỗ.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
721	Kẹp giữ cố định Optic	Túi/ 4 kẹp	Cái	24	Kẹp giữ cố định optic nội soi trong khay để tiệt khuẩn với đường kính lỗ là 5mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
722	Khay đựng dụng cụ 580 x 270 x 100mm	Thùng/ 2 khay	Cái	2	Khay đựng dụng cụ tiệt khuẩn nhiệt độ thấp, kích thước 580x270x100mm, 2 bề mặt có các lỗ giúp khuếch tán H2O2, tương thích với tiệt khuẩn nhiệt độ thấp, hơi nước và EO	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
723	Lót khay đựng dụng cụ Sterrad 546 x 254mm	Thùng/ 2 tấm	Tấm	4	Tấm lót khay kích thước 540x250mm, chống gãy, va chạm dụng cụ.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
724	Miếng thử lò hấp	50 tờ/ hộp	Tờ	1.500	Tờ chỉ thị hóa học Bowie-Dick thời gian test 3.5 phút ở nhiệt độ 134°C . Không chì, không có kim loại nặng độc hại. Chỉ thị chuyển từ màu xanh dương sang màu đen là đạt. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 11140-1, EN ISO 11140-3. Kích thước : D 279mm x R 216mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
725	Mực in dùng cho máy Sterrad 100S	Hộp/1 băng	Băng	10	Mực in dùng cho máy in máy tiệt trùng sterrad 100S	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
726	Ống chỉ thị sinh học dùng trong tiệt khuẩn Plasma	30 ống/ túi	Ống	500	Dùng trong kiểm soát nhiễm khuẩn	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
727	Ống chỉ thị sinh học kiểm tra tiệt khuẩn hơi nước	50 ống / hộp	Hộp	20	Dùng kiểm tra chất lượng tiệt khuẩn cho cả mẻ hấp – kiểm tra khối. Dùng với lò tiệt khuẩn hơi nước hỗ trợ hút chân không - chu trình 132°C, 135°C. Nhiệt độ ủ: 56°C ± 2°C. Thời gian đọc kết quả: 24 phút khi ủ với máy 3M AutoReader 490. Hoặc đọc kết quả sau 48 giờ nếu ủ với máy ủ thông thường ở nhiệt độ 56°C ± 2°C. Đáp ứng các tiêu chuẩn của FDA, ISO và ANSI/AAMI/ISO 11138:2006. Cam kết hỗ trợ thiết bị cho bệnh viện.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
728	Ống chỉ thị sinh học kiểm tra tiệt khuẩn hơi nước	50 cái/ hộp	Ống	500	Dùng cho tiệt khuẩn hơi nước 121^{0}C và 132^{0}C - 135^{0}C. Kiểm tra chất lượng của cả mẻ hấp tiệt khuẩn – kiểm soát khối. Đáp ứng tiêu chuẩn FDA; ISO và ANSI/AAMI/ISO 11138:2006, Phần 1 & 3. Cam kết hỗ trợ thiết bị cho bệnh viện.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
729	Ống chỉ thị sinh học kiểm tra tiệt khuẩn Plasma	30 ống / hộp	Hộp	20	Dùng kiểm tra chất lượng tiệt khuẩn cho cả mẻ hấp – kiểm tra khối. Dùng cho máy tiệt khuẩn Plasma với các mẫu máy STERRAD® (100S; NX; 100NX). Nhiệt độ ủ: 60^{0}C ± 2^{0}C. Thời gian đọc kết quả: 24 phút khi ủ với máy 3M™ AutoReader 490H. Hoặc đọc kết quả sau 48 giờ nếu ủ với máy ủ thông thường ở nhiệt độ 60^{0}C ± 2°C. Đáp ứng tiêu chuẩn FDA; ISO và ANSI / AAMI / ISO 11138:2006. Cam kết hỗ trợ thiết bị cho bệnh viện.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
730	Que giấy chỉ thị hoá học kiểm tra tiệt khuẩn hơi nước 1,5cm x 20cm	240 que / hộp	Hộp	100	Vạch màu trắng sẽ chuyển sang màu đen sau khi qua Tiệt khuẩn. Kích thước: 1,5 cm x 20cm. Dùng cho các chu trình tiệt khuẩn hơi nước 121^{0}C và 132-134^{0}C. Đáp ứng tiêu chuẩn FDA; ISO – ANSI / AAMI / ISO 11140-1:2005, phần 1	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
731	Que thử hóa học màu đỏ Indicator Strip	Que	Hộp/ 250 que	5.000	Que thử có chỉ thị hóa học nhận dạng H2O2, chuyển từ đỏ sang vàng sau khi test, tương thích máy STERRAD 100S	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
732	Steri-gas EO (Bình khí 100% EO)	12 chai/ hộp 8 hộp/ thùng	Chai	50	Dùng trong kiểm soát nhiễm khuẩn	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
733	Test kiểm soát gói đồ hấp 5,1cm x 1,9cm	500 miếng/ gói	Miếng	10.000	Dùng trong kiểm soát nhiễm khuẩn	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
734	Test kiểm soát tiệt trùng hơi nước	240 miếng/ hộp	Miếng	4.000	Dùng trong kiểm soát nhiễm khuẩn	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
735	Test kiểm soát tiệt trùng vi sinh 24 phút bằng hơi nước	50 ống/ hộp	Ống	1.000	Dùng trong kiểm soát nhiễm khuẩn	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
736	Test kiểm tra hóa học	500 miếng/ hộp	Miếng	1.000	Dùng trong kiểm soát nhiễm khuẩn	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
737	Test vi sinh 1h - Hơi nước		Ống	1.800	Dùng trong kiểm soát nhiễm khuẩn	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
738	Test vi sinh 4h - Hơi nước		Ống	960	Dùng trong kiểm soát nhiễm khuẩn	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
739	Thanh kẹp giữ cố định Optic	Túi/ 4 kẹp	Cái	24	Kẹp giữ cố định optic nội soi trong khay để tiệt khuẩn	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
740	Túi ép dẹp 100 x 200m	6 cuộn/ thùng	Cuộn	70	Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy trắng chống thấm dày ≥ 70gsm và lớp màng flim PET dày 12 µm và CPP dày 40µm. Phù hợp cho hai loại tiệt trùng bằng hơi nước và khí EO. Chỉ thị được in trên mép túi, xanh sang xanh đen nếu tiệt trùng hơi nước, hồng sang vàng nâu nếu tiệt trùng khí EO. Ba đường hàn nhiệt.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
741	Túi ép dẹp 150 x 200m	6 cuộn/ thùng	Cuộn	160	Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy trắng chống thấm dày ≥ 70gsm và lớp màng flim PET dày 12 µm và CPP dày 40µm. Phù hợp cho hai loại tiệt trùng bằng hơi nước và khí EO. Chỉ thị được in trên mép túi, xanh sang xanh đen nếu tiệt trùng hơi nước, hồng sang vàng nâu nếu tiệt trùng khí EO. Ba đường hàn nhiệt.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
742	Túi ép dẹp 200 x 200m	4 cuộn/ thùng	Cuộn	200	Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy trắng chống thấm dày ≥ 70gsm và lớp màng flim PET dày 12 µm và CPP dày 40µm. Phù hợp cho hai loại tiệt trùng bằng hơi nước và khí EO. Chỉ thị được in trên mép túi, xanh sang xanh đen nếu tiệt trùng hơi nước, hồng sang vàng nâu nếu tiệt trùng khí EO. Ba đường hàn nhiệt.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
743	Túi ép dẹp 250 x 200m	4 cuộn/ thùng	Cuộn	200	Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy trắng chống thấm dày ≥ 70gsm và lớp màng flim PET dày 12 µm và CPP dày 40µm. Phù hợp cho hai loại tiệt trùng bằng hơi nước và khí EO. Chỉ thị được in trên mép túi, xanh sang xanh đen nếu tiệt trùng hơi nước, hồng sang vàng nâu nếu tiệt trùng khí EO. Ba đường hàn nhiệt.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
744	Túi ép dẹp 50 x 200m	10 cuộn/ thùng	Cuộn	15	Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy trắng chống thấm dày ≥ 70gsm và lớp màng flim PET dày 12 µm và CPP dày 40µm. Phù hợp cho hai loại tiệt trùng bằng hơi nước và khí EO. Chỉ thị được in trên mép túi, xanh sang xanh đen nếu tiệt trùng hơi nước, hồng sang vàng nâu nếu tiệt trùng khí EO. Ba đường hàn nhiệt.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
745	Túi ép dẹp 75 x 200m	8 cuộn/ thùng	Cuộn	30	Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy trắng chống thấm dày ≥ 70gsm và lớp màng flim PET dày 12 µm và CPP dày 40µm. Phù hợp cho hai loại tiệt trùng bằng hơi nước và khí EO. Chỉ thị được in trên mép túi, xanh sang xanh đen nếu tiệt trùng hơi nước, hồng sang vàng nâu nếu tiệt trùng khí EO. Ba đường hàn nhiệt.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
746	Túi ép phồng 350 x 100m	2 cuộn/ thùng	Cuộn	200	Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy trắng chống thấm dày ≥ 70gsm và lớp màng flim PET dày 12 µm và CPP dày 40µm. Phù hợp cho hai loại tiệt trùng bằng hơi nước và khí EO. Chỉ thị được in trên mép túi, xanh sang xanh đen nếu tiệt trùng hơi nước, hồng sang vàng nâu nếu tiệt trùng khí EO. Ba đường hàn nhiệt.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
747	Túi ép phồng 400 x 100m	Cuộn	Cuộn	154	3 đường hàn nhiệt. Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy và 1 lớp film. Lớp giấy 70gsm, có độ bền cơ học cao, đảm bảo vi khuẩn không xâm nhập sau 1 lần tiệt trùng. Màng film hai lớp: PET dày 12 µm và CPP dày 40 µm. Phù hợp cho hai loại tiệt trùng bằng hơi nước và khí EO . Chỉ thị được in trên mép túi,Chỉ thị màu hóa học: Xanh sang Xanh đen nếu tiệt trùng hơi nước, Hồng sang Vàng nâu nếu tiệt trùng khí EO	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
748	Túi ép Tyvek 100mm x 70m có chỉ thị hóa học màu đỏ	Thùng/6 cuộn	Cuộn	20	Sử dụng cho hấp tiệt khuẩn bằng Hydrogen Peroxide H2O2. Kích thước: 10cm x 70m. Được làm từ vật liệu màng Copolymer đa lớp PET/PE. Sau khi tiếp xúc với hóa chất Hydrogen peroxit, chất chỉ thị hóa học sẽ đổi màu từ ĐỎ sang XANH. Mép túi có ba đường hàn tránh bị bung trong quá trình sử dụng.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
749	Túi ép Tyvek 150mm x 70m có chỉ thị hóa học màu đỏ	6 cuộn/ thùng	Cuộn	30	Giấy y tế màu trắng, không mùi, không độc, không tơ sợi, đã được tẩy sạch, và nhựa plastic PET/PP, chịu nhiệt 40oC-58oC. Chất chỉ thị: có hình chữ nhật hoặc hình bình hành: chỉ thị màu xanh, tím chuyển sang màu nâu nếu tiệt trùng bằng plasma.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
750	Túi ép Tyvek 200mm x 70m có chỉ thị hóa học màu đỏ	4 cuộn/ thùng	Cuộn	30	Giấy y tế màu trắng, không mùi, không độc, không tơ sợi, đã được tẩy sạch, và nhựa plastic PET/PP, chịu nhiệt 40oC-58oC. Chất chỉ thị: có hình chữ nhật hoặc hình bình hành: chỉ thị màu xanh, tím chuyển sang màu nâu nếu tiệt trùng bằng plasma.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
751	Túi ép Tyvek 250mm x 70m có chỉ thị hóa học màu đỏ	Thùng/4 cuộn	Cuộn	20	Sử dụng cho hấp tiệt khuẩn bằng Hydrogen Peroxide H2O2. Kích thước: 25cm x 70m. Được làm từ vật liệu màng Copolymer đa lớp PET/PE. Sau khi tiếp xúc với hóa chất Hydrogen peroxit, chất chỉ thị hóa học sẽ đổi màu từ ĐỎ sang XANH. Mép túi có ba đường hàn tránh bị bung trong quá trình sử dụng. Có trải qua các tiêu chuẩn kiểm tra: độ bền mép hàn, kiểm tra bóng khí, kiểm tra độ thẩm thấu mực, chất chỉ thị.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
752	Túi ép Tyvek 350mm x 70m có chỉ thị hóa học màu đỏ	2 cuộn/ thùng	Cuộn	30	Giấy y tế màu trắng, không mùi, không độc, không tơ sợi, đã được tẩy sạch, và nhựa plastic PET/PP, chịu nhiệt 40oC-58oC. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485, EC .Chất chỉ thị: có hình chữ nhật hoặc hình bình hành: chỉ thị màu xanh, tím chuyển sang màu nâu nếu tiệt trùng bằng plasma." Túi Tyvek	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
753	Túi ép Tyvek 75mm x 70m có chỉ thị hóa học màu đỏ	Thùng/6 cuộn	Cuộn	50	Sử dụng cho hấp tiệt khuẩn bằng Hydrogen Peroxide H2O2. Kích thước: 35cm x 70m. Được làm từ vật liệu màng Copolymer đa lớp PET/PE. Sau khi tiếp xúc với hóa chất Hydrogen peroxit, chất chỉ thị hóa học sẽ đổi màu từ ĐỎ sang XANH. Mép túi có ba đường hàn tránh bị bung trong quá trình sử dụng. Có trải qua các tiêu chuẩn kiểm tra: độ bền mép hàn, kiểm tra bóng khí, kiểm tra độ thẩm thấu mực, chất chỉ thị.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
NHÓM 11: VẬT TƯ TIÊU HAO DÙNG TRONG PHẪU THUẬT MẮT						
754	Kẹp giác mạc mấu nhỏ	Hộp/ 1 cái	Cây	10	mấu nhỏ, 0.12mm, 1x2 răng, cán dẹt, dài 82mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
755	Kẹp kết mạc mấu lớn	Hộp/ 1 cái	Cây	10	mấu 0.3mm, 1x2 răng, titan, dài 109mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
756	Bộ dây tưới hút phaco	Hộp/ bộ	bộ	5	Bộ dây tưới hút, có bộ phận ACS3 chống xẹp tiền phòng, bằng silocon, có thể hấp tái sử dụng nhiều lần, dùng cho máy phaco Pulsar MS	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
757	Cây móc lác	Hộp/ 1 cái	Cây	10	Chất liệu thép không gỉ - Loại đầu: 1.5x10.0mm, chiều dài: 140mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
758	Cây múc thủy tinh thể	Hộp/ 1 cái	Cây	10	Miệng nhám, cán tròn, dài 130mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
759	Chất nhầy thủy tinh thể cứng (Hydroxypropyl Methylcellulose)	Hộp/ 1 cái	Cái	5.000	Thành phần: 2% HPMC dạng loãng, dùng đặt thủy tinh thể, dung tích 5ml, đóng gói trong lọ, bao gồm kim bơm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
760	Chất nhầy thủy tinh thể mềm (HPMC 40.000 cps)	Hộp/ 1 cái	Cái	350	Dịch nhầy Hydroxypropyl methylcellulose 2% HPMC, nguồn gốc thực vật, Độ thẩm thấu: 240 - 400 mOsm/Kg, PH: 7.0 (± 0.5), Độ nhớt Viscosity: 40,000 cps (± 10,00cps) , Ống 2ml cùng với đầu kim 23G	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
761	Dao phẫu thuật 15 độ	Hộp/ 5 cái	Cái	200	Chất liệu: thép không gỉ. Đầu dao loại 15 độ, chọc lỗ phụ.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
762	Dao phẫu thuật mắt 2.8mm đến 3.2mm	Hộp/ 5 cái	Cái	1.000	Chất liệu: thép không gỉ. Đầu dao 2.8mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
763	Đầu bọc silicon cho đầu tip phaco	Hộp/ 1 cái	Cái	5	Đầu bọc bằng chất liệu silicon, dùng để bọc đầu tip phaco của máy Optikon	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
764	Đầu tip phaco vát 5 độ (dùng cho máy phaco pulsar)	Hộp/ 1 cái	Cái	10	Đầu tip phaco các loại Flared, 20G, bằng thép không gỉ, hấp và tái sử dụng nhiều lần	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
765	Đầu tip rửa hút có bọc silicon	Hộp/ 1 cái	Cái	10	Đầu tip rửa hút, có bọc silicon,bẻ góc 0.3mm (Angled I/A cannula silicon sleeve, 0.3mm), cở: 20G	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
766	Kéo kết mạc	Hộp/ 1 cái	Cái	14	mũi tà, lưỡi cong 16mm, cán dẹt, dài 120mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
767	Kẹp kim 10	Hộp/ 1 cái	Cây	10	hàm nhuyễn 8mm, cong không khóa, dài 100mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
768	Kim hút rửa mắt 2 đầu (Simcoe double barel I/A)	Hộp/ 1 cái	Cây	50	Chất liệu: Thép không rỉ, 2 đầu, lỗ ra 0.3mm, 23G.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
769	Kính thủy tinh thể mềm (Nanoflex)	Hộp/ 1 cái	Cái	500	Chiều dài toàn bộ: 10.8mm. Đường kính optic: 6.0 mm. Hình dạng optic: 2 mặt đều (biconvex). Loại kính: 1 mảnh dạng phiến, có 2 lổ xoay. Hằng số A: 119.0. Độ sâu tiền phòng : 5.55 mm. Phạm vi Diop: từ 10.5 D đến 30.5 D. Chất liệu: Collamer, phi cầu, chống phản xạ, tương hợp sinh học cao.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
770	Mực nhuộm bao	Hộp/ 5 lọ	Lọ	50	Chất nhuộm bao dùng cho phẫu thuật các loại cườm sữa (cườm trắng)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
771	Thủy tinh thể mềm đơn tiêu một mảnh	Hộp/ 1 cái	Cái	1.200	Chất liệu Hydrophobic Acrylic tinh khiết không lấp lánh, không bị dính khi tiếp xúc, khả năng truyền sáng cao. Chiều dài tổng thể (Length): ≤ 13.0 mm. Đường kính (Optic): ≤ 6.0mm. Đặc điểm: Phi cầu (hiệu chỉnh quang sai ≤ 0.20µ). Dãy công suất (Power): -10.0 -> 36.0 D. Chỉ số khúc xạ (Refractive Index): ≤ 1.48 tại 35độ. Hằng số A: ≥ 118.0 (Nominal), A: ≥ 119.2 (SRK/T), A: ≥ 119.6 (SRKII). Độ sâu tiền phòng (ACD): ≥ 5.68. Lọc tia UV. Góc càng tiếp xúc ≥ 1.5 độ.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
772	Thủy tinh thể mềm đơn tiêu một mảnh, nhuộm vàng	Hộp/ 1 cái	Cái	1.200	Chất liệu Hydrophobic Acrylic tinh khiết không lấp lánh, không bị dính khi tiếp xúc, khả năng truyền sáng cao. Chiều dài tổng thể (Length): ≤ 13.0 mm. Đường kính (Optic): ≤ 6.0mm. Đặc điểm: Phi cầu (hiệu chỉnh quang sai ≤ 0.20µ). Dãy công suất (Power): -10.0 -> 36.0 D. Chỉ số khúc xạ (Refractive Index): ≤ 1.48 tại 35độ. Hằng số A: ≥ 118.0 (Nominal), A: ≥ 119.2 (SRK/T), A: ≥ 119.6 (SRKII). Độ sâu tiền phòng (ACD): ≥ 5.68. Lọc tia UV, kết hợp lọc ánh sáng xanh. Góc càng tiếp xúc ≥ 1.5 độ.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
773	Thủy tinh thể nhân tạo mềm (HEMA/MMA)	Hộp/ 1 cái	Cái	1.200	Chất liệu HEMA/MMA (Hydrophilic acrylic). Chiều dài tổng thể: 12.0mm, Đường kính optic: 6.0mm, chỉ số khúc xạ: 1,46, Hằng số A: UB: 118.3, OB:118.9. Độ sâu tiền phòng:4.8, Chỉ số ABBE:56, Dải công suất từ: -5D đến +30D đáp ứng vết mổ 2.2mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
774	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, 1 mảnh, không ngậm nước	Hộp/ 1 cái	Cái	800	Loại kính, đặt trong túi bao, lắp sẵn trong injector (preloaded). Đường kính optic: 6.15mm (với kính từ 0D đến 9.5 diop), 6.0mm (từ 10D đến 25D), 5.8mm (từ 25.5D đến 35D). Đường kính toàn bộ: Dài 11.00mm (với kính từ 0D đến 9.5 diop), 10.79mm (từ 10D đến 25D), 10.50mm (từ 25.5D đến 35D). Thiết kế 1 mãnh bờ góc vuông 360 độ. Thiết kế optic: phi cầu, loại bỏ cầu sai giác mạc. Góc 5 độ, Chất liệu: hydrophobic Acrylic không ngậm nước, cho đường rạch nhỏ. Phạm vi diop: từ 0D đến 35D, cách khoãng 0,5D. Hằng số đề nghị (SRK-T): 119.3 đo bằng siêu âm, 119.7 đo bằng laser. Độ sâu tiền phòng đề nghị (ACD): 5.77mm khi đo bằng siêu âm, 6.03 đo bằng laser. Chỉ số khúc xạ: 1.54. Phương pháp vô khuẩn: Ethylene oxide	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
NHÓM 12: VẬT TƯ TIÊU HAO DÙNG TRONG PHẪU THUẬT LÒNG NGỰC MẠCH MÁU THẦN KINH						
775	Bộ dẫn lưu ngực điều chỉnh áp lực các cỡ (1150ml-2300ml)	1 cái/túi	Cái	5	Kích cỡ tối thiểu có 2 loại 1150ml và 2300ml. Thiết kế kiểu 3 khoang. Có van điều chỉnh áp lực. Van điều chỉnh áp lực dương tránh tràn khi ngược. Van áp lực âm điều chỉnh tay tránh hiện tượng siphon hoặc trào ngược. Có công lấy mẫu xét nghiệm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
776	Kẹp túi phình mạch máu não - Clip titanium các cỡ	Hộp/1 cái	Cái	50	Kẹp Clip yasargil phình mạch máu não các cỡ.Vật liệu Titanium không bị nhiễm từ khi chụp MRI. Chiều dài lưỡi là 3.0mm -> 15.3mm, có độ mở tối đa 3.3mm -> 10.2mm. Có dụng cụ gắn kẹp sử dụng trong phẫu thuật key hole, Đóng gói tiệt trùng sẵn.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
777	Kim đồng trục TruGuide	05 cái/hộp	Cái	20	Kim đồng trục TruGuide tạo đường dẫn giúp lấy mẫu nhiều lần với 1 đường đâm kim. Tích hợp với kim sinh thiết Mission, Maxcore	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
778	Kim sinh thiết lõi bán tự động Mission	05 cái/hộp	Cái	20	Kim sinh thiết lõi bán tự động, đường kính 14G/16G/18G/20G. Chiều dài 10cm//16cm/20cm với độ sâu thâm nhập 10mm và 20mm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
779	Kim sinh thiết lõi tự động Max-Core	05 cái/hộp	Cái	20	Kim sinh thiết lõi tự động, đường kính 14G/16G/18G/20G. Chiều dài 10cm//16cm/20cm với độ sâu thâm nhập 22mm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
780	Lưỡi cắt sọ não hình trái khế	Hộp/1 cái	Cái	30	Lưỡi cắt sọ não ELAN EC dùng cho Motor có điều chỉnh tần xuất cao, thấp và trung bình. CRANIOTOMY BURRIS FOR HI LINE 1.6mm-2.0mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
781	Lưới lọc tĩnh mạch chủ tạm thời	Cái	Cái	20	Lưới lọc huyết khối tĩnh mạch chủ dưới bằng hợp kim Phynox không có tính sắt từ, tương thích MRI và dễ dàng quan sát dưới tia X. Chiều dài hình nón ngắn 42 mm, độ mở rộng 40 mm thích hợp với tĩnh mạch có đường kính đến 35 mm. Bộ dụng cụ bộc lộ tĩnh mạch gồm: kim chọc mạch, nối chữ Y, bơm tiêm 5 ml, dao mổ, dây dẫn đường ngắn đường kính 0,035" (0,089 mm) dài 70 cm. Dây dẫn đường chính đầu chữ "J" đường kính 0,035" dài 150 cm và 180 cm, bề mặt phủ lớp PTFE. Dụng cụ mở đường 7F có van cầm máu, nối chữ Y và stopcock	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
782	Mạch máu nhân tạo kiểu chữ "Y", công nghệ thấm gelatin có thể thể thủy phân	Cái	Cái	20	Mạch máu nhân tạo chia đôi loại dệt kim, cấu trúc nhung đôi, được tẩm gelatin. Độ xốp thật sự bằng không, công nghệ tẩm không aldehyde, tương thích sinh học, cấu trúc nhung đôi đảm bảo độ làm lành của ống ghép tốt, lực lưu giữ vết khâu cao, hiệu quả đã được kiểm chứng. Kích cỡ: đường kính 12 x 6, 12 x 7, 14 x 7, 14 x 8, 16 x 8, 16 x 9, 18 x 9, 18 x 10, 20 x 10, 20 x 11, 22 x 11, 24 x 12 mm; chiều dài 40 CM	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
783	Miếng ghép tạo hình Block vùng mắt cỡ 25x50x3,0mm	1 cái/túi	Cái	5	Miếng ghép tạo hình nhân tạo Block cỡ 25 x 50 x 3,0mm. Chất liệu polethylenne. Cố định miếng ghép bằng chỉ khâu, chỉ thép, vít.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
784	Miếng ghép tạo hình cằm ba mảnh các cỡ nhỏ, trung bình, lớn	1 cái/túi	Cái	6	Miếng ghép tạo hình nhân tạo vùng cằm ba mảnh các cỡ nhỏ, trung bình, lớn. Chất liệu polethylenne. Cố định miếng ghép bằng chỉ khâu, chỉ thép, vít.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
785	Miếng ghép tạo hình cằm hai mảnh các cỡ nhỏ, trung bình, lớn	1 cái/túi	Cái	6	Miếng ghép tạo hình nhân tạo vùng cằm hai mảnh các cỡ nhỏ, trung bình, lớn. Chất liệu polethylenne. Cố định miếng ghép bằng chỉ khâu, chỉ thép, vít.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
786	Miếng ghép tạo hình mũi dạng lưới 40x9x1,1mm	1 cái/túi	Cái	5	Miếng ghép tạo hình nhân tạo vùng mũi dạng lưới 40x9x1,1mm. Chất liệu polethylenne. Cố định miếng ghép bằng chỉ khâu, chỉ thép, vít.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
787	Miếng vá sọ Titan kích thước 140x200mm - dày 0.6 NEUROPRO	Gói/Cái	Cái	20	Chất liệu: Titan. Đường kính lỗ lưới: 1.6mm, có thể bắt vít 2.0mm. Rộng: 140mm, dài: 200mm. Độ dày: 0.4mm; 0.6mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
788	Miếng vá sọ Titan kích thước 90x135mm- dày 0.6 NEUROPRO	Gói/Cái	Cái	20	Chất liệu: Titan. Đường kính lỗ lưới: 1.6mm, có thể bắt vít 2.0mm. Rộng: 89mm, dài: 135mm. Độ dày: 0.4mm; 0.6mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
789	Mũi cắt sọ - ELAN 4 2 - RING CRANIOTOME CUTTER STANDARD	Hộp/1 cái	Cái	100	Mũi cắt sọ ELAN 4 dùng cho Motor có điều chỉnh tần xuất cao, thấp và trung bình. RING CRANIOTOME CUTTER STANDARD	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
790	Mũi cắt sọ não bằng kim cương	Hộp/1 cái	Cái	30	Mũi cắt sọ não ELAN EC dùng cho Motor có điều chỉnh tần xuất cao, thấp và trung bình. Đường kính 1.5mm - 2.0mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
791	Mũi khoan mài min sọ não bằng kim cương	Hộp/1 cái	Cái	30	Mũi khoan mài kim cương -ELAN EC dùng cho Motor có điều chỉnh tần xuất cao, thấp và trung bình. Đường kính 0.60 mm-7,0mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
792	Mũi khoan mài phá sọ não bằng kim cương	Hộp/1 cái	Cái	30	Mũi Khoan Phá -ELAN EC dùng cho Motor có điều chỉnh tần xuất cao, thấp và trung bình. Đường kính 0.60mm - 7.0mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
793	Mũi khoan mài sọ não bằng kim cương	Hộp/1 cái	Cái	50	Mũi khoan mài kim cương -ELAN 4 dùng cho Motor có điều chỉnh tần xuất cao, thấp và trung bình. Đường kính 2.3mm-6,0mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
794	Mũi khoan phá sọ não bằng kim cương	Hộp/1 cái	Cái	50	Mũi Khoan Phá -ELAN 4 1dùng cho Motor có điều chỉnh tần xuất cao, thấp và trung bình. Đường kính 2.3mm - 6.0mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
795	Mũi khoan sọ não tự dừng	Hộp/1 cái	Cái	30	Mũi cắt sọ não ELAN EC dùng cho Motor có điều chỉnh tần xuất cao, thấp và trung bình. Đường kính 6/9mm-12/15mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
796	Nẹp vá sọ hoa tuyết kích thước 14,18mm - dày 0.6mm Neuropro	Gói/cái	Cái	50	Chất liệu: Titan. Đường kính: 18mm, lỗ lưới 1.6mm có thể bắt vít 2.0mm. Độ dày: 0.3mm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
797	Nẹp vá sọ não tự tiêu 2 phía	Gói/1 cái	Cái	150	Vật liệuTitanium. Đóng gói tiệt trùng. Không bị nhiễm từ khi chụp MRI. Gồm 1 trục và 2 đĩa nẹp. Đường kính 16mm và 20 mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
798	Nẹp xương xườn thẳng 8 lỗ	1 cái/túi	Cái	5	Chất liệu titan, thẳng 8 lỗ, dày 1.6mm, màu xanh, lỗ bắt vít chìm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
799	Nẹp xương xườn uốn sẵn 12 lỗ	1 cái/túi	Cái	5	Chất liệu titan, nẹp 12 lỗ, dày 1.6mm, màu xanh, uốn sẵn, bán kính cong trong mặt phẳng 30cm, bán kính cong ngoài mặt phẳng 20cm, lỗ bắt vít chìm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
800	Nẹp xương xườn uốn sẵn 16 lỗ	1 cái/túi	Cái	5	Chất liệu titan, nẹp 16 lỗ, dày 1.6mm, màu xanh, uốn sẵn, bán kính cong trong mặt phẳng 30cm, bán kính cong ngoài mặt phẳng 20cm, lỗ bắt vít chìm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
801	Sợi quang phát tia Laser Diode (dùng nhiều lần)	Cái	Sợi	5	Công nghệ phát tia tỏa tròn 360 độ, phát tia trực tiếp vào thành tĩnh mạch dẫn tới sự đóng tĩnh mạch nhanh và hiệu quả. Độ dài sợi quang:2.5mm, đường kính sợi quang:1.3mm, đường kính đầu sợi quang:1.85mm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
802	Thanh nâng ngực hai cạnh răng cưa các cỡ	1 cái/túi	Cái	5	Chất liệu thép không gỉ. Có khắc chiều dài ngay trên thanh. Đầu thanh được bo tròn, ở giữa có đục lỗ và 2 cạnh có khía răng cưa. Chính giữa thanh có dấu dánh dấu để uốn thanh chính xác. Mép thanh cùn. Nhiều kích cỡ từ 7 inches đến 17 inches.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
803	Van dẫn lưu khí 1 chiều	1 cái/túi	Cái	12	Van dẫn lưu khí là van 1 chiều cho phép khí tràn từ lồng ngực thông qua catheter dẫn lưu khi bệnh nhân thở ra, ngăn cản quá trình khí tràn ngược vào catheter dẫn lưu khoang màng phổi khi bệnh nhân hít vào.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
804	Vít sọ não đường kính lỗ 1.6mm	Gói/Cái	Cái	100	- Chất liệu: Lõi Titan không gây phản ứng cơ thể. - Thiết kế: Màu xanh, tự khoan, tự ren tự taro. Bắt cố định tại điểm khoan. - Đường kính: 1.6mm có thể bắt vít 2.0mm; dài 4mm - HSD: Vô thời hạn.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
805	Vít xương xườn các cỡ	1 cái/túi	Cái	6	Chất liệu titan, loại tự khoan, cỡ 2.4mm thiết kế vít có khóa cho nẹp xương sườn, màu xanh, dài từ 7mm đến 16mm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
NHÓM 13: VẬT TƯ TIÊU HAO DÙNG TRONG PHẪU THUẬT TIẾT NIỆU						
806	Bộ mở thận qua da	Gói/ cái	Cái	15	Trơn láng, Bộ cung cấp bao gồm: 01 ống thông Pigtail Nerphostomy màu xanh lơ dài 30-40cm có khoá Luer kết nối với vòi khoá một chiều, 03 que nong màu xanh biển size 8,10,,12Fr có cản quang, 01 kim chọc dò 18Ga dài 20cm, 01 dây dẫn đường dài 80cm đầu hình J mềm phủ PTFE, vỏ ngoài màu vàng	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
807	Bộ nong lấy sỏi qua da	1 bộ / 1 hộp	Bộ	30	Dùng để tạo đường hầm trong phẫu thuật lấy sỏi qua da. Bộ gồm: 01 sheath, 05 cái que nong, 01 cái kim chọc dò; 01 cái guide wire	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
808	Cây nong niệu đạo van Buren các cỡ	Gói/ cái	Cái	6	Thép không rỉ, Đầu cong, các số từ 10-20Fr	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
809	Dây dẫn đường đầu thẳng có sọc 3Fr (Guidewire Zeba)	Gói/ Cái	Cái	30	Loại cứng sọc trắng đen, đầu Tungsten thẳng, vỏ màu vàng, có in mã vạch trên bao bì sản phẩm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
810	Dây dẫn đường guide wire Nitinol đầu thẳng có sọc trắng đen size 0.035", dài 150cm	Gói/ cái	Cái	10	Loại cứng sọc trắng đen, 2 đầu mềm Tungsten thẳng, vỏ màu vàng, có in mã vạch trên bao bì sản phẩm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
811	Dây dẫn đường guide wire phủ Hydrophilic đầu thẳng size 0.035" dài 150cm	Gói/ cái	Cái	4	Dây dẫn đường mềm màu đen vỏ ngoài màu trắng, Guidewire đầu đặc biệt, thẳng mềm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
812	Ống thông JJ đặt nong niệu quản 6Fr-7Fr-8Fr (Sonde Double J) có dây	Gói/ Cái	Cái	400	Trơn láng, dễ đặt, đầu mở, hai đầu hình chữ J màu trắng có vạch chia chiều dài, cản quang. Cây đẩy màu xanh dương, có dây kéo, Các cỡ từ số 6 đến số 8Fr. thời gian đặt lưu trong cơ thể lâu từ 3-6 tháng, dẫn lưu tốt, không gây kích ứng bệnh nhân	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
813	Ống thông niệu quản size 6,7Fr,70 cm	Gói/ cái	Cái	20	Đầu mở, thẳng, có vạch chia chiều dài	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
814	Rọ basket lấy sỏi niệu quản size 3Fr, 90cm	Gói/ Cái	Cái	40	4 dây hình xoắn ốc Helical màu xanh, tay cầm màu trắng sử dụng 3 ngón tay có thể tháo rời ra và tái sử dụng lại được. Độ dài của rọ chứa: 40mm (đk 12mm) đầu rọ dài 3mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
815	Rọ lấy sỏi loại bốn cánh, có cán cầm điều khiển đóng mở rọ	1 cái/hộp	Cái	20	Dùng để gắp và lấy sỏi trong quá trình phẫu thuật nội soi tiết niệu. Kích cỡ: 2.5 Fr, dài 120cm, độ mở rọ: 15mm. Chất liệu: Nitinol chống xoắn. Tay cầm có thể tháo lắp được	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
816	Rọ lấy sỏi Tipless size 1.9Fr, 120cm	Gói/ cái	Cái	4	size 1.9Fr, dài ≥ 120cm, 4 dây loại Tipless (zero Tip) , chất liệu Nitinol , tay cầm màu trắng sử dụng 3 ngón tay có thể tháo rời ra và tái sử dụng lại được. Độ mở dài của rọ chứa: 15mm (dk 11mm), có in mã vạch trên bao bì sản phẩm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
817	Sợi quang dùng cho nội soi niệu các cỡ	1 sợi / gói	Cái	20	Vật tư dùng cho máy tán sỏi Laser dùng để truyền quang, dài 3m, kích cỡ 272µm, 550µm, 800µm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
818	Sợi truyền quang điều trị cho sỏi niệu quản và cắt xé mô, kích thước 272µm	Sợi/ Gói	Sợi	4	Vật tư dùng cho máy tán sỏi Laser dùng để truyền quang, dài 3m, kích cỡ 272µm, 550µm, 800µm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
819	Sợi truyền quang điều trị cho sỏi niệu quản và cắt xé mô, kích thước 550µm	Sợi/ Gói	Sợi	12	Vật tư dùng cho máy tán sỏi Laser dùng để truyền quang, dài 3m, kích cỡ 272µm, 550µm, 800µm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
820	Sợi truyền quang dùng trong tán sỏi tiết niệu	Sợi/ Hộp	Sợi	20	Vật tư dùng cho máy tán sỏi Laser dùng để truyền quang, dài 3m, kích cỡ 272µm, 550µm, 800µm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
821	Băng đạn dùng trong dụng cụ khâu cắt mạch máu nội soi 35mm, cán dài 32cm, gập góc 50 độ	Hộp/12 cái	Cái	80	Băng ghim khâu mạch máu, chiều dài 35 mm, chiều cao kim đóng 1 mmm, 4 hàng kim với 36 kim Titanium alloy, tương thích dụng cụ khâu cắt mạch máu chạy bằng pin.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
822	Băng đạn Endo GIA dùng cho dụng cụ khâu cắt nội soi đa năng, công nghệ Tri-staple	Hộp/6 cái	Cái	70	Băng ghim nội soi có 3 hàng ghim chiều cao khác nhau mỗi bên, chiều cao ghim từ trong ra ngoài là: 2.0mm; 2.5mm; 3.0mm, 3.0mm; 3.5mm; 4.0mm. Chiều dài băng ghim 30mm, 45mm, 60mm. Băng ghim màu tím, màu đồng. Chất liệu ghim titanium.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
823	Băng đạn GIA dùng cho dụng cụ khâu cắt nối thẳng mổ hở dài 60, 80mm, kim dập chuẩn DST	Hộp/3 cái	Cái	100	Băng đạn (ghim khâu) khâu cắt nối thẳng GIA dùng trong phẫu thuật mổ mở các cỡ 60mm, 80mm, 100mm, chiều cao ghim 3.8mm & 4.8mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
824	Băng đạn khâu cắt nối nội soi các cỡ (30mm, 45mm, 60mm)		Cái	300	Dùng trong phẫu thuật nội soi	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
825	Băng đạn khâu cắt nối thẳng mổ mở 80mm loại 3 hàng ghim		Cái	150	Dùng trong phẫu thuật nội soi	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
826	Dao cắt cầm máu siêu âm nội soi và mổ hở dài 23cm	Hộp/ 6 cái	Cái	7	Cắt và cầm máu đường kính tối đa 5 mm,lưỡi cong, thân dài 23 cm, tương thích với dây dao HP054 hoặc tương đương.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
827	Dao cắt cầm máu siêu âm nội soi và mổ hở dài 36cm	Hộp/ 6 cái	Cái	30	Cắt và cầm máu đường kính tối đa 5mm,lưỡi cong, thân dài 36 cm, tương thích với dây dao HP054 hoặc tương đương.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
828	Dao hàn mạch lưỡng cực lưỡi cong, dài 25cm	Hộp/ 6 cái	Cái	4	Dao lưỡng cực Enseal lưỡi cong 3mm, cán dài 35cm, đường kính 5mm, cầm được mạch máu tối đa 7mm, kiểm soát nhiệt độ mô 100 độ C.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
829	Dao hàn mạch lưỡng cực lưỡi cong, dài 35cm, gập góc 110 độ	Hộp/ 6 cái	Cái	4	Cắt và hàn mạch máu tối đa 7 mm, lưỡi cong, thân dài 14- 35 cm, kiểm soát hàm dao 100 độ C, tương thích máy GEN11 hoặc tương đương.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
830	Dao siêu âm Harmonic Focus+ dùng trong mổ mở dài 9cm	Hộp/ 6 cái	Cái	12	Cắt và cầm máu đường kính tối đa 5 mm, lưỡi cong, thân dài 9 cm, tương thích với dây dao HPBLUE hoặc tương đương.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
831	Đầu dò tán sỏi xung hơi	01 Cái/Bao	Cái	10	Đầu dò tán sỏi xung hơi, cỡ 1.0mm, chiều dài làm việc 57,5 cm (Dùng trong Phẫu thuật nội soi tán sỏi niệu quản ngược dòng)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
832	Dây bơm khí CO2	01 Dây/Bao	Dây	2	Dây bơm khí CO2 bằng silicone (Dùng với máy bơm khí CO2)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
833	Dây cáp dẫn sáng	01 Dây/Bao	Dây	2	Dây cáp dẫn sáng quang học cỡ 3.5 mm, dài 230 cm (tương thích dùng dẫn sáng nguồn sáng nội soi Hãng Karl Storz – Đức)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
834	Dây cáp quang học	01 Dây/Bao	Dây	5	Dây cáp dẫn sáng quang học cỡ 4.8 mm, dài 250 cm (tương thích dùng dẫn sáng nguồn sáng nội soi Hãng Karl Storz – Đức)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
835	Dây dao siêu âm mổ hở HPBLUE	Hộp/ 1 cái	Cái	5	Bộ phận tạo ra sóng siêu âm 55,500 lần/dây, kết nối với tay dao mổ hở tương thích máy Harmonic thế hệ GEN11.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
836	Dây dao siêu âm nội soi HP054	Hộp/ 1 cái	Cái	5	Bộ phận tạo ra sóng siêu âm 55,500 lần/dây, kết nối với tay dao mổ hở và mổ nội soi và tương thích với máy Harmonic thế hệ GEN11.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
837	Dây đốt cao tần đơn cực	01 Dây/Bao	Dây	5	Dây đốt cao tần đơn cực, đầu cắm 4mm, dài 300cm (Dùng với máy đốt cao tần Hãng Karl Storz – Đức)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
838	Dây đốt cao tần lưỡng cực đầu cắm hình bắp chuối, cỡ 4mm, dài 300cm	01 Dây/Bao	Dây	10	Dây đốt cao tần lưỡng cực dài 300cm. (Dùng với máy đốt cao tần Hãng Karl Storz – Đức)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
839	Điện cực đốt đầu hình banh cỡ 24Fr	Hộp/ 6 cái	Cái	2	Điện cực hình banh, đường kính 5mm, cỡ 24Fr, đầu cắn 01 chân	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
840	Dụng cụ cắt trĩ tự động, các cỡ		Cái	20	Dùng trong phẫu thuật cắt trĩ	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
841	Dụng cụ khâu cắt mạch máu nội soi 35mm, cán dài 32cm, gập góc 50 độ	Hộp/3 cái	Cái	4	Dụng cụ chuyên dụng cho khâu cắt mạch máu dài 35 mm, thân dài 32 cm, gập góc 100°, chạy bằng pin.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
842	Dụng cụ khâu cắt nối nội soi		Cái	15	Dùng trong phẫu thuật nội soi	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
843	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mổ hở GIA 60-80mm, kim dập chuẩn DST	Hộp/6 cái	Cái	5	Dụng cụ cắt nối tự động mổ hở GIA các cỡ 60mm, 80mm, 100mm, chiều cao ghim 3.8mm, 4.8mm công nghệ định hướng ghim dập đúng chiều DST	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
844	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mổ mở các cỡ 60mm, 80mm		Cái	15	Dùng trong phẫu thuật mổ hở	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
845	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi 45mm, gập góc 45độ	Hộp/3 cái	Cái	4	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi sử dụng pin Power Echelon Flex, công nghệ GST, cán dài 34cm, gập góc 45 độ, đe bằng thép đúc không gỉ, dao hình chữ C làm bằng thép đúc 400 không rỉ, công nghệ 3 điểm tiếp xúc	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
846	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi 60mm, gập góc 45độ	Hộp/3 cái	Cái	4	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi sử dụng pin Power Echelon Flex, công nghệ GST, cán dài 34cm, gập góc 45 độ, đe bằng thép đúc không gỉ, dao hình chữ C làm bằng thép đúc 400 không rỉ, công nghệ 3 điểm tiếp xúc	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
847	Dụng cụ khâu cắt trĩ tự động sử dụng trong kỹ thuật Longo, 32 kim Titanium - Hemorrhoid and Prolapse stapler, công nghệ DST	Hộp/3 cái	Cái	20	Dụng cụ khâu cắt trĩ theo phương pháp Longo, hai chiều cao ghim 3.5mm và 4.8mm, dùng khâu cắt, treo trĩ, sa trực tràng công nghệ DST. Chất liệu ghim titanium, đầu đe tháo rời được thiết kế các lỗ, dụng cụ soi hậu môn có chia vạch.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
848	Dụng cụ khâu nối đa năng có chức năng gập góc 22-45 độ	Hộp/ 3 cái	Cái	5	Dụng cụ cắt khâu nối đa năng, dùng trong phẫu thuật nội soi, tích hợp với tất cả các loại băng ghim cắt khâu nối nội soi. Có khả năng gập góc 45 độ mỗi bên với 10 điểm gập góc. Trục dài 16cm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
849	Dụng cụ khâu nối mổ hở 60mm	Hộp/3 cái	Cái	4	Dụng cụ khâu thẳng TX60B	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
850	Dụng cụ khâu nối ruột tự động các cỡ	Hộp/3 cái	Cái	20	Dụng cụ khâu cắt nối vòng đường kính 21,25,29 và 33 mm, đường kính lòng cắt 12.4-24.4 mm, dài 18 cm, chiều cao kim mở 5.5 mm, điều chỉnh được chiều cao kim đóng từ 1-2.5 mm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
851	Dụng cụ khâu nối ruột tự động và ghim khâu máy - EEA	Hộp/3 cái	Cái	30	Chiều dài thân dụng cụ là 22cm; 5 cỡ đường kính tròn 21mm, 25mm, 28mm, 31mm, 33mm tương ứng với số lượng ghim là 18, 22, 26, 30, 32. 02 loại chiều cao ghim khi mở là 3.5mm - 4.8mm. Chiều cao ghim dập xuống là 1.5mm - 2mm. Đầu đe được thiết kế mỏng với chức năng Tilt-Top có thể nghiêng được dễ dàng tháo sau sử dụng. Chất liệu ghim titanium.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
852	Dụng cụ khâu nối tròn tự động các cỡ		Cái	30	Dùng trong phẫu thuật nội soi	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
853	Dụng cụ khâu tiêu hóa cho mổ hở 55mm, ghim 3D	Hộp/3 cái	Cái	3	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mổ hở 55 mm và 75mm, điều chỉnh được chiều cao kim đóng 1.5 mm, 1.8 mm, 2.0 mm, công nghệ kim 3D, 6 hàng kim Titanium Alloy.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
854	Dụng cụ khâu tiêu hóa cho mổ hở 75mm, ghim 3D	Hộp/3 cái	Cái	3	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mổ hở 55 mm và 75mm, điều chỉnh được chiều cao kim đóng 1.5 mm, 1.8 mm, 2.0 mm, công nghệ kim 3D, 6 hàng kim Titanium Alloy.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
855	Dụng cụ mở kim khâu da, tương thích cho ghim khâu da	Hộp/12 cái	Cái	36	Dụng cụ tháo ghim bóp tay, sử dụng nhiều lần	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
856	Dụng cụ phẫu tích đơn cực hình L	01 Cái/Bao	Cái	10	Dụng cụ phẫu tích hình chữ L, cỡ 5 mm, dài 36 cm, có đầu nối với dây đốt điện đơn cực (Dùng trong phẫu thuật nội soi)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
857	Ghim khâu da 35 ghim	Hộp/ 6cái	Cái	60	Chất liệu Titanium. Đầu xoay Proximate, 35 ghim, chiều cao chân ghim 3.9 mm, đường kính ghim 0.58 mm, chiều rộng ghim 6.9 mm. Tiệt trùng	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
858	Ghim khâu máy cho mổ hở 55mm, ghim 3D	Hộp/ 12 cái	Cái	72	Băng đạn dụng cụ khâu cắt nối thẳng mổ hở 55 mm, 6 hàng kim 3D bằng Titanium Alloy.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
859	Ghim khâu máy cho mổ hở 75mm, ghim 3D	Hộp/ 12 cái	Cái	120	Băng đạn dụng cụ khâu cắt nối thẳng mổ hở 75 mm, 6 hàng kim 3D bằng Titanium Alloy.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
860	Ghim khâu máy dài 40mm	Hộp/ 6cái	Cái	46	Băng đạn của dụng cụ khâu cắt đầu cong Contour 40mm, chiều cao kim đóng từ 1.5mm- 2.0mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
861	Ghim khâu máy polymer dài 45mm	12 cái/ Hộp	Cái	46	Băng đạn dài 45 mm-60 mm, kim đóng từ 1.0-2.0 mm, 6 hàng kim Titanium Alloy.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
862	Ghim khâu máy polymer dài 60mm	Hộp/ 12 cái	Cái	120	Băng đạn dài 45 mm-60 mm, kim đóng từ 1.0-2.0 mm, 6 hàng kim Titanium Alloy.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
863	Ghim khâu nối mổ hở 60mm	Hộp/ 12 cái	Cái	62	Băng ghim dụng cụ khâu phối 60mm, ghim đóng 1.5mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
864	Kẹp gắp sỏi 5.0 Fr	01 Cái/Bao	Cái	2	Kẹp gắp mãnh sỏi, loại cứng, cỡ 5.0Fr, dài 60cm, hàm mở 02 bên (Dùng gắp sỏi niệu quản trong phẫu thuật nội soi)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
865	Kẹp gắp sỏi niệu quản	01 Cái/Bao	Cái	5	Kẹp gắp sỏi niệu quản, loại dẻo, cỡ 5Fr, dài 60cm, hàm mở 02 bên (Dùng gắp sỏi niệu quản trong phẫu thuật nội soi)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
866	Kẹp giữ kim KOH, hàm cong phải, cỡ 5mm	01 Cái/Bao	Cái	5	Kẹp giữ kim KOH, tay cầm thẳng có khóa, hàm cong phải, cỡ 5mm, dài 33 cm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
867	Kẹp giữ kim KOH, hàm cong trái, cỡ 5mm	01 Cái/Bao	Cái	5	Kẹp giữ kim KOH, tay cầm thẳng có khóa, hàm cong trái, cỡ 5mm, dài 33 cm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
868	Kẹp sinh thiết quang học hàm ngắn, hàm mở 2 bên	Cái	Cái	2	Kẹp sinh thiết quang học hàm ngắn, hàm mở 2 bên. Dùng với ống soi quang học 70 độ	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
869	Kìm mang clip mạch máu dùng cho mổ mở 20cm các cỡ	Gói/1 cái	Cái	4	Kìm mang kẹp mạch máu tương thích với clip mạch máu cỡ nhỏ có chiều cao clip đóng 3,6 mm, trung bình 5,6mm, lớn 12,3mm. Cán dài 20 cm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
870	Kìm mang clip nội soi cỡ lớn	Hộp/1 cái	Cái	2	Kìm kẹp clip đơn nội soi Ligaclip dùng cho clip cỡ trung bình-lớn và cỡ lớn, chiều dài cán 35,56cm, tương thích với clip LT300	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
871	Kìm mang clip nội soi cỡ trung bình - lớn	Hộp/1 cái	Cái	2	Kìm kẹp clip đơn nội soi Ligaclip dùng cho clip cỡ trung bình-lớn và cỡ lớn, chiều dài cán 35,56cm, tương thích với clip LT300	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
872	Máy cắt khâu nối tự động cong 60mm	Hộp/ 3cái	Cái	4	Dụng cụ khâu cắt cong Contour 40mM, dùng cho mô thường và mô dày	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
873	Máy cắt khâu nối tự động thẳng 60mm, gập góc 45 độ	Hộp/ 3cái	Cái	12	Chiều dài cắt nối thẳng 45 mm, dài 34 cm, gập góc 45độ, đe bằng thép đúc, dao hình chữ C làm bằng thép 400 không rỉ.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
874	Nắp đậy trocar cỡ 11mm	05 Cái/Bao	Cái	100	Nắp đậy dùng với trocar, cỡ 11 mm, (05 cái/bao)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
875	Nắp đậy trocar cỡ 5mm	05 Cái/Bao	Cái	200	Nắp đậy dùng với trocar, cỡ 6 mm, (05 cái/bao)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
876	Nòng trong xoay với đầu cách điện ceramic (Dùng trong cắt đốt u xơ tiền liệt tuyến)		Cái	1	Dùng trong phẫu thuật nội soi	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
877	Ống bơm hút cỡ 5mm, dài 36cm	01 Cái/Bao	Cái	4	Ống bơm hút cỡ 5 mm, dài 36 cm, có khóa nước vào và ra, đầu xa có nhiều lỗ bên	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
878	Ống soi quang học 30 độ, đường kính 10mm, chiều dài 31cm	Cái	Cái	1	Ống soi quang học: đường kính 10mm, chiều dài 31 cm; góc soi nghiêng 30 độ; thị trường mở rộng; dây quang học truyền ánh sáng được gắn bên trong ống; có thể hấp tiệt trùng.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
879	Ống soi quang học 30 độ, đường kính 4mm, chiều dài 30cm	Cái	Cái	1	Ống soi quang học: đường kính 4mm, chiều dài 30 cm; góc soi nghiêng 30 độ; thị trường mở rộng; dây quang học truyền ánh sáng được gắn bên trong ống; có thể hấp tiệt trùng.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
880	Ống vỏ ngoài cách điện	01 Cái/Bao	Cái	50	Ống vỏ ngoài cách điện, cỡ 5 mm, dài 36 cm, có đầu nối khóa Luer để vệ sinh dụng cụ	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
881	Ống vỏ ngoài clip mạch máu, cỡ 10mm, dài 33cm		Cái	2	Dùng trong phẫu thuật nội soi	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
882	Que đẩy chỉ (Knot tiers)	01 Cái/Bao	Cái	4	Que đẩy chỉ, cỡ 5mm, dài 36cm, đầu mở và đầu đóng.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
883	Que tán sỏi thủy điện lực	1 cái/ gói	Cái	20	Chất liệu : Hợp kim không rỉ. Kích cỡ: 4.5Fr dài 600Mm. Sử dụng phù hợp dùng tán sỏi thủy điện lực	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
884	Ruột kéo Metzenbaum cong	01 Cái/Bao	Cái	4	Ruột kéo phẫu tích Metzenbaum cong, lưỡi dài 12 mm, (Dùng với tay cầm và ống vỏ ngoài cách điện cỡ 5mm, dài 36cm)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
885	Ruột kéo phẫu tích cong	01 Cái/Bao	Cái	4	Ruột kéo phẫu tích cong, lưỡi có rãnh ngang hình muỗng, dài 17 mm (Sử dụng với ống vỏ ngoài cách điện và tay cầm cỡ 5mm, dài 36 cm)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
886	Ruột kẹp clip	01 Cái/Bao	Cái	4	Ruột kẹp clip mạch máu, cỡ 10 mm, dài 36 cm (Dùng với Tay cầm và ống vỏ ngoài kẹp clip mạch máu loại trung bình - lớn)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
887	Ruột kẹp lưỡng cực	01 Cái/Bao	Cái	4	Ruột kẹp đốt lưỡng cực, bề rộng hàm cỡ 3mm (Dùng với ống vỏ ngoài và tay cầm 5mm, dài 33cm)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
888	Ruột kẹp phẫu tích BABCOCK	01 Cái/Bao	Cái	4	Ruột kẹp phẫu tích BABCOCK, hàm mở 02 bên, không san chấn, có cửa sổ (Dùng với ống vỏ ngoài cách điện và tay cầm cỡ 5mm, dài 36cm)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
889	Ruột kẹp phẫu tích Clamp (ruột kẹp ruột)	01 Cái/Bao	Cái	4	Ruột kẹp phẫu tích (kẹp ruột), có cửa sổ, hàm mở 02 bên (Dùng với tay cầm và ống vỏ ngoài cách điện và tay cầm cỡ 5mm, dài 36cm)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
890	Ruột kẹp phẫu tích KELLY	01 Cái/Bao	Cái	4	Ruột kẹp phẫu tích KELLY, hàm dài 22 mm, hàm mở 02 bên (Dùng với tay cầm và ống vỏ ngoài cách điện và tay cầm cỡ 5mm, dài 36cm)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
891	Ruột kẹp phẫu tích nội soi	01 Cái/Bao	Cái	4	Ruột kẹp phẫu tích (kẹp ruột), có rãnh ngang không san chấn, có cửa sổ, hàm mở 01 bên (Dùng với ống vỏ ngoài cách điện và tay cầm cỡ 5mm, dài 36cm)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
892	Tay cầm kềm giữ clip mạch máu, cỡ 10mm		Cái	4	Dùng trong phẫu thuật nội soi	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
893	Tay cầm kẹp phẫu tích lưỡng cực	01 Cái/Bao	Cái	4	Tay cầm kẹp phẫu tích lưỡng cực, cỡ 5 mm (Dùng với vỏ ngoài và ruột kẹp phẫu tích lưỡng cực cỡ 5mm, dài 33 cm)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
894	Tay cầm kim loại có khóa	01 Cái/Bao	Cái	4	Tay cầm kim loại có khóa (tương thích với các loại ống vỏ ngoài và ruột kẹp kéo phẫu tích)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
895	Tay cầm kim lọai không khóa	01 Cái/Bao	Cái	4	Tay cầm kim lọai không khóa (tương thích với ống vỏ ngoài và ruột kẹp, kéo phẫu tích)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
896	Tay cầm nhựa có khóa	01 Cái/Bao	Cái	4	Tay cầm nhựa có khóa (tương thích với ống vỏ ngoài và ruột kẹp, kéo phẫu tích)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
897	Tay cầm nhựa không khóa	01 Cái/Bao	Cái	4	Tay cầm nhựa không khóa (tương thích với ống vỏ ngoài và ruột kẹp, kéo phẫu tích)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
898	Trocar kim loại 6mm, ruột trong với đầu nhọn	01 Cái/Bao	Cái	4	Trocar cỡ 6mm (kim lọai) , dài 10.5 cm, gồm có: Ruột trong với đầu nhọn; Vỏ ngoài với khóa nước để bơm khí; Van đa năng	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
899	Trocar kim loại trơn cỡ 11 mm	01 Cái/Bao	Cái	4	Trocar cỡ 11mm (kim lọai) , dài 10.5 cm, gồm có: Ruột trong với đầu nhọn; Vỏ ngoài với khóa nước để bơm khí; Van đa năng	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
900	Trocar kim loại trơn cỡ 11mm, ruột trong với đầu tù	01 Cái/Bao	Cái	4	Trocar cỡ 11mm (kim lọai) , dài 10.5 cm, gồm có: Ruột trong với đầu tù; Vỏ ngoài với khóa nước để bơm khí; Van đa năng	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
901	Trocar nhựa cỡ 5mm - 11mm - 12mm	Hộp/ 6 cái	Cái	6	Trocar nội soi nhựa, không dao, đường kính 5mm, 11mm, 12mm và 15mm, thân dài 100mm, thân ngoài có rảnh cố định. Van giữ khí 4 mảnh. Đường vào hình phễu có khóa giữ camera.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
902	Van giảm khẩu kính	01 Cái/Bao	Cái	4	Van giảm khẩu kính cỡ 11/5 mm (Sử dụng trong phẫu thuật nội soi)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
903	Van trocar đa năng cỡ 11mm	01 Cái/Bao	Cái	4	Van đa năng cỡ 11mm (Dùng cho trocar cỡ 11mm)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
904	Van trocar đa năng cỡ 6mm	01 Cái/Bao	Cái	4	Van đa năng cỡ 6mm (Dùng cho trocar cỡ 6mm)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
905	Vỏ ngoài, lớp ngoài kẹp phẫu tích lưỡng cực	01 Cái/Bao	Cái	4	Vỏ ngoài, lớp ngoài kẹp phẫu tích lưỡng cực, cỡ 5mm, dài 33 cm (Tương thích với ruột và tay cầm kẹp phẫu tích lưỡng cực dùng trong phẫu thuật nội soi)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
906	Vỏ ngoài, lớp trong kẹp phẫu tích lưỡng cực	01 Cái/Bao	Cái	4	Vỏ ngoài, lớp trong kẹp phẫu tích lưỡng cực, cỡ 5mm, dài 33 cm (Tương thích với ruột và tay cầm kẹp phẫu tích lưỡng cực dùng trong phẫu thuật nội soi)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
907	Vỏ nhựa trocar các kích cỡ	Hộp/ 6 cái	Cái	4	Nòng ngoài trocar nhựa 5 mm-15 mm. Tiêu chuẩn CE hoặc tương đương	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
NHÓM 14: VẬT TƯ TIÊU HAO DÙNG TRONG NỘI SOI TIÊU HÓA						
908	Bộ mở dạ dày ra da 24Fr	Bộ/Hộp	Bộ	20	Bao gồm: bộ ống nuôi ăn; các phụ kiện gồm van nối nuôi ăn, van tăng cường, dao phẫu thuật, kẹp, kim chọc, dây dẫn	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
909	Bộ mở thông dạ dày ra da 24Fr (dạng kéo)	2 Bộ/Hộp	Bộ	20	Bộ mở dạ dầy ra da dạng kéo 24 Fr Endo Vive, bao gồm: ống nuôi ăn silicon 24Fr, 1 External Bolters, 1 curved, 1 kim chọc, 4 gạc, 4 miếng chặn, 1 trocar, 1 kéo, 1 dây dẫn, dây treo, 1 clamp, 1 Y-port, 1 thòng lọng kéo.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
910	Bóng kéo sỏi 3 kênh	cái / gói	Cái	12	Đường kính bóng 7Fr, chiều dài 200cm, sử dụng dây dẫn 0.035", 3 kênh với đường kính từ 9-18 mm, độ mở khi bơm 9-18mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
911	Bóng nong cơ vòng Oddi	Túi/ cái	Cái	5	Chiều dài 240 cm , đường kính 2.3mm. Chiều dài 20 cm áp lực bơm 3-6-10 đường kính 6-7-8	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
912	Bóng nong đường mật các cỡ có ngã guidewrie	cái / gói	Cái	8	Loại CRE. Chất liệu Pebax, siêu bền không thấm nước. Dùng nong đường mật hoặc cơ vòng. Chiều dài bóng 5.5cm. Đường kính bóng bơm theo 3 cấp độ 10-11-12 mm và 12-13,5-15cm. Tương thích với 3-5-8ATM. Đường kính dây dẫn bóng 7.5Fr dài 180cm. Có ngã luồn guidewire 0.035 inch.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
913	Chổi rửa dài, vệ sinh ống soi	01 cái/ gói	Cái	30	Chổi rửa vệ sinh ống soi 2 đầu chiều dài 260cm đường kính dây 1.7mm, chiều dài chổi 20/10 đường kính chổi 3-5/4-6	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
914	Clip cầm máu, tay cầm lắp sẵn, xoay, loại đóng mở nhiều lần (10 cái/ hộp)	10 cái / hộp	Cái	600	Loại sử dụng 1 lần. Clip lắp sẵn với tay gắn. Độ mở clip 12mm. Xoay được 360 độ, clip có thể đóng mở nhiều lần. Đường kính dụng cụ 2,6mm dài 195cm. Dùng được cho dạ dày và đại tràng.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
915	Dao cắt cơ vòng 3 kênh, có đoạn cách điện, xoay được	cái / gói	Cái	6	Chiều dài dao 30mm, đầu thuôn. 3 kênh xoay được. Đường kính đầu 5,5Fr. Chiều dài tip 5mm. Chiều dài dụng cụ 200 (tay cầm 15cm, tổng cộng 215cm) tương thích với các ống soi có đường kính kênh sinh thiết 2,8mm trở lên. Đầu có các 3 điểm đánh dấu khác màu chỉ định điểm cắt an toàn.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
916	Dao cắt cơ vòng Oddi 3 kênh	01 cái/ gói	Cái	10	Dao cắt cơ vòng Oddi 3 kênh chiều dài 195cm , đường kính 1.5-2.0mm, chiều dài dao cắt 25cm, đầu tip 6 mm, dùng chung với dây dẫn 0.035"	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
917	Đầu thắt dãn tĩnh mạch thực quản (6 vòng thắt)	Túi/ cái	Cái	60	Chiều dài 150cm , đường kinh 2.2mm, 6 vòng thắt đường kính của vòng thun nhỏ nhất 1.75mm dùng cho máy soi có đường kính từ 8.5-11.5mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
918	Đầu thắt tĩnh mạch thực quản	cái / hộp	Cái	100	Đầu thắt 6 vòng làm bằng chất liệu cao su y tế. Tay quay có ngã tưới rửa to bằng kênh sinh thiết có thể tưới rửa để dùng trong trường hợp thắt cấp cứu, có nấc chặn bằng kim loại và báo động bằng tiếng "click" khi bung 1 vòng thắt - an toàn hơn khi làm thủ thuật.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
919	Dây dẫn đường Guidewire, 0.035 inch, 460cm, SD nhiều lần	cái/ gói	Cái	15	Đường kính 0,025-0,035inch, dài 460cm, màu xanh sọc vàng, đầu mềm tránh tổn thương đường mật, Dây dẫn cản quang toàn bộ dưới tia X. Sản phẩm có tiêu chuẩn sử dụng được nhiều lần.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
920	Dụng cụ bơm bóng nong (đo áp lực)	Cái/ gói	Cái	2	Dùng trong nội soi tiêu hóa	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
921	Kềm gắp dị vật, kết hợp giữa răng chuột và ngàm cá sấu	Túi/ cái	Cái	2	Kềm sinh thiết, gắp dị vật răng chuột, hàm cá sấu, cup với độ mở rộng kềm 5,5mm, chiều dài làm việc 180-230cm, Tương thích với ống soi có đường kính kênh dụng cụ > =2,8mm. Sử dụng nhiều lần . Hấp tiệt trùng được.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
922	Kềm răng chuột cá sấu	Cái/ gói	Cái	2	Dùng trong nội soi tiêu hóa	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
923	Kềm sinh thiết dạ dày/đại tràng sử dụng nhiều lần	01 cái/ gói	Cái	3	Đường kính 2.3mm dài 160cm/ 230cm, độ mở của ngàm 7.4mm, chiều dài của ngàm 3.4 mm chớp kiềm xoay sử dụng nhiều lần hấp tiệt trùng ở 134 độ C	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
924	Kềm sinh thiết đại tràng (dài 240cm, đường kính 2,2mm)	20 cái/ gói	Cái	12	Đường kính 2.2mm, dài 240cm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
925	Kiềm sinh thiết dạ dày không kim định vị dài 230cm	01 cái/ gói	Cái	12	Đường kính 2.3mm, dài 230cm, độ mở ngàm 6.3mm, chiều dài ngàm 3mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
926	Kim chích cầm máu 21G	cái / gói	Cái	200	Dùng chích cầm máu, chích xơ qua NS. Kim đầu kim loại dài 5mm, đầu vát, đường kính 0.7mm= 21G. Dây dẫn dài chất liệu nhựa Teflon đường kính 2,35mm dài 180cm. Tay cầm có nút bấm cố định kim.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
927	Lọng thắt cuống Polyp (Vòng thắt Polyp)	Túi/ cái	Cái	5	Độ mở rộng của vòng thắt đường kính 30mm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
928	Ngáng miệng nội soi có dây choàng	20 cái / gói	Cái	100	Có dây choàng qua đầu, cố định bảo vệ chống cắn dây soi	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
929	Ống thay thế mở dạ dày ra da lần 2	Cái/hộp	Cái	20	Chất liệu silicon. Bao gồm: miếng chặn, gạc, ống thay thế dk 24Fr	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
930	Ống thông cầm máu dạ dày 18Fr (Sonde Blakemore)	cái / gói	Cái	30	Chất liệu 100% Silicone, dk 18Fr dài 850mm. Loại 2 bóng, 1 bóng ở thực quản và 1 bóng ở dạ dày	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
931	Rọ lấy sỏi 4 dây, xoay được sử dụng nhiều lần	cái / gói	Cái	5	Dùng lấy sỏi/ tán sỏi. Rọ 4 dây xoắn. Độ mở 30/45mm. Đường kính dây dẫn 2,6mm dài 215cm. Có ngã luồn guidewire tương thích 0.035 inch. Tay cầm có thể tháo rời. Tiêu chuẩn sử dụng nhiều lần, hấp tiệt trùng được.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
932	Rọ lấy sỏi 4 dây, xoay được, sử dụng nhiều lần	01 cái/ gói	Cái	5	Tay cầm tháo rời được khi kẹt rọ chiều dài 195cm, đường kính 2.2mm, độ mở 60/25mm 4 sợi - hấp tiệt trùng và dùng chung với dây dẫn xoay 360 độ	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
933	Stent kim loại đường mật	cái / gói	Cái	3	Stent đường mật tự bung. Chất liệu Nitinol. Đường kính stent 10mm. Chiều dài các size từ 4- 12cm. Các loại :cover và có multi hole. Đường kính bộ đặt 8Fr dài 180cm. Có thể đặt được trong u rốn gan.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
934	Stent nhựa dẫn lưu đường mật thẳng/ pigtail các size	Cái/ gói	Cái	100	Đường kính 7Fr, 8.5Fr, 10Fr, dài các cỡ. Đầu có điểm cản quang bằng kim loại dễ nhận biết dưới tia X	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
935	Stent nhựa đường mật	cái / gói	Cái	100	Đường kính 7Fr, 8.5Fr, 10Fr, dài các cỡ. Đầu có điểm cản quang bằng kim loại dễ nhận biết dưới tia X	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
936	Thòng lọng cắt Polyp đại tràng/dạ dày xoay được 25mm, sử dụng một lần	01 cái/ gói	Cái	3	Xoay 360 độ độ mở 25 x50 mm sợi bện chiều dài 230 cm đường kính 2.3 mm tương thích với mọi máy đốt	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
937	Van sinh thiết	10 cái/ gói	Cái	50	Sử dụng được cho cả ống soi Olympus và FujiFilm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
938	Xy lanh có đồng hồ đo áp lực bơm bóng nong cơ vòng, đường mật	cái / gói	Cái	2	Xy lanh có đồng hồ đo áp lực dùng bơm bóng nong cơ vòng, đường mật, tương thích với bóng nong CRE™ PRO.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
NHÓM 15: PHỤ TÙNG THEO THIẾT BỊ						
939	Adapter gắn dây thở hai nhánh tương thích máy thở di động Astral 150		Cái	5	Sử dụng cho máy giúp thở di động Astral 150	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
940	Bẫy nước (dây máy giúp thở)		Cái	20	Chất liệu: nhựa cứng. Đường kính connector: 22mm. Có thể hấp tiệt trùng	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
941	Bình làm ẩm người lớn dùng nhiều lần		Cái	20	Bình tạo ẩm người lớn dùng cho máy tạo ẩm, không bao gồm lõi nhôm, giấy lọc. Kích thước ngõ vào – ra khí : 22mm-22mm, Thể tích bình 760 ml, thể tích nước tối đa 350 ml, lưu lượng khí tối đa: 180 lít/phút. Đế: nhôm, bình: nhựa polysulfone, vòng đệm: cao su tổng hợp.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
942	Bộ chữ màn hình màu Savina		Bộ	5	Theo tiêu chuẩn phụ tùng thay thế máy thở Savina.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
943	Bộ chuyển đổi khối giao tiếp mặt nạ		Bộ	20	Sử dụng cho máy giúp thở HFNC - Airvo 2	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
944	Bộ dây máy gây mê silicone có bóng (sử dụng nhiều lần)		Bộ	100	Gồm 3 đoạn dây silicone người lớn, 1 bóng thở người lớn, 1 co nối, 1 co chữ Y	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
945	Bộ dây thở dùng cho máy giúp thở ParaPAC Plus	Bộ/túi	Bộ	4	Tương thích với máy thở paraPAC Plus	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
946	Bộ điều chỉnh áp lực máy mê		Bộ	5	Theo tiêu chuẩn phụ tùng thay thế máy gây mê Fabius	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
947	Bộ kết nối trực tiếp mở khí quản		Bộ	20	Sử dụng cho máy giúp thở HFNC - Airvo 2	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
948	Bộ kít 5000 giờ bao gồm: Lọc cho mô đun khí oxy; Ống phun cho mô đun khí oxy; Lọc khuẩn cho cảm biến áp lực hít vô; Lọc bụi cho đầu khí vào		Bộ	1	Sử dụng cho máy giúp thở Servo - Air	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
949	Bộ kit bảo dưỡng (dùng cho máy Savina)		Bộ	10	Bộ kít bảo dưỡng một năm dùng cho máy giúp thở Savina.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
950	Bộ kit dây thở và bình làm ấm, ẩm		Bộ	50	Sử dụng cho máy giúp thở HFNC - Airvo 2	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
951	Bộ Kit dây thở và bình làm ấm, ẩm có tích hợp phun khí dung Aerogen		Bộ	50	Sử dụng cho máy giúp thở HFNC - Airvo 2	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
952	Bộ lọc khí ngõ vào tương thích máy thở Servo Air		Bộ	2	Sử dụng cho máy giúp thở Servo - Air	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
953	Bộ lọc khí thở ra dùng nhiều lần tương thích máy thở Bennett 840		Cái	20	Theo tiêu chuẩn phụ tùng thay thế máy thở hãng Puritan Bennett.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
954	Bộ lọc khí thở ra dùng nhiều lần tương thích máy thở Bennett 980		Cái	10	Theo tiêu chuẩn phụ tùng thay thế máy thở hãng Puritan Bennett.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
955	Bộ lọc khí thở vào dùng nhiều lần tương thích máy thở Bennett 840		Cái	20	Theo tiêu chuẩn phụ tùng thay thế máy thở hãng Puritan Bennett.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
956	Bộ lọc khí thở vào dùng nhiều lần tương thích máy thở Bennett 980		Cái	10	Theo tiêu chuẩn phụ tùng thay thế máy thở hãng Puritan Bennett.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
957	Bộ lọc khí tương thích máy hấp tiệt trùng 2 cửa Getting		Bộ	2	Bộ lọc khí cho máy hấp tiệt trùng - Tương thích với máy hấp tiệt trùng hãng Getinge, model: HS66 đang sử dụng tại Bệnh viện.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
958	Bộ nâng cấp màn hình màu Savina		Bộ	5	Theo tiêu chuẩn phụ tùng thay thế máy thở hãng Draeger.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
959	Bộ phun khí dung công nghệ màng rung Aerogen Pro-X	Bộ	Bộ	10	Sử dụng tương thích với máy thở các hãng	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
960	Bộ xông khí dung máy giúp thở Draeger		Bộ	10	Bộ xông khí dung dùng cho máy giúp thở hãng Draeger	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
961	Board cảm biến áp lực tương thích máy thở Servo Air		Bộ	1	Sử dụng cho máy giúp thở Servo - Air	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
962	Bơm xả dùng cho máy rửa khử khuẩn hãng Getinge		Cái	1	Bơm xả dùng cho máy rửa khử khuẩn : - Điện áp: 220V đến 240V, 50Hz - Công suất: 30W. - Tương tích máy rửa khử khuẩn hãng Getinge, model: 46-5 đang sử dụng tại bệnh viện	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
963	Bóng đèn halogen 15v/150w	1 cái/ hộp	Cái	20	Sử dụng điện áp 15 V. Công suất 150 W	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
964	Bóng đèn Halogen 24v/150w	1 cái/ hộp	Cái	20	Sử dụng điện áp 24 V. Công suất 150 W	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
965	Bóng đèn Halogen 24v/250w	1 cái/ hộp	Cái	20	Sử dụng điện áp 24 V. Công suất 250 W	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
966	Bóng đèn Halogen 24v/50w	1 cái/ hộp	Cái	20	Sử dụng điện áp 24 V. Công suất 50 W	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
967	Bóng đèn xenon 175W	Hộp/ cái	Cái	5	Tương thích với nguồn sáng phẫu thuật nội soi của các hãng	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
968	Bóng đèn xenon 300W	Hộp/ cái	Cái	5	Tương thích với nguồn sáng phẫu thuật nội soi của các hãng	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
969	Bóng gây mê silicone 5 lít (Balon 5 lít)		Cái	50	Theo tiêu chuẩn thay thế bóng theo dõi trong máy gây mê	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
970	Buồng tạo ẩm có lỗ thông hơi tự động		Cái	10	Sử dụng cho máy giúp thở Hamilton	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
971	Cảm biến đo dòng khí (Sensors) máy giúp thở Drager		Cái	10	Cảm biến có đầu nối 4 pin. Ống dẫn khí bằng chất liệu Polycarbonate với dây do bằng platinum 13 micromet.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
972	Cảm biến lưu lượng (Flowsensor) máy gây mê		Cái	10	Cảm biến lưu lượng dùng cho máy thở Oxylog 2000/3000, máy gây mê Fabius CE.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
973	Cảm biến lưu lượng tương thích máy thở di động Astral 150		Cái	5	Sử dụng cho máy giúp thở di động Astral 150	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
974	Cảm biến lưu lượng, dùng nhiều lần, chiều dài 188cm, cho Người lớn/trẻ em		Cái	10	Sử dụng cho máy giúp thở Hamilton	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
975	Cảm biến Oxy		Cái	20	Cảm biến đo nồng độ Oxy dùng cho máy thở Draeger , máy gây mê Fabius GS, Fabius GS premium, Fabius CE với đường kính 28mm, chiều cao 22mm. Dải đo 0-100%	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
976	Cảm biến Oxy tương thích máy thở di động Astral 150		Cái	5	Sử dụng cho máy giúp thở di động Astral 150	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
977	Cảm biến oxy máy giúp thở Savina		Cái	10	Cảm biến Oxy dùng để đo nồng độ Oxy cho máy giúp thở Savina.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
978	Cảm biến Oxy tương thích máy thở Servo Air		Cái	2	Sử dụng cho máy giúp thở Servo - Air	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
979	Cáp cảm biến khí thở		Cái	5	Cáp cảm biến khí thở dùng cho máy Draeger	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu . cầu kỹ thuật
980	Cáp cảm biến oxy tương thích máy thở Servo Air		Cái	2	Sử dụng cho máy giúp thở Servo - Air	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
981	Cáp công tác dòng		Cái	5	Cáp công tắc dòng dùng cho máy Draeger	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
982	Cáp đo huyết áp không xâm lấn NIBP	Cái	Cái	10	Tương thích với Monitor hãng Nihon Kohden.Chiều dài : 3,5 mét	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
983	Cáp đo huyết áp xâm lấn IBP	Cái	Cái	20	Tương thích với Monitor hãng Nihon Kohden. Chiều dài : 4.0 m	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
984	Cáp đo nồng độ oxy bão hòa trong máu	01 cái/ gói	Cái	27	Tương thích với Monitor hãng Nihon Kohden. Chiều dài: 1,6 m. Loại: kẹp ngón tay người lớn	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
985	Cáp đo tín hiệu điện tim dạng búp sen, dạng que	01 cái/ gói	Cái	3	Tương thích với cac1 loại monitor Nihon Kohden. Loại 10 điện cực, có mã màu theo tiêu chuẩn IEC. Kích thước đầu: 3 mm. Chiều dài: 3.0 m	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
986	Cáp nối điện cực trung tính	5 miếng/gói	Sợi	10	Tương thích với máy cắt đốt của các hãng	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
987	Co nối 90 độ máy Oxylog		Cái	20	Chất liệu: nhựa cứng. Đường kính connector: 22mm. Có thể hấp tiệt trùng để tái sử dụng	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
988	Co nối chữ Y có cổng nhiệt độ		Cái	20	Chất liệu: nhựa cứng. Đường kính connector: 22mm với cổng nhiệt độ đường kính 7,8mm. Có thể hấp tiệt trùng để tái sử dụng	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
989	Công tắc điện từ tương thích máy hấp tiệt trùng 2 cửa Getting		Cái	1	Khởi động từ tương thích máy hấp tiệt trùng Getinge GSS67	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
990	Đầu dẫn khí cho mô đun khí tương thích máy thở Servo Air		Cái	2	Sử dụng cho máy giúp thở Servo - Air	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
991	Đầu kết nối oxy áp lực thấp tương thích máy thở di động Astral 150		Cái	5	Sử dụng cho máy giúp thở di động Astral 150	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
992	Đầu phun khí dung SOLO		Cái	100	Sử dụng cho máy phun khí dung Aerogen	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
993	Dây cáp cảm biến Oxy		Cái	5	Kết nối cảm biến Oxy với máy gây mê Fabius	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
994	Dây của bơm hóa chất máy rửa khử khuẩn hãng Getinge		Cái	2	Dây của bơm hóa chất máy rửa khử khuẩn - Tương thích máy rửa khử khuẩn hãng Getinge, model: WD46/S8668 đang sử dụng tại bệnh viện.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
995	Dây thở 2 nhánh kèm bình làm ẩm, dùng cho H900, dùng 01 lần, chiều dài 188cm, dùng cho Người lớn/trẻ em >10kg		Bộ	100	Sử dụng cho máy giúp thở Hamilton	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
996	Dây thở Canula (gọng mũi) tương thích máy HFNC Airvo 2, dùng cho người lớn và trẻ em, kích cỡ S hoặc M hoặc L		Bộ	100	Sử dụng cho máy giúp thở HFNC - Airvo 2	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
997	Điện trở tương thích máy hấp tiệt trùng 2 cửa Getting		Bộ	2	Điện trở sử dụng cho máy hấp tiệt trùng: - Điện áp: 380V đến 415V, 50Hz - Công suất: 10KW - Tương thích máy hấp tiệt trùng hãng Getinge, model: GSS67H đang sử dụng tại bệnh viện.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
998	Garo hơi	Cái/Hộp	Cái	2	Áp kế bằng kim loại mạ crôm với mặt chia độ bằng nhôm dễ đọc có giá trị lên đến 700 mmHg. Bộ phận bơm tạo áp suất bằng kim loại cứng. Bao đo bắp tay người lớn: 57 x 9cm. Bao đo bắp đùi người lớn: 96 x 13cm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
999	Gioăng cửa máy rửa khử khuẩn hãng Getinge		Cái	2	Gioăng cửa máy rửa khử khuẩn - Tương thích máy rửa khử khuẩn hãng Getinge, model: 46-5 đang sử dụng tại bệnh viện.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1000	Gioăng cửa sử dụng cho máy hấp tiệt trùng 2 cửa Getting		Cái	2	Gioăng cửa sử dụng cho máy hấp tiệt trùng: - Chất liệu: Silicone - Tương thích với máy hấp tiệt trùng hãng Getinge, model: GSS67H đang sử dụng tại bệnh viện.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1001	Kẹp chỉ đo điện tim	Bộ 4 cái	Bộ	12	Kích thước đầu: 3mm. Loại : kẹp nhanh	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1002	Lead Acid Battery 12V/3.5AH		Cái	10	Ắc quy 12V/3.5AH dùng cho máy giúp thở Draeger	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1003	Lọc bụi đầu vào tương thích máy thở di động Astral 150		Cái	10	Sử dụng cho máy giúp thở di động Astral 150	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1004	Lọc cho cảm biến áp lực tương thích máy thở di động Astral 150		Cái	5	Sử dụng cho máy giúp thở di động Astral 150	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1005	Lọc không khí cho máy AIRVO2		Bộ	50	Sử dụng cho máy giúp thở HFNC - Airvo 2	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1006	Ly chứa nước trong van thở máy giúp thở		Cái	20	Ly chứa nước trong van thở ra của máy giúp thở Draeger	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1007	Màn hình điều khiển tương thích máy hấp tiệt trùng 2 cửa Getting		Bộ	1	Màn hình điều khiển máy hấp tiệt trùng: - Tương thích với máy hấp tiệt trùng hãng Getinge, model: GSS67H đang sử dụng tại Bệnh viện.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1008	Màng ngăn cho van thở ra		Cái	10	Màng ngăn cho van thở ra của máy giúp thở Draeger	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1009	Màng van cassette thở ra		Cái	5	Sử dụng cho máy giúp thở Servo - Air	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1010	Màng van Peep		Cái	10	Theo tiêu chuẩn phụ tùng thay thế máy gây mê Fabius	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1011	Mặt nạ thở CPAP/BPAP, dùng 1 lần		Cái	100	Sử dụng cho máy giúp thở Hamilton	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1012	Máy phun khí dung Aerogen		Máy	10	Sử dụng cho máy phun khí dung Aerogen	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1013	Pin real time clock máy Savina		Cái	10	Theo tiêu chuẩn phụ tùng thay thế máy thở Savina	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1014	Quạt cho bộ phận sấy của máy rửa khử khuẩn		Cái	2	Quạt cho bộ phận sấy của máy rửa khử khuẩn: - Điện áp: 220V đến 240V, 50HZ - Công suất: 65W - Tương thích máy rửa khử khuẩn hãng Getinge, model: WD46 đang sử dụng tại bệnh viện.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1015	Tấm lọc bụi ngõ vào tương thích máy thở Servo Air		Cái	2	Sử dụng cho máy giúp thở Servo - Air	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1016	Valve piston điều khiển hơi vào buồng hấp tương thích máy hấp tiệt trùng 2 cửa Getting		Cái	2	Van piston sử dụng cho máy hấp tiệt trùng: -Chức năng: dùng đóng ngắt chất lỏng/áp suất qua đường ống được điều khiển bằng khí nén. - Tương thích máy hấp tiệt trùng hãng Getinge, model: GSS67H	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1017	Van áp lực máy Savina		Cái	10	Theo tiêu chuẩn phụ tùng thay thế máy thở Savina	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1018	Van thở ra kèm màng van dùng nhiều lần tương thích máy thở HAM-G5		Cái	10	Sử dụng cho máy giúp thở Hamilton	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1019	Van thở ra kèm màng van thở ra, dùng nhiều lần tương thích máy thở HAM-C3		Cái	10	Sử dụng cho máy giúp thở Hamilton	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1020	Van thở ra máy Savina		Cái	10	Van thở ra dùng cho máy giúp thở Savina	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1021	Van thở ra tương thích máy thở Servo Air		Cái	2	Sử dụng cho máy giúp thở Servo - Air	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1022	Van thở ra tương thích máy thở VFS-410	Cái	Cái	20	Kích thước đường kính trong và ngoài của 2 đầu van: 22mm/15mm. Kích thước đường kính ngoài của cổng đo nhiệt độ: 7,6mm. Kích thước đường kính của cổng đo áp suất: 6mm. Kích thước đường kính của cổng điều khiển: 4mm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1023	Vòng đệm điện cực nồi hơi tương thích máy hấp tiệt trùng 2 cửa Getting		Cái	2	Vòng đệm điện cực nồi hơi tương thích máy hấp tiệt trùng Getinge. Chất liệu: Graphite, 158/120mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1024	Vòng đệm điện trở nồi hơi tương thích máy hấp tiệt trùng 2 cửa Getting		Cái	10	Vòng đệm điện trở nồi hơi tương thích máy hấp tiệt trùng Getinge Chất liệu: Graphite, 75-58,5mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
NHÓM 16: VẬT TƯ TIÊU HAO DÙNG TRONG THẬN - THẬN NHÂN TẠO						
1025	Bộ chuyển tiếp (Minicap Extended Life PD Transfer Set With Twist Clamp)	Hộp/ 6 cái	Cái	150	Kết nối giữa túi dịch và ống thông, dụng cụ hỗ trợ thẩm phân phúc mạc. Vô khuẩn, không có chất gây sốt	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1026	Bộ dây thẩm phân phúc mạc (cassette) các loại, các cỡ	Hộp 30 cái	Cái	100	Dây chạy máy Homechoice	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1027	Bộ tiêm chích FAV (dùng trong lọc thận)	1 bộ/gói	Bộ	30.000	Gồm: 4 miếng gạc phẫu thuật không dệt 7.5cm x 7.5cm x 6 lớp; 1 cái khăn chống thấm 40cm x 60cm, 2 miếng gạc lót đốc kim 3.5cm x 5cm x 4 lớp; 2 miếng gạc thận nhân tạo 3.5cm x 4.5cm x 40 lớp	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1028	Catheter đường hầm 14.5Fr	1 bộ / hộp	bộ	30	Catheter đường hầm 2 đường dễ uống cong 180 độ, chất liệu carbothane, kích thước 14.5Fr, dài 36-50cm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1029	Đầu nối bảo hộ	500 cái/ thùng	Cái	5.000	Chất liệu PVC, lưới lọc bằng chất liệu PEFT, màng kị nước (PEFT) lỗ kích thước 0,2 micro, khử trùng ETO.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1030	Đầu nối ống thông vào bộ chuyển tiếp bằng titanium	Hộp 5 cái	Cái	30	Kết nối giữa bộ chuyển tiếp và catheter. Dụng cụ hỗ trợ thẩm phân phúc mạc. Vô khuẩn, không có chất gây sốt.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1031	Dây dẫn máu chạy thận nhân tạo (AVI)	Thùng/24	Bộ	40.000	Kích thước: 8.0x12x40cm. Chất làm dẻo: 1,2 cyclohexanadicarboxylic acid, Diisononyl ester, sử dụng hóa chất Cyclohecxanone để kết nối, khử trùng ETO	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1032	Kẹp catheter để thay Transferset	Hộp 12 cái	Cái	25	Dùng để kẹp ống thông khi thay bộ chuyển tiếp. Vô khuẩn	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1033	Kẹp mui ngắn (xanh) Clamp short	Hộp 12 cái	Cái	25	Kẹp dây dẫn dịch thẩm phân phúc mạc. Dụng cụ hỗ trợ thẩm phân phúc mạc	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1034	Kim luồn chạy thận nhân tạo 12-14Fr (Kim AVF)	Thùng/500	Bộ	60.000	Kim kích cỡ 16G,17G, sắc nhọn, không gỉ sét. Có mắt trên kim. Ống dẫn làm bằng nhựa sử dụng được trong lĩnh vực y tế. Có cánh xoay được.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1035	Nắp đậy transfer set	Hộp 60 cái	Cái	50.000	Nắp đóng được sử dụng để bảo vệ đầu khóa nối của bộ chuyển tiếp	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1036	Ống thông đầu cong	Hộp 5 cái	Cái	50	Catheter để vô dịch ổ bụng	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1037	Quả lọc Polyamide (dùng trong lọc thận)	Thùng/24	Cái	4.500	Nguyên liệu: màng lọc làm từ sợi Polynephron, không chứa Bisphenol-A(BPA) và DEHP. Diện tích: 1.5 m2. Hệ số siêu lọc: KUF: 16 (mL/giờ/mmHg)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1038	Quả lọc thận nhân tạo HighFlux	Thùng/24	Cái	2.000	Nguyên liệu: màng lọc làm từ sợi Polynephron, không chứa Bisphenol-A(BPA) và DEHP. Diện tích: 1.5 m2. Hệ số siêu lọc: KUF: 67 (mL/giờ/mmHg)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1039	Túi chứa và đo lường dịch xả	hộp 30 cái	Cái	100	Chứa dịch xả máy Homechoice	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
NHÓM 17: MÁY TẠO NHỊP TẠM THỜI CÁC LOẠI						

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1040	Bộ máy khử rung 1 buồng tương thích MRI và phụ kiện chuẩn	1 món/hộp	Bộ	5	• Tạo nhịp 1 buồng, có khử rung, chuẩn DF4 • Tương thích chụp an toàn MRI toàn thân 3T - không giới hạn vùng chụp, thời gian chụp, chiều cao của bệnh nhân. • Kiểu dáng sinh lý - giảm tối đa áp lực lên ngực bệnh nhân. • Véc-tơ nhận cảm thất phải ≥ 2 kiểu - cung cấp tùy chọn không xâm lấn để xử lý các trường hợp bị nhận lầm sóng T và biên độ sóng R giảm. • Tự động chuyển đổi tạo nhịp vượt tần số trước và trong khi sạc tụ. • Tính năng cảnh báo dây điện cực gặp vấn đề - giúp giảm sốc lầm bằng cách kéo dài thời gian dò tìm VF. • Tính năng cung cấp dữ liệu lâm sàng của bệnh nhân ≥ 14 tháng. • Chức năng gợi ý các thông số giúp lập trình máy thích hợp cho từng bệnh nhân. • Tuổi thọ máy lên đến ≥ 11 năm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1041	Bộ máy tái đồng bộ nhịp tim, 3 buồng CRT-P, 5 vector tạo nhịp		Bộ	4	Dùng trong phẫu thuật đặt máy tạo nhịp	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1042	Bộ máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động, tương thích MRI và phụ kiện chuẩn	1 món/hộp	Bộ	10	• Tạo nhịp tim 1 buồng, đáp ứng nhịp theo vận động. • Thể tích máy ≤ 9.7 cc. • Cho phép chụp MRI toàn thân 3T không giới hạn thời gian chụp và chiều cao của bệnh nhân. • Quản lý tạo nhịp thất, cho phép lập trình biên độ tạo nhịp an toàn lên tới 4 lần ngưỡng tạo nhịp. • Có chức năng gợi ý các thông số lập trình máy thích hợp cho từng bệnh nhân. • Tần số đáp ứng với nam châm khi còn pin ≤ 85 chu kỳ/ phút.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1043	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động, tương thích MRI và phụ kiện chuẩn	1 món/hộp	Bộ	10	• Tạo nhịp tim 2 buồng, đáp ứng nhịp theo vận động. • Cho phép chụp MRI toàn thân 3T, không giới hạn thời gian chụp và chiều cao của bệnh nhân. • Quản lý tạo nhịp nhĩ và thất, cho phép lập trình biên độ tạo nhịp an toàn lên tới 4 lần ngưỡng tạo nhịp. • Có chức năng gợi ý các thông số giúp lập trình máy thích hợp cho từng bệnh nhân. • Tần số đáp ứng với nam châm khi còn pin ≤ 85 chu kỳ/ phút.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1044	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động, với tương thích MRI và phụ kiện chuẩn	1 món/hộp	Bộ	5	• Tạo nhịp tim 2 buồng, có đáp ứng nhịp theo vận động. • Cho phép chụp MRI toàn thân 3T - không giới hạn thời gian chụp và chiều cao của bệnh nhân. • Quản lý tạo nhịp nhĩ và thất, cho phép lập trình biên độ tạo nhịp an toàn lên tới 4 lần ngưỡng tạo nhịp. • Có chức năng gợi ý các thông số giúp lập trình máy thích hợp cho từng bệnh nhân. • Tần số đáp ứng với nam châm khi còn pin ≤ 85 chu kỳ/ phút. • Tuổi thọ pin ≥ 14.9 năm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1045	Bộ máy tạo nhịp 3 buồng có khử rung tương thích MRI và phụ kiện chuẩn	1 món/hộp	Bộ	1	• Tạo nhịp 3 buồng, có khử rung. • Tương thích MRI toàn thân 3T không giới hạn thời gian chụp và chiều cao của bệnh nhân. • Kiểu dáng sinh lý - giảm áp lực lên da bệnh nhân. • Tính năng sốc thông minh giúp ngăn chặn sốc lầm. • Điện cực thất trái 4 cực, chuẩn IS-4, có điện cực LV2-LV3 cách nhau ≤ 1.3mm giúp giảm giật cơ hoành. • Điện cực thất trái bốn cực cố định chủ động dạng xoắn vào thành mạch. • Tính năng tự động đo ngưỡng tất cả các véc-tơ tạo nhịp thất trái. • Tính năng gợi ý thông số cài đặt tối ưu tái đồng tim giảm bớt các lập trình khoảng av và vv không phù hợp. • Tự động đánh giá ngưỡng tạo nhịp tất cả các véc-tơ của thất trái. • Theo dõi dịch phổi giúp đánh giá tình trạng suy tim ở bệnh nhân. • Cung cấp dữ liệu lâm sàng của bệnh nhân ≥ 14 tháng. • Có chức năng gợi ý các thông số giúp lập trình máy thích hợp cho bệnh nhân. • Biên độ kích thích tối đa ≥ 8V.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1046	Bộ máy tạo nhịp 3 buồng CRT-P, tương thích MRI và phụ kiện chuẩn	1 món/hộp	Bộ	3	• Điện cực thất trái 4 cực cố định chủ động dạng xoắn vào thành mạch. • Tạo nhịp vượt tần số cho buồng nhĩ. • Kiểu dáng sinh lý - giảm tổng thể áp lực lên ngực bệnh nhân. • Tự động đánh giá ngưỡng tạo nhịp tất cả các véc-tơ của thất trái. • Cho phép thu thập tín hiệu EGM từ máy như ECG bề mặt. • Tính năng theo dõi dịch trong phổi nhằm giúp chẩn đoán sớm suy tim. • Tính năng cho phép truyền dữ liệu không dây thông qua kết nối Bluetooth với điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng. • Cung cấp dữ liệu về hoạt động của tim ≥ 14 tháng. • Có chức năng gợi ý các thông số giúp lập trình máy thích hợp cho bệnh nhân. • Tuổi thọ máy ≥ 10.6 năm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1047	Bộ máy tạo nhịp có phá rung 1 buồng, tương thích MRI 1,5T và 3T	1 món/ hộp	Bộ	5	Dùng trong phẫu thuật đặt máy tạo nhịp	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1048	Bộ máy tạo nhịp vĩnh viễn 1 buồng SPHERA SR, có đáp ứng, SureScan MRI và phụ kiện chuẩn	1 món/ hộp	Bộ	12	Dùng trong phẫu thuật đặt máy tạo nhịp	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1049	Bộ máy tạo nhịp vĩnh viễn 2 buồng SPHERA DR, có đáp ứng, SureScan MRI và phụ kiện chuẩn	1 món/ hộp	Bộ	12	Dùng trong phẫu thuật đặt máy tạo nhịp	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1050	Dây điện cực có bóng dùng cho Máy tạo nhịp tạm thời, 5F	1 món/hộp	Dây	20	• Chất liệu Woven Bioflexibility tương thích sinh học, mềm ở nhiệt độ cơ thể và thích ứng với màng trong tim • Thiết kế bóng hỗ trợ đặt dây dễ dàng không cần X-quang. • Điện cực thứ nhất nằm ở đầu chóp dây điện cực • Điện cực thứ hai cách đầu chóp khoảng 1cm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1051	Dây điện cực có kim dẫn	1 cái/ hộp	Cái	10	Dùng trong phẫu thuật đặt máy tạo nhịp	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1052	Dây điện cực khử rung 1 cuộn sốc kèm kim dẫn 7 Fr có van cầm máu	1 món/hộp	Cái	3	• Chuẩn DF4. • Cuộn sốc ở thất phải. • Tương thích MRI 3T • Chất cách điện Silicone, PTFE, ETFE • Phủ Steroid: Dexamethasone acetate and dexamethasone sodium phosphate • Tương thích MRI toàn thân 1,5 và 3T.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1053	Dây điện cực tạo nhịp dạng xoắn chủ động và đầu xoắn mạ platin, tương thích MRI kèm kim dẫn 7 Fr có van cầm máu, dài 58 cm	1 món/hộp	Cái	6	• Dây điện cực dạng xoắn (xoắn ra, thu vào), lưỡng cực. • Chất liệu đầu xoắn: bạch kim. • Chất liệu silicon cách điện bên trong, bên ngoài: silicone • Dây điện cực tương thích MRI toàn thân 3T. • Được phủ steroid. • Dài 58cm: dùng cho buồng nhĩ hoặc buồng thất. • Đường kính dây 6F.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1054	Dây điện cực tạo nhịp dạng xoắn chủ động và đầu xoắn mạ platin, tương thích MRI kèm kim dẫn 7 Fr có van cầm máu, dài 52 cm	1 món/hộp	Cái	3	• Dây điện cực dạng xoắn (xoắn ra, thu vào), lưỡng cực. • Chất liệu đầu xoắn: bạch kim. • Chất liệu silicon cách điện bên trong, bên ngoài: silicone • Dây điện cực tương thích MRI toàn thân 3T. • Được phủ steroid. • Dài 52cm: dùng cho buồng nhĩ hoặc buồng thất. • Đường kính dây 6F.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1055	Dây điện cực thất vá nhĩ, silicon, tương thích MRI, đầu điện cực mạ Platin	1 cái/ hộp	Cái	50	Vật liệu silicon, tương thích MRI, đầu điện cực mạ Platin	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1056	Máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động, tương thích MRI	1 món/hộp	Cái	3	• Tạo nhịp tim 1 buồng, đáp ứng nhịp theo vận động. • Kích thước máy chiều cao x chiều rộng ≤ 40.2 mm x 42.9 mm. • Thể tích máy ≤ 9.7 cc, trọng lượng ≤ 21.5 gram. • Quản lý tạo nhịp thất, cho phép lập trình biên độ tạo nhịp an toàn lên tới 4 lần ngưỡng tạo nhịp. • Cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T không giới hạn thời gian chụp và chiều cao của bệnh nhân. • Có chức năng gợi ý các thông số lập trình máy thích hợp cho bệnh nhân. • Tần số đáp ứng với nam châm khi còn pin 85 chu kỳ/ phút.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1057	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động, tương thích MRI	1 món/hộp	Cái	3	• Tạo nhịp tim 2 buồng, đáp ứng nhịp theo vận động. • Cho phép chụp MRI toàn thân 3T, không giới hạn thời gian chụp và chiều cao của bệnh nhân. • Quản lý tạo nhịp nhĩ và thất, cho phép lập trình biên độ tạo nhịp an toàn lên tới 4 lần ngưỡng tạo nhịp. • Có chức năng gợi ý các thông số giúp lập trình máy thích hợp cho từng bệnh nhân. • Tần số đáp ứng với nam châm khi còn pin ≤ 85 chu kỳ/ phút.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1058	Máy tạo nhịp 3 buồng CRT-P, tương thích MRI và phụ kiện chuẩn	1 món/hộp	Cái	1	• Tạo nhịp 3 buồng, có khử rung. • Tương thích MRI toàn thân 3T không giới hạn thời gian chụp và chiều cao của bệnh nhân. • Kiểu dáng sinh lý - giảm áp lực lên da bệnh nhân. • Tính năng sốc thông minh giúp ngăn chặn sốc lầm. • Điện cực thất trái 4 cực, chuẩn IS-4, có điện cực LV2-LV3 cách nhau ≤ 1.3mm giúp giảm giật cơ hoành. • Điện cực thất trái bốn cực cố định chủ động dạng xoắn vào thành mạch. • Tính năng tự động điều chỉnh các thông số CRT liên tục theo những thay đổi trong hoạt động bệnh nhân và tình trạng dẫn truyền của tim. • Tạo nhịp đa điểm giúp cải thiện tái đồng bộ. • Tạo nhịp vượt tần số và sốc đồng bộ cho buồng nhĩ khi có loạn nhịp ở nhĩ. • Tự động đánh giá ngưỡng tạo nhịp tất cả các véc-tơ của thất trái. • Theo dõi dịch phổi giúp đánh giá tình trạng suy tim ở bệnh nhân. • Cung cấp dữ liệu lâm sàng của bệnh nhân ≥ 14 tháng. • Biên độ kích thích tối đa ≥ 8V.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
NHÓM 18: VẬT TƯ TIÊU HAO THÔNG THƯỜNG						
1059	Airway số 2	Hộp/50 cái	Cái	5.000	Thành phần nguyên liệu gồm: Polyethylene 92% và Silicone 8% hoặc tương đương	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1060	Áo phẫu thuật 3 lớp chống thấm L	7 bộ/hộp	Cái	3.600	Bao gồm: 01 Giấy gói tiệt trùng ≥ 50x55 cm; 02 Khăn thấm ≥ 30x40 cm ; 01 Áo PT L ≥ 130x150 cm Cấu tạo từ vải không dệt cao cấp ≥ 5 lớp, không thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1061	Áo phẫu thuật 3 lớp chống thấm M	Hộp/40	Cái	200	Bao gồm: 01 Giấy gói tiệt trùng ≥ 50x55 cm; 02 Khăn thấm ≥ 30x40 cm ; 01 Áo PT L ≥ 120x140 cm Cấu tạo từ vải không dệt cao cấp ≥ 5 lớp, không thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1062	Ba ngã (three way) không dây	Hộp/ 50 cái	Cái	6.000	Chất liệu nhựa polycarbonate hoặc tương đương, khóa vặn bằng PVC xoay 360 độ, chịu áp lực cao > 2 bar, không có chất DEHP. Đóng gói vô trùng từng cái.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1063	Băng bột bó 10cm x 2,7m	Hộp 20 cuộn	Cuộn	1.600	Thạch cao nguyên chất ≥ 97% . Thời gian cứng bột ≤ 3 phút.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1064	Băng bột bó 15cm x 2,7m	Hộp 14 cuộn	Cuộn	3.000	Thạch cao nguyên chất ≥ 97% . Thời gian cứng bột ≤ 3 phút.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1065	Băng bột bó 7,5cm x 2,7m	Hộp 24 cuộn	Cuộn	500	Thạch cao nguyên chất ≥ 97% . Thời gian cứng bột ≤ 3 phút.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1066	Bao cần camera nội soi	1 cái/gói	Cái	5.000	Chất liệu: Màng nhựa PE chính phẩm, có vòng thun. Kích cỡ: ≥ 15cm x 2.5m. Tiệt trùng bằng khí EO.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1067	Bao đo áp lực C-Fusor 500ml, có áp kế tới 700mmHg	Hộp/01 Cái	Cái	5	Bao đo áp lực 500ml, trong suốt, có đồng hồ đo áp kế tới 700mmHg, có 3 khóa 3 ngã. Dùng nhiều lần.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1068	Bao đo máu sau khi sinh	1 cái/gói	Cái	2.000	Chất liệu: màng nhựa PE trong. Tiệt trùng bằng khí EO	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1069	Bao giày nylon	Thùng/ 1.000 cái	Đôi	10.000	Nguyên liệu : Nylon trung tính, màu trắng đục, dài 30 cm , rộng 15 cm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1070	Bao giày y tế	25 đôi/ túi 20 túi/ thùng	Cái	5.000	Vật liệu nilon	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1071	Bao hơi huyết áp kế	Cái	Cái	200	Chất liệu: Cao su, phụ tùng thay thế trong huyết áp kế đồng hồ.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1072	Bao huyết áp monitor kèm đầu nối	Cái	Cái	70	Chất liệu: lớp ngoài vải, lớp trong cao su, phụ tùng thay thế trong máy monitor theo dõi bệnh nhân.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1073	Bao nilon kính hiển vi	Cái	Cái	50	Kích thước ≥ 150x170 cm; tiệt trùng từng cái.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1074	Bao vải huyết áp kế	Cái	Cái	300	Chất liệu: Vải, phụ tùng thay thế trong huyết áp kế đồng hồ.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1075	Bình dẫn lưu phổi thủy tinh 2 lít	Cái	Cái	50	Chất liệu: Thủy tinh, dùng chứa dịch máy hút	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1076	Bình dẫn lưu vết thương 400 -> 500ml	Cái	Cái	2.000	Dây hút đàm kín có valve khóa 2 chiều, có màng lọc khuẩn 0.3micron, co nối, dây chia vạch, Thời gian sử dụng 72 giờ, Một bộ kết nối xoay được có khả năng kết nối với các thiết bị khác. Size 14, 16	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1077	Bình ga dùng cho máy khí máu	Hộp/ 1 bình	Bình	100	Sử dụng cho máy đo khí máu động mạch tại giường	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1078	Bình hút dịch thủy tinh 1 lít có phao chống tràn	cái / gói	Cái	20	Chất liệu: Thủy tinh, dung tích 1 lít, dùng chứa dịch máy hút.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1079	Bình hút dịch nhựa 1 lít có phao chống tràn	1 Cái/ Hộp	Cái	30	Bình hút dịch làm bằng polysulfone, không vỡ, hấp tiệt trùng đến 134oC. Nắp chụp được gắn thiết bị an toàn chống tràn ngược.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1080	Bình hút dịch thủy tinh 2.5 lít có phao chống tràn	cái / gói	Cái	50	Chất liệu: Thủy tinh, dung tích 2,5 lít, dùng chứa dịch máy hút. Đánh giá theo chủng loại và quy cách. *	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1081	Bình khí 100% EO cho máy tiệt khuẩn EO	12 bình/hộp, 08 hộp/thùng	Bình	720	Được đựng trong hộp kín, chứa 170gram khí EO. Dùng cho máy hấp tiệt trùng EO	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1082	Bình tạo ẩm oxy	50 cái/ hộp	Cái	500	Dung lượng 400CC. Chất liệu: PE, PVC, ABS. Áp lực (6PSI).	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1083	Bình thu thập máu dung tích 3000ml tương thích với máy Cell Saver Elite	Hộp/4 cái	Cái	30	Dung tích 300mL, màng lọc 150um, có van giảm áp, tiệt trùng EtO. Tương thích với máy Cell Saver Elite	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1084	Bộ catheter 2 nhánh 12Fr dài 16cm-22cm (dùng trong lọc thận)	01 bộ/ Gói 10 bộ/ hộp	Bộ	200	Bộ bao gồm: Catheter Polyurethan 12Fr dài 16cm hoặc 20cm loại thẳng. Dây nối mỗi nòng làm bằng vật liệu silicon trong suốt để tăng khả năng hiển thị và an toàn; Dây dẫn đường Nitinol đầu J 0.035" x 70cm; Cây nong 10Fr x 15cm và 11.5Fr x 20cm; Bơm tiêm luer 5ml; Kim Y dẫn đường 18G x 7cm; Dao mổ số 11. Thể tích mồi A(động mạch)=1.4cc, V(tĩnh mạch)=1.5cc. Tốc độ dòng: V= 239~305 ml/phút, A= 243~311 ml/phút	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1085	Bộ catheter 3 nhánh 12Fr dài 16cm-22cm (dùng trong lọc thận)	01 bộ/ Gói 10 bộ/ hộp	Bộ	60	Bao gồm: Catheter Polyurethan 12Fr dài 16cm hoặc 20cm loại thẳng. Dây nối mỗi nòng làm bằng vật liệu silicon trong suốt để tăng khả năng hiển thị và an toàn; Dây dẫn đường Nitinol đầu J 0.035" x 70cm; Cây nong 10Fr x 15cm và 11.5Fr x 20cm; Bơm tiêm luer 5ml; Kim Y dẫn đường 18G x 7cm; Dao mổ số 11. Thể tích mồi A(động mạch)=1.2cc, V(tĩnh mạch)=1.3cc. Tốc độ dòng: V(tĩnh mạch)= 236~302 ml/phút, A (động mạch)= 243~311 ml/phút, D (Ngoại biên) = 63~81ml/phút	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1086	Bộ chèn dưới da	Hộp/1 bộ	Bộ	20	Sử dụng trong ESMO	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1087	Bộ dây kết nối máy hút tích hợp	Hộp/10 cái	Cái	30	Bao gồm: Màng lọc ngăn nước, đầu kết nối đến cổng hút trên bình thu thập, Đầu kết nối đến cổng hút trên máy hút. Tương thích với máy Haemonetics	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1088	Bộ dây máy gây mê (sử dụng 1 lần)	Hộp 1 bộ	Bộ	1.000	Một bộ gồm: 2 đoạn dây máy thở với kích thước với đầu nối khít chuẩn 22mmF. Hai đoạn dây thiết kế gợn sóng có thể co giãn với chiều dài bình thường là 0.5m và đạt chiều dài tối đa gần 2m khi giãn hết mức. Hai đoạn dây được kết nối chung vào Co nối chữ Y, đầu còn lại của co chữ Y kết nối vào 1 co nối 2 cạnh vuông có cổng đo khí và đầu nối chuẩn 15mmF. Một đoạn dây nối riêng co giãn với đầu nối chuẩn 22mmF chiều dài tối đa 0.8m được thêm vào đảm bảo trong trường hợp khó khăn khi kết nối với máy thở. Toàn bộ dây nối được kiểm tra nghiêm ngặt về độ kín khí, kết nối chắc chắn và tiệt trùng theo chuẩn EO	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1089	Bộ dây máy gây mê Jacson Rees	Thùng 20 cái	Bộ	15	Phụ tùng thay thế trong máy giúp thở, sử dụng cho máy gây mê	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1090	Bộ dây máy giúp thở (sử dụng 1 lần)	Hộp 1 bộ	Bộ	200	Một bộ gồm: 5 đoạn dây (gồm cả 1 đoạn dây nối riêng) với kích thước đầu nối khít chuẩn 22mmF. Các đoạn dây thiết kế kiểu gợn sóng với độ co giãn tốt. Có valve khóa lưu lượng khí kèm cổng thoát khí riêng để đo khí. Hệ thống có 2 bẫy nước giúp đảm bảo khí thở luôn đạt độ ẩm tốt. Hai đầu dây còn lại của 2 đoạn dây kết nối với bẫy nước được kết nối vào co nối chữ Y với 2 lỗ thoát khí riêng biệt giúp kiểm tra chất lượng khí thở chặt chẽ. Co nối chữ Y kết nối với 1 co 2 cạnh vuông kích thước 15mmF với cổng đo khí riêng. Toàn bộ dây nối được kiểm tra nghiêm ngặt về độ kín khí, kết nối chắc chắn và tiệt trùng theo chuẩn EO	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1091	Bộ đo áp lực động mạch xâm lấn 1 đường	Hộp/ 20 bộ	Bộ	100	Bao gồm: bộ kiểm soát đặc biệt để đo áp lực Intrafix M, bộ phận xả với tốc độ nhanh ≥ 1 ml/s, tốc độ xả liên tục 3 ml/h với áp suất 300 mmHg. Đầu chuyển đổi nhỏ gọn và được thử nghiệm 100% với đường truyền áp lực tuyệt vời, có thể sử dụng kết hợp với tất cả các màn hình theo dõi chuẩn CF-class. Có 2 khóa 3 ngã Discofix-3, dây dẫn chịu áp lực Combidyn dk 1,5 x 2,7 mm dài 125 cm sọc đỏ, xanh hoặc vàng, dây dẫn chịu áp lực Combidyn dk 1,5 x 2,7 dài 20 cm sọc đỏ, xanh hoặc vàng.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1092	Bộ đo huyết áp động mạch xâm lấn hai đường	01 Bộ/ Gói 05 bộ/Hộp	Bộ	200	Có cáp tương thích với các loại monitor thông dụng. Thông số kỹ thuật: Độ nhạy: 5,0µ V/V/mmHg ± 1%. Áp suất hoạt động: -30 đến 300 mmHg. Phi tuyến tính và độ trễ: ± 1mmHg. Trở kháng đầu ra: 270-330 ohms. Lệch vị trí số không ≤ ± 2mmHg/8 giờ, thời gian hoạt động: 168 giờ	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1093	Bộ đo và đựng nước tiểu theo từng ml, có màng lọc khuẩn, điểm lấy mẫu nước tiểu không kim, 2 van 1 chiều	Cái	Cái	2.000	Công dụng: đo lường lượng nước tiểu theo từng ml thải ra theo thời gian. Kích cỡ: ống đo 40ml, khoang chứa 500ml, và túi chứa 2.000ml. Chất liệu: dây dẫn và túi chứa bằng PVC/PP. Khoang chứa và ống đo bằng Styrene acrylonitrile. Sản phẩm không chứa latex. Đdkt: ống đo 40ml chia vạch đo từng 1ml, khoang hình hộp 500ml đo từng 5ml tăng dần lên trong mức đo từ 45ml đến 500ml; có 2 van 1 chiều chống trào ngược nước tiểu, trên túi có màng lọc khuẩn 5micron, dây dài 1.2m nối khoang với túi chứa 2000ml có điểm lấy mẫu nước tiểu không cần kim, van xả gạt ngang (chữ T) được gấp gập vào túi. Phụ kiện: móc và dây treo bộ đo nước tiểu.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1094	Bộ hút và pha nước chống đông	Hộp/20 Cái hoặc Hộp/10 cái	Cái	30	Dây chống đông dài 100cm, tích hợp kim ghim, bầu nhỏ giọt, khóa lăn. Dây hút dài 356cm, đường kính trong 7,6mm. Tiệt trùng EtO và bao gói 2 lớp. Tương thích với máy Haemonetics	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1095	Bộ khăn chỉnh hình tổng quát	Hộp/6	Bộ	2.000	Bao gồm: 01 Khăn trải bàn dụng cụ M 140x160 cm - Khăn được cấu tạo từ hai lớp: Lớp plastic màu và lớp vải không dệt 5 lớp. Cả hai lớp đều không thấm nước đảm bảo đúng nguyên tắc phòng mổ; 01 Khăn trải bàn dụng cụ L 140x200 cm - Khăn được cấu tạo từ hai lớp: Lớp plastic màu và lớp vải không dệt 5 lớp. Cả hai lớp đều không thấm nước đảm bảo đúng nguyên tắc phòng mổ; 01 Khăn phủ ngang 160x260 cm - Vải không dệt cao cấp 5 lớp được gia cố vùng siêu thấm và băng keo y tế . 1 Khăn đa dụng 80x100 cm - Khăn được cấu tạo từ vải không dệt cao cấp 5 lớp, không thấm nước, chống tĩnh điện; 01 Bao chi dưới 28x85 - Khăn được cấu tạo từ chất liệu bán thấm, một mặt thấm, một mặt không thấm, đảm bảo độ vô khuẩn tuyệt đối; 01 Khăn U thấm 200x290 cm - Vải không dệt cao cấp 5 lớp với hình chữ U 12 x 65 cm, được gia cố vùng siêu thấm và băng keo y tế; 01 Khăn U không thâm 150x220 cm - Màng plastic màu với hình chữ U 12 x 65 cm và băng keo y tế, không gây kích ứng da; 02 Băng keo OP 9x50 cm - Băng keo y tế, không gây kích ứng da; 04 Khăn thấm 30x40 cm - Vải spunlace, mềm mại, khả năng thấm hút tốt	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1096	Bộ khăn nội soi khớp gối B	Hộp/7	Bộ	50	Bao gồm: 01 Khăn trải bàn dụng cụ L 140x200 cm - Khăn được cấu tạo từ hai lớp: Lớp plastic màu và lớp vải không dệt 5 lớp. Cả hai lớp đều không thấm nước đảm bảo đúng nguyên tắc phòng mổ; 01 Khăn nội soi khớp gối B 200/275 x 270 cm - Khăn được làm bằng vải không dệt SMS cao cấp 5 lớp – Mềm mại, không thấm nước, không thấm cồn, chống tĩnh điện- Vùng phẫu trường với lỗ tròn đường kính 6 cm được cấu tạo từ màng co giãn, dẻo, đảm bảo ôm khít chân bệnh nhân. Có túi chứa dịch lỏng, miệng túi có thanh tựa giúp cố định miệng túi trong quá trình phẫu thuật. Túi có co nối để xả chất lỏng; 01 Bao chi dưới 28x85 - Khăn được cấu tạo từ chất liệu bán thấm, một mặt thấm, một mặt không thấm, đảm bảo độ vô khuẩn tuyệt đối; 02 Băng keo OP 9x50 cm - Băng keo y tế, không gây kích ứng da . 2 Khăn thấm 30x40 cm - Vải spunlace, mềm mại, khả năng thấm hút tốt	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1097	Bộ khăn nội soi khớp vai	Hộp/8	Cái	100	Bao gồm: 01 Khăn trải bàn dụng cụ L 140x200 cm - Khăn được cấu tạo từ hai lớp: Lớp plastic màu và lớp vải không dệt 5 lớp. Cả hai lớp đều không thấm nước đảm bảo đúng nguyên tắc phòng mổ; 01 Khăn nội soi khớp vai có túi chứa dịch A 160x230cm - Khăn được làm bằng vải không dệt SMS cao cấp 3 lớp, không thấm nước, không thấm cồn, chống tĩnh điện, Rãnh chữ U 12 x 60 cm với băng keo y tế xung quanh, Có túi chứa dịch lỏng, miệng túi có thanh tựa giúp cố định miệng túi trong quá trình phẫu thuật. Túi có co nối để xả chất lỏng; 01 Bao chi trên 23x60 cm - Khăn được làm bằng chất liệu bán thấm, một mặt thấm, một mặt không thấm, đảm bảo độ vô khuẩn tuyệt đối; 01 Băng keo OP 9x50 cm - Băng keo y tế, không gây kích ứng da; 02 Khăn thấm 30x40 cm - Vải spunlace, mềm mại, khả năng thấm hút tốt; 01 Khăn U không thấm 150x220 cm - Màng plastic màu với hình chữ U 12 x 65 cm và băng keo y tế, không gây kích ứng da	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1098	Bộ khăn phẫu thuật lấy thai	10 Bộ/thùng	Bộ	1.000	Bao gồm: 01 Khăn trải bàn dụng cụ S 120x140cm: Khăn được cấu tạo từ hai lớp: Lớp plastic màu và lớp vải không dệt 5 lớp. Cả hai lớp đều không thấm nước đảm bảo đúng nguyên tắc; 01 Khăn trải bàn dụng cụ 140x150cm: Khăn được cấu tạo từ hai lớp: Lớp plastic màu và lớp vải không dệt 5 lớp. Cả hai lớp đều không thấm nước đảm bảo đúng nguyên tắc; 01 Khăn lót 50x70cm: Chất liệu PE trong; 01 Khăn em bé M 90 x 120cm: Vải không dệt không gây kích ứng da, mềm mại, thấm hút tốt, tạo cảm giác êm ái cho bé và dễ sử dụng; 01 Khăn sanh mổ D 160x270cm: Vải không dệt SMS cao cấp 5 lớp, chống thấm nước, chống tĩnh điện. Túi có lỗ 10 x 20 cm với thanh tựa. Có băng keo y tế xung quanh lỗ trên vải 10 x 20 cm, có tấm cố định ống dây. Có vùng thấm hút đặt biệt; 01 Khăn em bé 60 x 90cm: Cấu tạo từ vải không dệt mềm mại, khả năng thấm hút chất lỏng tốt; 02 Băng keo OP 4.5x50cm: Băng keo y tế, không gây kích ứng da; 02 khăn thấm 30 x 40cm: Vải Spunlace, mềm mại, khả năng thấm hút tốt; 04 Gạc tam giác: Gạc hình tam giác, thấm hút tốt, dùng trong y tế.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1099	Bộ khăn phẫu thuật sọ C	Hộp/10	Bộ	120	Bao gồm: 01 Khăn trải bàn dụng cụ L 140x200 cm, Khăn được cấu tạo từ hai lớp: Lớp plastic màu và lớp vải không dệt 5 lớp. Cả hai lớp đều không thấm nước đảm bảo đúng nguyên tắc phòng mổ; 04 Khăn có keo 45x60 cm, Khăn được cấu tạo từ vải không dệt 3 lớp không thấm nước, không thấm cồn, chống tĩnh điện với băng keo y tế, không gây kích ứng da; 02 Khăn thấm 30x40 cm, Vải spunlace, mềm mại, khả năng thấm hút tốt; 01 Khăn PT sọ C 250x300 cm, Vải không dệt SMS cao cấp, 3 lớp, không thấm cồn, không thấm nước, chống tĩnh điện, được gia cố vùng thấm hút đặc biệt. Lỗ 20 x 25 cm với màng phẫu thuật. Túi chứa dịch lỏng có nút xả, dán cách lỗ phẫu trường 6 cm. Tấm cố định ống dây; 01 Khăn đa dụng 70x160 cm, Khăn được cấu tạo từ vải không dệt SMS cao cấp 3 lớp không thấm nước, chống tĩnh điện; 01 Băng keo OP 9x50 cm, Băng keo y tế, không gây kích ứng da	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1100	Bộ khăn sanh mổ	Hộp/7	Bộ	500	Bao gồm: 01 Khăn trải bàn dụng cụ L 140 x200 cm; 01 Khăn phủ bàn mayo 2 lớp 60 x 100; 01 Khăn sanh mổ F 170 x 340 cm; 04 Khăn thấm 30 x 40 cm; 02 Khăn em bé 60 x90 cm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1101	Bộ khăn sanh thường có túi và bao phủ chi	18 Bộ/thùng	Bộ	1.000	Bao gồm: 01 Khăn có lỗ 75 x 105cm, Khăn được cấu tạo từ vải bán thấm, lỗ hình chữ nhật 14 x 19 cm, Được bao gói bằng vải không dệt và đóng gói riêng vào bao Giấy/ PET-PE; 04 Khăn đa dụng 50 x 60cm, Khăn được cấu tạo từ vải bán thấm; 01 Khăn trải dưới mông có túi 80x80cm, Khăn cấu tạo từ màng plastic màu không thấm nước, được gia cố vùng thấm hút đặc biệt, thấm hút nhanh và chống hiện tượng thấm ngược. Có túi chứa dịch có thang đo lượng chất lỏng; 02 Bao phủ chi 30x90cm, Vải SMMMS cao cấp, chống thấm nước, chống tĩnh điện, Có dây cột; 02 Khăn em bé 60x90cm, Vải không dệt, mềm mại khả năng thấm hút tốt; 01 Khăn đa dụng 90x100cm, Vải không dệt SMMMS, chống thấm nước, chống tĩnh điện; 01 Khăn đa dụng 50x60cm, Vải không dệt SMMMS, chống thấm nước, chống tĩnh điện	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1102	Bộ khăn tổng quát SMS C	Hộp/8	Bộ	120	Bao gồm: 01 Khăn trải bàn dụng cụ L 140x200 cm, Khăn được cấu tạo từ hai lớp: Lớp plastic màu và lớp vải không dệt 5 lớp, Cả hai lớp đều không thấm nước đảm bảo đúng nguyên tắc phòng mổ; 04 Khăn thấm 30x40 cm - Vải spunlace, mềm mại, khả năng thấm hút tốt; 01 Khăn phủ bên 80x90 cm, Chất liệu từ vải không dệt cao cấp 5 lớp được gia cố vùng thấm hút đặc biệt và băng keo y tế, không gây kích ứng da; 01 Khăn phủ đầu 160x250 cm, Chất liệu từ vải không dệt cao cấp 5 lớp được gia cố vùng thấm hút đặc biệt, tấm cố định các ống dây và băng keo y tế, không gây kích ứng da; 01 Khăn phủ chân 180x200 cm, Chất liệu từ vải không dệt cao cấp 5 lớp được gia cố vùng thấm hút đặc biệt, tấm cố định các ống dây và băng keo y tế, không gây kích ứng da; 01 Băng keo OP 9x50 cm, Băng keo y tế, không gây kích ứng da	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1103	Bộ mở khí quản cấp cứu qua da	01 Bộ/Hộp	Bộ	10	Bao gồm: Kim chọc dò có đèn báo hiệu màu đỏ mỗi khi chạm thành khí quản, Đầu nong, Mở khí quản có bóng số 6.0. Đầy đủ phụ kiện: dao, syringe, lọc chữ T, chỉ khâu và dây cố định.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1104	Bộ mở khí quản cấp cứu qua da , các số	1 bộ/gói	Cái	6	Bao gồm: 01 ca-nuyn và phụ kiện đi kèm 01 ca-nuyn mở khí quản 2 nòng, có bóng, không cửa sổ. Chất liệu: nhựa PVC y tế. Kích thước: Gồm 3 size từ 7 đến 9mm, đường kính ngoài từ 10.5 đến 13.3mm, chiều dài từ 70 đến 81mm, có đường cản quang trên thân ống, độ cong chuẩn 105 độ. Bóng tròn loại soft-seal. 02 nòng trong, đầu tròn, đầu nối tiêu chuẩn 15M. Phụ kiện đi kèm: 02 đầu nong: 01 đầu nong 14Fr ngắn, thẳng; 01 đầu nong 38Fr, OD: 12,7mm lớn dài, cong; 01 dao mổ liền cán thẳng thép không gỉ , số 15, cán dao dài 11cm, lưỡi dao dài 4cm; 01 Kim tiêm; 01 Ống tiêm; 01 dây dẫn; 01 đầu dẫn; 01 cây chèn mở khí quản; 01 Dây cố định mở khí quản; 01 chổi làm vệ sinh nòng trong; Gạc thấm và gel bôi trơn. Đóng gói tiệt khuẩn	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1105	Bộ phết tế bào tầm soát ung thư cổ tử cung	Hộp/25 kit	Kít	3.000	Kỹ thuật này bao gồm ba thành phần cơ bản: chất bảo quản tế bào, chất làm sạch mẫu tế bào, chất kết nang tế bào lên lam kính.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1106	Bộ phổi nhân tạo dùng trong hồi sức cấp cứu	Hộp/ 1 bộ	Bộ	20	Bộ phổi nhân tạo dùng trong hồi sức cấp cứu - Vật liệu màng lọc: Polymethylpentene - Bộ phận trao đổi nhiệt: thép không gỉ - Diện tích màng lọc 2,5m² - Diện tích trao đổi nhiệt: 0,22m² - Tổng thể tích mồi máu: 620ml hoặc 740ml - Áp lực hoạt động tối đa 1000 mmHg (133 kPa) - Chiều dài dây dẫn: 1,7m hoặc 2,5m - Lưu lượng tối đa: 7l/phút - Phù hợp với máy ECMO của TERUMO	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1107	Bộ quần áo phòng dịch 7 món (dùng 1 lần)	Bộ 7 món; Thùng 50 bộ	Bộ	1.000	Bao gồm: Áo liền quần có nón, bao giày, khẩu trang, găng tay, kính	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1108	Bộ sản phẩm đón bé chào đời tiệt trùng	Gói/1 bộ	Bộ	3.000	Bộ đồ trẻ sơ sinh được làm từ vải cotton 100% mềm mại, thấm hút tốt, an toàn cho làn da trẻ. 01 bộ gồm: _ 01 Bộ đồ trẻ sơ sinh (áo, nón, tã, bao tay, tất chân. _ 01 Khăn lau em bé (70x55) 5 lớp. _ 02 Khăn sữa (25x25) 5 lớp. _ 01 vòng tay bé. _ 01 Áo ống. _ 01 Khăn quấn bé.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1109	Bộ xử lý truyền máu hoàn hồi dung tích 125ml tương thích với máy Cell Saver Elite	Hộp/8 Bộ	Bộ	30	Bầu ly tâm 125mL, gắn sẵn túi chứa hồng cầu sạch 1000mL với 2 khóa kẹp, túi thải 10 lít, 02 dây rửa. Tiệt trùng EtO. Tương thích với máy Haemonetics	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1110	Bộ xử lý truyền máu hoàn hồi dung tích 225ml tương thích với máy Cell Saver Elite	Hộp/8 Bộ	Bộ	30	Bầu ly tâm 225mL, gắn sẵn túi chứa hồng cầu sạch 1000mL với 2 khóa kẹp, túi thải 10 lít, 02 dây rửa. Tiệt trùng EtO. Tương thích với máy Haemonetics	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1111	Bơm tiêm 10cc - kim 23G x 1 inch	Hộp/100 cái	Cái	500.000	Chất liệu: Bơm tiêm bằng nhựa trung tính trong suốt, phân vạch rõ ràng. Đầu Piston trơn láng, không bám rít và không được trượt ra khỏi ống khi rút thuốc, chích thuốc. Kim đường kính, chiều dài thích hợp theo nhu cầu. Đầu kim mặt vát bén trơn láng không góc cạnh. Đóng gói và tiệt trùng từng cái.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1112	Bơm tiêm 3cc - kim 23 x 1 inch	Hộp/100 cái	Cái	100.000	Chất liệu: Bơm tiêm bằng nhựa trung tính trong suốt, phân vạch rõ ràng. Đầu Piston trơn láng, không bám rít và không được trượt ra khỏi ống khi rút thuốc, chích thuốc. Kim đường kính, chiều dài thích hợp theo nhu cầu. Đầu kim mặt vát bén trơn láng không góc cạnh. Đóng gói và tiệt trùng từng cái.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1113	Bơm tiêm 5cc - kim 23G x 1 inch	Hộp/100 cái	Cái	200.000	Chất liệu: Bơm tiêm bằng nhựa trung tính trong suốt, phân vạch rõ ràng. Đầu Piston trơn láng, không bám rít và không được trượt ra khỏi ống khi rút thuốc, chích thuốc. Kim đường kính, chiều dài thích hợp theo nhu cầu. Đầu kim mặt vát bén trơn láng không góc cạnh. Đóng gói và tiệt trùng từng cái.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1114	Bơm tiêm 10cc (luer lock)	Hộp 100 cái x 12h/ kiện	Cái	1.000	Bơm tiêm không kim. Dạng đầu khóa/xoắn. Bơm tiêm làm bằng chất liệu Polypropylen, trong suốt, vạch chia thể tích. Pitong làm bằng cao su tổng hợp đặc biệt, bám khít mặt trong. Được khử trùng. Dùng được cho máy bơm tiêm điện	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1115	Bơm tiêm 1cc - kim 26 1/2	Hộp/100 cái	Cái	500	Chất liệu: Bơm tiêm bằng nhựa trung tính trong suốt, phân vạch rõ ràng. Đầu Piston trơn láng, không bám rít và không được trượt ra khỏi ống khi rút thuốc, chích thuốc. Đầu kim mặt vát bén trơn láng không góc cạnh. Đóng gói và tiệt trùng từng cái.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1116	Bơm tiêm 1cc/U-100/kim	Hộp/100 cái	Cái	650.000	Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Dung tích 1ml, cỡ kim 27Gx5/8", 30Gx1/2" . Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng, tiệt trùng bằng khí E.O.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1117	Bơm tiêm 20cc - kim 23G x 1 inch	Hộp/50 cái	Cái	25.000	Chất liệu: Bơm tiêm bằng nhựa trung tính trong suốt, phân vạch rõ ràng. Đầu Piston trơn láng, không bám rít và không được trượt ra khỏi ống khi rút thuốc, chích thuốc. Đầu kim mặt vát bén trơn láng không góc cạnh. Đóng gói và tiệt trùng từng cái.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1118	Bơm tiêm 3cc (luer lock)	Hộp 100 Cái x 30h/ kiện	Cái	1.200	Bơm tiêm nhựa đầu xoắn 3 ml, cỡ kim 23G, 25G.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1119	Bơm tiêm 3cc tráng heparin	100 chiếc/ thùng	chiếc	14.000	Bơm tiêm 1ml, tráng sẵn Lithium Heparin cân bằng Canxi 80 IU phun khô trên thành ống, . Không có kim. Có nắp đậy slip-tip. Lấy máu theo cách thông thường.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1120	Bơm tiêm 50cc (đầu lớn, đầu nhỏ)	Hộp/25 cái	Cái	12.000	Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Dung tích 50ml. Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng, tiệt trùng bằng khí E.O	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1121	Bơm tiêm điện 50cc (đầu có khóa vặn dùng cho máy bơm tiêm điện)	Hộp 40 cái	Cái	15.000	Bơm tiêm không kim. Dạng đầu khóa/xoắn. Bơm tiêm làm bằng chất liệu Polypropylen (PP), trong suốt, có vạch chia thể tích. Pitong làm bằng cao su tổng hợp đặc biệt, không gây phản ứng với thuốc, độ đàn hồi tốt, bám khít mặt trong bơm tiêm tránh rò rỉ thuốc. Công nghệ tiệt trùng bằng chùm điện tử gamma. Dùng được cho các loại máy bơm tiêm điện	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1122	Bóp bóng giúp thở lớn (Ampu)	Hộp 1 bộ	Bộ	500	Gồm: 01 Bóng bóp bằng PVC y tế, thể tích 1700ml, trên bóng có valve điều chỉnh áp lực 60cm H2O cho người lớn và 40cm H2O cho trẻ em. 01 Dây dẫn khí trong suốt dài 1.8m đường kính 0.71". 01 mask gây mê mềm, với vòng đệm khí tạo cảm giác thoải mái dễ chịu cho bệnh nhân. 01 bóng chứa khí 700ml cho trẻ em và 1700ml cho người lớn.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1123	Bút đánh dấu phẫu thuật	50 cái/ hộp	Cây	200	Bút được khử trùng có sẵn thước kèm theo. Các loại bút đều chứa mực xanh tím và không bị ảnh hưởng bởi hóa chất vệ sinh khu vực mổ. Bút còn có loại màu xanh đậm phù hợp với da sẫm màu. Không chứa Latex.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1124	Canuyn động mạch ECMO	Hộp/ 1 cái	Cái	20	Canuyn động mạch. Đường kính: 16.5Fr. Chiều dài 15 cm. Cổng kết nối đầu khóa. Bộ dụng cụ mở đường đi kèm bao gồm: kim chọc mạch 18G, dây dẫn đường 80 cm đường kính 0.035", bơm tiêm 10ml, predilator 8Fr/12Fr dài 15cm, dao mổ dùng 1 lần.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1125	Canuyn tĩnh mạch ECMO	Hộp/ 1 cái	Cái	20	Canuyn tĩnh mạch. Đường kính: 21Fr. Chiều dài 50 cm. Cổng kết nối đầu khóa. Bộ dụng cụ mở đường đi kèm bao gồm: kim chọc mạch 18G, dây dẫn đường 150cm đường kính 0.035", bơm tiêm 10ml, predilator 8Fr/12Fr dài 15cm, dao mổ dùng 1 lần.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1126	Cáp nối bộ đo áp lực động mạch xâm lấn	Sợi	Sợi	10	Cáp nối bộ đo áp lực động mạch xâm lấn tương thích với Monitor hãng Nihon Kohden	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1127	Catheter theo dõi huyết áp động mạch đùi, thép không rỉ, kích cỡ 20G-22G, dilator bằng nhựa, không bị gập, 80mm	Cái	Cái	700	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch theo dõi huyết áp xâm lấn và lấy mẫu máu theo phương pháp Seldinger. Bao gồm catheter bằng vật liệu FEP kích cỡ 20 G x 80 mm, kim chọc mạch bằng thép không gỉ kích cỡ 0,95 x 50 mm, dây dẫn đường bằng thép không gỉ kích cỡ 0,025" x 25 cm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1128	Cây chọc (trocar) phổi 24 - 28 Fr	1c/ gói vô trùng	Cái	100	Kích cỡ: CH 16/20/24 ~ CH 36. Chất liệu: nhựa PVC trung tính (mềm hơn khi vào cơ thể người Đdkt: không gây kích ứng, dài 38 – 40 cm trên thân có khắc vạch 5 – 10 – 15 cm, trocar kim loại không gỉ	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1129	Cây đặt nội khí quản các cỡ	Hộp/10 cái	Cái	100	Có 2 lớp: vỏ làm bằng chất liệu Plastic, trơn, nhẵn, lõi là dây aluminum dễ uốn. Có ba cỡ: cỡ 6 dài 280mm dùng cho ống nội khí quản cỡ từ 2.5 đến 4.5; cỡ 10 dài 350mm dùng cho ống nội khí quản cỡ 4.0 đến 6.0, và cỡ 14 dài 350mm dùng cho ống nội khí quản > 5 trở lên.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1130	Cây đặt nội khí quản khó Bougie 15Fr x 700mm	10 cái/hộp	Cái	10	Kích thước 15Fr x 700 mm. Thân có lỗ thông khí thở tạm khi đặt nội khí quản, đầu típ cong .(PORTEX- 100/123/515)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1131	Chăn làm ấm bệnh nhân	cái/ gói	cái	100	Chăn làm ấm bệnh nhân chống hạ thân nhiệt phù hợp máy Bair Hugger hãng 3M. Cam kết hỗ trợ thiết bị cho bệnh viện	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1132	Clip cầm máu các cỡ	Hộp 20 vỉ, mỗi vỉ 6 chiếc	Chiếc	2.520	Dùng trong phẫu thuật nội soi	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1133	Clip cầm máu tự khóa Polyme	6 cái/vỉ-84 cái/hộp	Cái	3.000	Chất liệu : Titanium. Kim loại màu xám sẫm, không rỉ sét, tương hợp với cơ thể người. Thiết kế phù hợp dùng kẹp mạch máu trong phẫu thuật nội soi. Đóng gói và tiệt trùng.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1134	Clip mạch máu titanium các cỡ loại vỉ 6 cái	Hộp/30 vỉ x 6 cái	Cái	2.000	Clip kẹp mạch máu bằng titanium nguyên chất. Có cấu trúc răng khóa giúp clip không trượt trên mạch máu. Thân clip có tiết diện tam giác giúp bám chặt vào ngàm kìm mang. Chiều cao clip đóng cỡ nhỏ 3,6 mm, trung bình 5,6mm, lớn 12,3mm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1135	Co nối máy giúp thở (Catheter Mount đầu xoay)	01 cái/ gói	Cái	500	Ống nhún nhựa dùng để thở bằng miệng, sử dụng kèm bộ dây máy giúp thở	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1136	Co nối máy giúp thở (Catheter mount)	Gói 1 cái	Cái	2.000	Có cổng hút dịch và cổng đo khí CO2. Cổ ống xoay được, đầu kết nối khít có khả năng xoay nhưng không bị rò rỉ, vành ngoài dạng gợn sóng, đầu nối mềm dẻo tránh hiện nứt, vỡ ống. 2 đầu kết nối có khả năng kết nối tiêu chuẩn 15mmF hoặc 22mmF. Thân ống co giãn với thiết kế gợn sóng lò xo. Sản phẩm tiệt trùng EO	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1137	Dẫn lưu dịch não tủy ra ngoài EVD - BMI	Bộ/ hộp	Bộ	40	Dẫn dịch não tủy (CSF) từ não thất hoặc khoang dưới nhện thắt lưng ra ngoài. Theo dõi áp lực và tỷ lệ chảy của dịch não tủy từ não thất và hoặc khoang dưới nhện thắt lưng. Giảm áp lực nội sọ (ICP). Van lọc khí một chiều ngăn ngừa vi khuẩn xâm nhập và hiệu ứng áp lực âm. Hai vị trí lấy dịch và tiêm thuốc não thất. Bình chứa dịch di chuyển theo dõi dòng chảy, có khóa tạm để điều chỉnh áp lực nhanh chóng, chính xác. Bảng theo dõi và điều chỉnh áp lực nội sọ kích thước 110x630 mm, túi chưa dịch 700 ml có thể tái sử dụng.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1138	Dao cắt vi phẫu	Hộp/50 cái	Hộp	50	Làm bằng thép không gỉ. Kích thước 80 x 6 x 0.25mm. Sử dụng được cho nhiều loại máy cắt. Đánh giá theo chủng loại và quy cách. *	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1139	Dao mổ mắt, thẩm mỹ số 11 - 15 (thép)	Hộp/ 100 cái	Cái	20.000	Chất liệu : Thép không gỉ. Sử dụng cho các phẫu thật Mắt, tai mũi họng , thẩm mỹ …	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1140	Dao số 15	Cái	Cái	3.000	Thép carbon không gỉ.Tiệt trùng bằng bức xạ Gamma.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1141	Đầu ống hút kê kê (Proetez) (lỗ lớn, nhỏ)	cái / gói	Cái	2.000	Chất liệu : Nhựa PVC trung tính, trơn láng. Không độc, không gây kích ứng khó chịu khi sử dụng.. Theo đúng tiêu chuẩn mặt hàng yêu cầu. Đóng gói và tiệt trùng từng cái, sẵn sàng sử dụng. Đánh giá theo chủng loại và quy cách. *	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1142	Dây cưa sọ não	1 cái/ 1 gói	Miếng	50	Chiều dài 32cm hoặc 40cm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1143	Dây hút dịch phẫu thuật 8mm x 2.5m	Thùng/ 100 cái	Sợi	10.000	Nhựa PVC y tế hoặc tương đương, trong suốt, dây dẻo, thành ống dày, có 2 đầu nối nhựa mềm dẻo, có khía. Dây dài 2m x 3/16" số 28F, đầu gắn tương thích với máy hút dịch tại Bệnh viện. Tiệt trùng bằng khí EO.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1144	Dây máy hút 28Fr-dài 1.8m	Gói/sợi	Sợi	5.000	Kích thước: dài 1.8m. Đường kính ống Ø8mm, chất liệu nhựa PVC trắng trong nguyên chất, có hai đầu nối màu xanh, kích thước 38mm. Đóng gói bằng túi đóng gói tiệt trùng (2 lớp túi). Tiệt trùng bằng khí EO.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1145	Dây nối bơm tiêm 140cm	Hộp/ 60 sợi	Sợi	10.000	Chất liệu : Nhựa PE trung tính, trong suốt, trơn láng. Theo công nghệ tiêu chuẩn sử dụng cho máy bơm tiêm điện. Tiệt trùng và đóng gói từng sợi.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1146	Dây nuôi ăn	bộ / gói	Bộ	6.000	Chất liệu: Nhựa PE đường kính 4mm, có khóa điều chỉnh giọt, tiệt trùng bằng khí EO, sử dụng truyền thức ăn như sữa và các loại súp cho bệnh nhân cần nuôi ăn. Đánh giá theo chủng loại và quy cách. *	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1147	Dây oxy 2 nhánh các cỡ	Thùng/ 100 cái	Cái	15.000	Chất liệu nhựa PVC y tế hoặc tương đương. Dài 2m-2.2m. Không gây kích ứng da, không bị gãy gập. Đóng gói tiệt trùng từng cái.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1148	Dây truyền dịch	Thùng/ 100c	Cái	300.000	Màng lọc vi khuẩn kích thước 0.2mm, bầu đếm giọt có thể dùng cho máy truyền dịch. Khóa chỉnh giọt chữ V giữ tốc độ chính xác. Nguyên liệu polypropylene. Dây truyền dịch không chứa DEHP.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1149	Dây truyền máu	Bịch/ 20 sợi	Cái	10.000	Kim 18G x 1 1/2. Không có chất gây nhiệt, đóng gói và tiệt trùng từng bộ dây	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1150	Điện cực dán	Túi/ 50 cái	Miếng	45.000	Chất liệu PE-foam, độ bám dính cao, không để lại chất kết dính. Tương thích hầu hết với các loại cáp kết nối. Kích thước 4.3cm x 4.5 cm, hình Oval,. Điện cực cảm biến Ag/AgCl có độ nhạy tốt nhất và các hạt kết dính hydro-gel có trở kháng rất thấp. Sử dụng được cho da nhạy cảm. Đóng gói tiệt trùng.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1151	Đồng hồ đo áp lực bóng chèn (100/568/000)	1 Cái/hộp	Cái	5	Áp lực bóng ở mức 20-30cm H2O. Có tính năng báo áp lực đường thở tự động thông qua áp lực bóng chèn cũng đảm bảo cho việc chèn kín đường thở khi bệnh nhân thở máy với áp lực cao.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1152	Đồng hồ oxy	1 Bộ/ Hộp	Bộ	20	Bộ lưu lượng kế gắn bình oxy. Bình tạo ẩm+lưu lượng kế+đồng hồ oxy. Nắp kết nối được làm bằng đồng thau, bình tạo ẩm làm từ nhựa Acrylic	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1153	Dụng cụ cắt nối tự động sử dụng trong kỹ thuật Longo (Dụng cụ cắt trĩ 60mm)	Hộp/ 3 cái	Cái	20	Dụng cụ khâu nối vòng 33mm, đường kính lòng cắt 24.4mm, 28 kim, tự động điều chỉnh chiều cao kim đóng từ 0.75mm-1.5mm, dùng trong phẫu thuật trĩ theo phương pháp Longo	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1154	Dụng cụ cố định lưới thoát vị/mảnh ghép thoát vị (thành bụng, bẹn…) Protack 5mm dùng trong phẫu thuật nội soi	6 cái/ Hộp	Cái	5	Dụng cụ cố định lưới thoát vị/mảnh ghép thoát vị (thành bụng, bẹn…) Protack 5mm dùng trong phẫu thuật nội soi gồm 30 ghim hình xoắn ốc đường kính mỗi ghim 4mm dài 3.8mm, chất liệu titan không tiêu, đường kính nòng 5mm, chiều dài tổng cộng của thân dụng cụ 35.5cm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1155	Dụng cụ cố định nội khí quản có chống cắn	Hộp/ 1 cái	Cái	1.000	Sản phẩm bao gồm các thành phần sau: Hai miếng dán cố định hai bên má bệnh nhân, bằng chất liệu hydrocolloid có độ pH giống như da, không gây dị ứng. Băng cố định vùng gáy. Phần cố định nội khí quản, có thể di chuyển được. Có bộ phận chống cắn ống nội khí quản	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1156	Dụng cụ cố định nội khí quản không chống cắn	Hộp/ 1 cái	Cái	1.000	Sản phẩm bao gồm các thành phần sau: Hai miếng dán cố định hai bên má bệnh nhân, bằng chất liệu hydrocolloid có độ pH giống như da, không gây dị ứng. Băng cố định vùng gáy. Phần cố định nội khí quản, có thể di chuyển được.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1157	Dụng cụ hỗ trợ khâu mũi túi sử dụng nhiều bệnh nhân	Hộp/1 cái	Cái	2	Dụng cụ hỗ trợ khâu mũi túi, sử dụng cho nhiều bệnh nhân	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1158	Dung dịch xịt ngừa loét do tì đè, gồm: corpitolinol 60 + acid palmitique, chai 20ml - Sanyrene 20ml	Hộp 1 chai	Chai	120	Glycerid có độ oxy hóa cao của các acid béo cần thiết (a.linoleic 60%) Vitamin E + Hương hạt hồi.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1159	Găng khám ngắn cỡ 6 - 7 - 7,5 - 8 (cỡ vừa - nhỏ)	50 đôi/hộp	Đôi	1.200.000	Loại có bột, dùng trong y tế, bề mặt đầu ngón tay nhám, chưa tiệt trùng. Nguyên liệu: Cao su tự nhiên Latex với đầy đủ các cỡ. Đặc tính kỹ thuật: đặc tính màng ngăn AQL ≤ 2,5, Chiều dài ≥ 240 mm. Độ dày ngón tay và lòng bàn tay ≤ 0,08 mm..	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1160	Găng tay khử khuẩn tẩm khô	Gói/8 cái	Gói	1.000	Sản phẩm chứa Chlohaxidine gluconad ≥ 2,6%, nước tinh khiết > 99% và hoạt chất làm mềm da.Sử dụng cho bệnh nhân trước mổ hoặc bệnh nhân sau mổ, bệnh nhân nằm lâu khoa hồi sức ... Lưu giữ vệ sinh da tới 6h	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1161	Găng tay nylon tiệt trùng	Hộp/100 chiếc	Chiếc	60.000	Chất liệu : Nylon tự nhiên, màu trắng.bề mặt trơn láng, chiều dài < 300 mm, rộng < 96 mm. Không độc tính, không gây kích ứng da khi mang găng. Tiệt trùng và đóng gói từng đôi, đủ kích cở ghi rõ trên bao bì.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1162	Găng tay tiệt trùng cỡ 7-7,5 (VN)	50 đôi/hộp	Đôi	100.000	Chất liệu : Latex cao su tự nhiên, màu trắng.bề mặt trơn láng, chiều dài < 300 mm, rộng < 96 mm. Không độc tính, không gây kích ứng da khi mang găng. Tiệt trùng và đóng gói từng đôi, đủ kích cở ghi rõ trên bao bì.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1163	Găng tay tiệt trùng số 6,5-7-8 (ngoại)	Đôi	Đôi	70.000	Chất liệu : Latex cao su tự nhiên, màu trắng, bề mặt trơn láng, chiều dài < 300 mm, rộng < 103 mm, mặt ngòai có độ nhám dễ cầm nắm dụng cụ, thao tác dễ dàng, thuận tiện trong phẩu thuật.Không độc tính, không gây kích ứng da khi mang găng.Tiệt trùng và đóng gói từng đôi, đủ kích cở ghi rõ trên bao bì.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1164	Garo vải	10 sợi/ gói	Sợi	1.000	Chất liệu: Thun cotton màu xanh. Đặc điểm: Dây có độ co giãn tốt, Băng dính 2 đầu, miếng gài bền chắc, dễ thao tác. Có thể sử dụng lại nhiều lần	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1165	Gel bôi đo điện tim 250ml	260g /tuýp 250ml	tube	200	Kích cỡ: 260g/ tuýp, 250ml. Đđkt: gel hòa tan không chứa muối, không dính nhầy, không gây dị ứng, đảm bảo độ đậm đặc đồng dạng đồng màu, dẫn truyền tín hiệu tốt. Lượng gel trong bình 250ml, 260gr. Sử dụng với tất cả các loại máy đo điện tim.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1166	Gel bôi trơn 82g	Hộp/1 tube	Tube	1.400	Thành phần: Propylene glycol, Polyethylene glycol, Hydroxylproly cellulose, nước vô trùng. Được tiệt trùng , không gây kích ứng, tan trong nước. Bôi trơn trong phụ ngoại khoa, nội soi tiêu hóa, nội soi tiết niệu …	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1167	Giấy điện tim 3 cần 63 x 100 x 300	1xấp /gói	xấp	300	Kích cỡ: 60mm x 100mm x 300 tờ. Đdkt: làm từ bột giấy, không chứa clo & cacbon, được xử lý phủ lớp đất sét đặc biệt và phủ lớp nhạy nhiệt trên cùng, dính mực tốt in rõ nét. Lớp trên cùng này được in lưới, đường kẻ rõ nét.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1168	Giấy điện tim 3 cần 63x30	Thùng /100 cuộn	Cuộn	200	Kích cỡ: 63mm x 30cm. Đdkt: làm từ bột giấy, không chứa clo & cacbon, được xử lý phủ lớp đất sét đặc biệt và phủ lớp nhạy nhiệt trên cùng, dính mực tốt in rõ nét. Lớp trên cùng này được in lưới, đường kẻ rõ nét.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1169	Giấy điện tim 3 cần 80x20	Thùng /120 cuộn	Cuộn	1.000	Giấy đo các loại có bề mặt trơn láng, đường kẻ ô vuông rõ ràng dễ đọc, in chi tiết rõ ràng độ nhạy cao, dễ dàng đọc khi chẩn đoán. Kích cỡ theo yêu cầu	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1170	Giấy đo điện tim 1 cần 50x30	Thùng /100 cuộn	Cuộn	250	Giấy đo các loại có bề mặt trơn láng, đường kẻ ô vuông rõ ràng dễ đọc, in chi tiết rõ ràng độ nhạy cao, dễ dàng đọc khi chẩn đoán. Kích cỡ theo yêu cầu	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1171	Giấy in monitor sản khoa	84 Xấp/ Thùng	Xấp	150	Thích hợp cho máy monitor sản khoa Philips. Kích thước : 150mmx100mmx150 sh	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1172	Giấy in siêu âm trắng đen 110mm x 20m	Hộp/ 10 cuộn	Cuộn	1.200	Mặt giấy trơn láng, trắng, khi in thể hiện rõ ràng dễ đọc kết quả. Tương thích nhiều lọai máy in siêu âm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1173	Giấy khử khuẩn vệ sinh răng miệng	Gói/8 tờ	Tờ	500	Sản phẩm chứa Chlohaxidine gluconad ≥ 2,6%, nước tinh khiết > 99% và hoạt chất làm mềm da.Sử dụng cho bệnh nhân trước mổ hoặc bệnh nhân sau mổ, bệnh nhân nằm lâu khoa hồi sức ... LƯu giữ vệ sinh da tới 6h	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1174	Giấy lau khử khuẩn	Gói 200 tờ	Tờ	1.000	Sản phẩm chứa Belzankonium chloride ≤ 0,5%, didecyldimethuy ammonium chloride ≤ 0,5%, polyhaxamethylen biguanide ≤ 0,01%. Phổ diệt rộng kể cả vi khuẩn, virut kháng thuốc (MRSA, VRE), diệt các loại: Acitenotbacter, Klebsiella, norovirut, H1N1, Herpert Virut trong 1 phút.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1175	Giấy máy sốc tim 50 x 100 x 300	1xấp /gói	xấp	20	Kích cỡ: 50mm x 100mm x 300 tờ. Đdkt: làm từ bột giấy, không chứa clo & cacbon, được xử lý phủ lớp đất sét đặc biệt và phủ lớp nhạy nhiệt trên cùng, dính mực tốt in rõ nét. Lớp trên cùng này được in lưới, đường kẻ rõ nét	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1176	Hút đàm kín ComforSoft sử dụng 72h, 2 cổng (cổng dẫn, cổng MDI), các cỡ 6-16CH có ống nối catheter mount đi kèm	120 bộ/thùng	Bộ	500	Hệ thống hút đàm kín 2 cổng vô trùng, sử dụng 72h. Hệ thống cổng MDI, có cổng rửa và cổng lấy mẫu. Đầu tip tròn và mềm có 2 lỗ hút. Lớp bọc ngoài bằng polyurethane đảm bảo hệ thống kín hoàn toàn. Có van Vacuum hút rửa tự động. Có vạch đo độ dài giúp kiểm soát được độ sâu khi luồn ống hút. Van hút có chế độ xoay để khóa ngăn chặn việc vô tình khởi động máy hút khi không cần thiết. Có catheter mount. Không chứa DEHP , không chứa Latex. Các cỡ 12FG, 14FG, được mã hóa màu theo kích cỡ.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1177	Huyết áp kế	Hộp/1	Bộ	60	Bao gồm: Đồng hồ, bao vải, bao hơi, van, quả bóp, dùng đo huyết áp bệnh nhân	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1178	Keo dán mô	Hộp/ 10 ống	Ống	200	Keo dán da, dán Mesh nội soi N - butyl - 2 - cyano acylat, màu xanh tím	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1179	Kẹp (clip) mạch máu dùng trong phẫu thuật mổ nội soi, chất liệu titanium	6 cái/vỉ-180 cái/hộp và 10 cái/vỉ-160 cái/hộp	Cái	1.500	Chất liệu : Titanium. Kim loại màu xám sẫm, không rỉ sét, tương hợp với cơ thể người. Thiết kế phù hợp dùng kẹp mạch máu trong phẫu thuật nội soi. Đóng gói và tiệt trùng.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1180	Kẹp mạch máu nội soi Hemoclip	160 Cái/Hộp	Cái	2.000	Clip mạch máu nội soi Titanium PILLING - WECK, chất liệu Titanium, (kim loại màu xám sẫm, không rỉ sét, tương hợp với cơ thể người. Thiết kế phù hợp dùng clip mạch máu trong phẫu thuật nội soi. Đóng gói và tiệt trùng thanh10 cái : 1 mặt giấy 1 mặt nhựa poly cứng)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1181	Kẹp rún	1c/ gói	Cái	2.000	Công dụng: kẹp rốn trẻ mới sinh. Đdkt: bằng nhựa PVC, không gây kích ứng; đóng gói vô trùng từng cái	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1182	Khăn giấy sản 60 x 80cm	1 cái/ bao	Cái	4.000	Chất liệu: Vải không dệt, không thấm nước PP Spunbond 30g/m2 màu xanh. Không cho dịch, nước xuyên qua. Thoáng mát, dễ chịu, không gây dị ứng, không độc, không mùi. Kích cỡ : 60 x 80 cm. Đóng gói và tiệt trùng từng cái bằng Ethylene Oxyd	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1183	Khăn phẫu thuật ổ bụng	Hộp/20	Cái	700	Bao gồm: 1 x khăn 160x300cm, vải sms 43gsm, có lổ 20 x 25 cm với băng keo y tế xung quanh lỗ, xung quanh lỗ có gia cố vùng thấm hút đặc biệt 53 x 60 cm. Tiệt trùng từng cái.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1184	Khăn tiểu phẫu	Hộp/80	Cái	400	Bao gồm: 1 x Khăn 100x100cm, vải SMS 50 gsm, có lỗ vuông 15x15cm, với băng keo y tế xung quanh lỗ, xung quanh lỗ có gia cố vùng thấm hút đặc biệt 53 x 60 cm. Tiệt trùng từng cái.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1185	Khẩu trang giấy 3 lớp không tiệt trùng	50 cái/ hộp	Hộp	8.000	Chất liệu: vải PP không dệt, 3 lớp, có thanh nẹp mũi. Hiệu suất lọc khuẩn (BFE): > 99,9%, kích thước mở rộng ≥16,5cm. Có kết quả kiểm nghiệm Nelson. Đóng gói: 50 cái/ hộp	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1186	Khẩu trang giấy 3 lớp tiệt trùng	1 cái/ gói	Cái	90.000	Chất liệu: vải PP không dệt, 3 lớp, có thanh nẹp mũi. Hiệu suất lọc khuẩn (BFE): > 99,9%, kích thước mở rộng ≥18cm. Có kết quả kiểm nghiệm Nelson. Đóng gói: Tiệt trùng: 1 cái/ gói.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1187	Khẩu trang N95	35 cái/hộp	Cái	3.000	•Đạt chứng nhận N95 của NIOSH •Tiêu chuẩn chất lượng: FDA, ISO •Phân loại khẩu trang theo tiêu chuẩn EN14683: IIR •Đạt tiêu chuẩn ASTM F2100-11 classification level 3 cao nhất •Hiệu suất lọc khuẩn 3 micron (BFE) ≥ 99% •Hiệu suất lọc bụi kích thước dưới 0.1 micron (PFE) ≥ 99% •Trở lực dịch bắn áp suất tối thiểu 160mmHg giúp chống thấm tối đa •Trở lực hô hấp < 5 mm H2O/ cm3 •Công nghệ POWERGUARD filter thiết kế dể lọc và bẫy vi khuẩn. •Không chứa cao su, Không DEHP •Kích thước: 26 x 9 (cm) •Thanh nẹp mũi bằng nhôm (dài 14cm), có thể điều chỉnh. Dây đeo (2 sợi) bằng Polyurethane, có thể co giãn, 23.5cm.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1188	Khí AirMAC	Chai 8 lít	Chai	100	Sử dụng cho máy phát tia Plasma lạnh PlasmaMED-GAP. Đặc trưng kỹ thuật thành phần khí gồm Argon 99,9995%, N2, ROS, RNS. Cam kết hỗ trợ thiết bị để phục vụ chuyên môn	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1189	Khóa ba ngã có dây 25cm	Hộp/ 50 cái	Cái	15.000	'Nguyên liệu : Poly carbonat. Khóa điều chỉnh dễ dàng, trơn không bị rít. Chịu được áp lực cao, không rò rĩ . Dây nối dài 25cm trong suốt, mềm, đầu dây có khóa vặn để nối tiếp chắc chắn. Chống nứt gãy và chịu áp lực cao. khớp với dây truyền dịch. Ống kết nối có ID đến 3.0mm, OD đến 4.1mm. Áp suất được kiểm tra bằng khí động học và thủy tĩnh học lên đến 7 bars. Cho phép xoay vòng 360 độ. Đóng gói vô trùng từng cái.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1190	Khuôn đúc bệnh phẩm	Hộp/1000 cái	Cái	16.000	Kiểu lỗ chân lông, hình vuông nhỏ, được sử dụng cho các mẫu sinh thiết. Bản lề nắp có thể đảo ngược	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1191	Kim cánh bướm	Hộp / 100 cái	Cái	15.000	Chất liệu bằng hợp kim, kim có độ cứng thích hợp, giúp thao tác chính xác khi chọc vào tĩnh mạch. Kim có phủ một lớp silicon vừa đủ, đảm bảo sự trơn láng của kim chích nhẹ nhàng, bệnh nhân ít đau. Mũi kim thiết kế 3 mặt vát nhẵn. Dây nối trong suốt, chất liệu PVC y tế, dài 20cm. Kích thước kim: đường kính trong 1.1mm, tốc độ truyền 43ml/phút, thể tích mồi 0.41ml.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1192	Kim châm cứu các số các cỡ	Hộp/100 cây	Cái	300.000	Số 2, kính cỡ 0.30x25mm. Túi màng y tế vô trùng, 05 cây/ gói, mỗi hộp 20 gói. Sản phẩm được khử trùng và sử dụng 01 lần. Đánh giá theo chủng loại và quy cách. *	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1193	Kim chọc dò tủy sống (18G-20G-22G-25G-27G) x3 1/2 in	Hộp 25 cây	Cây	2.500	Chất liệu : Thép không rỉ, đầu kim 3 mặt vát bén, trơn láng, thân kim không gỉ, không gãy, dễ luồn, không làm tổn thương màng tủy, kích cở theo màu quy định dễ sử dụng. Đóng gói và tiệt trùng từng cây.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1194	Kim chọc động mạch đùi, tĩnh mạch quay	Hộp/ 50 cái	Cái	2.000	Kim không cánh, không cửa, an toàn trong quá trình truyền, không gây viêm nhiễm và kích ứng da. Thời gian lưu kim 72h. Catheter làm bằng chất liệu ETFE (Ethylene-tetrafluor-ethylene), nên thành kim mỏng, ôm sát kim và đàn hồi tốt hơn với chất liệu FEP (Teflon) thông thường. Dùng được trong các thủ thuật tim mạch, chọc dò.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1195	Kim đốt u bằng sóng microwave	01 Cái/Hộp	Cái	10	Kim đốt các cỡ: 14cm, 19cm, 29cm. Kim đốt bằng thép không rỉ, 15g: cứng, dễ quan sát, ít xâm lấn. Đầu kim bằng ceramic, có bọc lớp đồng ở phần phát sóng. Kim có kênh làm lạnh với cặp cảm biến nhiệt giúp bảo vệ các mô lành. Tương thích máy Solero.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1196	Kim gây tê ngoài màng cứng	Hộp 10 cái	Cái	20	Bộ dụng cụ bao gồm các thành phần: kim tuohy, catheter, màng lọc vi khuẩn, syringe kháng áp lực (L.O.R syringe)…	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1197	Kim gây tê tủy sống các cỡ	Hộp/ 25 cây	Cây	2.500	Clip mạch máu nội soi Titanium PILLING - WECK, chất liệu Titanium, (kim loại màu xám sẫm, không rỉ sét, tương hợp với cơ thể người. Thiết kế phù hợp dùng clip mạch máu trong phẫu thuật nội soi. Đóng gói và tiệt trùng thanh10 cái : 1 mặt giấy 1 mặt nhựa poly cứng)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1198	Kim lấy máu thử đường huyết an toàn	Hộp/ 30 cây	Cây	80.000	Kim hoàn toàn nằm trong vỏ nhựa (không chứa Latex và PVC) nên không bị kim đâm trong quá trình sử dụng hoặc dính mẫu máu do đó ngăn ngừa lây nhiễm chéo. Nòng kim rỗng, đầu kim sắc bén do cắt vát 2 lần. Độ sâu thâm nhập khi lấy mẫu máu từ 0.3mm đến 1.8mm. Sử dụng cho Bút bắn kim Medisafe FineTouch. Đóng gói tiệt trùng.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1199	Kim luồn dài CVP 2 nòng (luồn tĩnh mạch trung tâm có dây - phương pháp Seldinger)	Hộp 10 cái	Cái	1.000	Catheter D16/P16 , đường kính 7Fr, dài 20cm, tốc độ truyền 200 ml/phút vô trùng, độ tương hợp cao, lưu catheter lâu trong cơ thể.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1200	Kim luồn dòng truyền lớn, nhanh - Catheter 16G/1 = 70x160mm - tốc độ truyền 128ml/phút	Hộp 25 cái	Cái	250	Catheter : 16G/1=70 x160mm dòng truyền lớn, bộ điều chỉnh dòng truyền cho phép truyền 128 ml/phút, có cánh cố định catheter, kim mở đường. Đầu kim, mặt vát 3 chiều , bén dễ thao tác. Đóng gói và tiệt trùng từng cây.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1201	Kim luồn ngắn an toàn (18G-20G-22G) x1 in (luồn tĩnh mạch, có cửa chích thuốc, có đầu bảo vệ)	Hộp 50 cây	Cây	90.000	Nguyên liệu : Teflon-Fluoro Ethylen Propylene. Độ tương hợp cao, lưu catheter lâu trong cơ thể, có cửa chích thuốc... Đầu kim 3 mặt vát, tiêm luồn dễ dàng. Tự kích hoạt che đầu kim sau khi rút kim ra khỏi bệnh nhân, tránh kim đâm vào tay khi thao tác các bệnh nhân lây nhiễm qua đường máu. Đóng gói và tiệt trùng từng cây.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1202	Kim luồn ngắn an toàn 24G x1 in (luồn tĩnh mạch, có cửa chích thuốc, có đầu bảo vệ)	Hộp 50 cây	Cây	500	Nguyên liệu : Teflon-Fluoro Ethylen Propylene. Độ tương hợp cao, lưu catheter lâu trong cơ thể, có cửa chích thuốc... Đầu kim 3 mặt vát, tiêm luồn dễ dàng. Tự kích hoạt che đầu kim sau khi rút kim ra khỏi bệnh nhân, tránh kim đâm vào tay khi thao tác các bệnh nhân lây nhiễm qua đường máu. Đóng gói và tiệt trùng từng cây.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1203	Kim luồn tĩnh mạch các số	Hộp/ 100 cái	Cây	4.300	Kim chất liệu thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn được vát 3 cạnh nghiên 30 độ giảm đau, có cánh, có cửa bơm thuốc. Cổng tiêm với van bơm silicone một chiều. Thiết kế đặc biệt với cổng tiêm có nắp bảo vệ và giảm thiểu nhiễm trùng. Cánh góc cạnh và rãnh để cố định an toàn. Có 4 đường cản quang ngầm để phát hiện chụp ảnh phóng xạ chính xác	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1204	Kim nhà số 27G	Hộp/100 cái	Cái	4.000	Đầu kim sắc bén cắt vát 2 lần giảm cảm giác đau, khó chịu cho bệnh nhân. Răng khóa được thiết kế chắc chắn khi vặn kim vào ống tiêm. Được đóng gói từng cái riêng biệt trong vỏ nhựa, tem niêm phong rõ ràng đảm bảo sự vô trùng.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1205	Kim nhựa số 18G -> 26G x 1 1/2 in	Hộp/ 100 cái	Cái	400.000	Dùng lấy thuốc và máu độ dài kim từ 36 đến 39mm, độ vát mũi kim góc khoảng 12°. Chất liệu tốt trơn láng không gây kích ứng, không gỉ sét, không gây tổng thương mô. Kim các số 18-> 26G, các cỡ kim được phân biệt bởi màu sắc vỉ đựng kim. Không chứa độc tố DEHP.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1206	Kim quang	cái / gói	Cái	5.000	Dùng trong điều trị laser nội mạch. Đóng gói và tiệt trùng từng cây. Đánh giá theo chủng loại và quy cách. *	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1207	Lọ lấy đàm có dây hút 20ml	1c/ gói vô trùng	Cái	2.500	Kích cỡ: lọ 20ml, cỡ dây hút CH10, 12 và 14. Đdkt: Lọ bằng nhựa trong suốt,vạch đo và chữ số rõ ràng dễ nhìn; dây hút bằng nhựa chuẩn y tế dài 37cm, độ cứng 78A (mềm hơn khi vào cơ thể người). Lọ có 2 nắp đậy, đóng gói từng cái tiệt trùng	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1208	Lọc khuẩn 1 chức năng có cổng đo CO2	Cái	Cái	2.500	Bộ phin lọc khí, dùng cho người lớn, có cổng đo CO2, cổng nối 22mmF-15mmM/ 22mmM-15mmF	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1209	Lọc khuẩn 3 chức năng, 29gr	1 cái/ túi	Cái	5.000	Phin lọc khuẩn, loại ba chức năng, dùng cho người lớn (Heat Moisture Exchange Filter (HMEF), Adult), dùng 1 lần. Thể tích khí lưu thông: 200ml-1500ml. Vỏ phin lọc khuẩn được chế tạo từ vật liệu PP trong suốt, dễ dàng quan sát bên trong. Màng lọc chế tạo từ sợi polypropylene, kỵ nước. Độ thất thoát hơi ẩm: 8,9 ± 0,5 g mg/L H2O (500 ml VT). Khoảng chết cơ học: 17,1 – 18,9 ml. Hiệu quả lọc vi khuẩn: 99% - 99,999%. Hiệu quả lọc virus: 99 % - 99,999%. Kích thước đầu nối 22mmF/15mmM (phía máy). Kích thước đầu nối 22mmM/15mmF (phía bệnh nhân). Cổng luer lấy mẫu khí có nắp đậy. Tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1210	Lưỡi dao bào da	1c/ gói	Cái	200	Kích cỡ: lưỡi dài 158mm, rộng 18mm, phù hợp với cán dao kiểu Watson. Đdkt: thép không gỉ cao cấp của Anh, lưỡi dao sắc mảnh.Đóng gói tiệt trùng 1c/gói bằng tia Gamma	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1211	Lưỡi tông đơ	50 cái/ hộp	Cái	200	Tương thích với tông đơ điện cạo lông tóc Surgical Clipper 9661. Cam kết hỗ trợ thiết bị để thực hiện chuyên môn	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1212	Mãnh ghép Polypropylene 10x15cm	Hộp/5 miếng	Miếng	100	Mảnh ghép Polypropylene Mesh LP sọc xanh 10x15cm, kích thước lỗ 1mm, khối lượng 36g/m2, dày 0.39mm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1213	Mãnh ghép Polypropylene 15x15cm	Hộp/5 miếng	Miếng	100	Mảnh ghép Polypropylene loại nặng, kích thước lỗ 0.8mm, khối lượng 82g/m2, dày 0.48mm, kích thước 15 x 15cm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1214	Mask thanh quản 2 nòng silicon, dùng nhiều lần các số.	10 cái/ gói	Cái	10	Loại 2 nòng silicon tương thích sinh học, latex free. Bóng silicone 2 lớp, mềm, trên lưng bóng có khí đệm bảo vệ thanh quản vừa kít cổ họng. Ống khí có lò xo bằng thép ngăn ngừa cắn và xoắn, Các size 3.0 trở lên có kèm theo stylet. Có các size từ trẻ em đến người lớn:1.0/1.5/2.0/2.5/3.0/4.0/5.0, trọng lượng từ <5kg đến 70kg, thể tích bơm bóng 4/7/10/14/20/30/40ml. Trên thân ống có in rõ ràng đầy đủ các thông tin size cỡ, thể tích bơm bóng, khối lượng, số lần sử dụng. Sử dụng nhiều lần	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1215	Mask thở không xâm lấn	01 cái/ gói	Cái	30	Mặt nạ NovaStar TS được trang bị đầu nối tiêu chuẩn (SE) tích hợp van an thiết kế với 1 miếng đệm silicone mềm và tựa trán điều chỉnh giúp giảm áp lực lên mũi và tạo sự thoải mái. Sử dụng nhiều lần và tương thích với các loại máy thở.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1216	Mask thở không xâm lấn mũi miệng	Hộp/Cái	Cái	30	Mặt nạ thở không xâm lấn mũi miệng dùng nhiều lần với lớp đệm silicone mềm tạo sự thoải mái và ôm khít mặt bệnh nhân. Mặt nạ có đầu nối tiêu chuẩn (SE) tích hợp van an toàn và tựa trán điều chỉnh lên xuống giúp giảm áp lực lên mũi và tạo sự thoải mái. Sử dụng nhiều lần và tương thích với các loại máy thở.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1217	Mặt nạ (Mask) có dây xông khí dung	Túi 1 bộ x 100 túi / kiện	Bộ	3.500	Các cỡ M,L,XL. Dây dẫn chính có chiều dài 2 m.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1218	Mặt nạ (Mask) thở oxy có túi chứa oxy	Thùng/ 100 cái	Cái	2.000	Chất liệu nhựa PVC y tế hoặc tương đương, đầu mũi có thể điều chỉnh nồng độ trung bình. Có dây đeo đàn hồi, với ống 2m. Có túi dự trữ. Các size.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1219	Mặt nạ gây mê các cỡ	Cái	Cái	500	Chất liệu nhựa PVC y tế, giữ kín hơi, mask có đệm khí, mềm mại và tiếp xúc tốt. Độ trong suốt cao. Đầu nối 22mm. Có cổng bơm khí. Sử dụng một lần	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1220	Mỏ vịt nhựa tiệt trùng	Túi 1 cái 250 cái/Kiện & 120 cái/Kiện	Cái	5.000	Sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh, độ trơn láng cao.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1221	Mũ phẫu thuật dùng trong phẫu thuật	1 cái/ gói	Cái	50.000	Thành phần của vải không dệt là 100% Polypropylen; Vải không có mùi; Độ axit - kiềm: Trung tính; không thấm nước Đã tiệt trùng bằng khí EO.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1222	Nắp dẫn lưu màng phổi tiệt trùng	Cái	Cái	500	Một nắp bình dẫn lưu bằng nhựa cứng, lót joint cao su, có đúc sẵn 2 đầu nối nhựa. Đánh giá theo chủng loại và quy cách. *	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1223	Nắp đậy kim luồn	Hộp 300	Cái	60.000	Chất liệu : Nhựa PVC trung tính, trong suốt, trơn láng. Theo tiêu chuẩn dùng để đậy kim luồn.Tiệt trùng và đóng gói từng cái.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1224	Nhiệt kế điện tử	Hộp/ 1 cái	Cái	100	Cấu hình nhiệt kế: 1 nhiệt kế gồm bao pin, vỏ đựng, 5 vỏ bọc đầu đo, hướng dẫn sử dụng. Vị trí đo: miệng, nách, hậu môn. Thời gian đo: nách 120 giây, miệng 80 giây và hậu môn 60 giây. Hiển thị nhiệt độ: độ C và độ F. Bộ nhớ: Lưu kết quả đo trước. Độ chính xác: + 0.1°C (32 - 42.0°C) ~ + 0.2°F (89.6- 107°F). Phạm vi đo: từ 32.0 đến 42.0°C (89.6- 107°F. Chức năng âm thanh: 1 tiếng bíp khi mở nguồn, 3 tiếng bíp khi kết quả hiển thị. Không thấm nước, dễ lau chùi.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1225	Nội khí quản đường mũi số 6 đến 8	Hộp 10 cái	Cái	100	Thành phần : 100 % Silicone, phù hợp về mặt sinh học, thích hợp cho sử dụng dài ngày. Thiết kế ống dạng hình số 7 theo đúng tiêu chuẩn dùng để đặt nội khí quản qua đường mũi. Tiệt trùng và đóng gói từng cái.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1226	Nội khí quản số 3,0 đến 8,5	Hộp/ 10 cái	Cái	3.000	Chất liệu PVC, đầu ống vát mài nhẵn, có bóng hình oval giúp giảm bề mặt tiếp xúc với dây thanh quản. Đầu ống nhẵn, mềm mại, không dễ vỡ, thân ống có độ cong thích hợp, có vạch chia độ. Đường bức xạ X-Quang trên ống giúp định vị dễ dàng. Đóng gói tiệt trùng từng cái.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1227	Nội khí quản thân phủ silicon, có lò xo tăng cường, có bóng có các số.	Hộp/10 cái	Cái	100	Các cỡ 5.0, 5.5, 6.0, 6.5, 7.0, 7.5, 8.0, 8.5, Fr, thân ống có vòng xoắn kim loại chạy dọc thân ống, có 2 vạch đánh dấu trên bóng giúp đặt ống đúng vị trí. Bóng thể tích lớn áp lực nhỏ. Bề mặt trong lòng ống được làm trơn nhẵn. ống 5.0 (đường kính ngoài 6.9mm, chiều dài 308mm), ống 5.5 (đường kính ngoài 7.5mm, chiều dài 320mm), ống 6.0 (đường kính ngoài 8.2mm, chiều dài 320mm); ống 6.5 (đường kính ngoài 8.8mm, đường kính ngoài 330mm); ống 7.0 (đường kính ngoài 9.6mm, chiều dài 340mm); ống 7.5 (đường kính ngoài 10.2mm, chiều dài 350mm); ống 8.0 (đường kính ngoài 10.8mm, chiều dài 360mm), ống 8.5 (đường kính ngoài 11.5mm, chiều dài 365mm)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1228	Nút cao su chai 500ml	cái / gói	Cái	20.000	Chất liệu : Cao su, dùng để đóng lớp trong nút chai 500ml nuôi ăn. Đánh giá theo chủng loại và quy cách. *	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1229	Nút nhôm chai 500ml	cái / gói	Cái	20.000	Chất liệu : Nhôm, dùng để đóng lớp ngoài nút chai 500ml nuôi ăn. Đánh giá theo chủng loại và quy cách. *	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1230	Ống cai chữ T	Gói/cái	Cái	3.000	Co T máy thở cho bệnh nhân thở máy, có cổng hút đàm. Dây nối oxy dài 1.8- 2.1m.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1231	Ống đặt nội khí quản có hoặc không bóng chèn các số	Hộp/10 cái	Cái	1.000	Chất liệu ống PVC. Bóng Hi-Lo có thể tích lớn, áp lực nhỏ. Độ dày bóng 0.051mm, Đường kính bóng 31.5mm, Thể tích bóng 21.4ml. Áp lực trong bóng 19.4cm H2O. Hai vạch đánh dấu phía trên bóng chèn để hỗ trợ định vị ống an toàn.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1232	Ống đặt nội khí quản khó linh hoạt	Cái	Cái	20	Sử dụng vật liệu silicon mịn phủ lên đầu mũi; phủ lớp photpho sáng lên trên đầu nhọn	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1233	Ống hút tai nhựa lớn, nhỏ	cái / gói	Cái	2.000	Chất liệu : Nhựa PVC trung tính, trơn láng, thiết kế dùng để hút tai, kích cỡ theo yêu cầu. Không độc, không gây kích ứng khó chịu khi sử dụng. Đóng gói và tiệt trùng từng cái, sẵn sàng sử dụng. Đánh giá theo chủng loại và quy cách. *	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1234	Ống mở khí quản nhựa mềm 1 nòng có bóng các cỡ 5-9	10 cái/ hộp	Cái	100	Vật liệu PVC y tế không latex. Co nối xoay 15mm. Van bơm bóng 1 chiều đảm bảo bơm liên tục. Băng cố định ở cổ loại bỏ các bước không cần thiết khi cấp cứu. Cánh cố định mềm dẻo và rộng giúp cố định và tối đa thoải mái cho bệnh nhân. Đánh dấu kích cỡ rõ ràng trên cánh cố định. Bóng thể tích lớn áp lực thấp chất lượng cao cho hiệu quả bịt kín khí quản. Đầy đủ kích cỡ 4-9, đường kính trong (4.0- 9.0mm) và đường kính ngoài (5.3-12.0mm), chiều dài ống (55-105mm)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1235	Ống nghe Huyết áp kế	Hộp 1	Cái	50	Theo công nghệ và tiêu chuẩn của Nhật. Dùng để nghe tim, phổi trong khám và điều trị.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1236	Ống thông dạ dày có nắp, có đường cản quang các số	1 Cái/gói	Cái	4.500	Ống thông dạ dày bao gồm: co nối loại phễu có nắp tránh nhiễm trùng và ống dây làm bằng nhựa mềm. Có đường cản quang màu xanh chạy dọc thân ống. Đầu xa ống tròn mềm. Thân ống có 4 lỗ cách đều nhau để tăng tốc độ dòn chất lỏng. Trên ống có các vạch chia đánh dấu vị trí tại 45,55,65 và 75cm. Chiều dài ống 125cm. Vô trùng EO, không chứa DEHP	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1237	Ống thông dẫn lưu mật (Sonde kehr chữ T)	1c/ gói vô trùng	Cái	200	Kích cỡ: 20 x 40cm. Đdkt: cao su tự nhiên Latex, thông dạng chữ T màu vàng sậm, đầu ống bo tròn dễ luồn	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1238	ống thông dẫn lưu thận, dạ dày (Sonde Pezzer)	1c/ gói vô trùng	Cái	100	Chất liệu: cao su tự nhiên, không chứa latex. Kích cỡ: 16Fr ~ 36Fr, dài 38 – 40 cm. Đdkt: bằng cao su tự nhiên, không có độc tính, không gây sốt, kích ứng khi đặt dẫn lưu trong cơ thể, đầu ống hình quả bí có 3 lỗ thông. Đóng gói tiệt khuẩn.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1239	Ống thông Fogarty các số	Hộp 10 cái	Cái	10	Kích cỡ theo nhu cầu dùng thông mạch máu trong phẫu thuật.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1240	Ống thông hút đàm kiểm soát số 6 đến 14Fr	Hộp/ 100 cái	Cái	70.000	Chất liệu nhựa PVC y tế hoặc tương đương, không quá cứng hoặc quá mềm, trơn láng, không sần sùi hoặc dập nút, đầu dây được bo tròn, không có cạnh sắc, có van kiểm soát, các số từ 6-16. Tiệt trùng bằng khí EO.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1241	Ống thông phổi 28 - 32 Fr (Sonde phổi 28 Fr)	1c/ gói vô trùng	Cái	100	Công dụng: thông dẫn lưu dịch trong màng phổi. Kích cỡ: CH 16 ~ CH 36. Chất liệu: nhựa PVC không DEHP, không latex. Đdkt: ống mùi nhẹ, không gây kích ứng dài 52 cm trên thân có khắc vạch mỗi 2cm, thân ống có dây cản tia X.Đóng gói tiệt khuẩn	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1242	Ống thông tiểu có bóng 3 nhánh số 12FR đến 26FR (sonde foley)	Túi/10 cái	Cái	200	Kích thước bóng: 30cc.Các số: 16 (đường kính trong 5.3mm), 18 (đường kính trong 6.0mm), 20 (đường kính trong 6.7mm), 22 (đường kính trong 7.3mm), 24 (đường kính trong 8.0mm), 26 (đường kính trong 8.7mm). Chiều dài 40 cm.Chất liệu cao su thiên nhiên có phủ silicon giảm kích ứng, thành ống dầy chống gẫy gập, lỗ ống rộng giúp dẫn lưu tốt, Bóng cân đối có 3 nhánh, chất liệu không có chất DEHP.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1243	Ống xông họng nhựa	cái / gói	Cái	3.000	Chất liệu : Nhựa PVC trung tính, trơn láng. Thiết kế dùng để xông khí dung đường mũi, họng. Không độc, không gây kích ứng khó chịu khi sử dụng. Đầu nối với dây nối máy phù hợp đúng tiêu chuẩn. Đóng gói và tiệt trùng từng cái, sẵn sàng sử dụng. Đánh giá theo chủng loại và quy cách. *	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1244	Ống xông mũi nhựa	cái / gói	Cái	3.000	Chất liệu : Nhựa PVC trung tính, trơn láng. Thiết kế dùng để xông khí dung đường mũi, họng. Không độc, không gây kích ứng khó chịu khi sử dụng. Đầu nối với dây nối máy phù hợp đúng tiêu chuẩn. Đóng gói và tiệt trùng từng cái, sẵn sàng sử dụng. Đánh giá theo chủng loại và quy cách. *	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1245	Quả lọc huyết tương kèm dây dẫn máu	4 bộ / Thùng	Quả	120	Thể tích máu của cả bộ quả lọc ±10%: 127 ml. Diện tích màng: 0,35 m2. Chất liệu màng lọc dạng sợi rỗng: Polypropylene. Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 330 µm. Độ dày thành sợi lọc: 150 µm. Thể tích máu trong quả lọc huyết tương: 41 ml ±10%. Tốc độ máu tối thiểu: 100ml/min. Tốc độ máu tối đa: 400ml/min	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1246	Quả lọc máu liên tục kèm dây máu	4 bộ / Thùng	Quả	150	Chất liệu: Màng lọc: dạng sợi rỗng AN69 (Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer), Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate, Vách đầu quả lọc: Polyurethane, Ống dẫn: plasticized polyvinyl chloride (PVC), Cartridge: PETG. Phương pháp tiệt trùng: EtO (ethylene oxide). Thông số kỹ thuật của quả lọc: TMP tối đa* (mmHg/kPa): 450/60, Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66,6, Thể tích máu trong quả lọc (±10%): 152 ml. Diện tích màng: 0,9m2. Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 240µm. Độ dày thành sợi lọc: 50µm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1247	Quả lọc than hoạt tính	6 bộ / Thùng	Quả	10	Chất liệu: Vỏ quả: Polypropylene, Chất hấp phụ: Than hoạt phủ Cellulose. Diện tích hấp phụ: 300.000 m2. Độ dày màng: 3 - 5µm. Kích thước lỗ: 450µm. Thể tích máu trong catridge: 260ml	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1248	Que thử đường huyết	Hộp 25 que	Que	40.000	≤ 5 giây cho kết quả. Lấy mẫu chỉ 0.4ul, có cửa sổ báo máu. Không giới hạn thời gian nạp máu. Không ảnh hưởng bởi nồng độ máu loãng hay đặc. Không bị sai số bởi thức ăn: có chế độ đo trước ăn, sau ăn. Cam kết hỗ trợ ≥ 25 thiết bị để thực hiện kỹ thuật.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1249	Que thử đường huyết an toàn (đầu hút dạng vòi, nằm trong nút nhựa, có màng film bảo quản, sử dụng máy đo bằng phương pháp quang học có chùm tia kép)	Hộp/ 30 cái	Cái	100.000	Đầu thử có đầu hút dạng vòi, nằm trong nút nhựa, có màng phim bảo quản tránh ẩm và oxy hoá. Có ghi hạn sử dụng trên từng đầu thử để dễ kiểm soát. Không cần cài đặt code khi sử dụng. Thiết kế dạng hình khối dễ cầm với 1 chiều gắn duy nhất. Đóng gói từng cái. Cam kết hỗ trợ ≥ 25 thiết bị để thực hiện kỹ thuật.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1250	Que thử khí máu E-Ca CCA-TS	Hộp/25	Cái	2.000	Dùng đo khí máu và ion đồ pH, pCO2, pO2, tHb, SO2, Na+, K+, Ca++	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1251	Que thử khí máu và ion đồ	Hộp/ 25 cái	Cái	5.000	Tương thích với máy đo khí máu động mạch tại giường	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1252	Sáp parafin	Bao 50 kg	Kg	200	Dùng trong vật lý trị liệu, điều trị đau.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1253	Sáp xương 2,5 gram	12 Miếng / hộp	Miếng	420	Miếng sáp cầm máu xương 2.5 gram. Đóng gói tiệt trùng bằng tia gama từng miếng. Thành phần: Sáp ong trắng (85% kl/kl), Isopropyl Palmitate (15% kl/kl)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1254	Sonde foley 2 nhánh các cỡ	Hộp/10 cái	Cái	7.500	Foley 2 nhánh phủ silicone, không pyrogenic, có cản quang, an toàn dễ đặt và ít tổn thương, van 1 chiều. Thể tích bóng đa dạng 3-5ml, 5-15ml, 20-30ml, 30-45ml. Bao gồm các size từ 12FR đến 30FR, đường kính ngoài ống (4.0-10.1mm), tổng chiều dài ống 405mm và chiều dài hữu dụng 320mm, tốc độ dòng (180-2300 ml/phút).Tiệt trùng bằng EO.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1255	Tăm bông bệnh phẩm vô trùng	Bịch 50 que	Que	2.000	Tăm bông tiệt trùng đóng gói từng que.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1256	Tấm điện cực trung tính có vòng đẳng thế Twinsafe dùng 1 lần	5 miếng/gói	Miếng	500	Vật liệu xốp mỏng (foam) PE, Keo dính: dẫn xuất hydrogel, Lớp nền bảo vệ: PETP film. Hình oval, sử dụng được mọi hướng, Có vòng đẳng thế Twinsafe chia tấm điện cực thành 2 phần đối xứng nhau, điện tích được phân bố đều ở hai bản cực mà không gây bỏng giảm trở kháng. Kích thước: 176mmx122mm; Độ dày: ≤ 1mm, Diện tích bề mặt dán 169 cm^2, Diện tích vùng dẫn: 110cm^2; Độ tăng nhiệt trong 60s: <5°C/350mA. Tiêu chuẩn FDA, CE, ISO	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1257	Tấm điện cực trung tính dùng 1 lần	5 miếng/gói	Miếng	500	Vật liệu xốp mỏng (foam) PE, Keo dính: dẫn xuất hydrogel, Lớp nền bảo vệ: PETP film. Kích thước: 206mmx122mm; Độ dày: ≤ 1mm, Diện tích bề mặt dán 220 cm^2, Diện tích vùng dẫn: 160cm^2; Trở kháng 1.0 Ohm tại 600kHz; Độ tăng nhiệt trong 60s: <3°C/700mA	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1258	Tạp dề nylon 0.8 - 1,2m	Cái	Cái	3.000	Chất liệu : Màng Poly Ethylene , màu xanh. Kích thước 0,75 – 1,20 m. Đóng gói và tiệt trùng từng cái bằng EO. Đánh giá theo chủng loại và quy cách. *	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1259	Thông nội phế quản trái 2 nòng 28 đến 37Fr (Sonde karlen)	01 cái/Hộp	Cái	10	Nguyên liệu PVC silicone, không DOP, không Latex. Đầu ống tròn hạn chế tổn thương, mối nối bóng mềm mại. Pilot ballon được đánh dấu. sumi (22-xx22, 21-xx22). Nòng trái/ phải, bóng thể tích lớn - áp lực thấp, đường cản quang dọc thân ống. Gồm 4 ống hút có van điều khiển + bộ ống nối chữ Y, số 28, 32, 35, 37, 39, 41	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1260	Tinh dầu trị liệu	Lít/ Gói	Lít	100	Dùng trong vật lý trị liệu, điều trị đau.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1261	Túi chứa dịch (lọc máu)	1 túi / Gói	Cái	30	Được dùng để thu thập dịch thải trong khi thực hiện CRRT bằng hệ thống Prismaflex. Được trang bị đầu nối female Luer ở bên trong túi và ống lớn (Ø 8 mm) để làm nơi dẫn lưu. Chất liệu: PVC, không có DEHP, không có Latex. Thể tích: 5L	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1262	Túi đựng nước tiểu có dây treo	1 cái/ gói	Cái	40.000	Dung tích: 2.000 ml, Có quai treo, vạch chia dung tích, nút xả loại nhấn không tuột, không bị rỉ nước Tiệt trùng bằng khí EO.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1263	Túi hậu môn nhân tạo loại xả	Hộp/ 30 cái	Cái	4.000	Túi hậu môn nhân tạo dế hydrocolloide , loại xả, trong suốt, vòng cắt 70cm, miệng túi 7cm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1264	Túi làm ấm máu gồm 1 túi, 2 bộ ống dây và các đầu nối luer	24 túi/ thùng	Túi	200	Sử dụng với máy làm ấm máu	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1265	Vật liệu cầm máu 10 x 20cm	12 miếng / hộp	Miếng	600	Vật liệu cầm máu dạng lưới mềm tự tiêu, bằng cellulose oxi hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose), nguồn gốc thực vật, kích thước 10 x 20cm, có tính kháng khuẩn, độ pH thấp (2.4), tự tiêu sau 7 - 14 ngày.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1266	Vật liệu cầm máu 7 x 5 x 1cm	Hộp /20 miếng	Miếng	800	Vật liệu cầm máu trong 2-4 phút. Tự tiêu hoàn toàn trong vòng 4-6 tuần. Hóa lỏng trong 2-5 ngày tiếp xúc với niêm mạc. Hấp thụ 35 - 50 lần trọng lượng của nó trong máu và các chất dịch. Độ pH-trung lập. 100% phân hủy sinh học. Có thể dùng khô hoặc được ngâm tẩm. Tương thích với dược phẩm các loại. Có sẵn ở dạng miếng xốp và bột.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1267	Vật liệu cầm máu 8 x 3cm	Hộp/15 miếng	Miếng	100	Vật liệu cầm máu trong 2-4 phút. Tự tiêu hoàn toàn trong vòng 4-6 tuần. Hóa lỏng trong 2-5 ngày tiếp xúc với niêm mạc. Hấp thụ 35 - 50 lần trọng lượng của nó trong máu và các chất dịch. Độ pH-trung lập. 100% phân hủy sinh học. Có thể dùng khô hoặc được ngâm tẩm. Có sẵn ở dạng miếng xốp và bột.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1268	Vật liệu cầm máu mũi 80x15x20 mm	10 miếng/ hộp	Miếng	200	Miếng cầm máu mũi, kích thước 8.0x2x1.5cm, vật liệu polyvinyl, có dây	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1269	Vật liệu cầm máu SPONGOSTAN 8x3cm	Miếng	Miếng	200	Miếng cầm máu bằng gelatin dạng ống màu trắng tiệt trùng, tự tiêu 8x3cm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1270	Vôi soda (gây mê)	Can 4.15kg	Can	60	Dạng viên tròn nhỏ được sản xuất để sử dụng trong các thiết bị gây mê để hấp thụ CO2 an toàn và hiệu quả trong hệ thống thông khí.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1271	Vòng đeo tay bệnh nhân	100 cái/ hộp	Cái	18.000	Mềm, mịn, dẻo, không thấm nước, không sắc bén ở các cạnh, không tự bung, khóa chắc chắn khó mở, tem dán ghi thông tin bệnh nhân không thấm nước.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1272	Vòng tránh thai	Hộp/ 50 cái	Cái	500	Diện tích vòng đồng rất rộng, hiệu quả ngừa thai cao. Vị trí đồng ở cao, số lượng đồng ở cành ngang giúp cho đồng phóng ra đến tận đáy tử cung, Đặt vào và lấy ra dễ dàng đảm bảo tốt cho sự ngừa thai.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
NHÓM 19: VẬT TƯ TIÊU HAO DÙNG TRONG XÉT						
1273	Đầu cone vàng	1000 cái/ gói	Cái	70.000	Chất liệu: Nhựa PP chính phẩm, màu vàng. Đặc điểm: Không khía hoặc có khía. Kích cỡ: dung tích 10-200 µl	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1274	Đầu cone xanh	1000 cái/ gói	Cái	30.000	Chất liệu: Nhựa PP chính phẩm, màu xanh Đặc điểm: Không khía. Kích cỡ: dung tích 100-1000 µl	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1275	Lam kính 7102 H/72M	72 miếng/ hộp	Hộp	240	Làm bằng kính trong suốt, không mờ, không bọt khí, không vết nứt. Đọc được kết quả rõ ràng, chính xác qua kính hiển vi .	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1276	Lam nhám	72 miếng/ hộp	Hộp	250	Làm bằng kính trong suốt, không mờ, không bọt khí, không vết nứt. Đọc được kết quả rõ ràng, chính xác qua kính hiển vi .	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1277	Lammen 22x22mm	Hộp/100 miếng	Hộp	200	Làm bằng kính trong suốt, không mờ, không bọt khí, không vết nứt. Đọc được kết quả rõ ràng, chính xác qua kính hiển vi .	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1278	Lọ vô trùng	100 cái/bịch (600 cái/thùng)	Cái	8.000	Lọ nhựa PS trắng trong, có nhãn màu trắng, nắp màu đỏ, dung tích 50ml. Kích thước: Chiều cao 65mm, đường kính 34mm. Sử dụng nhựa y tế trung tính, tinh khiết 100% không phản ứng với hóa chất, bệnh phẩm bên trong. Tiệt trùng bằng tia Gamma.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1279	Ly nhựa dung tích 100 ml	24 lọ/bịch	Lọ	400	Lọ nhựa PS trắng trong, có nhãn nắp màu trắng, dung tích 100ml. Sử dụng nhựa y tế trung tính, tinh khiết 100% không phản ứng với hóa chất, bệnh phẩm bên trong.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1280	Ống nghiệm đựng nước tiểu	Thùng/ 1.500 ống	Tube	40.000	Ống xét nghiệm đáy tròn 15ml sử dụng trong xét nghiệm nước tiểu, đông máu và các quy trình thường quy khác trong phòng xét nghiệm. Ống nghiệm 15ml được ép bằng nhựa PP. Không có chất bôi trơn. Thành ống dày dảm bảo chịu được lực quay ly tâm đến 6000 RPM.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1281	Ống nghiệm nhỏ PS/PP có nắp 5ml	100 cái/ gói	Cái	1.000	Chất liệu: nhựa y tế trong suốt. Thành ống dày dặn Kích cỡ: 12 x 75 mm. Dung tích 5ml	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1282	Ống nghiệm nhỏ PS/PP không nắp 5ml	500 cái/ gói	Cái	15.000	Chất liệu: nhựa y tế trong suốt. Thành ống dày dặn Kích cỡ: 12 x 75 mm. Dung tích 5ml	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1283	Tube Chimigly 2ml	2400 tube/thùng	Tube	45.000	Ống nghiệm nhựa PP, kích thước 12x75mm, trung tính, nhãn và nắp nhựa màu xám. Hóa chất bên trong là chất kháng đông NaF+ EDTA , Chịu được lực quay ly tâm gia tốc 3000 vòng/ phút trong thời gian 5p-10p (có xác nhận của đơn vị kiểm chứng). Dùng xét nghiệm đường (duy trì đường huyết không thay đổi trong vòng 36- 48h sau khi lấy máu) và các xét nghiệm sinh hóa (trừ Na+)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1284	Tube Citrace 5ml	2400 tube/thùng	Tube	45.000	Kích thước 12x75. Nắp nhựa màu xanh lá cây. Hóa chất bên trong là Trisodium Citrate 3.8%, Chịu được lực quay ly tâm gia tốc 3.000 vòng/phút trong thời gian 5 phút (có phiếu kiểm nghiệm xác nhận của đơn vị kiểm chứng). Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml máu trên nhãn ống. Dùng xét nghiệm liên quan đến yếu tố đông máu và tốc độ lắng máu.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1285	Tube đựng huyết thanh 1,5ml	1000 cái/ gói	Cái	10.000	Chất liệu: Nhựa PP chính phẩm. Nắp bật. Dung tích: 1,5ml	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1286	Tube EDTA nắp cao su 5ml	2400 tube/thùng	Tube	150.000	Ống nghiệm nhựa PP 5ml,kích thước 12x75mm. trung tính, nắp cao su với độ đàn hồi cao, phủ bọc nhựa màu xanh biển giúp thuận lợi trong qúa trình thao tác. Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetraacetic Acid (EDTA K3) với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ, Chịu được lực quay ly tâm gia tốc 3.000 vòng/phút trong thời gian 5 phút (có phiếu kiểm nghiệm xác nhận của đơn vị kiểm chứng). Dùng trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c..). Thiết kế phù hợp cho mọi hệ thống máy huyết học tự động. Nắp cao su tinh khiết chất lượng cao giúp kim xuyên qua dễ và đàn hồi tốt, không gây hiện tượng rơi vãi giọt máu ra ngoài, bảo vệ người sử dụng và tránh sự lây nhiễm mẫu bệnh phẩm. Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml trên nhãn ống.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1287	Tube Heparin 5ml	2400 tube/thùng	Tube	100.000	Chất liệu : Polypropylene 5ml (75 x13 mm) trung tính, nắp màu đen, chữ màu đen. Sử dụng chất kháng đông Heparine Lithium. Dùng để tách huyết tương, làm các xét nghiệm sinh hóa như Ion đồ, Na+, K+, … trừ Li+.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1288	Tube nhựa lấy máu 5ml	500 Tube/ gói	Tube	30.000	Chất liệu: nhựa y tế trong suốt. Thành ống dày dặn Kích cỡ: 12 x 75 mm. Dung tích 5ml	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1289	Tube Serumplast 5ml	2500 tube/thùng	Tube	50.000	Kích thước 12x75. Nắp nhựa màu đỏ. Hóa chất bên trong là hạt nhựa Poly Styrene hình khối. Tiến trình đông máu diễn tiến nhanh chỉ từ 3 - 5 phút. Chịu được lực quay ly tâm gia tốc 3.000 vòng/phút trong thời gian 5 phút (có phiếu kiểm nghiệm xác nhận của đơn vị kiểm chứng).	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
NHÓM 20: VẬT TƯ TIÊU HAO DÙNG TRONG CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH						
1290	Áo chắn tia X dạng 1 mảnh	Hộp/1 cái	Cái	10	Độ dày bảo vệ ≥ 0.5mm. Thiết kế có khóa và dán. Kích cỡ: S, M, L.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1291	Bơm tiêm cản quang 150 ml	50 bộ/ thùng	Cái	150	Chịu áp lực cao ≥ 350 psi, luer lock, chất liệu polycarbonate hoặc tương đương.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1292	Bơm tiêm cản quang 190 ml	50 bộ/ thùng	Bộ	1.000	Chịu áp lực ≥ 300psi, luer lock.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1293	Dây nối bơm tiêm cản quang	50 Bộ/ thùng	Bộ	1.000	Chịu áp lực ≥ 300psi, trong suốt, chống xoắn dài ≥ 150cm. Đường kính trong ≥ 1.5 mm, đầu nối luer lock.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1294	Dây truyền thuốc cản quang dạng chữ Y (dùng cho máy bơm Nemoto)	1 cái / gói	cái	400	Độ dài: 1500 mm/60", nhựa PVC trong suốt; Khóa nối cái (2 cái) nhựa Poly carbonate trong suốt (PC); Khóa nối đực (1 cái): nhựa PC trong suốt; Đầu nối Y (1 cái) nhựa HDPE trong suốt hoặc nhựa PVC; Van (1 cái) nhựa HDPE trắng hoặc nhựa PC; Nắp ngăn bụi cho khóa nối cái (1 cái): nhựa HDPE trắng hoặc PC; Nắp ngăn bụi cho khóa nối đực (2 cái): 1 nhựa polypropylene xanh và 1 nhựa polypropylene tự nhiên. Áp suất: 330 psi.	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1295	Ống bơm cản quang 100ml (dùng cho máy bơm Nemoto)	1 bộ / gói	Bộ	400	Các bộ phận cấu thành: 01 Ống xi lanh 100ml : Nhựa PET tự nhiên; Pittong: Nhựa Prolypropylene trắng, Nắp pittong: Cao su tổng hợp đen, Nắp ngăn bụi: Nhựa Prolypropylene trắng. Thông số của khay đựng xi lanh: Màng đậy: Màng Tyvek trắng, Khay đựng cứng: Nhựa Prolypropylene tự nhiên. Áp suất: 2,1Mpa (300psi 21kgf/cm2)	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1296	Ống bơm cản quang 50ml (dùng cho máy bơm Nemoto)	1 bộ / gói	Bộ	100	Bộ xi lanh dùng cho máy bơm tiêm điện; Dung tich: 50ml; Áp suất: 300 psi; Chất liệu nhựa chịu áp, chống tỏa nhiệt	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1297	Phim chụp X quang KTS 25*30cm	Hộp/125 tấm	Tấm	18.000	Loại phim X quang laser kích cỡ 24 x 30cm (10 x 12 in) sử dụng cho máy in hệ thống X quang kỹ thuật số (CR) CR975 - Mỹ	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1298	Phim dùng cho chụp Xquang 35x43cm	Phim X Quang DI-HL 35x43cm	100 tờ/ hộp	Tờ	Loại phim X quang laser kích cỡ 35 x 43cm sử dụng cho máy in hệ thống X quang kỹ thuật số Fujifilm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1299	Phim X-Quang khô 20 x 25 cm (8 x 10 in)	Hộp / 125 tấm	Hộp / 125 tấm	300	Loại phim X quang laser kích cỡ 20 x 25cm (8 x 10 in) sử dụng cho máy in hệ thống X quang kỹ thuật số (CR) CR975 - Mỹ	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1300	Phim X-quang khô laser DI-HL 35x43 cm (14x17 inch) dùng cho máy in Drypix Smart (Drypix 6000)	Hộp (100 tấm/hộp)	Hộp/ 100 tấm	377	Loại phim X quang laser kích cỡ 35 x 43cm (14 x 17 in) sử dụng cho máy in hệ thống X quang kỹ thuật số Fujifilm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1301	Phim Xquang số hóa 20x25cm	Phim Xquang DI-HL 20x25cm	150 tờ/ hộp	Hộp	Loại phim X quang laser kích cỡ 20x25cm sử dụng cho máy in hệ thống X quang kỹ thuật số Fujifilm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1302	Phim Xquang số hóa 26x36cm	Phim khô y tế DI-HL 26x36cm	150 tờ/ hộp	Hộp	Loại phim X quang laser kích cỡ 26x36cm sử dụng cho máy in hệ thống X quang kỹ thuật số Fujifilm	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
NHÓM 21: KHÍ CÁC LOẠI						
1303	Khí CO2 y tế (dạng khí)	Kg	Kg	1.500	Đặc tính chung: Công thức hóa học: CO2; Điểm sôi (°C): - 78; Trạng thái vật lý: Chất khí; Khối lượng riêng (kg/m3) ≥1.976; không mùi, không vị. Chất lượng Sản phẩm: Hàm lượng (% theo trọng lượng): >99.60%. Cam kết hỗ trợ cho bệnh viện mượn 20 chai	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1304	Khí Nitơ y tế (dạng khí) chai/6m3	6m3/chai	Chai	15	Đặc tính chung: Công thức hóa học: N2; Điểm sôi (°C): - 196; Trạng thái vật lý: Chất khí; Khối lượng riêng (kg/m3) ≥1,25, không mùi, không vị. Chất lượng Sản phẩm: Hàm lượng (% theo trọng lượng): >99.60% . Cam kết hỗ trợ cho bệnh viện mượn 05 chai	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1305	Khí Oxy y tế (dạng khí) chai/3m3	3m3/chai	Chai	2.000	Đặc tính chung: Công thức hóa học: O2; Điểm sôi (°C): -183; Trạng thái vật lý: Chất khí; Khối lượng riêng (kg/m3) ≥ 1.4289; Dễ phát hỏa với nhóm Hydrocacbon (dầu, mỡ…); không mùi, không vị. Chất lượng Sản phẩm: Hàm lượng (% theo trọng lượng) : ≥ 99.6%. Cam kết hỗ trợ cho bệnh viện mượn 100 chai	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1306	Khí Oxy y tế (dạng khí) chai/6m3	6m3/chai	Chai	2.000	Đặc tính chung: Công thức hóa học: O2; Điểm sôi (°C): -183; Trạng thái vật lý: Chất khí; Khối lượng riêng (kg/m3) ≥ 1.4289; Dễ phát hỏa với nhóm Hydrocacbon (dầu, mỡ…); không mùi, không vị. Chất lượng Sản phẩm: Hàm lượng (% theo trọng lượng) : ≥ 99.6%. Cam kết hỗ trợ cho bệnh viện mượn 100 chai	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1307	Khí Oxy y tế (dạng lỏng)	Kg	Kg	430.000	Đặc tính chung: Công thức hóa học: O2; Điểm sôi (°C): -183; Trạng thái vật lý: Chất khí; Khối lượng riêng (kg/m3) ≥1.4289; Dễ phát hỏa với nhóm Hydrocacbon (dầu, mỡ…); không mùi, không vị. Chất lượng Sản phẩm: Hàm lượng (% theo trọng lượng) : ≥ 99.6%. Cam kết lắp đặt cho bệnh viện 02 bồn lỏng tương đương ≥ 8 khối	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
NHÓM 22: VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO DÙNG TRONG NHA KHOA						
1308	Acid phophoric 37%	Ống/5ml	Ống	30	Dùng trong nha khoa	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1309	Composite đặc các loại	Ống/3g	Ống	30	Dùng trong nha khoa	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1310	Composite lỏng	Ống/2g	Ống	30	Dùng trong nha khoa	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1311	Mũi khoan kim cương siêu tốc loại 1	Vĩ/50 cây	Cây	200	Dùng trong nha khoa	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1312	Mũi khoan kim cương siêu tốc loại 2	Vĩ/50 cây	Cây	200	Dùng trong nha khoa	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1313	Mũi khoan tốc độ chậm, thẳng số 700	Vi/5 cây	Cây	40	Dùng trong nha khoa	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1314	Vật liệu trám bít ống tủy dạng bột nhão	Hộp/20 + 10ml	Hộp	2	Dùng trong nha khoa	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1315	Xi măng trám hoàn tất (15g+8g)	Cặp/15g + 8ml	Cặp	20	Dùng trong nha khoa	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1316	Eugenol	Lọ/30ml	Lọ	3	Dùng trong nha khoa	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1317	Oxit zn	Lọ/110g	Lọ	10	Dùng trong nha khoa	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1318	Xi măng gắn chốt (35g+25g)	Hộp/35g +25ml	Hộp	6	Dùng trong nha khoa	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
1319	Dây nhám kẻ kim loại	Gói/12 sợi	Sợi	20	Dùng trong nha khoa	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1320	Giấy chỉnh khớp màu đỏ	Hộp/10 xấp	Xấp	10	Dùng trong nha khoa	Nộp Cataloge và dạ quang lên phần tính năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
Tổng cộng: 1320 mặt hàng						